**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 11/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 101 2](#_Toc420853594)

[Tập 102 21](#_Toc420853595)

[Tập 103 39](#_Toc420853596)

[Tập 104 59](#_Toc420853597)

[Tập 105 77](#_Toc420853598)

[Tập 106 95](#_Toc420853599)

[Tập 107 113](#_Toc420853600)

[Tập 108 130](#_Toc420853601)

[Tập 109 148](#_Toc420853602)

[Tập 110 166](#_Toc420853603)

# Tập 101

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm mười bảy, dòng thứ bảy từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ câu *“an trụ nhất thiết”.*

*“An trụ nhất thiết giả, Hội Sớ vân: An trụ giả, bất động nghĩa. Đức thành bất thoái, cố viết an trụ. Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết”* (“An trụ hết thảy”: Sách Hội Sớ giảng: “An trụ nghĩa là bất động. Đức thành tựu, chẳng lui sụt, nên bảo là an trụ. Không đức nào chẳng đầy đủ nên nói là hết thảy”). Trong phần trước, chúng tôi cũng đã nói đến câu này, từ chỗ này là khởi đầu của một đoạn. An trụ, bất luận là sơ học hay là người tu học đã lâu, đều vô cùng quan trọng, cổ nhân nói *“thân an tắc đạo long”* (thân yên ổn, đạo sẽ hưng thịnh). Chúng tôi nghĩ đến thời cận đại, trong thế kỷ này, chẳng có cao tăng đại đức xuất hiện trên thế gian. Phật pháp là như thế, mà pháp thế gian cũng chẳng phải là ngoại lệ. Không chỉ tại Trung Quốc, mà gần như tại tất cả mọi nơi trên toàn thể thế giới chúng ta đều thấy [tình trạng như vậy]. Do nguyên nhân nào? Trong thế kỷ này chẳng có hai chữ “an trụ”! Các xã hội trên toàn thể thế giới đều rơi vào tình trạng chao đảo, bất an, nên lòng người chẳng thể định, rất khó thành tựu! Trên thực tế, có vấn đề như thế này: Đại hoàn cảnh bất hảo, xã hội động loạn, nhưng nếu cá nhân thật sự có thiện căn, có phước đức, vẫn có thể thành tựu. Thiện căn là tín tâm kiên định, phước đức là có thể chịu đựng khổ sở, khó khăn, người như vậy rất ít, nhưng chẳng phải là không có! Do vậy, lúc đức Phật sắp nhập diệt, tôn giả A Nan từng hỏi Phật: *“Phật tại thế, chúng con nương tựa Ngài làm thầy. Ngài chẳng trụ thế, chúng con nên nương cậy ai?”* Đức Phật dạy một câu: *“Lấy giới làm thầy”*, lại còn nói thêm: *“Lấy khổ làm thầy”*. Nói cách khác, trong thời đại hiện tiền, chúng ta có thể trì giới, có thể chịu khổ thì sẽ có thể thành tựu. Đầy đủ hai điều kiện ấy, bất luận ở trong thuận cảnh hay trong nghịch cảnh, đều có thể như như bất động. Cổ đại đức đã dạy chúng ta bí quyết thành công: *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”.* Thí dụ như trong hoàn cảnh hiện thời, chính mình có thể tìm được một nơi rất hẻo lánh, một chỗ rất lạc hậu; chỗ lạc hậu là nơi bình yên, mọi người chẳng tranh chấp, chẳng có ai đến giành giật, chắc chắn là điều kiện vật chất rất kém cỏi, nhưng là nơi [tu hành] tốt đẹp. Càng kém cỏi càng tốt, một cái lều tranh bé tí, quý vị tặng cho người ta, người ta chẳng thèm, coi thường, đó là chỗ bình yên!

Có thể an định mười năm bất động, quý vị an trụ ở nơi ấy, học một bộ kinh giáo đến cùng. Người ta chỉ cần có hai điều kiện như vậy, trì giới bằng cách thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, đều thuộc về trì giới, cần phải học. Chẳng có những thứ ấy tức là thiếu cội rễ, căn cơ của các bậc đại thánh đại hiền thế gian và xuất thế gian thuộc trong ba thứ ấy. Ba thứ ấy chẳng khó, [dành ra] thời gian một năm [để tu tập] là đủ rồi! Ba thứ ấy chẳng phải để học suông, chẳng phải để học thuộc lòng, mà là mỗi điều đều phải làm được. Đệ Tử Quy gồm một trăm mười ba điều; Cảm Ứng Thiên cũng chẳng thể coi là nhiều, nhân quả thiện ác tổng cộng gồm một trăm chín mươi lăm điều; Thập Thiện Nghiệp Đạo là mười điều. Đã vun bồi bền vững hai căn cội trước (Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên) thì Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng có vấn đề gì! Cũng có nghĩa là Thập Thiện Nghiệp nói chi tiết sẽ là Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy. Vun bồi bền vững những căn cội ấy, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, hội đủ điều kiện! Mười năm học một bộ kinh Vô Lượng Thọ này nhuần nhuyễn, mỗi ngày đọc một lần. Nếu có duyên phận, có thể nghe giảng sẽ càng hay hơn! Nghe giảng thì hiện thời chúng ta có đĩa CD/DVD, có Internet, cũng có truyền hình vệ tinh. Do vậy, có duyên phận thì có thể thâu lấy để nghe, mỗi ngày có thể nghe từ bốn tiếng đồng hồ trở lên, chẳng thể ít hơn bốn tiếng đồng hồ. Những thời gian khác bèn chuyên niệm A Di Đà Phật, tâm quý vị sẽ định. Định chừng dăm ba năm sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, lại có trường hợp đôi ba năm rất có thể khai ngộ. Đắc tam-muội là đắc Định, Định có thể khai huệ. Do vậy, thật sự mong thành tựu thì trong bất luận hoàn cảnh nào cũng đều có thể tu hành.

Trong đời loạn, mọi người ở cùng một chỗ cùng nhau tu hành khá khó khăn, như trong thời đầu Dân Quốc, xác thực là thuở ấy có các vị cao tăng đại đức thật sự muốn mở trường học nhằm bồi dưỡng nhân tài kế tục, nhưng vì chiến tranh, đều chẳng có cách nào thực hiện viên mãn. Pháp sư Ứng Từ mở Hoa Nghiêm Đại Học, chưa đầy một năm đã phải đóng cửa. Âu Dương đại sư lập Chi Na Nội Học Viện coi như có thành tựu [tốt đẹp] nhất, nhưng cũng chỉ làm được hai năm, chẳng thể tiếp tục. Sau chiến tranh, tại Đài Loan, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam mở lớp học kinh tại Đài Trung Liên Xã nhằm bồi dưỡng nhân tài giảng kinh, các đồng học có hơn hai mươi người, tôi là người tham gia cuối cùng, cũng chỉ dạy được hai năm, chẳng mở lớp tiếp theo, duyên chẳng dễ dàng. Tôi học kinh giáo với thầy Lý từ ngay trong lớp học ấy. Nếu chẳng có lớp ấy thì thật sự là ngay cả kinh giáo tôi cũng chẳng được học! Tuy thời gian chẳng dài, tôi vẫn được gặp gỡ. Vì thế, *“an trụ hết thảy”* quan trọng hơn bất cứ gì khác. Chẳng có cơ duyên, chúng ta phải nghĩ cách tìm cơ hội, một người sống cuộc đời đơn giản, kham khổ, chẳng cần được hộ trì rất nhiều, có được một hai người nhiệt tâm hộ pháp chiếu cố quý vị bèn chẳng có vấn đề gì! Cuộc sống càng đơn giản càng hay, người thật sự tu hành một ngày ăn một bữa là được rồi, mỗi ngày ăn một bữa giữa trưa!

Đại khái, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam gặp gỡ Phật pháp khi cụ đã ngoài ba mươi tuổi, còn trễ hơn tôi, tôi gặp Phật pháp lúc hai mươi sáu tuổi. Cụ bảo tôi [cụ gặp Phật pháp] lúc tuổi đã ngoài ba mươi. Sau khi gặp Phật pháp không lâu, cụ bèn quá ngọ chẳng ăn, [mỗi ngày] ăn hai bữa, rồi hai ba năm sau bữa sáng cũng bỏ luôn, mỗi ngày ăn một bữa, suốt đời chẳng thay đổi. Rất khó có! Giảm bớt rất nhiều chuyện. Tự mình chăm sóc chính mình, ăn cơm do tự mình nấu, quần áo do chính mình giặt, tự mình chăm sóc bản thân mãi cho đến lúc chín mươi lăm tuổi vẫn là tự mình chăm sóc chính mình. Hai năm cuối cùng cụ mới đồng ý tiếp nhận hai học trò phát tâm chăm nom. Trước đó, có người muốn chăm sóc cụ, cụ không chịu. Tôi học Giáo với cụ tại Đài Trung, cũng chịu ảnh hưởng bởi sự thân giáo của cụ. Do vậy, lúc tôi ở Đài Trung là ba mươi mấy tuổi, tôi cũng học theo cụ mỗi ngày ăn một bữa. Tôi ăn đến tháng thứ tám mới trình với cụ, tôi nói: “Thưa thầy, hiện thời mỗi ngày con ăn một bữa”. “Đã bao lâu?” “Tám tháng rồi ạ!” “Thế nào? Thân thể có biến hóa hay không?” Tôi thưa: “Rất bình thường”. Cụ vỗ bàn: “Hãy vĩnh viễn gìn giữ, suốt đời chẳng phải cầu cạnh ai!” Cuộc sống đơn giản, nhu cầu rất ít, một người nhiệt tâm hộ pháp là đủ rồi, chẳng cần phan duyên. Cổ nhân nói: *“Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao”* (người đạt đến không mong cầu, phẩm hạnh tự cao). Nhất định phải biết tiết kiệm, tích phước, trọng yếu hơn bất cứ điều nào khác! Do vậy, có quyết tâm, có nghị lực, trong xã hội rối ren, chính mình có thể như như bất động. Hãy học theo Quảng Mục thiên vương trong tứ đại thiên vương, Ngài biểu thị ý nghĩa sau đây: Trong thời cuộc rối ren, có thể giữ cho chính mình bất động, thứ gì cũng có thể thành tựu. Do vậy, ở đây, tôi biểu lộ ý nghĩa ấy cùng quý vị: *“An trụ giả, bất động nghĩa”* (An trụ nghĩa là bất động).

*“Đức thành bất thoái”* (đức thành tựu chẳng lui sụt), *“đức”* được nói ở đây là Giới và Định. Chúng ta có thể học tốt đẹp Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp, hoàn toàn thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, tâm vĩnh viễn bất thoái. Sau đấy, một mục tiêu, một phương hướng, chuyên tu Tịnh Độ, phương hướng ấy là Tây Phương Cực Lạc thế giới, mục tiêu ấy là thấy A Di Đà Phật, tâm phải định, quyết định chẳng thay đổi, đức sẽ thành tựu, thành tựu bất thoái, đó là “*an trụ”.*

*“Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết”* (Không đức nào chẳng đủ, nên gọi là “hết thảy”): Có thể buông xuống hết thảy, đó là *“vô đức bất cụ”.* Chúng ta buông xuống chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Không chỉ chẳng chấp trước, mà tốt nhất là phân biệt cũng chẳng có. Làm thế nào để có thể đạt được? Chuyên tâm nơi kinh giáo, nhất tâm niệm Di Đà, sẽ thực hiện được! Kinh Hoa Nghiêm nói *“một tức là hết thảy, hết thảy tức là một”*, một bộ kinh này là đủ rồi. Không chỉ là những kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, mà giáo huấn của mười phương ba đời hết thảy Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát cũng đồng thời viên mãn trọn đủ trong ấy. Đặc biệt là trong xã hội giống như hiện thời, nắm vững bộ kinh này, một câu Phật hiệu, chẳng có ai không thành tựu. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ, thật sự phát tâm y giáo phụng hành. *“Tiền dẫn Hạnh Nguyện Phẩm trung, ư nhất niệm trung, sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu giả”* (trong phẩm Hạnh Nguyện như đã dẫn trong phần trước, trong một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu). Trong phần trước đã từng dẫn câu kinh văn này của phẩm Hạnh Nguyện, ở đây, [cụ Hoàng] giải thích: *“Tức thị nhất niệm trung, viên thành hạnh nguyện”* (tức là trong một niệm, thành tựu viên mãn hạnh nguyện). *“Viên”* (圓) là viên mãn, *“thành”* (成) là thành tựu, [*“viên thành hạnh nguyện”* là] trong một niệm thành tựu viên mãn Phổ Hiền đại hạnh và Di Đà đại nguyện. *“Cố năng an trụ ư Như Lai nhất thiết Phật quả công đức chi pháp”* (nên có thể an trụ trong hết thảy các pháp công đức nơi Phật quả của Như Lai), pháp môn Niệm Phật đã được đại diện viên mãn.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo: *“Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện”*. [Những đoạn kinh văn ở] phía trước câu này nói về sự thành tựu trong tự hành nơi sự tu hành của chúng ta, còn câu này nói về hóa tha (hóa độ người khác). Sau khi chúng ta thành tựu, phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, cho nên chẳng thể trụ tại một nơi. Hai hôm trước, có một vị pháp sư Nhật Bản đến thăm viếng, đó là sư Trung Tây Tùy Công (Nakanishi Zuikou), tôi quen biết Sư chắc cũng mười năm. Mấy năm trước, tôi đã sang Nhật Bản sáu lần, tôi đến thăm núi Tỷ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản, người Nhật gọi núi này là *“mẹ của Phật giáo”.* Phật giáo Nhật Bản có mười ba tông phái, nhiều hơn Trung Quốc. Tổ sư khai sơn của mười ba tông phái ấy đều tu hành trên núi ấy. Do vậy, tôi nhất định phải đến viếng núi ấy hòng liễu giải đôi chút. Thuở ấy, những vị tổ sư đại đức tu hành trên quả núi ấy, chẳng hạ sơn, thời gian trụ tại đó lâu nhất là bao nhiêu năm? Họ bảo tôi: “Hơn ba mươi năm!” Hơn ba mươi năm chẳng hạ sơn! Ngắn nhất là bao nhiêu? Mười bốn năm. Do vậy, các vị ấy có thành tựu. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: *“Thập tải hàn song, nhất cử thành danh”* (mười năm quạnh quẽ, thi đậu thành danh). Chẳng đổ công sức từ mười năm trở lên sẽ chẳng được, điều ấy chính là khuôn mẫu rất tốt cho chúng ta. Tôi di dân sang Úc, lập ra Tịnh Tông Học Viện để cúng dường đại chúng, hy vọng đại chúng thật sự an tâm tu hành ở nơi đó, có thể đạt được một chút thành tựu. Thuở ấy, tôi ấn định kỳ hạn tu học là chín năm, có người bảo tôi “thời gian chín năm quá dài, có thể rút ngắn thành bảy năm hay không?” Tôi cũng không giữ vững chủ ý, khéo sao đúng dịp ấy, sang Nhật Bản họp, sau khi đến thăm núi Tỷ Duệ trở về, [tôi thấy] chín năm chẳng thể giảm bớt! Người ta tu hành trên núi tối thiểu là mười bốn năm, thời gian chín năm của chúng ta há còn có thể giảm bớt được sao? Xác định [thời gian tu hành tối thiểu phải] là chín năm.

Năm nay đã tròn chín năm rồi, sang năm là kỷ niệm tròn mười năm, học viện của chúng ta có thành tựu hay không? Thưa cùng quý vị, chẳng có! Do nguyên nhân nào? Chẳng thể thực hiện đúng theo quy củ. Chúng tôi đã dạy ba căn cơ Nho, Thích, Đạo chẳng ít năm, nhưng chẳng có ai thật sự chịu làm! Lại còn có một điều nữa là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”* cũng chẳng có ai làm được! Do vậy, tôi bảo mọi người, vì tuổi tác của họ kể ra cũng chưa cao, nói chung cũng gần năm mươi tuổi rồi, vẫn còn được hay sao? Được chứ! Ở Đại Lục đã có một tấm gương: Một vị tại gia cư sĩ năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học tập, bắt đầu [học Phật] từ năm mươi lăm tuổi (trước đó chẳng hề tiếp xúc Phật pháp), sáu mươi lăm tuổi đạt thành tựu. Tiếc là bà ta tại gia, chẳng xuống tóc; nếu xuống tóc, sẽ lập tức thăng tòa thành đại pháp sư. Bà ta cho tôi biết bà đã học một bộ kinh Vô Lượng Thọ suốt mười năm, học như thế nào? Mỗi ngày bà ta nghe một đĩa CD ghi lời giảng kinh Vô Lượng Thọ của tôi, nên biết đó là bài giảng trong mười năm trước, chưa được tỉ mỉ như hiện thời. Toàn bộ bản kinh giảng xong trong sáu mươi giờ. Sáu mươi đĩa CD, mỗi ngày bà ta nghe một đĩa, mỗi đĩa là một giờ, nhưng bà ta nghe lập đi lập lại đến mười tiếng đồng hồ, nên mỗi ngày nghe kinh mười tiếng! Bà ta nói: Đối với bà ta, nghe kinh hết sức hữu dụng! Vì sao? Vọng niệm chẳng còn nữa, ngoài nghe kinh ra là niệm Phật. Nghe bộ kinh này từ đầu đến cuối xong xuôi, lại nghe từ đầu, nghe xong bèn nghe lại từ đầu, nghe suốt mười năm bèn thành công. Bà ta không chỉ thuộc lòng kinh văn, mà ngay cả chú giải cũng nằm lòng. Hiện thời, lên tòa giảng kinh, bà ta chẳng cần đến kinh sách, cũng chẳng cần tài liệu tham khảo. Hơn nữa, lại còn ra sao? Hễ tiếp xúc bèn thông suốt. Giảng vô cùng viên mãn, thật sự khiến cho kẻ khác trông thấy chẳng thể nào không bội phục. Bà sống trong một gia đình rất khổ nhọc, điều kiện vật chất tột bực kém cỏi, nhưng có thể chịu đựng khổ sở, chịu đựng nhọc nhằn, suốt đời chẳng tranh chấp với ai, chẳng mong cầu gì nơi cõi đời, nên thành công. Đây là một tấm gương tốt cho chúng ta, bà ta năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu, tôi thấy các đồng học trong Tịnh Tông Học Viện chúng ta nói chung vẫn chưa đến năm mươi lăm tuổi, vẫn còn kịp chán! Nếu đến sáu mươi lăm tuổi mà chẳng có thành tựu gì thì thôi rồi, vấn đề nghiêm trọng lắm đấy!

Sau khi đã thành tựu, muốn báo ân Phật và báo ân chúng sanh thì báo đáp như thế nào? *“Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Thử nhị cú sơ tán đại sĩ chi Quyền Đức”* (Dạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến: Hai câu này trước hết là tán thán Quyền Đức của bậc đại sĩ). Đây là phương tiện thiện xảo của các vị Bồ Tát. *“Du bộ thị du hành dữ du hóa chi nghĩa”* (“Du bộ” nghĩa là du hành và du hóa). *“Du hành”* là tầm sư phỏng đạo, khi chính mình còn chưa thành tựu, chỗ nào có bậc cao nhân, có bậc đại đức, ta bèn đến thân cận, hướng về vị ấy thỉnh giáo, đó là *“du hành”.* Như thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, mười chín tuổi lìa nhà, đó là du hành, đi tham học, đến khi ba mươi tuổi Ngài đã tham học mười hai năm. Những cao tăng đại đức trong giới tôn giáo và các bậc cao nhân trong giới học thuật Ấn Độ Ngài đều thân cận, đức hạnh và học vấn đã thành tựu. Tuy thành tựu, vấn đề vẫn chưa được giải quyết, người bình thường sẽ ngừng ở đó, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cam tâm, không đành chịu, Ngài ngồi dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên sông Hằng, [cây ấy] nay được gọi là Bồ Đề Thụ (cây Bồ Đề), nhập Định tại đó, buông sở học trong mười hai năm xuống, nhập Thiền Định sâu hơn. Lại nhập Thiền Định sâu hơn Tứ Thiền Bát Định đã học trước đó, cuối cùng thành tựu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, khi ấy, đức Phật đã ba mươi tuổi. Sau khi kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật, chẳng còn du hành nữa, mà là du hóa; *“hóa”* là giáo hóa chúng sanh. Sau khi chính mình đã thành tựu, nhất định phải thành tựu người khác. Thành tựu chính mình là vì lẽ nào? Nhằm giáo hóa người khác. Đấy cũng là như trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã nói*: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, phải thực hiện nguyện ấy, chẳng thể nói rồi không làm! *“Thập phương”*: Suốt đời lão nhân gia xác thực là du hóa, chẳng có nơi chốn nhất định, nhưng học trò khâm phục Ngài tột bậc, Ngài đi đến nơi đâu, họ theo đến đó. Số lượng những học trò [thường xuyên] theo Ngài chẳng ít! Từ kinh điển, ta thường thấy [ghi chép con số Thường Tùy Chúng] là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, một đoàn thể to ngần ấy! Buổi tối nghỉ ngơi dưới cội cây, mỗi người tìm một cội cây to để ngồi nhập Định, nghỉ ngơi dưới gốc cây. Ban ngày thì giảng kinh, giáo học trong rừng cây, nhưng ban ngày còn có một công khóa nữa, phải đi ra ngoài khất thực. Giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, suốt một đời sống như vậy. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: *“Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”*. Ngài đã làm được, nêu gương cho chúng ta thấy. Đúng là “buông xuống vạn duyên”, trong tâm chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng, lúc ấy mới có thể thành tựu.

*“Thập phương giả, Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương”* (Mười phương là bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc), kế đó là *“Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc”*, đó là bốn phương bàng. Những phương này được gọi chung là “bát phương”, cộng thêm phía trên và phía dưới thành mười phương. *“Cái biểu không gian chi nhất thiết xứ sở”* (ấy là biểu thị hết thảy nơi chốn trong không gian). Phật môn thường nói *“thập phương tam thế”*, nay chúng ta nói thập phương là *“không gian”*, tam thế nay được gọi là gọi là *“thời gian”.* Dùng *“thập phương”* và *“tam thế”* để bao gồm toàn bộ phạm vi hoạt động. *“Du bộ thập phương, biểu đại sĩ thần thông du hý, tự tại du hành, hóa độ thập phương thế giới nhất thiết chúng sanh”* (“Du bộ thập phương” biểu thị đại sĩ thần thông du hý, tự tại du hành, hóa độ hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới). Sau khi kiến tánh sẽ có năng lực ấy. Sau khi kiến tánh, sáu thứ thần thông đều trọn đủ. Trong phần trước đã giảng *“cụ túc”* (trọn đủ) là viên mãn. Sau khi kiến tánh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều đoạn, toàn bộ chẳng còn nữa. Trong cảnh giới của các Ngài, thời gian và không gian cũng chẳng còn nữa. Do thời gian chẳng có, nên con người có thể trở về quá khứ, mà cũng có thể tiến nhập vị lai. Quý vị thấy những vị Bồ Tát ấy có bản lãnh, có thể giáo hóa chúng sanh trong quá khứ, mà cũng có thể giáo hóa chúng sanh trong đời vị lai. Các Ngài có năng lực ấy, năng lực ấy là gì vậy? Bản năng (năng lực sẵn có)! Năng lực ấy ở đâu ra? Vốn sẵn có! Khi khai ngộ, Huệ Năng đại sư đã bảo: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ”.* Trí huệ, đức năng, và sáu thứ thần thông đều thuộc về đức năng. Tướng hảo thì giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói, *“nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy”*, các Ngài có thể hiện vô lượng vô biên thân. Chúng sanh ưa thích thân gì, các Ngài bèn có thể hiện thân ấy, thiên biến vạn hóa. Do vậy, hóa độ chúng sanh trong hết thảy các thế giới khắp mười phương chẳng có chướng ngại.

*“Hành quyền phương tiện giả, Quyền đối Thật nhi thuyết”* (“Hành Quyền phương tiện”: Quyền là nói đối ứng với Thật). Thật (實) là chân thật, Quyền (權) là quyền biến. Chân thật là Thể, là tự tánh, tánh thể. Quyền là khởi Dụng (sanh khởi tác dụng). Từ Thể khởi Dụng chẳng do ý nghĩ của chính mình, quý vị phải hiểu điều này! Chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong thế gian, bất luận là đường nào trong lục đạo đều chẳng khởi tâm động niệm. Như Thích Ca Mâu Ni Phật cũng giống như vậy, Ngài ứng hóa trên thế gian chẳng hề khởi tâm động niệm. [Nếu là] chẳng khởi tâm động niệm, cớ sao Ngài có thể hiện tướng? Làm sao có thể thuyết pháp cho được? Đấy là Ngài *“hành quyền phương tiện”.* Chúng ta trông thấy tướng mạo của đức Phật, nhưng chính đức Phật chẳng chấp tướng. Chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp, trên thực tế, đức Phật hoàn toàn chẳng thuyết pháp. Do vậy, trong kinh Bát Nhã nói: Nếu ai nói đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, kẻ đó báng Phật! Không nói mà nói, nói nhưng chẳng nói, quả thật, đức Phật chẳng nói. Vì sao Ngài có thể nói? Chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên phản ứng. Sự “ứng” ấy chính là pháp vốn sẵn như thế (pháp nhĩ tự nhiên). Đã có người từng hỏi đức Phật chuyện này, trong các đệ tử đức Phật, ngài Xá Lợi Phất trí huệ đệ nhất, có người hướng về đức Phật thỉnh giáo: “Trí huệ của ngài Xá Lợi Phất do đâu mà có? Vì sao có trí huệ to lớn ngần ấy?” Đức Phật dùng cái trống làm tỷ dụ, trống thì mọi người đều từng thấy, nó là một thứ nhạc khí đã có từ lâu đời. Ngài nói: “Cái trống thì các ông có biết hay không?” [Đại chúng thưa]: “Dạ biết”. “Trong bụng cái trống có gì hay không? Chẳng có gì, rỗng tuếch. Hai tấm da bọc lấy một khoảng trống rỗng. Đức Phật dạy: “Tâm Xá Lợi Phất giống như cái trống, trong ấy thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng nếu quý vị gõ nó, gõ mạnh ắt kêu to, gõ nhẹ ắt kêu nhỏ. Chẳng gõ sẽ không kêu”. Bất luận quý vị hỏi ngài Xá Lợi Phất vấn đề gì, Ngài đều đối đáp lưu loát. Ngài có dấy lên ý niệm hay không? Chẳng có! Do vậy, đúng là *“không nói mà nói”*, *“nói”* chính là ứng. Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, Ngài có nói gì đâu! Cùng một đạo lý giống như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, có nói hay chăng? Một chữ cũng chẳng nói! Vì sao chúng ta có nói? Khởi tâm động niệm, suy nghĩ lời này nên nói theo cách nào, đó là “có nói”! Người ta chẳng khởi tâm, không động niệm, cớ sao có thể thuyết pháp? Bởi lẽ, nói chính là *“không nói mà nói”*. Lũ phàm phu chúng ta chẳng biết nghe, người biết nghe sẽ nghe theo cách nào? Nghe mà chẳng nghe, chẳng nghe mà nghe, đó là biết nghe, hoàn toàn đối ứng với Phật. Do vậy, chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp thường hiểu sai ý Phật, [những ý nghĩa mà chúng ta tưởng là hiểu ý Phật, thật ra] đều là ý nghĩa của chính mình, chẳng phải là ý nghĩa của Phật. Vì thế, *“nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”* rất khó thực hiện! Chúng ta phải hiểu Quyền và Thật, chứng đắc Thật thì mới có Quyền. Chẳng chứng Thật sẽ chẳng có phương tiện thiện xảo. Chúng ta có phương tiện, nhưng chẳng có thiện xảo trong đó!

*“Cụ quyền nghi dữ quyền biến chi nghĩa”*: Chữ Quyền này có hai ý nghĩa là quyền nghi (權宜: mềm mỏng khéo léo biến hóa sao cho thích hợp với tình thế) và quyền biến (權變: ứng xử linh động). *“Tục vị thông quyền đạt biến”* (nói thông tục là “thông đạt quyền biến”), nói theo cách hiện thời, người ấy thông minh, trí huệ, có thể tùy cơ ứng biến, nói đến loại người này. *“Thông quyền đạt biến”* là tùy cơ ứng biến, năng lực ứng biến vô cùng mạnh mẽ. Những vị Bồ Tát ấy đã ứng biến đến mức viên mãn rốt ráo, cũng là như cổ nhân đã nói: *“Dĩ bất biến ứng vạn biến”* (dùng không thay đổi để ứng phó muôn vàn sự thay đổi), họ đã làm được, thật sự chẳng thay đổi, có thể ứng phó vô lượng vô biên biến hóa. Chúng ta chẳng có cách nào học được điều này. Tuy không học được, nhưng nếu chúng ta dùng phương pháp Giới - Định - Huệ để tu học, đến một ngày nào đó, chúng ta cũng có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, năng lực trí huệ ấy hoàn toàn xuất hiện, chẳng cần phải học mà thảy đều xuất hiện. Vì sao? Trong tự tánh vốn sẵn trọn đủ, trọn đủ trí huệ, trong trí huệ có Thật Trí và Quyền Trí, trọn đủ thần thông, trọn đủ tướng hảo. *“Quyền diệc tức Phương Tiện chi dị danh”* (Quyền cũng chính là tên gọi khác của Phương Tiện). Do đó, phương tiện và quyền xảo thường được nói gộp chung. Phương (方) là phương pháp, Tiện (便) là tiện nghi (thuận tiện). Tiện Nghi (便宜) nghĩa là phương pháp thích hợp nhất. Phương pháp thích hợp nhất chẳng có nhất định, do người, do sự, do thời, do nơi chốn mà [áp dụng những phương pháp] khác biệt, vận dụng xảo diệu dường ấy nên gọi là *“phương tiện pháp”.* Vì thế, nó (Quyền) là tên gọi khác của Phương Tiện.

*“Pháp Hoa Văn Cú viết”* (sách Pháp Hoa Văn Cú nói), bộ sách này do Trí Giả đại sư trước tác. Ngài giải thích: *“Phương giả, pháp dã”* [có nghĩa là] Phương là phương pháp, *“Tiện giả, dụng dã”* (Tiện là sử dụng). [Phương Tiện] là sử dụng rất thuận tiện, trôi chảy, chẳng bị chướng ngại. *“Thiển ngôn chi, Phương thị phương pháp, Tiện thị tiện lợi. Án Phật giáo nghĩa, tắc như Đại Tập kinh vân”* (Nói nông cạn, Phương là phương pháp, Tiện là tiện lợi. Xét theo ý nghĩa của lời Phật dạy thì như trong kinh Đại Tập đã nói), đây là như trong kinh, đức Phật đã nói: *“Năng điều chúng sanh, tất linh thú hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị danh Phương Tiện”* (có thể điều phục chúng sanh, khiến cho họ đều hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì gọi là Phương Tiện). Ý nghĩa này sâu xa! Quý vị có thể *“điều”* chúng sanh, *“điều”* (調) là điều giáo (調教: điều phục, giáo hóa). Người Trung Quốc thường điều phục (uốn nắn vào khuôn khổ) rồi mới dạy bảo. *“Điều giáo”* chúng sanh cần phải có trí huệ, phải có phương pháp. Chúng sanh rất dễ dàng tiếp nhận, mà cũng có thể hiểu rất rõ ràng, vui vẻ y giáo phụng hành, họ sẽ thành công. Ở đây, đức Phật đã nói cho chúng ta biết mục tiêu này, có thể nói đó là tông chỉ giáo học của Phật pháp. Nếu người khác hỏi chúng ta, Phật giáo nhằm dạy điều gì? Tông chỉ của ngàn kinh muôn luận giống nhau, bất luận là Hiển Giáo, Mật Giáo, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Tông Môn, Giáo Hạ, chư vị phải biết đều là một mục tiêu này, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Từ ngữ này là tiếng Phạn dịch âm, có thể dịch nghĩa sang tiếng Hán, vì sao chẳng dịch? Do tôn trọng nên không dịch. Nó chính là tổng phương hướng, tổng mục tiêu mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy con người. Điều này vô cùng trọng yếu, cho nên giữ nguyên [âm đọc] tiếng Phạn, vì tôn trọng chẳng dịch. Dịch sang nghĩa tiếng Hán hóa ra khá đơn giản, [chỉ gồm] sáu chữ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A dịch thành Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, Tam dịch thành Chánh, Miệu dịch thành Đẳng, chữ Tam kế tiếp cũng là Chánh, Bồ Đề là Giác. Quý vị thấy gộp lại sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật pháp chính là điều này.

Trong ấy có ba chuyện, nói từ phần sau thì điều thứ nhất là Chánh Giác, tức Tam Bồ Đề (Sambodhi), người nào đạt được? A La Hán đạt được! Đạt được bằng cách nào? Đoạn Kiến Tư phiền não. Đã đoạn Kiến Tư phiền não bèn chứng Tam Bồ Đề tức Chánh Giác, được gọi là A La Hán. Lại nâng cao lên một bậc là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyak Sambodhi), Bồ Tát chứng đắc Chánh Đẳng, cao hơn A La Hán,. Các Ngài chứng đắc bằng cách nào? Bồ Tát không chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, mà Trần Sa cũng đã đoạn, Vô Minh cũng phá một phẩm, như vậy thì mới có thể chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng là bằng Phật, nhưng vẫn chưa đạt tới [địa vị] Phật, còn kém một cấp. Địa vị cao nhất là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Anuttara Samyak Sambodhi), Phật chứng đắc [quả vị này]. Đấy là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống. Toàn bộ Vô Thỉ Vô Minh, Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói đều đoạn sạch, trở về tự tánh, minh tâm kiến tánh, đó mới là *“lìa khổ, được vui”.* Quý vị thấy A La Hán chứng đắc Chánh Giác, thoát ly nỗi khổ trong lục đạo, chẳng còn luân hồi trong lục đạo, Ngài đạt đến bốn thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác chính là Phật pháp giới trong bốn thánh pháp giới. Đối với sự khổ trong bốn thánh pháp giới thì [những nỗi khổ] trong các pháp giới thấp hơn (lục phàm) đã không còn nữa, Thanh Văn và Duyên Giác đã lìa khỏi, Bồ Tát và Phật [trong bốn thánh pháp giới] vẫn còn Thọ, do vẫn còn có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là Vô Thỉ Vô Minh, công phu còn phải nâng cao hơn một bậc, nâng cao tới mức chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là thật sự an trụ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, lúc ấy bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Phật, vĩnh viễn thoát lìa nỗi khổ trong mười pháp giới. Lìa khổ được vui có cấp bậc, có tầng lớp, thật sự đã lìa khổ! Mười pháp giới đều gọi là thế gian, thật sự xuất thế gian là phải vượt thoát mười pháp giới thì mới thật sự là xuất thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi hết thảy các nỗi khổ trong thế gian, lìa khổ được vui. Chẳng phải giống như chúng ta trong hiện tại, không có cái gì để ăn, được cho một chút thức ăn bèn [cảm thấy] lìa khổ được vui; chẳng có cái mặc, được cho một ít quần áo để mặc [bèn cảm thấy là lìa khổ, được vui], không phải vậy, chuyện như vậy quá nhỏ nhặt! Những chuyện ấy đức Phật giao cho chúng ta để chúng ta tự mình lo liệu, còn những chuyện khổ vui to lớn thì Phật, Bồ Tát đến giúp chúng ta lo toan, những việc nhỏ nhặt sẽ do chính ta lo liệu.

Trong thế gian này, trong các phần trước, chúng tôi đã nói rất nhiều, cầu của cải được của cải, cầu thông minh, trí huệ, được thông minh, trí huệ, cầu trường thọ được trường thọ, chẳng có gì quý vị không cầu được! Chỉ cần quý vị nương theo đạo lý và phương pháp do đức Phật đã dạy để cầu, hữu cầu tất ứng! Nhưng có lúc chúng ta cầu mà chẳng ứng là do nguyên nhân nào? Tôi học những pháp này từ Chương Gia đại sư lúc hai mươi mấy tuổi, lão nhân gia rất từ bi, thường dạy bảo tôi. Thầy nói: “Khi anh cầu mà chẳng có cảm ứng thì chẳng phải là không có cảm ứng, mà là do bản thân anh có nghiệp chướng khiến cho sự cảm ứng ấy bị chướng ngại. Nếu sám trừ nghiệp chướng, cảm ứng sẽ hiện tiền, chẳng phải là không có cảm ứng!” Tôi hướng về thầy thỉnh giáo: “Diệt trừ nghiệp chướng bằng cách nào?” Ngài bảo tôi sám hối. Nói đến sám hối, đại sư dạy tôi: *“Phật pháp trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức”*, dạy tôi pháp môn ấy. Sám hối trên mặt hình thức chẳng quan trọng, phải là từ thực chất. Thực chất là gì? Thực chất là sau đấy không làm nữa! Ta biết chính mình đã làm sai, ta cũng hiểu như người Trung Quốc đã nói *“bất nhị quá”* (không phạm lỗi ấy lần nữa), đó là chân sám hối, chẳng chú trọng hình thức. Trong các học trò của Khổng phu tử, chỉ có một người *“bất nhị quá”* thường được phu tử tán thán là Nhan Hồi. Có thể thấy là những người khác đều làm không được, đều vẫn thường phạm lầm lỗi. Chỉ có một mình Nhan Hồi rất lỗi lạc, Ngài đạt được *“bất nhị quá”.* Do đó, thầy dạy tôi: Sám trừ nghiệp chướng thì sau ấy hễ có cầu nhất định có ứng. Vì vậy, chúng ta hiểu rõ: Nếu chúng ta cầu tài, cầu trí huệ, luôn vì tự tư tự lợi mà cầu, sợ rằng đều chẳng có cảm ứng. Nếu chúng ta cầu tài, cầu trí huệ nhằm phục vụ chúng sanh, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn trong xã hội thì sẽ có cảm ứng. Quý vị thấy: Chẳng vì chính mình thì mới được, vì sao? Chúng ta có thể nghĩ thông suốt lý ấy, [lý ấy] chẳng phải là rất sâu. Nếu là vì tự tư tự lợi bèn cầu Phật, Bồ Tát mà có cảm ứng, chẳng phải là Phật, Bồ Tát cổ vũ, khích lệ chúng ta tự tư tự lợi ư? Chẳng phải là dạy chúng ta làm sai, làm ác ư? Há có Phật, Bồ Tát như vậy? Yêu ma, quỷ quái mới làm chuyện ấy, Phật, Bồ Tát chẳng làm chuyện đó! Chắc chắn là tâm hạnh của chúng ta phải rất gần gũi chư Phật, Bồ Tát, đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với chư Phật, Bồ Tát thì chắc chắn có cảm ứng, chẳng hề không có cảm ứng. Do vậy, câu kinh Đại Tập này có ý nghĩa rất sâu, đã chỉ ra tổng phương hướng và tổng mục tiêu trong sự tu học Phật pháp.

*“Hựu như Pháp Hoa Huyền Tán vân: Thi vi khả tắc viết Phương, thiện đậu cơ nghi viết Tiện”* (Lại như sách Pháp Hoa Huyền Tán giảng: “Việc làm có thể nêu gương là Phương, khéo phù hợp cơ nghi là Tiện”). Ở đây, ý nghĩa [chữ Phương Tiện] được giảng rất sâu. *“Thi vi”*: Thi (施) là bố thí, giúp đỡ người khác. *“Khả tắc”*(可則: có thể nêu gương, tạo thành khuôn phép): Tiêu chuẩn trong câu này cao lắm! Việc làm của chúng ta có thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội thì gọi là Phương. Ý nghĩa này giống như tại trường đại học sư phạm Bắc Kinh, hình như là phía trước đại lễ đường có treo tấm biển ghi tám chữ: *“Học vi nhân sư, thân vi thế phạm”* (học làm thầy người, thân làm gương mẫu cho cõi đời). Tám chữ ấy chính là *“thi vi khả tắc”.* Hôm tôi đến thăm trường ấy, có ông Phó Hiệu Trưởng bồi tiếp, tôi thấy tám chữ ấy, bèn thưa với ông Hiệu Trưởng: “Thưa hiệu trưởng! Tám chữ ấy chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trong Phật giáo”. Ông ta nghe nói, sững sờ: “Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy à?” “Đúng vậy! Cả bộ kinh Hoa Nghiêm nhằm giảng tám chữ này!” Tôi sửa một chữ, đổi chữ Thân trong câu *“thân vi thế phạm”* thành Hành, Hành có ý nghĩa rộng hơn Thân. Nhà trường cũng chấp nhận, sau đấy họ sửa lại chữ ấy. *“Hành vi thế phạm”* chính là ý nghĩa của chữ Phương. *“Thiện đậu cơ nghi”* (khéo hợp cơ nghi): Thiện xảo phương tiện có thể khiến cho người tiếp nhận đều sanh tâm hoan hỷ. Đó là *“thiện đậu cơ nghi”*, đó là Tiện. Có thể thấy ý nghĩa được giải thích theo kiểu này còn sâu hơn ý nghĩa trong Pháp Hoa Văn Cú, [nhưng cả hai sách] đều nói đúng, chẳng hề nói sai!

*“Hựu Tịnh Ảnh Sớ vân”* (lại nữa, Tịnh Ảnh Sớ giảng), Tịnh Ảnh Sớ là chú giải kinh Vô Lượng Thọ [của ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn]. Sách ấy giảng: *“Hóa hành thiện xảo, tùy vật sở nghi, chủng chủng dị hiện, danh quyền phương tiện”* (hành vi giáo hóa khéo léo, thuận theo căn cơ của chúng sanh mà hóa hiện thích hợp, các thứ biến hiện lạ lùng thì gọi là Quyền Phương Tiện). Đây là giáo hóa chúng sanh vô cùng hay khéo, vô cùng xảo diệu, chẳng có một pháp nhất định nào. *“Tùy vật sở nghi”*: Do [căn tánh của] mỗi người [mà áp dụng phương pháp] khác biệt, do mỗi sự mà khác biệt. Như trong quá khứ, trưởng lão Tế Công trong Phật môn là người đời Tống, sống cùng thời đại với Nhạc Phi, thật sự có vị ấy, mà cũng thật sự có chuyện ấy, nhưng [những điều] được viết trong tiểu thuyết chẳng đáng tin. Trong Cao Tăng Truyện có [ghi chép truyện của Ngài], tôi nhớ truyện ký về Ngài đặc biệt phong phú, hình như có tới sáu quyển. Truyện ký của người khác chỉ có một trang, hai trang, còn [truyện ký của] Ngài tới sáu quyển. Trong Đại Tạng Kinh có sách ấy. Đó là *“chủng chủng dị hiện”* (các thứ hóa hiện lạ lùng), tác dụng to lớn, chẳng có ngằn mé. Người tầm thường chẳng thể làm được những chuyện ấy, thật sự có thần thông, những chuyện như vậy rất nhiều. Nhất là trong thời cận đại cũng phát hiện một trường hợp như vậy. Trong thời kỳ Kháng Chiến, vị được gọi là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn) chính là một vị xuất gia tại chùa Kim Sơn ở Nam Kinh. Sư có pháp hiệu là Diệu Thiện, nhưng rất nhiều người trong thế gian chẳng biết pháp danh của Ngài, đều gọi Ngài là Hoạt Phật, gọi Ngài là Kim Sơn Hoạt Phật. Hành trạng trong một đời của vị pháp sư ấy chẳng khác Tế Công đời Tống cho mấy, cũng là đi một đôi dép cỏ [[1]](#footnote-2)[1] rách nát, mặc một cái áo dài, nói chung bên trong là một cái quần đùi, cả năm bốn mùa đều là dáng vẻ như thế. Trước nay chưa hề giặt quần áo, y phục rách nát, rất bẩn thỉu nhưng Ngài trọn chẳng bận tâm. Suốt đời chẳng tắm gội, cổ áo đóng hờm đen xì, nhưng quý vị ngửi thấy có hương sen thơm ngát. Lại còn có thể chữa bệnh! Thân thể quý vị có chỗ nào chẳng thoải mái, quý vị ngửi mùi ấy sẽ hết bệnh! Hết sức lạ lùng! Lão nhân gia viên tịch tại Miến Điện, Ngài sang Miến Điện giáo hóa chúng sanh, qua đời bên đó. Tín đồ nơi ấy vô cùng cung kính Ngài, nhất định bắt Ngài đi tắm rửa, bắt Ngài gột rửa trong khi mưa dầm, Ngài vãng sanh trong khi đang tắm, đứng ở dưới nước vãng sanh, người thật, chuyện thật!

Tại Đài Loan có hai người viết truyện ký về Ngài: Cuốn Sự Tích Kim Sơn Hoạt Phật do pháp sư Chử Vân viết, còn cuốn kia do pháp sư Lạc Quan viết. Pháp sư Lạc Quan từng ở chung với Ngài suốt bốn tháng. Cụ Lạc Quan có cùng bối phận (vai vế) với chúng tôi, Sư từng bảo tôi: “Vị ấy (Kim Sơn Hoạt Phật) thật sự có thần thông. Trong tâm chúng tôi nghĩ gì Ngài đều biết, trong lúc nói giỡn Ngài nói ra hết. Chúng tôi khởi tâm động niệm bất cứ điều gì, đều chẳng có cách nào giấu Ngài, Ngài đều biết cả. Ngài có Tha Tâm Thông. Tối thiểu là Ngài có Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, và Tha Tâm Thông. Tối thiểu là Ngài có những năng lực ấy!” Có Thần Túc Thông hay không? Chẳng có chứng cớ rõ rệt, nhưng dường như là có. Mọi người đang tụ tập chuyện gẫu, nhắc tới Kim Sơn Hoạt Phật, chưa nói xong, Ngài đã bước vào! Thường có hiện tượng ấy, làm thế nào lại xảo hợp như thế được? Đó là *“chủng chủng dị hiện”*, là Quyền Phương Tiện. Nói chung, cảnh giới ấy phải từ A La Hán trở lên thì mới được. A La Hán có tứ quả, từ Sơ Quả đã có [thần thông], Sơ Quả là Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, khôi phục hai thứ trong sáu thứ bản năng (năng lực vốn sẵn có), tức là Thiên Nhãn và Thiên Nhĩ. Người bình thường chúng ta chẳng thấy nhưng Ngài thấy, người bình thường chúng ta nghe không thấu, nhưng Ngài nghe thấu, Ngài có năng lực ấy. Chúng ta giảng kinh trên tầng lầu này, Ngài nhìn thấy những tầng dưới, Ngài biết rõ hoạt động của người trong mỗi tầng, có thể trông thấy chẳng bị chướng ngại! Nếu chứng Nhị Quả sẽ có năng lực càng lớn hơn nữa. Nhị Quả có Tha Tâm Thông, có Túc Mạng Thông, trong tâm người khác nghĩ gì, vị ấy đều biết. Đến Tam Quả bèn có Thần Túc Thông, có thể biến hóa, phân thân, các bậc thánh giả Tiểu Thừa có thể thị hiện. Trong Đại Thừa, như kinh Hoa Nghiêm của Viên Giáo đã nói, Sơ Tín vị Bồ Tát có năng lực Lục Thông hoàn toàn giống như Tu Đà Hoàn. Đệ Thất Tín Bồ Tát đoạn phiền não, nay chúng ta nói theo cấp bậc thì Ngài tương đương A La Hán, tức A La Hán trong Tiểu Thừa. Bát Tín tương đương Bích Chi Phật. Cửu Tín là Bồ Tát, tức địa vị Bồ Tát trong mười pháp giới. Thập Tín là địa vị Phật trong mười pháp giới. Tùy theo địa vị, thần thông biến hóa cũng [sai khác] rất lớn. Lũ phàm nhân chúng ta chẳng thể làm được những điều ấy, nhưng các Ngài có thể làm được!

*“Tổng thượng kinh luận”* [nghĩa là] chúng ta tổng hợp những điều kinh luận vừa giảng trên đây, *“cố tri dĩ thiện xảo ổn tiện chi pháp”,* [nghĩa là] dùng những phương pháp khéo léo, ổn thỏa, thích đáng, thuận tiện, *“diệu khế chúng sanh căn cơ”* (khéo léo khế hợp căn cơ của chúng sanh), *“diệu”* có nghĩa là thiện. Vị ấy sử dụng phương pháp rất xảo diệu, hết sức tốt đẹp, khiến cho chúng sanh sau khi tiếp xúc đều sanh tâm hoan hỷ, giác ngộ, có thể phá mê giác ngộ, sanh tâm hoan hỷ. *“Đạo hướng cứu cánh chi quả giác”* (dẫn dắt hướng đến quả giác rốt ráo), quả giác rốt ráo chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề như đã nói trong phần trước, đó là quả giác rốt ráo. Vì vậy, từ chỗ này, chúng ta hiểu rõ Phật pháp là gì? Ngàn kinh muôn luận, vô lượng pháp môn, quyết định đều nhằm một mục tiêu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đấy là Phật pháp. Nếu mục tiêu là Chánh Giác, đó là Tiểu Thừa A La Hán; nếu mục tiêu là Chánh Đẳng Chánh Giác, đấy là Bồ Tát, là Đại Thừa. Nếu mục tiêu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là pháp Nhất Thừa, là Phật quả rốt ráo viên mãn. Chúng ta phải hiểu rõ, minh bạch chuyện này, kinh Vô Lượng Thọ đi theo đường hướng nào? Nói thẳng thừng là dạy chúng ta thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong hết thảy các kinh, nó thuộc loại kinh Nhất Thừa. Kinh Nhất Thừa chẳng có mấy bộ! Tại Trung Quốc, trừ bộ kinh này ra, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa, Pháp Hoa là Nhất Thừa. Phạm Võng tuy là Nhất Thừa, nhưng chẳng được dịch hoàn toàn sang tiếng Hán, truyền đến Trung Quốc chỉ có Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, chỉ có một phẩm. Do mục tiêu của kinh này là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên trong pháp môn này, ở đây, đức Phật dạy chúng ta niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, *“danh vi hành quyền hoặc hành phương tiện”* (gọi là “hành quyền” hoặc “hành phương tiện”), tổng kết ý nghĩa ấy, giải thích viên mãn từ ngữ *“hành quyền phương tiện”.* Tiếp đó là *“nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn. Nhập giả, Gia Tường Sớ thích vi: Giải khế tông nguyên”* (“Nhập Phật pháp tạng, rốt ráo đạt đến bờ kia”. Gia Tường Sớ giải thích “nhập” là “thông hiểu, khế nhập tông nguyên”). *“Tông nguyên”* là gì? Tông (宗) là chủ yếu, trọng yếu, Nguyên (源) là căn nguyên (cội nguồn). Chúng ta hiểu Tông Nguyên là tự tánh, hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh. Trong tự tánh, đức Thế Tôn đã quy nạp vô lượng vô tận công đức thành ba loại lớn, thứ nhất là trí huệ, thứ hai là đức năng, thứ ba là tướng hảo. Trí huệ là thông đạt, hiểu rõ. Hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian đúng là không gì chẳng biết. Đức năng là thần thông, thiện xảo phương tiện, không gì chẳng thể. Trong tướng hảo có vật chất và tinh thần, tướng hảo viên mãn. Trong cõi Thật Báo, đức Thế Tôn đã giới thiệu với chúng ta: *“Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo”*. Không giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế giới này, thị hiện thân tướng giống như chúng ta, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, kinh thường gọi thân ấy là Liệt Ứng Thân (thân ứng hiện kém cỏi). Thị hiện trong lục đạo nhất định phải thị hiện thân giống như chúng sanh. Nếu thị hiện sai biệt quá lớn, kẻ bình phàm chẳng dám tin tưởng. Phải thị hiện thân tốt đẹp hơn một chút thì mọi người mới có thể tin tưởng. Trên cõi trời, đức Phật thị hiện thân trời, trong nhân gian, Ngài thị hiện thân người, trong đường súc sanh, Ngài thị hiện thân súc sanh. Nếu muốn độ chúng sanh trong một loài nào, đầu tiên là phải hiện thân giống như họ. Nếu muốn độ kiến, Ngài cũng hiện thân kiến. Quý vị chẳng hiện thân ấy thì làm sao có thể ở cùng chỗ với họ? Ở cùng một chỗ với họ thì mới có cách dạy họ; do vậy, thị hiện thân đồng loại.

*“Giải khế tông nguyên”* là nói đến Nhập trong *“nhập Phật pháp tạng”*, chúng ta đã hiểu rõ, lý giải [Nhập] là tương ứng với Tánh Đức. Nói cách khác, tương ứng với trí huệ chân thật, chẳng phải là tương ứng với kiến thức và học thuật thông thường. Con người hiện thời nói đến học thuật và tri thức, chẳng nói tới trí huệ. Nói tới tri thức thì tương ứng với tri thức sẽ chẳng được, đó là pháp thế gian, chẳng phải là pháp xuất thế gian. Vì sao phải nói theo cách như vậy? Bốn chữ ấy (giải khế tông nguyên) có ý nghĩa rất sâu, quả thật là trong thời cận đại, có lắm kẻ đã coi kinh điển nhà Phật như một thứ học thuật để nghiên cứu, nên bị biến chất, biến thành tri thức, [trở thành] kiến thức Phật giáo. Ở những chỗ nào? Trong đại học! Rất nhiều trường đại học dùng kinh điển để giảng dạy. Tại những trường nổi tiếng nhất Âu Châu như đại học Ngưu Tân (Oxford), đại học Kiếm Kiều (Cambridge), đại học Luân Đôn (London) đều có khoa Hán Học. Sinh viên đại học, sinh viên chương trình Cao Học, sinh viên theo học chương trình Tiến Sĩ của ngành Hán Học dùng kinh Phật để viết luận án. Họ có tương ứng hay không? Họ tương ứng, nhưng chẳng phải là *“giải khế tông nguyên”*! Chẳng phải vậy! Bởi lẽ, những gì họ học được đều là kiến thức về Phật giáo, chẳng phải là trí huệ trong Phật pháp. Khi tôi đến viếng thăm, cũng có giảng cho họ hai buổi, nhắc nhở họ học Phật, phải học theo đường lối của tổ sư đại đức thì mới thật sự được thọ dụng. Đi theo con đường học thuật cũng hữu dụng, giống như có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, tương lai làm giáo sư khoa Triết Học hoặc Phật Học, hoặc làm một nhà Hán Học, có thể đạt được điều ấy, nhưng mong chứng quả Tu Đà Hoàn sẽ chẳng có phần, mong được vãng sanh, cũng chẳng có phần, [bởi lẽ], Phật giáo theo kiểu đó là học thuật. Phật giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục Phật giáo, phải hiểu điều này, nó chẳng phải là học thuật. Thời đầu Dân Quốc, Âu Dương đại sư đã nói rất hay, Phật pháp không phải là triết học hay tôn giáo, mà là nhu cầu tất yếu của con người hiện thời. Vì sao? Nó thật sự có thể giải quyết vấn đề, giúp chúng ta hóa giải xung đột, khôi phục sự an định, hòa bình cho xã hội. Phật pháp làm được những điều ấy, giúp chúng ta thoát ly lục đạo luân hồi, giúp chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, trong một đời chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rốt ráo viên mãn, nó có thể thực hiện được những điều ấy. *“Giải khế tông nguyên”* vô cùng quan trọng.

*“Tịnh Ảnh Sớ vân: Chứng hội vi Nhập. Khả kiến nhập giả, vi khế hội chứng nhập chi nghĩa”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chứng nhập, khế hội là Nhập”. Có thể thấy Nhập có nghĩa là khế hội, chứng nhập”). Chữ *“Hội”* (會) có ý nghĩa rất sâu. Quý vị đọc Ngữ Lục của Thiền Tông, thấy thầy dạy trò, thường nói một câu Khẩu Đầu Thiền nhiều nhất. Thầy hỏi trò: *“Nhĩ hội ma?”* (Ngươi hiểu chưa?). Câu này có ý nghĩa sâu xa, Hội là gì? Khế nhập là Hội, quý vị chẳng khế nhập sẽ không hiểu! Khế nhập là *“giải khế tông nguyên”* như đã nói trong đoạn trước, quý vị thật sự thấu hiểu. Chẳng phải là [hiểu] theo mặt văn tự, mà là do văn tự, do ngôn thuyết, quý vị đang xem kinh hay đang nghe giáo bèn khế nhập tự tánh, chúng ta thường nói là “khai ngộ”. Xem kinh bèn khai ngộ, nghe giảng bèn khai ngộ, đó là Nhập. Chẳng có ngộ, chẳng thể coi là Nhập! Thật sự ngộ nhập thì mới là Nhập. Do vậy, Nhập có nghĩa là “khế hội, chứng nhập”. *“Diệc tức Pháp Hoa trung nhập Phật tri kiến trung chi Nhập tự dã”* (cũng chính là chữ Nhập trong “nhập Phật tri kiến” của kinh Pháp Hoa). *“Nhập”* là chứng, là khế nhập. Phật tri Phật kiến là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, trong Thiền Tông nói “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” là nói đến điều này, nói tới chuyện này. Trong Giáo Hạ nói “đại khai viên giải” cũng nhằm nói về chuyện này. Người niệm Phật chúng ta gọi điều này là “Lý nhất tâm bất loạn”, nhất tâm bất loạn bao gồm Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là nhập Phật tri kiến, có cùng cảnh giới với minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông, đồng dạng với “đại khai viên giải” trong Giáo Hạ, tầng bậc như nhau. Sự nhất tâm thuộc về giải ngộ, chưa phải là chứng; do vậy, Sự nhất tâm bất loạn sanh về thế giới Cực Lạc sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, giống như bốn thánh pháp giới trong thế giới này. Nếu là Lý nhất tâm sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác hẳn, đã thành Phật rồi. Do vậy, Sự nhất tâm vẫn là Bồ Tát, chưa thuộc về địa vị Phật. Sự nhất tâm cũng có ba bậc, chín phẩm, trung hạ phẩm là địa vị A La Hán trong Tiểu Thừa, trung thượng phẩm là Bồ Tát. Nhìn theo giáo lý, Tây Phương Cực Lạc thế giới gồm bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nhưng trên thực tế, chúng ta phải liễu giải: Hoàn cảnh tu học trong thế giới ấy vô cùng đặc biệt, thù thắng, kẻ bình phàm chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Đó là gì? Hoàn toàn đắc lực cậy vào bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì; do vậy, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây cũng là lý do vì sao nói Tịnh Tông là pháp khó tin, nguyên nhân ở chỗ này, đúng là pháp khó tin!

*“Nhập Phật pháp tạng”*,tiếp theo đó, [cụ Hoàng] giải thích [từ ngữ] “*Phật pháp tạng”*. *“Phật pháp tạng giả, Gia Tường Sớ vân: Danh lý vi Tạng”* (“Phật pháp tạng”: Gia Tường Sớ giảng: “Lý được gọi là Tạng”). Trước hết, giải thích ý nghĩa chữ Tạng. *“Cái vị Phật pháp tạng vi Pháp Tánh chi Lý Thể. Pháp Tánh hàm tàng vô lượng chi Tánh Đức, cố danh Phật pháp tạng”* (ý nói Phật pháp tạng là Lý Thể của Pháp Tánh. Pháp Tánh chứa đựng vô lượng Tánh Đức, nên gọi là Phật pháp tạng). Trên thực tế, *“nhập Phật pháp tạng”* là minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là nhập Phật pháp tạng. Chúng ta niệm Phật, tới ngày nào đó niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn chính là nhập Phật pháp tạng, minh tâm kiến tánh. Do vậy, đây cũng là một cách giải thích rất hay, rất rõ ràng, *“danh Lý vi Tạng”* (gọi Lý là Tạng), Tạng (藏) có nghĩa là hàm chứa. Phật pháp tạng là Pháp Tánh Lý Thể, dùng chữ Tạng [để diễn tả] ý nghĩa “chứa đựng”, giống như một kho tài liệu, dùng ngay chuyện này để tỷ dụ. Pháp Tánh là thật, thật sự chứa đựng vô lượng Tánh Đức, đúng là vô lượng. Tự tánh của mỗi cá nhân đều tương đồng, trong Triết Học gọi nó là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Nó có thể sanh, có thể hiện. A Lại Da có thể biến, A Lại Da cũng chẳng lìa khỏi Phật pháp tạng. Tách rời Phật pháp tạng bèn chẳng có A Lại Da. Phật pháp tạng giống như nước, A Lại Da giống như sóng, lìa nước lấy đâu ra sóng? Bởi lẽ, bản thể của sóng là nước, vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới có cùng một bản thể. Do vậy, đối với kinh Phật, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta, trọn khắp pháp giới hư không giới và chúng ta có cùng một Thể. Quý vị thấy chúng ta thường nghe kinh nói: *“Sanh Phật bất nhị”* (chúng sanh và Phật chẳng hai). *“Sanh”* là chúng sanh, *“Phật”* là chư Phật Như Lai, đặt chúng sanh lên đầu, nói đến Phật ở sau; đó là gì? Phật tôn trọng chúng sanh, tôn kính chúng sanh. Vì sao? Chúng sanh là Phật chưa giác ngộ, Phật là chúng sanh đã giác ngộ. Vị Phật chưa giác ngộ là một vị Phật hồ đồ, chẳng biết tôn trọng người khác; còn chúng sanh đã giác ngộ, đối với bất cứ điều gì cũng đều tôn trọng. Chúng sanh đã giác ngộ bèn là Phật. Lại còn nói: *“Tự tha bất nhị”*, Tự là chính mình, Tha là gì? Tha thì trên là chư Phật, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, đều là một, chẳng hai! Lão Tử cũng nói kiểu ấy: *“Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể”* (trời đất và ta có cùng gốc, vạn vật và ta cùng một Thể), có ý nghĩa hoàn toàn giống như lời đức Phật đã nói.

Hiện thời, chúng tôi rất muốn nghe [lời nhận định của] các nhà Vật Lý Học Lượng Tử trong hiện đại, nghe họ [trình bày] những nghiên cứu, phát hiện của họ, để cho họ chứng minh những điều được nói trong Phật pháp là thật, chẳng phải là giả. Vì sao người phải yêu thương người? Cùng một Thể! Chúng ta có cùng một thân thể, vì sao ta phải yêu thương ngón tay này? Vì sao ta phải yêu thương sợi lông này? Nó và ta có cùng một Thể, đạo lý là như thế đó. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng có giới hạn, sai biệt ở chỗ nào? Mê hay ngộ, mê bèn gọi là pháp thế gian, giác ngộ bèn gọi là pháp xuất thế gian. Xuất thế gian gọi là Phật pháp, đã giác ngộ là Phật pháp, chưa giác ngộ gọi là chúng sanh pháp, chúng là một, chẳng hai! Do vậy, đúng là trong Pháp Tánh, Pháp Tánh là tự tánh, chứa đựng vô lượng Tánh Đức. Người giác ngộ muốn giúp chúng ta giác ngộ vô lượng Tánh Đức, giúp chúng ta giác ngộ lại chẳng phải là chuyện đơn giản, vì sao? Chưa chắc chúng ta đã tin tưởng họ, chẳng có tín tâm đối với họ, chẳng tôn trọng họ, cho nên chẳng dễ gì dạy được! Nhưng đối với khó khăn trước mắt, chỉ cần lấy ra đôi chút Tánh Đức bèn có thể giải quyết. Cội rễ của Tánh Đức là gì? Người Trung Quốc nói tới Hiếu. Ngũ Luân được bắt đầu bằng câu *“phụ tử hữu thân”* (cha con có tình thân thiết), đó là cội nguồn của Tánh Đức. Vô lượng vô biên Tánh Đức thảy đều lưu lộ từ cội nguồn ấy. Trong Phật pháp, [Hiếu] được gọi là từ bi, trong nhiều tôn giáo, nó được gọi là Ái. Ái và từ bi trong Phật pháp cũng như *“phụ tử hữu thân”* trong Ngũ Luân của Trung Quốc có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện nào, nó là tâm yêu thương vô điều kiện! Người Trung Quốc đã nêu bày Tánh Đức một cách đơn giản bằng mười hai chữ. Mười hai chữ ấy có thể giúp chúng ta sống rất hạnh phúc, rất sung sướng suốt một đời. Mười hai chữ ấy chính là *“hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân ái, hòa bình”*, Tánh Đức đấy! Có phải là mười hai chữ ấy vô lượng vô biên? Đúng vậy. Chúng ta suy nghĩ sẽ thấy mười điều trong Thập Thiện, mười đại nguyện vương cũng là mười điều. Khi Bồ Tát mở rộng ra, chúng sẽ biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Mười hai chữ ấy của Trung Quốc có phải là tám vạn bốn ngàn tế hạnh trong Bồ Tát đạo hay không? Tôi tin là chúng đã bao trùm chẳng sót, chúng chính là Tánh Đức.

Do vậy, ngày nay chúng ta vận dụng Tánh Đức đôi chút như thế nào, áp dụng đôi chút trong cuộc sống như thế nào? Chúng ta chưa kiến tánh, nhưng những người đã kiến tánh đều hiểu rõ, sẽ nêu bày tự tánh. Nếu chúng ta chịu tin tưởng, chịu y giáo phụng hành thì cũng sẽ sử dụng được, người chưa kiến tánh cũng sử dụng được, phải nghe theo giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát và các vị đại thánh đại hiền. Vì thế, chúng tôi thường nói: “Chúng tôi học tập nhiều năm như thế mới thấu hiểu, những thứ ấy chẳng phải do họ phát minh, chẳng phải do họ sáng tạo, mà do tự tánh lưu lộ”. Trong thời cổ, chúng ta có lý do để tin tưởng Phật, Bồ Tát đã ứng hóa trên lãnh thổ Trung Quốc, nhưng con người thuở ấy chẳng có căn tánh nhạy bén như tại Ấn Độ, căn cơ độn hơn, nên các Ngài dùng những phương pháp ấy để chỉ dạy chúng ta, đó là Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, chúng ta phải tôn trọng. Người Ấn Độ căn cơ chín muồi, nên [chư Phật] ứng hóa trong thế gian này, đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, liền hiện thân Phật để giáo hóa, Phật hiện thân Phật tại Ấn Độ. Tại Trung Quốc thì Phật hiện các thân như Khổng Tử, Mạnh Tử, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, hiện thân làm những vị ấy, làm các bậc thánh hiền. Đó là phương tiện thiện xảo, đại dụng chẳng có ngằn mé! Chúng ta học theo thánh hiền, học theo Phật, Bồ Tát là học theo ai? Học theo Tánh Đức của chính mình, nhất định phải hiểu đạo lý này! Những vị từng trải ấy đã triển hiện Tánh Đức cho chúng ta thấy, những kinh luận, sách vở thảy đều từ Tánh Đức lưu lộ. Bởi thế, đại kinh đại luận nói: *“Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải”* (Phật pháp mà không có ai nói thì dẫu là người có trí vẫn chẳng thể hiểu). Kẻ thông minh tuyệt đỉnh trong thế gian có thể thông hiểu ý nghĩa trong kinh Phật hay chăng? Không thể hiểu! Do nguyên nhân nào? Kinh điển lưu lộ từ tự tánh. Ai có thể hiểu? Người càng gần với tự tánh sẽ càng có thể lý giải. Gần với tự tánh là như thế nào? Phải loại bỏ những thứ tương phản tự tánh và những điều hư vọng. Những gì là tương phản? Dùng cách nói của Trung Quốc để luận định thì bất hiếu, bất đễ, bất trung, bất tín, vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô sỉ chính là những thứ tương phản, mọi người hiểu rất rõ những điều ấy. Chúng là gì vậy? Tập khí phiền não từ vô thỉ kiếp! Chúng ta có thể xa lìa, tẩy gột sạch sành sanh những tập khí ấy, Tánh Đức của chúng ta bèn hiện tiền. Lại còn không ngừng nâng cao hơn, chúng ta cũng có thể đạt tới cảnh giới thánh hiền, lại nâng cao hơn tới mức viên mãn, đó là cảnh giới Phật.

*“Hựu Pháp Tánh trung hàm nhiếp nhất thiết Phật pháp, cố danh Phật pháp tạng”* (lại nữa, trong Pháp Tánh chứa đựng, thâu nhiếp hết thảy Phật pháp, nên gọi là “Phật pháp tạng”). Nói theo Phật pháp thì đúng là như vậy, hết thảy Phật pháp đều sanh từ tự tánh, hễ rời khỏi tự tánh bèn chẳng có một pháp nào để được. *“Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”* như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói chính là “Phật pháp tạng” đang được nói ở đây. Xuất sanh vô tận, trọn khắp hết thảy, hết thảy các pháp, hết thảy Phật pháp đều do nó sanh ra. Hết thảy phiền não, nghiệp chướng, và tập khí cũng do nó sanh ra. Chuyện này là như thế nào? Hễ giác ngộ sẽ sanh ra hết thảy Phật pháp, đã mê bèn sanh ra hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xuất hiện những thứ ấy. Do vậy, đối với hết thảy những thứ phi pháp, phản diện ấy, chúng ta cũng chớ nên khi dễ chúng, vì sao? Thể của chúng là Thật, chỉ vì mê nên mới biến thành nông nỗi ấy, nếu người ấy giác ngộ sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát cung kính chúng sanh trong địa ngục, đối với muỗi, trùng, kiến chẳng dám coi rẻ, do nguyên nhân nào? Quý vị nhìn từ một phương diện khác, nếu họ giác ngộ sẽ đều là Phật, họ vốn là Phật, tuy đang mê, bổn tánh chẳng mê, phải biết điều này! Bổn tánh vĩnh viễn thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô, bất sanh, bất diệt. Mê là giả, hễ mê bèn có sanh, có diệt. Mê bèn có nhơ, có tịnh, có thiện, có ác. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch những chuyện ấy thì trong hết thảy thế gian, tức là hết thảy các thế gian trong mười pháp giới, sẽ sanh khởi tâm bình đẳng, đối với bất luận cảnh giới nào chúng ta đều thấy như nhau. Đó là Phật tri Phật kiến. Phật chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, chẳng khởi tâm động niệm; Bồ Tát có khởi tâm động niệm, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước. Sự học tập của chúng ta phải trải qua những tầng lớp này, nên gọi là Phật pháp tạng.

*“Thị cố nhập Phật pháp tạng, tức Pháp Hoa trung thiện nhập Phật huệ, thông đạt đại trí”* (do vậy, nhập Phật pháp tạng chính là “khéo nhập Phật huệ, thông đạt đại trí” trong kinh Pháp Hoa), có ý nghĩa này. Dùng phương tiện thiện xảo khế nhập Phật huệ, *“Phật huệ”* là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. *“Thông đạt đại trí”*: Đại trí là khởi dụng, là Hậu Đắc Trí, là phương tiện thiện xảo. *“Hựu Chân Giải cứ tùng quả hướng nhân nghĩa, thích vân”* (Lại nữa, sách Chân Giải dựa theo ý nghĩa từ quả hướng đến nhân, nên giải thích như sau), giải thích ý nghĩa ấy: *“Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng, Phật quả công đức dã. Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng”* (kho báu hết thảy công đức của Như Lai chính là công đức nơi Phật quả. Biển cả các thứ vật báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng). *“Tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã”* (chính là Nhất Thừa do Phật đã đắc). Chư Phật Như Lai chứng đắc Nhất Thừa, Nhất Thừa là Phật Thừa, chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn. Do vậy, trong hết thảy các kinh, có kinh Tiểu Thừa, có kinh Đại Thừa, có kinh Nhất Thừa. Kinh Nhất Thừa có mấy bộ? Hoa Nghiêm là kinh Nhất Thừa, Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa, Vô Lượng Thọ là kinh Nhất Thừa. Kho báu hết thảy công đức của Như Lai được nói trong kinh Nhất Thừa chính là Phật quả rốt ráo do Bồ Tát tu hành chứng đắc, trong ấy có trọn đủ các công đức, đó là *“công đức đại bảo hải”.* Hải (biển) là tỷ dụ. Công đức đại bảo hải lấy không cạn, dùng chẳng hết. Vì vậy, nói đến phước báo thì ai có phước báo lớn nhất? Phước báo thế gian hay xuất thế gian không ai có thể sánh bằng Phật, trí huệ lẫn phước báo [của Phật] đều đạt đến viên mãn rốt ráo, nhưng phải hiểu, Phật là tự tánh của chúng ta. Nếu chúng ta minh tâm kiến tánh, bèn thành Phật, trí huệ và phước báo của chúng ta không ai có thể sánh bằng. Đó là Phật pháp tạng, đó là pháp Nhất Thừa do Phật sở đắc, là trí huệ viên mãn trong pháp Nhất Thừa. Vì lẽ đó, Phật pháp tạng chính là *“trí huệ và đức tướng vốn sẵn trọn đủ trong bổn tánh”* như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Ngài nói rất hay: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc”*. Chúng ta có thể buông vọng tưởng và chấp trước xuống sẽ chứng đắc. Quý vị thấy phàm phu thành Phật, nói theo lý luận là trong một sát-na, quý vị chịu buông xuống thì kinh giáo hoàn toàn thuộc về quý vị. Chỉ cần quý vị buông xuống, chẳng cần phải đọc nó, [bởi lẽ] chính mình đã hoàn toàn trọn đủ, hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu chân tướng sự thật này, cho nên mới thật sự làm! Biết lợi ích này quá to lớn, không làm như vậy, chúng ta bị tổn thất quá to, sống cuộc đời khổ sở, nhọc nhằn dường ấy. Thành Phật đắc đại tự tại, vui sướng lắm. Quý vị phải biết [lão cư sĩ] Hứa Triết còn chẳng sánh bằng, không ai có thể sánh bằng. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tập 102  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười tám, dòng thứ năm từ dưới đếm lên, đọc từ chỗ *“Hựu Chân Giải”.*

*“Hựu Chân Giải cứ tùng quả hướng nhân nghĩa, thích vân*: *Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng, Phật quả công đức dã. Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng, tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã”* (Lại nữa, sách Chân Giải dựa theo ý nghĩa từ quả hướng đến nhân, nên giải thích như sau: “Kho báu hết thảy công đức của Như Lai chính là công đức nơi Phật quả. Biển cả các thứ vật báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng, chính là pháp Nhất Thừa do Phật đã đạt được”). Đây là đoạn văn trích từ sách Chân Giải. Người Trung Quốc nói *“chư Phật Như Lai thả chiếc bè Từ”*, cũng có nghĩa là các Ngài đã thành Phật rồi, vì độ chúng sanh mà lập phương tiện, chẳng dùng thân Phật, vì sao? Phật ở địa vị thầy, học trò nhất định phải tôn trọng thầy, đó là *“tôn sư trọng đạo”.* Nếu học trò nghiệp chướng rất nặng, tập khí rất nhiều, chẳng biết hiếu thuận cha mẹ, mà cũng chẳng biết tôn kính sư trưởng, lúc đó, Phật độ kẻ ấy như thế nào? Chắc chắn Phật chẳng dùng đến thân phận Phật, mà dùng thân phận Bồ Tát. Thân phận Bồ Tát rất nhiều, như trong phẩm Phổ Môn đã giới thiệu ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, trừ thân Phật ra, những thân khác đều là phương tiện thiện xảo. Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, chẳng có mảy may câu thúc nào! Đúng là *“hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”* nên mới có thể lợi ích chúng sanh. Từ chỗ này cũng khiến cho chúng ta thấu hiểu: Chư Phật, Bồ Tát từ bi chân thật, xác thực là các Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, hoàn toàn thuận theo tâm ưa muốn của chúng sanh, tùy thuận tập khí phiền não của chúng sanh. Do vậy, Phật, Bồ Tát muốn độ súc sanh, nhất định hiện thân súc sanh, muốn độ ngạ quỷ nhất định hiện thân ngạ quỷ. Chẳng phải là thân đồng loại sẽ chẳng dễ tiếp xúc; do vậy, Ngài nhất định phải hiện thân đồng loại. Đó là “từ quả hướng tới nhân”, dùng ý nghĩa này để giải thích *“Phật pháp tạng”.*

*“Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng”* là nói về tự tánh. Tự tánh của chúng ta vốn trọn đủ vô lượng vô biên công đức, *“bảo tạng”* là tỷ dụ. Nếu người thế gian có được kho báu (bảo tạng), sẽ có nhiều của cải, chẳng hứng chịu nỗi khổ bần cùng, mang ý nghĩa này. *“Bảo”* (寶: của báu) có tác dụng, giúp chúng ta đạt được lợi ích thù thắng, công đức vốn trọn đủ trong tự tánh cũng mang ý nghĩa này. Công đức trong tự tánh khai phát, đó là phước huệ viên mãn. Không chỉ là trí huệ viên mãn, mà phước báo cũng viên mãn, cho nên gọi là *“bảo tạng”.* Câu kế tiếp là *“Phật quả công đức dã”* (là công đức nơi Phật quả), Bồ Tát chứng đạt quả vị rốt ráo, chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn, trọn đủ công đức nơi quả địa, các công đức trong tự tánh đều khởi tác dụng viên mãn. *“Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng”* (biển cả các thứ báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng), công đức nơi quả địa được gọi là Phật pháp tạng. Phật pháp, kho báu Phật pháp, *“tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã”* (chính là Nhất Thừa do Phật đạt được), Ngài chứng đắc pháp Nhất Thừa, [đó là] Nhất Thừa viên mãn. Nhất Thừa là Phật Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát Thừa, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, ở đây là nói đến pháp viên mãn rốt ráo.

*“Chân Giải chi thuyết, hiển hội trung chư Bồ Tát giai thị đại quyền thị hiện”* (Thuyết của sách Chân Giải đã chỉ rõ các Bồ Tát trong hội đều là bậc đại quyền thị hiện). Tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ của thiền sư Đạo Ẩn người Nhật có tựa đề là [Vô Lượng Thọ Kinh] Chân Giải. Qua lời giải thích trong câu này, Sư đã chỉ rõ trong hội ấy của đức Thế Tôn tại Linh Sơn thuở đó, các vị Bồ Tát tham dự pháp hội số tới một vạn hai ngàn người đều là bậc Đại Quyền Thị Hiện, đều là chư Phật, Bồ Tát hiện đến, đều là Pháp Thân đại sĩ thị hiện, [do vậy gọi] là *“tùng quả hướng nhân”* (từ quả hướng đến nhân). Những vị ấy *“dĩ nhập Như Lai Nhất Thừa quả hải”* (đã nhập biển quả Nhất Thừa của Như Lai), Như Lai là tự tánh. Tự tánh vốn tự trọn đủ trí huệ và đức tướng, ở đây gọi là *“Như Lai Nhất Thừa quả hải”* đều được chứng đắc rốt ráo viên mãn. *“Đản bất xả nhân hạnh”* (nhưng chẳng bỏ các hạnh [đã hành] trong khi tu nhân), *“nhân”* (因) [ở đây] là chưa chứng quả, giống như trong hiện thời chúng ta đều đang thuộc nhân địa (đang tu nhân). Nhân địa: Từ sơ phát tâm mãi cho đến khi [chứng đắc] Đẳng Giác đều là nhân, Diệu Giác mới là quả vị. Chư Phật Như Lai tuy đã ở địa vị Diệu Giác vẫn chẳng bỏ nhân hạnh (hạnh trong khi tu nhân), đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật, đến làm một đứa học trò tu học hòng nêu gương tốt đẹp, các Ngài làm gương cho chúng ta, được gọi là Ảnh Hưởng Chúng trong đại chúng. *“Cố lai hội tán trợ Thích Tôn”* (nên đến pháp hội giúp đỡ đức Thích Ca), giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa hết thảy chúng sanh, đến như vậy đó! Chúng ta học *“nhập Phật pháp tạng”* tới đây!

Tiếp đó là nói *“cứu cánh bỉ ngạn”* (rốt ráo đạt đến bờ kia), *“cứu cánh giả, chí cực chi nghĩa”* (Cứu cánh nghĩa là đạt tới cùng cực). Đạt tới chỗ *“đăng phong tạo cực”*, [tức là] chẳng còn có gì cao hơn được nữa, đã đạt tới tuyệt đỉnh! *“Bỉ ngạn”* (彼岸) là trở về tự tánh, tự tánh là bỉ ngạn. Minh tâm kiến tánh như Thiền Tông đã nói chính là *“bỉ ngạn”*, giáo pháp Đại Thừa thường gọi *“minh tâm kiến tánh”* là *“vọng tận hoàn nguyên”* (hết vọng, trở về nguồn). Hoàn nguyên (還源) là bỉ ngạn, hoàn nguyên là trở về tự tánh. Trong Tịnh Độ Tông, trở về Thường Tịch Quang là *“bỉ ngạn”. “Trí Độ Luận vân”* [nghĩa là] trong Đại Trí Độ Luận có nói: *“Ba La”*, tiếng Phạn là Ba La, Tâm Kinh nói Ba La Mật (Pāramitā), ở đây, tỉnh lược âm Mật ở cuối, [Ba La] chính là Ba La Mật. *“Tần ngôn bỉ ngạn”* (tiếng Hán gọi là “bờ kia”), khi ấy, Cưu Ma La Thập đại sư ở Trung Quốc, địa phương Ngài ở có tên gọi là Tần, cho nên [tiếng Hán] được gọi là *“Tần ngôn”*, [tức là ngôn ngữ của] nước Tần. Chỗ ấy nay thuộc hành lang Hà Tây [[2]](#footnote-3)[2], thuộc khu vực tỉnh Cam Túc, thuở ấy gọi là *“Tần quốc”.* Đây là nói về tiếng Hán, Ba La Mật dịch sang tiếng Hán là Bỉ Ngạn (bờ kia). *“Hựu vân”* (lại nói), giải thích thêm: *“Dĩ sanh tử vi thử ngạn, Niết Bàn vi bỉ ngạn”* (coi sanh tử là bờ này, coi Niết Bàn là bờ kia). Sanh tử là lục đạo, lục đạo luân hồi có Phần Đoạn sanh tử, đó là bờ bên này. Niết Bàn là bờ bên kia, Niết Bàn là bất sanh, bất diệt. Chứng đắc Niết Bàn sẽ bất sanh, bất diệt.

Niết Bàn có rất nhiều ý nghĩa, ở đây trích dẫn kinh Niết Bàn để nói: *“Niết Bàn Kinh vân: Bỉ ngạn giả, dụ Như Lai dã”* (Kinh Niết Bàn dạy: “Bờ kia ví như Như Lai”). Như Lai là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấy trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên đều được gọi là Như Lai. Các Ngài sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là kiến tánh, nên được gọi là Như Lai. Do vậy, đối với [danh xưng] Như Lai, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có thể gọi là Như Lai, địa vị có cao hay thấp khác biệt, quả vị rốt ráo là địa vị Diệu Giác. Ở đây, vận dụng cả hai ý nghĩa ấy đều hợp lý. *“Thị dĩ Tịnh Ảnh sư thích cứu cánh Niết Bàn”* (do vậy, ngài Tịnh Ảnh giải thích từ ngữ “Niết Bàn rốt ráo”), Ngài đã nói mấy câu như sau: *“Chương quả tất cánh, Niết Bàn bỉ ngạn, đáo danh Cứu Cánh”* (Nêu rõ quả rốt ráo, Niết Bàn là bờ kia, đạt đến [quả vị ấy] sẽ gọi là “rốt ráo”). *“Chương”* (彰) là tỏ rõ, Bồ Tát tu chứng quả vị đã đạt đến rốt ráo viên mãn rồi, nên nói là *“tất cánh”*, quả vị tu hành đạt tới địa vị *“tất cánh”* (畢竟)*. “Tất”* (畢) là nói chúng ta đã tốt nghiệp, đã hoàn tất, đã học xong tất cả các khóa học rồi, Cánh (竟) cũng có ý nghĩa “viên mãn”. Đã đạt đến bờ kia Niết Bàn, đó là *“cứu cánh”* (究竟). Ý nghĩa này được nói theo địa vị Diệu Giác, nếu mở rộng ra, cũng có thể nói bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều thật sự tu chứng bờ kia rốt ráo. Tiếp đó, cụ Hoàng ghi thêm lời tiểu chú: *“Sớ vị chương minh dĩ đắc chí cực chi giác quả, đáo đạt Niết Bàn bỉ ngạn, danh vi cứu cánh”* (Lời Sớ có ý giảng rõ: Đã đạt đến địa giác quả tột bậc, đạt đến bờ kia Niết Bàn, nên gọi là “rốt ráo”). Đây là bổ sung ý nghĩa, tức là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều đạt tới rốt ráo viên mãn, chứng đắc quả vị cao nhất là địa vị Diệu Giác, đó là *“cực chi giác quả”* (quả giác tột bậc), tức là địa vị Diệu Giác, đều là Phật quả viên mãn. *“Án Chân Giải ý, tắc vi chứng nhập Phật chi Nhất Thừa đại công đức bảo hải, khế Phật sở đắc Niết Bàn”* (Xét theo ý của sách Chân Giải thì [cứu cánh bỉ ngạn] là chứng nhập biển báu đại công đức Nhất Thừa, khế hợp Niết Bàn do Phật đã chứng đắc). Hai vị Tịnh Ảnh và pháp sư Đạo Ẩn nói đến cùng một chuyện, cùng một cảnh giới.

*“Thị chư đại sĩ, viên chứng quả đức dĩ, tùng quả hướng nhân, tuân Phổ Hiền đức, phổ hiện thập phương, lai pháp hội trung, đồng hoằng tịnh pháp”* (Các vị đại sĩ ấy đã chứng trọn vẹn quả đức, bèn từ quả hướng đến nhân, tuân theo phẩm đức Phổ Hiền, hiện khắp mười phương, đến trong pháp hội [Vô Lượng Thọ] để cùng hoằng dương tịnh pháp). Đây là nói rõ những vị đại sĩ từ mười phương đến tham dự pháp hội, dùng thân phận Bồ Tát để đến nơi đây; nhưng các vị Bồ Tát đó đều đã thành Phật, từ quả hướng đến nhân, người Hoa nói là *“thả chiếc bè Từ”*, vẫn tuân hành phẩm đức Phổ Hiền, hiện thân trong khắp mười phương. Có ý nghĩa ấy, dụng ý ở chỗ này: *“Tuân Phổ Hiền đức, phổ hiện thập phương”.* Từ chỗ này, chúng ta thấu hiểu phẩm đức của ngài Phổ Hiền chẳng thể nghĩ bàn! *“Phổ hiện thập phương”* chính là thể hiện nguyện cuối cùng trong mười nguyện Phổ Hiền, tức là nguyện *“phổ giai hồi hướng”.* Dùng gì để hồi hướng? Phải dùng thành quả tu hành của chính mình, dùng vô tận phương tiện thiện xảo để giúp hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới giác ngộ, viên thành Phật đạo, đó là “chân hồi hướng”. Hồi hướng không phải là nói suông, mà phải dùng công đức chân thật, các Ngài thể hiện ý nghĩa này! Do vậy, các Ngài đến pháp hội, *“đồng hoằng tịnh pháp”* (cùng hoằng dương tịnh pháp), *“tịnh pháp”* là Tịnh Độ Tông, tức là pháp môn Tịnh Độ Tông, cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật chung sức hoằng dương pháp môn này.

Tiếp đó [trích dẫn] lời cư sĩ Bành Tế Thanh: *“Hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn”* (Hành phương tiện quyền biến, nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo). Hành quyền phương tiện ngay trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, sinh sống, làm việc, đãi người, tiếp vật đều phải thị hiện sống động. Thị hiện gì vậy? Thị hiện nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo. Ở đây cũng phải giải thích đơn giản một chút, nhập Phật pháp tạng là trong cuộc sống hằng ngày sẽ giống như Phật. Chúng ta phải thấu hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật từ sáng đến tối sống như thế nào thì quý vị mới có thể học theo. Suốt đời, Thích Ca Phật chỉ làm một chuyện, trừ chuyện ấy ra, chuyện gì cũng chẳng có. Chuyện ấy là giáo hóa chúng sanh, [chỉ có] một chuyện ấy. Vậy thì chúng ta hiểu, ở nơi đây, *“hành quyền phương tiện”* [chính là vận dụng] phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Đó là độ thoát hết thảy. Giáo hóa chúng sanh nhằm mục tiêu nào? Phải biết: Giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ thì công lao giáo hóa to lớn đã hoàn thành. Do vậy, đức Thế Tôn đã thật sự thực hiện viên mãn câu *“thân hành ngôn giáo”* như cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đã nói. Thân biểu hiện bằng gì? Giới luật, [kinh điển] ghi lại ngôn hạnh, cử chỉ của đức Thế Tôn, đó là giới luật. Thực hiện viên mãn, bắt đầu từ Thập Thiện Nghiệp Đạo cho đến Bồ Tát đại giới, [những điều ấy] đều được biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, đó là “thân hành”. Về kinh điển, thuở ấy, đức Thế Tôn giáo hóa hết thảy đại chúng, do căn tánh của hết thảy đại chúng chẳng giống nhau, có người căn tánh thượng thượng thừa, đức Phật giảng cho họ pháp Nhất Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Có người là căn tánh Đại Thừa, đức Phật giảng cho họ những kinh Đại Thừa như Bát Nhã, Phương Đẳng. Có kẻ căn tánh Tiểu Thừa, đức Phật giảng cho họ Tứ A Hàm. Còn có kẻ căn tánh nhân thiên, ngay cả [các pháp] Thanh Văn, Duyên Giác họ đều chẳng màng, căn tánh của họ là nhân thiên. Hiện thời toàn thể chúng ta toàn là hạng căn tánh nhân thiên, vì sao? Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chúng ta chẳng làm được, đúng không? Chẳng giả! Vì thế, bản thân chúng ta phải biết chính mình thuộc căn tánh gì, có thể học được phần nào trong sự giáo huấn suốt cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể vượt quá phận được!

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là bộ kinh đầu tiên [trên con đường tu học], là kinh điển nhập môn, là pháp nhân thiên, chư vị phải biết điều này. Quý vị thấy điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước là pháp nhân thiên, chưa nhập môn. *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp”*. Hạng người nào vậy? Chẳng phải là Bồ Tát, cũng chẳng phải là La Hán, ngay cả Tu Đà Hoàn cũng chưa đạt tới. Đây là pháp phải học của chư thiên trong Dục Giới và con người trong nhân gian. Người học tốt đẹp [pháp này] thì mới có thể học Phật. Điều kiện học Phật là học làm người tốt đẹp. Vừa mở kinh bổn ra, [ta thấy] đức Phật thường gọi *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, chúng ta thật sự làm được chữ Thiện ấy. “Thiện” ấy chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thật sự làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo thì quý vị mới có thể nhập Phật môn. Nhập Phật môn đầu tiên là tiếp nhận Tam Quy, Ngũ Giới, vậy thì nay chúng ta cũng thọ Tam Quy và Ngũ Giới, còn có rất nhiều đồng tu thọ Bồ Tát Giới, có thật hay không? Trong tâm chúng ta phải hiểu rõ: Chẳng thật! Vì sao? Chẳng làm được! Thiên Thai đại sư nói Lục Tức, chúng ta là Danh Tự Tức Phật, hữu danh vô thực, mang tiếng là đã thọ Tam Quy, nhưng chẳng có thực chất Tam Quy, toàn là giả trất! Chớ nên không biết điều này! Đã là giả, vì sao vẫn phải thọ? Tổ sư đại đức dạy: Tuy giả vẫn nên thọ, vì sau khi đã thọ [những giới ấy, trong tâm ta sẽ] thường ghi nhớ “ta đã quy y Tam Bảo, ta đã thọ Ngũ Giới, phải nghiêm túc học tập”, nó thường cảnh tỉnh quý vị. Chẳng thọ, quý vị sẽ chẳng có khái niệm ấy. Sau khi đã thọ, thường được nhắc nhở, do có lợi ích ấy nên thọ giới tốt hơn là không thọ! Nhưng đã thọ thì ngàn muôn phần đừng nghĩ ta đã là đệ tử Tam Bảo, ta đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới! Đấy là đại vọng ngữ, có tội lỗi, [là vì] quý vị chưa làm được! Sau khi đã thọ phải nghiêm túc, nỗ lực thực hiện, nhất định phải làm được thì mới là tốt đẹp. Bởi lẽ, Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức.

Lúc tôi mới học Phật, được quen biết Chương Gia đại sư, còn chưa quy y. Tôi học với Ngài ba năm, hình như tới năm thứ ba mới quy y, hai năm đầu chẳng quy y. Về sau có rất nhiều người bảo: “Anh thường ở cùng một chỗ với lão nhân gia, có thể nào chẳng quy y?” Gần như là không thể nào chấp nhận, tôi bèn đối trước đại sư quy y, thọ Tam Quy. Đại sư vô cùng từ bi, tuy tôi chưa quy y, Ngài vẫn bằng lòng nhiệt thành giáo huấn, mỗi tuần dành cho tôi hai giờ, rất khó có! Tuy chúng tôi chưa quy y nơi hình thức, nhưng xét đến thực chất thì đã là thật sự quy y, vì nghe lời! Thầy dạy ra sao, chúng tôi đều có thể tiếp nhận, đều chịu y giáo phụng hành. Đó là thật sự quy y, tuy trên hình thức chẳng có, nhưng thật sự quy y thì có. Đó cũng gọi là *“hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng”*. Nhất định phải nhập, nhất định phải học theo Phật. Đức Phật dạy chúng ta hai câu, phải vĩnh viễn ghi nhớ, phải vĩnh viễn thực hiện: *“Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”*, chẳng sợ chịu khổ, chẳng có gì quan trọng hơn điều này! Có thể chịu khổ, sẽ chẳng bị dao động trong hết thảy cảnh giới, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Phàm những kẻ học Phật rốt cuộc bị thất bại, đọa lạc, là do bị hoàn cảnh xoay chuyển. Nói thực ra là chẳng thể chịu khổ, không chống được sự dụ dỗ, mê hoặc của cảnh giới, tiếng tăm, lợi dưỡng bên ngoài nên mới bị thất bại. Bởi thế, hai điều giáo huấn ấy của đức Phật trọng yếu dường nào!

Chúng ta học Thập Thiện Nghiệp từ chỗ nào? Trong những năm gần đây, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng học, mà cũng là nhắc nhở chính mình, hãy thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên tức là thật sự học Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu [có kẻ nào] hỏi cách học Thập Thiện Nghiệp Đạo là như thế nào, quý vị hãy bảo kẻ ấy: “Hãy nghiêm túc học Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên thì sẽ là học Thập Thiện Nghiệp Đạo”. Đã thành tựu hai thứ ấy, quý vị sẽ viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong Phật pháp, có một pháp môn đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, tức pháp môn Tịnh Tông. Chỉ cần chúng ta có cơ sở này bèn có thể vãng sanh, cũng có nghĩa là đã có ba căn cơ Nho, Thích, Đạo, thật sự vun bồi bền vững ba căn ấy, chúng ta nương theo lý luận và phương pháp trong kinh Vô Lượng Thọ để cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định thành tựu. Đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạt đến bờ kia rốt ráo. Do vậy, câu nói ở đây chẳng phải là lời giả. Nhập Phật pháp tạng là trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta nhất định phải thực hiện ba căn cội của Nho, Thích, Đạo, quý vị bèn nhập Phật pháp tạng. Nhập nông cạn, chớ sợ! Đã có bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, sự gia trì ấy chính là kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi ngày, quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt, là được A Di Đà Phật gia trì quý vị một lần. Quý vị niệm mỗi ngày là được gia trì mỗi ngày. Mỗi ngày nghe giảng, hiểu rõ ràng, minh bạch đạo lý trong ấy, quý vị đã được gia trì viên mãn, lẽ nào chẳng vãng sanh!

*“Tam cú nghĩa trung, toàn nhiếp Tịnh Độ pháp môn, Bồ Tát nhất thiết sở hạnh, bất ly phương tiện. Dĩ phương tiện cố, thủ ư Tịnh Độ, đắc thường kiến Phật”* (Nghĩa lý trong ba câu ấy đã gồm thâu trọn vẹn pháp môn Tịnh Độ và hết thảy các hạnh của Bồ Tát, chẳng lìa phương tiện. Do dùng phương tiện mà giữ lấy Tịnh Độ, nên thường được thấy Phật). Phương tiện của Tịnh Tông trước hết là làm một người tốt. Chẳng làm một người tốt, sẽ chẳng có cách nào sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng có phần, phải làm một người tốt! Nhưng chúng ta cũng thật sự thấy, chẳng phải là giả, có kẻ suốt đời tạo ác, lúc lâm chung gặp gỡ bạn lành khuyên kẻ ấy “quay đầu là bờ”, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy nghiễm nhiên cũng thành tựu, đó là do nguyên nhân nào? Điều ấy khiến cho nhiều người hoài nghi. Trong ấy có đại đạo lý, đại đạo lý gì vậy? Kẻ suốt đời tạo ác, lâm chung sám hối, biết lỗi, quay đầu, tội nghiệp bèn tiêu tan. Kinh Phật có tỷ dụ “nhà tối ngàn năm”, căn nhà ấy chẳng có ánh sáng, bao lâu? Một ngàn năm! Quý vị thắp một ngọn đèn soi sáng, tối tăm chẳng còn nữa. Tối tăm ví như tội nghiệp, “ngàn năm” là thời gian tạo tội nghiệp rất dài. Quý vị một niệm quay đầu, tức là quý vị thắp một ngọn đèn, tối tăm chẳng còn nữa. Lời này cho chúng ta biết: Tội lẫn phước đều chẳng phải là thật, chúng đều sanh từ tâm tưởng, là pháp sanh diệt, chẳng phải là thật. Chỉ cần là pháp sanh diệt thì như kinh Kim Cang đã nói rất hay: *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, pháp hữu vi là pháp sanh diệt. Giống như nằm mộng, gặp ác mộng, tạo tội nghiệp là gặp ác mộng, tạo nghiệp chịu khổ. Có người đánh thức quý vị, sau khi tỉnh giấc, mộng hoàn toàn chẳng còn nữa. Khi quý vị ở trong lục đạo, thời gian tạo tác tội nghiệp rất dài, cảm nhận khổ báo trong tam đồ, nay có thiện tri thức đánh thức quý vị, quý vị liền giác ngộ “lục đạo thật là khổ, ta muốn về thế giới Cực Lạc”. Ý niệm vừa chuyển, nghiệp bèn tiêu tan, nó chẳng còn chướng ngại quý vị nữa!

Nghiệp tiêu nhiều hay ít, tùy thuộc tín tâm của quý vị. Tín tâm kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi, nghiệp bèn tiêu hết. Có những kẻ như thế nào? Ta tạo nghiệp nhiều quá, thời gian tạo nghiệp quá lâu, như vậy thì có được hay không? Chỉ cần có một niệm như thế, nghiệp của người ấy chỉ có thể tiêu ít ỏi vài phần, còn phần lớn chẳng thể tiêu được, vẫn có thể chướng ngại kẻ ấy. Nếu chúng ta thật sự hiểu đạo lý này, sẽ chẳng còn hoài nghi nữa, biết tội nghiệp như thế nào đi nữa, câu A Di Đà Phật thật sự có thể tiêu trừ [nghiệp ấy], giữ chặt A Di Đà Phật, quyết định chẳng buông lỏng. Trong tâm có A Di Đà Phật, trong miệng có A Di Đà Phật, thân thể tạo tác cũng giống như A Di Đà Phật, còn có thể nào chẳng vãng sanh ư? Ở đây nó*i “Bồ Tát nhất thiết sở hành, bất ly phương tiện”* (hết thảy các hạnh của Bồ Tát chẳng lìa phương tiện), chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật ứng hóa trong thế gian này. *“Dĩ phương tiện cố”* (do dùng phương tiện), đó là phương tiện thiện xảo, *“thủ ư Tịnh Độ”* (giữ lấy Tịnh Độ), phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này. *“Đắc thường kiến Phật”* (thường được thấy Phật), tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều có thể tương ứng với những điều đã dạy trong kinh Vô Lượng Thọ. Điều này giống như trong các tôn giáo thường nói: “Ta và thần cùng tồn tại”, chúng ta cũng là cùng A Di Đà Phật tồn tại. Trong Phật pháp, ý nghĩa “cùng tồn tại” này được nói rất thân thiết. Trung Phong quốc sư nói*: “Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta”*, đấy chẳng phải là ta và A Di Đà Phật cùng tồn tại ư?

*“Dĩ kiến Phật cố, văn pháp tu hành, nhập Phật pháp tạng, viên mãn giác tâm, cứu cánh bỉ ngạn”* (do thấy Phật nên nghe pháp tu hành, nhập Phật pháp tạng, viên mãn giác tâm, đạt đến bờ kia rốt ráo). Đây là rốt ráo viên mãn thành Phật trong một đời. Nhập Phật pháp tạng, tánh, tướng, lý, sự, nhân quả, viên mãn giác tâm, không gì chẳng thông đạt, hiểu rõ. *“Cứu cánh bỉ ngạn”* là niệm niệm tương ứng tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”.* Trong mỗi niệm, chúng ta đều tương ứng với trí huệ và đức tướng trong tự tánh. Đấy là đạt đến *“cứu cánh bỉ ngạn”*. Do vậy, kinh phải đọc thuộc, phải hiểu rõ ý nghĩa, phải vận dụng trong cuộc sống hằng ngày. *“Nhược vô phương tiện, vô lượng hành môn chung bất thành tựu”* (nếu không có phương tiện, vô lượng hành môn trọn chẳng thể thành tựu). Trí huệ chân thật, lìa hết thảy tướng, tức là hết thảy các pháp; vì thế, buông xuống là công phu bậc nhất của người tu hành. Buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, buông khởi tâm động niệm xuống, điều này chẳng dễ gì làm được, nhưng khởi đầu từ [buông xuống] phân biệt và chấp trước thì chúng ta có thể làm được. Tuy chẳng thể viên mãn như Bồ Tát, nhưng chúng ta hãy bắt đầu làm! Thời thời khắc khắc đều có thể cảnh giác, điều này rất trọng yếu. Đặc biệt là trong hoàn cảnh hiện tiền, từ TV, Internet, từ các phương tiện thông tin, chúng ta thấy trên toàn thể thế giới có nhiều tai nạn chẳng có cách nào tưởng tượng nổi. Đối với người tu hành mà nói, những tai nạn ấy có điểm lợi ích là khiến cho chúng ta cảnh giác thế giới này thật sự khổ sở, chẳng thể trụ trong thế giới này! Mỗi ngày chúng ta thấy trong kinh đức Thế Tôn đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, thế giới ấy tốt đẹp lắm! So sánh hai thế giới, nguyện vọng cầu sanh thế giới Cực Lạc sẽ nẩy sanh tràn trề, đó là điều tốt đẹp. Nếu trên thế giới này chẳng có tai nạn, chúng ta sẽ không muốn ra đi, tuy niệm A Di Đà Phật vẫn chẳng nỡ lìa bỏ thế giới này. Do vậy, mỗi lần có đại tai nạn, hiện tượng ấy cũng độ rất nhiều người. Có lắm kẻ thiện căn chưa chín muồi, trông thấy tai nạn ấy, thiện căn bèn chín muồi, thật sự muốn vãng sanh, thật sự buông xuống. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư có nói hai câu rất tuyệt*: “Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại nhân tâm”* (Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu do lòng người). Quý vị có cách nhìn ra sao, hoàn cảnh chẳng có tốt hay xấu, quan hệ giữa con người với nhau cũng chẳng có tốt hay xấu, [tùy thuộc] quý vị có cách nhìn ra sao! Nếu quý vị dùng tâm thái bình thường để nhìn, sẽ chẳng có gì là bất hảo. Tâm thái bất bình thường, hoàn cảnh gì cũng đều bất hảo, xác thực là cảnh chuyển theo tâm. Hy vọng các đồng học học Phật chúng ta đều có thể dùng tâm để chuyển cảnh giới, đó là điều tốt đẹp!

Tiếp đó, lão cư sĩ trích dẫn kinh Đại Bát Nhã để nói: *“Như Đại Bát Nhã kinh vân: Thị Bồ Tát do dữ Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ứng cố, tùng thử xứ một, sanh dư Phật độ. Tùng nhất Phật quốc, chí nhất Phật quốc, tại tại sanh xứ, thường đắc trị ngộ chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, chung bất ly Phật”* (Như kinh Đại Bát Nhã nói: “Vị Bồ Tát này do tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa nên từ chỗ này chết đi, sanh trong các cõi Phật khác, từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác, sanh ở nơi đâu cũng đều thường được gặp gỡ chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, cho đến [khi chứng đắc] Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Tát, trọn chẳng lìa Phật”). Đây là dạy dỗ chúng ta, chúng ta đã vun bồi vững vàng ba căn bản, tu Tịnh Độ như thế nào? Tu Tịnh Độ cũng phải là “tâm chẳng lìa Phật, hạnh chẳng lìa Phật”, sẽ thành tựu rất nhanh chóng. Ở đây đã nêu một thí dụ, *“Bồ Tát do dữ Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ứng cố”* (Bồ Tát do tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa). Bát Nhã Ba La Mật Đa: Bát Nhã là trí huệ, Ba La Mật Đa là bờ kia, cũng là bờ kia Niết Bàn. Câu này có nghĩa là Bồ Tát có năng lực ấy, trong cuộc sống hằng ngày, Ngài sử dụng trí huệ, chẳng dùng tri thức, Bát Nhã là trí huệ. Tri thức và trí huệ khác nhau! Cơ sở của trí huệ là tâm thanh tịnh, cơ sở của tri thức là tâm ý thức. Trong tâm ý thức có ý niệm, trong tâm thanh tịnh chẳng có ý niệm, nên chúng khác nhau. Tối thiểu là phải buông Kiến Tư phiền não xuống, vẫn chưa thể gọi là Bát Nhã. Buông Kiến Tư phiền não xuống, tâm thanh tịnh, chứng quả A La Hán.

Theo cách nhìn của giáo pháp Đại Thừa thì trong tam đức bí tạng (Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát), A La Hán chỉ có một đức là Giải Thoát, mà giải thoát vẫn chưa viên mãn, được gọi là giải thoát nửa vời, chưa chứng đắc Pháp Thân, chẳng chứng đắc Bát Nhã. Cũng có thể nói là A La Hán chẳng có trí huệ Bát Nhã. Phải nâng cao lên một đẳng cấp, đạt đến Bồ Tát, Bồ Tát có trí huệ Bát Nhã. Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, nên mới gọi là *“tương ứng”.* Từ tựa đề kinh này, thanh tịnh là điều chứng đắc bởi A La Hán, bình đẳng là chứng đắc của Bồ Tát, giác được chứng đắc bởi Phật, đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Bình đẳng không dễ dàng, sau khi đã thanh tịnh rồi thì mới có bình đẳng. Đại chúng trong xã hội hiện thời tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thanh tịnh thì làm sao có thể bình đẳng cho được? Vì sao? Sau Đệ Nhị Thế Chiến, mọi người trên thế giới này đều mong mỏi hòa bình xuất hiện, nhưng mãi cho đến hiện thời, hòa bình chẳng xuất hiện! Xã hội mỗi năm một động loạn hơn, tai nạn mỗi năm một nhiều hơn. Do nguyên nhân nào? Tâm con người chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, trong xã hội hiện tiền, điều quan trọng nhất là làm sao giúp cho người ta đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là điều mọi người đều luôn mơ ước, mong cầu. Mong cầu thân tâm thanh tịnh, vì sao chẳng đạt được? Dục vọng quá nhiều, chẳng thể buông dục vọng xuống được. Do vậy, cổ nhân Trung Quốc nói: *“Tri túc thường lạc”* (biết đủ, thường vui sướng). Nếu con người tri túc, tâm thanh tịnh bèn có thể khôi phục. Người nếu chẳng tri túc, tâm kẻ ấy sẽ vĩnh viễn chẳng thanh tịnh. Giống như nước nổi sóng, chẳng bình lặng. Tri túc, sẽ dần dần lắng xuống, sóng to trở thành sóng nhỏ, sóng nhỏ trở thành gợn sóng, có thể khôi phục thanh tịnh. Vì thế, phải tri túc thì mới được.

Quý vị thấy có phải là Di Lặc Bồ Tát sẽ đến thành Phật trong nhân gian hay không? Hiện thời Ngài ở nơi đâu? Tại Đâu Suất Thiên. Đâu Suất nghĩa là gì? Tri túc. Di Lặc Bồ Tát muốn hạ sanh thành Phật, trước tiên phải tu Tri Túc trong tầng trời Đâu Suất. Tu viên mãn công phu Tri Túc rồi mới có thể làm Phật, phổ độ chúng sanh. Chẳng tri túc thì làm sao được nữa? Vì sao Ngài phải trụ trong Đâu Suất Thiên, chẳng trụ trong Tha Hóa Tự Tại Thiên? Vì sao không trụ trong Đao Lợi Thiên? Mang ý nghĩa biểu pháp, Bổ Xứ Phật, Bổ Xứ Bồ Tát nhất định phải là từ Tri Túc Thiên giáng hạ [nhân gian] làm Phật, toàn là ý vị giáo học. Do vậy, có thể biết: Phật là pháp vương, quốc vương và đế vương trong thế gian cũng phải biết Tri Túc thì ngồi trên ngai hoàng đế mới thật sự có thể ích nước, lợi dân. Ông ta tri túc. Nếu chẳng tri túc, sẽ biến thành một gã vua bạo ngược, dân chúng phải chịu khổ. Hoàng thượng tri túc, dân chúng hưởng phước, cùng một đạo lý! Lại thấp hơn một bực nữa sẽ là xí nghiệp, nói theo tình trạng hiện thời. Chủ nhân xí nghiệp tri túc, xí nghiệp ấy sẽ là xí nghiệp khuôn mẫu. Chủ nhân tri túc, kiếm được tiền sẽ nhất định cứu giúp dân nghèo, thực hiện sự nghiệp phước lợi xã hội, việc kinh doanh càng làm càng to lớn, càng làm càng dồi dào, càng thí càng nhiều! Càng nhiều bèn càng làm nhiều hơn! Quý vị nói xem sự biểu pháp của vị Bồ Tát này có dụng ý sâu xa dường nào? Tri túc bèn thật sự có thể tu phước, có thể tích đức. Kẻ chẳng tri túc sẽ thiếu phước, kẻ không tri túc sẽ bại đức, chẳng biết tu đức.

Mấy câu kinh ấy đã hiển thị thần thông và diệu dụng của Bồ Tát. *“Tùng thử xứ một, sanh dư Phật độ”* (từ chỗ này chết, sanh trong các cõi Phật khác), như Di Lặc Bồ Tát cơ duyên chín muồi, thời tiết, nhân duyên đã chín muồi, bèn từ trời Đâu Suất giáng hạ, giáng sanh trên địa cầu, nói thông tục là “đầu thai”. Chẳng còn ở trong thiên cung Đâu Suất nữa, xuất sanh trong thế giới này, Ngài có năng lực ấy. Thế giới này rất lớn! Phải độ chúng sanh trên địa cầu, có phải độ những tinh cầu khác hay không? Đương nhiên là phải độ, khu vực giáo hóa của Ngài có phạm vi là một tam thiên đại thiên thế giới. Trên mỗi tinh cầu đều có chúng sanh, vì sao? Tinh cầu là y báo, y báo chuyển theo chánh báo. Chẳng có chánh báo sẽ chẳng có y báo! Y báo và chánh báo đồng thời phát sanh; do vậy, trên mỗi tinh cầu đều có chúng sanh sống trong đó. Có các chúng sanh chẳng có cùng chiều không gian với chúng ta, nên chúng ta chẳng thấy họ, mà họ cũng chẳng thấy chúng ta. Chiều không gian cao hơn, có những chiều không gian cao hơn chúng ta, chúng ta sẽ chẳng thấy họ, nhưng họ trông thấy chúng ta. Do vậy, chẳng thể nói chúng ta dùng phi thuyền bay đến thám hiểm tinh cầu khác, phát hiện [ở đó] chẳng có ai, một vùng hoang vắng, thê lương, đó là gì? Nhục nhãn của chúng ta chẳng nhìn thấy, chứ thật ra là có. Trên quả địa cầu này, người và quỷ sống lẫn lộn, nhưng có rất nhiều người chẳng hề thấy quỷ. Ta chẳng tin tưởng, nhưng cũng có chẳng ít người đã thấy quỷ, họ bèn thật sự tin tưởng, duyên phận của mỗi người khác nhau!

Tôi đã gặp một số nghệ sĩ, diễn viên kể với tôi: Họ thật sự thấy [quỷ]. Trong lúc quay phim, buổi tối quay ngoại cảnh, quay tại nghĩa trang, sắp đặt các đạo cụ để đóng phim tại đó, quỷ cũng đến tham gia, thật sự gặp gỡ. Sau khi quay phim xong, mọi người cũng cảm thấy rất đói, thấy gần đó có quán nhỏ bán đồ ăn vặt, mọi người đến cái quán nhỏ ấy để ăn uống. Ăn xong, lái xe ra về, đến ngày hôm sau bị tiêu chảy, [đều nghĩ] do ăn những thứ đã bị hư nên nôn mửa, mửa ra gì? Toàn là những thứ trời ơi đất hỡi! Chuyện gì đây? Lại gọi điện thoại cho mấy người bạn thì họ nói: “Anh sao, tôi cũng vậy, người khác cũng vậy”. Được rồi, chúng ta lái xe đi tìm cái quán nhỏ ấy. Lái xe tới đó, một bãi tha ma, thứ gì cũng chẳng có! Gặp phải quỷ rồi! Quỷ mở tiệm mà ta đến đó ăn uống! Chẳng phải là một người nói, mà bảy tám người đều nói như thế! Người và quỷ sống lẫn lộn mà! Quý vị có thể nói trên mặt trăng chẳng có ai hay không? Quý vị có thể nói Hỏa Tinh chẳng có ai hay chăng? Có chứ! Nói theo Phật pháp, chỉ cần có cõi nước sẽ có người cư trụ. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, cảnh chuyển theo tâm, lời ấy là thật, chẳng phải giả!

Vì thế, Bồ Tát có thể từ chỗ này chết, sanh sang cõi Phật khác, từ cõi Phật này sanh sang cõi Phật khác, sanh ở chỗ nào đều thường gặp gỡ chư Phật Thế Tôn. Đó là nói những vị Bồ Tát trong pháp hội này, các Ngài chỉ cần thấy vị Bồ Tát nào đó thành Phật một nơi nào đó đều hoan hỷ: “Chúng ta đến tùy hỷ”, bèn mất ở nơi đây, xuất hiện nơi kia. Đó là một cách nói. Trên thực tế, các Ngài có năng lực quá lớn, chẳng rời khỏi nơi đây mà có thể hiện thân nơi kia, phân thân đấy mà! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có bản lãnh này. A Di Đà Phật giảng kinh, giáo học, họ nghe nơi đó, bất động. Họ nghe ở nơi đó. Trong thế giới phương khác, Phật đang hoằng pháp bên đó, họ cũng đến, phân thân đến đó, có thể phân vô lượng vô biên thân, đồng thời tham gia pháp hội của hết thảy chư Phật Như Lai, họ có bản lãnh ấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thành tựu, vì sao nhanh chóng dường ấy? Thời gian thân cận chư Phật Như Lai nhiều, có phước báo; nghe Phật thuyết pháp nhiều, tăng trưởng trí huệ, thật sự là phước huệ song tu, lợi hại hơn chúng ta nhiều! Chúng ta một vị Phật cũng chẳng gặp, nghe kinh tại đạo tràng này sẽ chẳng thể nghe kinh tại giảng đường sát vách. Họ có thể đồng thời phân thân, đồng thời đều học được, người ta có năng lực ấy, toàn là tiếp xúc chư Phật Như Lai, vượt trỗi Đẳng Giác, Thập Địa, mỗi ngày thân cận đại thiện tri thức như vậy, lẽ đâu chẳng thành tựu!

Họ gặp gỡ chư Phật Thế Tôn, quý vị thấy đó, *“cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán”*, đó là tu phước; nghe pháp, tiếp nhận sự giáo huấn là tu huệ. Cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề là mục tiêu tu học cao nhất, một phương hướng, một mục tiêu, dũng mãnh tinh tấn, *“chung bất ly Phật”* (trọn chẳng lìa Phật). Hiện thời chúng ta có thể làm được hay không? Có thể làm được. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, lắm phiền não, tuy chẳng thấy Báo Thân của Phật, nhưng trông thấy tượng Phật, thấy kinh Phật. Chỉ cần chẳng lìa khỏi tượng Phật, chẳng lìa khỏi kinh Phật, mỗi ngày lễ bái, thân lạy Phật, miệng niệm Phật, trong tâm nghĩ tưởng Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: *“Ức Phật, niệm Phật”*, Ức (憶) là trong tâm nghĩ tưởng Phật. *“Hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật”* (hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Phật có ở cạnh ta hay không? Có, nhưng chúng ta nghiệp chướng nặng nề, chẳng nhìn thấy. Trong tâm chúng ta có cảm, Phật bèn có ứng, Phật ở ngay bên cạnh chúng ta, trước nay chưa hề rời lìa, đó là lòng đại từ đại bi của Phật. Chư Phật Như Lai đã phát nguyện: *“Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai”*, làm sao có thể bỏ sót chúng ta cho được? Chẳng thể nào! Thường nghĩ tới ân đức của Phật đối với chúng ta, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực học tập. Trong kinh điển, đức Phật đã giáo huấn quý báu tốt đẹp như thế, hãy nghiêm túc học tập thì mới là đúng.

*“Đương tri dục bất ly Phật, tu dĩ niệm Phật vi nhân, như Hoa Nghiêm Thập Địa, thỉ chung bất ly niệm Phật”* (Hãy nên biết, muốn chẳng lìa Phật, hãy nên lấy niệm Phật làm nhân, như trong kinh Hoa Nghiêm, hàng Thập Địa từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật), chúng ta phải ghi nhớ câu này. Thập Địa trong Hoa Nghiêm là Pháp Thân đại sĩ từ Sơ Địa cho đến Thập Địa, trong bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, đặc biệt nêu lên Thập Địa, [nhưng ngụ ý] bao gồm [các địa vị] thấp hơn như Thập Hồi Hướng, Thập Hạnh, Thập Trụ, chẳng có địa vị nào không niệm Phật. Điều cuối cùng trong Tịnh nghiệp tam phước chính là nhập Phật pháp tạng, điều thứ hai chưa nhập, điều thứ ba là đã nhập, *“phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả”*. Nhân quả ấy không phải là nhân quả bình phàm! Nếu là nhân quả bình phàm thì vì sao Đại Thừa Bồ Tát mới học? Chúng ta đều biết nhân quả phổ thông là “chớ nên sát sanh”, sát sanh là nhân, quả báo là trong tương lai bị kẻ khác giết. Chớ nên trộm cắp, trộm cắp thì trong tương lai quý vị phải trả nợ. Đã trả nợ lại còn phải kèm thêm lợi tức, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Sát sanh phải đền mạng, trộm cắp phải đền tiền. Nhân quả thông khắp ba đời, chẳng phải là một đời! Do vậy, người hiểu nhân quả ba đời, tâm bèn định, tự nhiên tri túc. Bị thua thiệt, bị lừa gạt chẳng sợ, thật đấy, cổ nhân nói chẳng sai: *“Bị thua thiệt là có phước”*, là chuyện tốt, không phải là chuyện xấu. Ta bị thua thiệt, kẻ khác chiếm tiện nghi, đời sau, kẻ ấy phải trả lại cho ta, phải đáp đền. Nay ta hoan hỷ chịu thua thiệt, trong tương lai, kẻ ấy hoan hỷ cúng dường, hoan hỷ trả nợ, như vậy thì có gì là chẳng tốt đẹp? Do vậy, tâm niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác bị đoạn mất; chẳng làm chuyện tổn thương, gây hại cho người khác nữa. Vì sao? Đã giác ngộ, đã hiểu rõ, đã biết chân tướng sự thật. Chúng ta biết những thứ nhân quả ấy, [chẳng lẽ] Bồ Tát không biết? Đương nhiên là biết. Vậy thì Bồ Tát chẳng biết loại nhân quả nào? Thật vậy, *“niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”*, khá nhiều Bồ Tát chẳng biết, chỉ có Phổ Hiền Bồ Tát biết. Do đó, các vị Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều biết, niệm A Di Đà Phật là nhân, đến thế giới Cực Lạc thành Phật là quả. Trong các phần trước, đối với câu danh hiệu A Di Đà Phật, chúng tôi đã báo cáo nhiều lượt, [câu danh hiệu ấy] vốn là đức hiệu của tự tánh. Ý nghĩa của câu danh hiệu toàn là tiếng Phạn ấy dịch sang tiếng Hán thì A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác. Vô Lượng Giác là tự tánh, tức là tự tánh của chúng ta. Niệm A Di Đà Phật là niệm tự tánh của chúng ta. Tây Phương Cực Lạc thế giới Pháp Tạng Bồ Tát đã thành Phật, Ngài bèn dùng Vô Lượng Giác làm danh hiệu. Vì vậy, niệm danh hiệu này là vừa niệm ngài Pháp Tạng đã thành Phật, vừa niệm đại giác viên mãn trong tự tánh, tự tha bất nhị, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, điều cuối cùng trong Tịnh nghiệp tam phước, *“tin sâu nhân quả”* nhằm nói về chuyện này. Tin sâu “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”. Niệm Phật thành Phật, quyết định chân thật chẳng dối, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng.

Tiếp đó, *“đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”*, ba câu trước đó là tự lợi, câu cuối cùng là lợi tha. Chính mình đã thành tựu rồi, nhất định phải giúp người khác, toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác. Làm khi nào? Khi đã có đôi chút thành tựu. Do vậy, Quyền Giáo Bồ Tát, phạm vi này rất rộng, từ sơ phát tâm cho đến địa vị Thập Tín đều là Quyền Giáo Bồ Tát, là tiểu Bồ Tát, chưa kiến tánh. Đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh thì là Bồ Tát. Chưa kiến tánh thì đều gọi là Quyền Giáo Bồ Tát. Có làm hay không? Làm! Ta biết bao nhiêu, ta giảng bấy nhiêu, chia sẻ với đại chúng, khuyên người khác là khuyên chính mình. Suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn, nêu gương cho chúng ta trong bốn mươi chín năm, chúng ta đã thấy, hiểu rõ, học theo gương ấy là đúng. Cuộc sống giáo học của lão nhân gia trong bốn mươi chín năm là hoạt động chánh đáng bình thường trong Phật giáo. Trong bốn mươi chín năm, chẳng làm kinh sám, Phật sự, chẳng tổ chức pháp hội, cũng chẳng hề cử hành Phật Thất một ngày nào, cũng chẳng hề tụ tập đại chúng cùng nhau niệm Phật suốt một cây hương! Chẳng hề có! Suốt đời làm gì? Cả đời là giáo học, suốt ngày từ sáng đến tối đều chẳng gián đoạn, nhất cử, nhất động, một câu nói, một nụ cười đều nhằm biểu thị pháp, đều là giáo học. Bất luận là đối với nhiều người, hay độ một hai người, chẳng có ai không dạy, nhiệt tình, thành ý chân tâm như vậy cảm động hết thảy chúng sanh. Nhục nhãn của chúng ta chẳng nhìn thấy, trong kinh này có chép, chư thiên các cõi trời Dục Giới và Sắc Giới, tám bộ quỷ thần, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Cớ sao [chúng sanh trong] địa ngục cũng đến? Những vị từ địa ngục tham gia pháp hội đều là Bồ Tát, hiện thân [làm tội nhân] địa ngục trong các địa ngục để giáo hóa chúng sanh, nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giáo học, họ cũng đến. Chẳng phải là kẻ thật sự tạo tội nghiệp đọa địa ngục, hạng người ấy chẳng ra khỏi ngục được, vì họ chẳng có phước báo to lớn ấy. Trong địa ngục có rất nhiều Bồ Tát, các Ngài đến đi tự do. Các Ngài đến địa ngục để độ chúng sanh trong địa ngục, nên hiện tướng địa ngục. Chẳng có một ai rời Phật. Do vậy, ở đây dạy chúng ta: *“Thập Địa Bồ Tát thỉ chung bất ly niệm Phật”* (Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật), chúng ta có nên không niệm Phật hay chăng? Bởi lẽ đó, Phổ Hiền Bồ Tát thoải mái dường ấy, khuyên dạy các vị Bồ Tát [trong Hoa Nghiêm hải hội] hãy cùng nhau đến thế giới Cực Lạc, vầy đoàn đến thế giới Cực Lạc bái kiến A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc cũng thật sự rất náo nhiệt, chư Phật, Bồ Tát trong mười phương thế giới đến triều kiến liên miên chẳng dứt.

Đoạn văn ấy do cư sĩ Bành Tế Thanh nói, *“án Bành thị chi thuyết, Bồ Tát độ sanh tu hữu phương tiện, tối thắng phương tiện thị giáo nhân niệm Phật”* (xét theo lời ông Bành đã nói, Bồ Tát độ sanh cần phải có phương tiện, phương tiện thù thắng nhất là dạy người ta niệm Phật). Câu này hết sức quan trọng, chúng ta phải ghi nhớ, suốt đời chẳng rời bỏ. Bất luận chỗ nào, thấy người khác đều là “A Di Đà Phật”, đó là gì? Dạy kẻ ấy niệm Phật, chẳng cần biết kẻ ấy có tin hay không. Kẻ đó chẳng tin thì cũng đã nghe lọt vào tai rồi, hễ lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Chủng tử Phật đã gieo trong ruộng thức thứ tám, gặp mọi người đều là như vậy. Đồng học học Phật nhận điện thoại, cầm lấy điện thoại bèn “A Di Đà Phật”, tốt lắm! Dưỡng thành [thói quen] niệm niệm chẳng rời Phật, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật. *“Niệm Phật sanh Phật quốc, kiến Phật văn pháp, chung bất ly Phật, cố năng nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn”* (niệm Phật, sanh về cõi Phật, thấy Phật, nghe pháp, trọn chẳng lìa Phật, nên có thể nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo), thật vậy, chẳng giả! Chỉ có chính mình niệm Phật, khuyên người khác niệm Phật, hiện thời chưa thể nhập Phật pháp tạng, nhưng thật ra đã gieo cái nhân nhập Phật pháp tạng. Sanh về thế giới Cực Lạc sẽ là nhập Phật pháp tạng. Đoạn văn này của ông Bành Tế Thanh *“thâm đắc kinh chỉ”* (thấu đạt sâu xa tông chỉ của kinh), đây là lời Hoàng lão cư sĩ tán thán ông Bành. Chúng ta còn có thời gian, hãy xem đoạn kinh văn kế tiếp, đoạn này khá dài!

***(Kinh) Nguyện ư vô lượng thế giới thành đẳng Chánh Giác. Xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo. Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố. Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán. Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác. Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian, phá phiền não thành, hoại chư dục tiệm. Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch. Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trữ công đức, thị phước điền. Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ. Thăng quán đảnh giai, thọ Bồ Đề ký. Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê, thường tập tương ứng vô biên chư hạnh, thành thục Bồ Tát vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm.***

**(經) 願 於 無 量 世 界 成 等 正 覺 。 捨 兜 率，降 王 宮，棄 位 出 家 , 苦 行 學 道，作 斯 示 現，順 世 間 故。以 定 慧 力，降 伏 魔 怨。得 微 妙 法，成 最 正 覺。天 人 歸 仰，請 轉 法 輪。常 以 法 音，覺 諸 世 間。破 煩 惱 城，壞 諸 欲 塹。洗 濯 垢 污，顯 明 清 白。調 眾 生，宣 妙 理，貯 功 德，示 福 田。以 諸 法 藥，救 療 三 苦。昇 灌 頂 階，授 菩 提 記。為 教 菩 薩，作 阿 闍 黎，常 習 相 應 無 邊 諸 行。成 熟 菩 薩 無 邊 善 根，無 量 諸 佛 咸 共 護 念。**

*(****Chánh kinh****: Nguyện trong vô lượng thế giới thành Ðẳng Chánh Giác. Bỏ Ðâu Suất, giáng hạ vương cung, vứt bỏ ngôi vị, xuất gia, khổ hạnh học đạo. Thị hiện như thế để thuận theo thế gian. Dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán, đắc vi diệu pháp thành Chánh Giác cao tột. Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian, phá thành phiền não, hoại các hào dục, rửa sạch cấu ô, hiển minh thanh bạch. Ðiều ngự chúng sanh, tuyên diệu lý, trữ công đức, chỉ bày phước điền. Dùng các pháp dược cứu chữa ba khổ. Lên địa vị quán đảnh, thọ ký cho Bồ Tát. Ðể dạy Bồ Tát bèn làm A Xà Lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành thục Bồ Tát vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm).*

Chúng ta đọc lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: *“Thượng đoạn mạt nhị cú, ‘nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn’, tái tán đại sĩ chi Thật Đức. Kim văn cập hạ văn lưỡng đoạn, tắc tái tán Bồ Tát phổ ư thập phương thị hiện bát tướng thành đạo chi thù thắng Quyền Đức”* (Hai câu cuối trong đoạn trên, tức “nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo” lại khen ngợi Thật Đức của đại sĩ. Hai đoạn văn gồm đoạn văn này và đoạn kế tiếp lại khen ngợi Quyền Đức thù thắng của Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo trọn khắp mười phương). *“Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn”*, Bồ Tát thành tựu viên mãn trí huệ và đức tướng, đó là những thứ vốn trọn đủ trong Tánh Đức, sau khi chứng đắc nhất định khởi tác dụng. Khi ấy, khởi tác dụng, chắc chắn chẳng có khởi tâm động niệm, chúng ta phải biết điều này. Giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói minh tâm kiến tánh thì kiến tánh là như thế nào? Ngài nói năm câu, văn tự không nhiều lắm, trên thực tế chỉ có hai mươi chữ, nhưng đã giảng rõ ràng, minh bạch chuyện này, thật sự khó có! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Bồ Đề, thị hiện đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài cũng đã nói ra. Ngài dùng mười bốn ngày, cũng là dùng thời gian hai tuần, diễn nói kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn thành Phật giảng trong Định, chẳng lưu truyền trong nhân gian, chẳng ai biết. Sau khi đã giảng trong Định xong, Đại Long Bồ Tát thâu cất bộ kinh ấy do đức Phật đã nói trong cung rồng. Số lượng quá lớn, chẳng thể chuyển đến giữ trong địa cầu. Phân lượng nhiều cỡ nào? Sáu trăm năm sau, Long Thọ Bồ Tát rất khó có, có duyên rất sâu với Đại Long Bồ Tát, Đại Long Bồ Tát dẫn Long Thọ tới thăm viếng cung rồng. Ngài Long Thọ thấy [kinh Hoa Nghiêm] là tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm, địa cầu của chúng ta làm sao có thể chứa đựng được? Đó là báo cáo của Thích Ca Mâu Ni Phật trong mười bốn ngày.

Nhưng chư vị phải biết Lục Tổ Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh, có cùng một cảnh giới với Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Thế Tôn ở Ấn Độ, nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, ở đất Trung Quốc thì chẳng hiện thân Phật, [người Hoa] chẳng có căn tánh tốt đẹp như vậy, nên dùng thân tỳ-kheo để đắc độ, lão nhân gia hiện thân tỳ-kheo trong một đời. Thật ra, cùng một cảnh giới, chẳng khác gì nhau, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy. Ngài nói hai mươi chữ, triển khai thì là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh nếu rút gọn sẽ là hai mươi chữ ấy, bất tăng, bất giảm. Nếu người khác hỏi, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm giảng những gì? Quý vị dùng năm câu nói đó của Lục Tổ để nói bèn nói trọn hết. Câu đầu tiên Ngài nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*. Câu thứ hai nói: *“Vốn chẳng sanh diệt”*, tức là Niết Bàn chẳng sanh, chẳng diệt. Câu thứ ba là *“vốn tự trọn đủ”*, tức là như trong Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, tự tánh vốn tự trọn đủ, tự tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, hết thảy đều là vô lượng, tự tánh vốn trọn đủ mà! Câu thứ tư nói: *“Vốn chẳng dao động”*, điều này thường được kinh Đại Thừa nói là *“tự tánh vốn định”*. Câu cuối cùng: *“Có thể sanh ra vạn pháp”*, vô lượng vô biên các cõi Phật, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh sanh, có thể sanh, có thể hiện, hết thảy vạn pháp là cái được sanh, được hiện. Nói rõ tất cả hết thảy vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới đều có cùng một tự tánh, có cùng một tự tánh tức là cùng một Thể. Lão Tử đã nói: *“Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn pháp dữ ngã nhất thể”* (trời đất và ta cùng một căn, vạn pháp và ta cùng một Thể) mang ý nghĩa này. Người Trung Quốc nói luân lý thì luân lý ấy chính là luân lý trong kinh Phật.

Luân lý là nói về quan hệ, ta và người khác có quan hệ gì? Phật pháp nói tới quan hệ rộng lớn, tinh vi, sâu xa, nói rất viên mãn. Không chỉ là quan hệ giữa con người với nhau được nói rõ ràng, mà quan hệ với tất cả động vật, quan hệ với thực vật, quan hệ với hoa cỏ, cây cối, quan hệ với núi, sông, đại địa, quan hệ với toàn thể hư không pháp giới, nói rõ ràng như thế, một Thể mà! Sự nhận biết này quan trọng hơn bất cứ gì khác! Từ bi là đức bậc nhất trong tự tánh, tinh hoa, cốt tủy của Tánh Đức là từ bi. Chúng ta không biết những quan hệ ấy, không biết chúng có quan hệ gì với chính mình, cho nên tâm từ bi chẳng thể sanh khởi. Hiểu rõ quan hệ, tâm từ bi sẽ sanh khởi. Từ bi là lòng yêu thương chân thành, là lòng yêu thương vĩnh viễn chẳng thay đổi, chẳng giả! Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Vì sao? Một Thể mà! Người kiến tánh đều biết, kẻ chưa kiến tánh chẳng hiểu, hễ kiến tánh đều biết. Do vậy, sau khi thành Phật, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Trong Ứng thì thù thắng nhất là đại quyền thị hiện, tám tướng thành đạo. Quý vị thấy đó, những điều được nói trong đoạn kinh văn này, từ *“xả Đâu Suất”* đến *“thành tối Chánh Giác, thiên nhân quy ngưỡng”*, mãi cho đến lúc thị hiện diệt độ, chính là tám tướng thành đạo, đấy là sự nghiệp trong một đời của Phật, Bồ Tát khi giáng sanh trong thế gian, thị hiện cho chúng ta thấy nhằm dạy chúng ta học tập, thân hành, ngôn giáo mà!

Tiếp đó, cụ Hoàng giải thích đoạn kinh văn này: *“Nguyện ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác”* (nguyện thành Đẳng Chánh Giác trong vô lượng thế giới). Vì sao nguyện trong vô lượng thế giới? Phật, Bồ Tát trong lúc tu nhân đã phát nguyện ấy, Tứ Hoằng Thệ Nguyện, *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*. Các đồng học học Phật chúng ta, bất luận là tại gia hay xuất gia đều đã phát, nhưng phiền não, nghiệp chướng quá nặng, thường quên bẵng nguyện này, gặp chúng sanh khổ nạn nhưng đã quên sạch sành sanh nguyện này, chẳng dấy lên ý niệm giúp đỡ họ. Người nhà, quyến thuộc gặp phải khó khăn thì có thể nghĩ tới [nguyện ấy], chứ các chúng sanh có khổ nạn ta chẳng nghĩ đến. Nguyện thật sự phát khởi, đến khi quý vị đại triệt đại ngộ, trở thành Pháp Thân Bồ Tát, chứng đắc Phật quả, sẽ thực hiện nguyện này, thực hiện viên mãn. Chúng sanh không nhất định phải cầu cạnh quý vị, chỉ cần họ gặp khổ nạn, tin tức khổ nạn truyền tới, quý vị nhận được bèn có ứng. Từ sách Hoàn Nguyên Quán, chúng ta thấy ba thứ trọn khắp, bèn hiểu tin tức ấy truyền đi nhanh chóng đến mức nào! Hiền Thủ quốc sư nêu một thí dụ là một vi trần, trong Phật pháp gọi một vi trần là “cực vi vi”, đại khái tương đương với Lượng Tử được phát hiện bởi Lượng Tử Lực Học hiện thời, Lượng Tử còn nhỏ hơn hạt cơ bản. Các nhà khoa học coi hạt nhỏ nhất ấy là cơ sở vật chất, hiện thời họ còn tiến hơn một bước, nghiên cứu [nhận biết] Lượng Tử là tiểu quang tử, nó là một thứ tạo thành vật chất, còn nhỏ hơn hạt cơ bản. Nó có ba thứ đặc tính, kinh Phật đã nói rõ, nhưng các nhà khoa học vẫn chưa thể nói rõ ràng như thế, chưa nói được. Tiểu quang tử dao động, lập tức trọn khắp pháp giới, chẳng có tốc độ nào nhanh hơn nó. Tốc độ ánh sáng hay tốc độ sóng điện từ đều thua kém rất xa. Khi nó động sẽ trọn khắp pháp giới, cho nên tin tức lan truyền hết sức nhanh chóng. Bất luận người ấy hữu tâm, vô tâm, hữu ý, vô ý, những tin tức như vậy bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên đều nhận được. Quý vị thấy Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm địa vị Phật, Bồ Tát ấy đều nhận được. Sau khi đã nhận được, lẽ nào các Ngài chẳng ứng? Hễ nhận được, nhất định sẽ hồi ứng. Tốc độ hồi ứng gần như đồng thời với tốc độ cảm. Vì sao? Ứng cũng là lập tức trọn khắp pháp giới. Vì thế, cái hay của kiến tánh là ở chỗ này. Tin tức trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng sót một điều gì, hiểu rõ ràng, rành rẽ, người ấy (người đã kiến tánh) khởi tác dụng hồi ứng. Hồi ứng cũng chẳng cần phải suy xét, chẳng hề suy xét, mà tự nhiên hồi ứng, nhất định giúp đỡ quý vị. Sự hồi ứng rõ rệt là tám tướng thành đạo, người ấy đã hồi ứng!

Bởi lẽ, nguyện này là bổn nguyện, là nguyện đã phát nơi nhân địa, hiện thời hoàn toàn thực hiện, có năng lực *“ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác”* (thành Đẳng Chánh Giác trong vô lượng thế giới), chỉ nói một câu này. Một câu bao hàm những điều khác, quý vị thấy kể cả hiện thân thành Phật hóa độ chúng sanh đều có thể, nên hiện làm Bồ Tát, hiện làm Thanh Văn, hiện làm Duyên Giác, hiện làm quốc vương, đại thần, đồng nam, đồng nữ, cho đến hiện thành hoa cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, không có gì chẳng thể thị hiện. Rốt cuộc Ngài thị hiện bằng cách nào? Chính mình chẳng có ý nghĩ gì! *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh ứng hợp với khả năng nhận biết của họ), kinh Lăng Nghiêm đã nói như vậy. Vì thế, vẫn là do ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh có ý niệm như thế nào, Ngài dùng phương pháp như thế ấy để cảm ứng. Chúng ta chớ nên không biết đạo lý như vậy. Hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, mới biết chư Phật, Bồ Tát và chúng ta cảm ứng là sự thật, chẳng giả. Hơn nữa, tốc độ cảm ứng vô cùng nhanh chóng, chúng ta có lúc chẳng thể nhận biết, là do bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng. Nghiệp chướng nhẹ hơn một chút sẽ có thể cảm nhận. Trong thế gian, có những người được gọi là “có công năng đặc dị”, họ có thể thấy, nghe, đối với những tin tức truyền đến chư Phật, Bồ Tát họ nghe thấy, có những hiện tượng bị họ trông thấy, chẳng phải là không có. Chúng tôi đi qua nhiều nơi, đã thấy khá nhiều người lạ lùng, có thật hay không? Có thể! Từ kinh Phật luôn có thể tìm thấy những lý luận làm căn cứ [để giải thích những hiện tượng ấy].

*“Nguyện”*, kế tiếp là giải thích nguyện, *“thệ nguyện dã”* (là thệ nguyện), tứ hoằng thệ nguyện*. “Pháp Quật viết: Ư xuất thế đạo hy cầu vi nguyện. Hy giả, niệm dã, nguyện dã”* (sách Pháp Quật nói: “Mong cầu đạo xuất thế là nguyện. Hy là niệm, là nguyện”). Do vậy, “hy cầu” (悕求) giống như chữ Hy (希) trong hy vọng. Trong tâm chúng ta có điều mong cầu, trong nguyện có điều mong cầu, có điều hy cầu. *“Hựu thế giới giả, Thế chỉ thời gian, Giới chỉ không gian”* (Lại nữa, “thế giới”: Thế chỉ thời gian, Giới chỉ không gian). Kinh Phật thường nói đến thế giới, các nhà khoa học hiện thời nói là “thời - không” (thời gian và không gian). *“Thời - không”* như các nhà khoa học thường nói chính là “thế giới” trong kinh Phật. *“Thủ Lăng Nghiêm Kinh viết: Thế vi thiên lưu, Giới vi phương vị. Nhữ kim đương tri, Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, thượng, hạ vi Giới.* *Quá khứ, vị lai, hiện tại vi Thế”* (Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: “Thế là dời đổi, Giới là phương vị. Nay ông nên biết: “Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, trên, dưới là Giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là Thế”). Đây là đức Phật giải thích chữ Thế Giới trong hội Lăng Nghiêm. *“Đẳng Chánh Giác, kiến Đường dịch, thị vi tân dịch”* (Từ ngữ Đẳng Chánh Giác thấy trong bản dịch đời Đường, là dịch theo lối mới). Bản Ngụy dịch ghi là “Đẳng Giác”, tức là cựu dịch. Đẳng Chánh Giác và Đẳng Giác có cùng một ý nghĩa. Các vị dịch giả như Huyền Trang đại sư dịch thành Đẳng Chánh Giác (Samyak-sambodhi); bản Ngụy dịch theo lối cựu dịch, các bản cổ dịch trước thời Huyền Trang đại sư đều dịch là Đẳng Giác. Đẳng Giác có hai ý nghĩa, thứ nhất là *“Đẳng Giác thị Bồ Tát chi cực vị”* (Đẳng Giác là địa vị tối cực trong hàng Bồ Tát). Bồ Tát đạt đến địa vị này bèn viên mãn, chẳng còn có [địa vị Bồ Tát nào] cao hơn nữa. Trên đó là Diệu Giác, mà Diệu Giác là quả vị Phật. *“Tương đắc Diệu Giác chi Phật quả. Kỳ trí huệ công đức đẳng tự Diệu Giác, cố vị chi Đẳng Giác”* (sẽ đắc Phật quả Diệu Giác, trí huệ, công đức gần giống như Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác). Cũng có nghĩa là là Đẳng Giác Bồ Tát kém Phật một bậc, tiến cao lên nữa sẽ là địa vị Diệu Giác. Theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị Bồ Tát có năm mươi mốt đẳng cấp, thấp nhất là địa vị Thập Tín. Địa vị Thập Tín cũng rất lỗi lạc, từ nhân gian của chúng ta tu hành đến mười pháp giới đều là các địa vị thuộc Thập Tín. Tổ sư tông Hoa Nghiêm đã rất chú tâm nói rõ cặn kẽ sự chứng đắc trong các địa vị này như thế nào, nói theo nguyên tắc chung thì toàn bộ đều là buông xuống.

Do vậy, tôi học Phật, thoạt đầu, thầy dạy tôi, tôi hỏi Ngài: “Có bí quyết nào để nhập Phật môn hay không? Có phương pháp nào để khế nhập rất nhanh hay không?” Thầy dạy tôi “nhìn thấu, buông xuống”. Nhìn thấu suốt giúp quý vị buông xuống. Buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Hai điều này từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, giúp nhau thành tựu, bí quyết ở ngay chỗ này. Thầy chẳng lừa gạt tôi, ngay hôm đầu tiên đã dạy tôi bí quyết ấy. Nếu chúng ta muốn tiến cao hơn, chẳng buông xuống sẽ không được. Thầy nói, năm mươi mốt cấp bậc Bồ Tát ví như năm mươi mốt tầng của một tòa cao ốc, quý vị chẳng bỏ tầng thứ nhất sẽ không lên được tầng thứ hai. Chẳng bỏ tầng thứ hai, sẽ không lên được tầng thứ ba, luôn luôn bảo quý vị hãy buông xuống. Một mực buông xuống, quý vị sẽ đạt tới chỗ đăng phong tạo cực, sẽ thành công. Chúng ta phàm phu gặp phiền phức là do không buông xuống được, bởi lẽ, chẳng buông xuống được sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiến cao hơn. Quý vị thấy vì sao hiện thời chúng ta chẳng thể tiến tới địa vị Sơ Tín? Do chẳng buông Kiến Hoặc xuống được. Buông xuống bèn là Tu Đà Hoàn, tức là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Buông Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến xuống, buông xuống năm thứ kiến giải sai lầm đó, quý vị sẽ chứng đắc. Bí quyết không có gì khác, bí quyết là buông xuống! Học Phật, thật sự học Phật chẳng có gì khác! Thật sự học Phật là học buông xuống! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

# Tập 103

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi mốt, dòng thứ nhất, xem từ câu thứ hai.

*“Đẳng Giác hữu nhị nghĩa”* (Đẳng Giác có hai nghĩa), thứ nhất, “*Đẳng Giác thị Bồ Tát chi cực vị, tương đắc Diệu Giác chi Phật quả. Kỳ trí huệ, công đức, đẳng tự Diệu Giác, cố vị chi Đẳng Giác”* (Đẳng Giác là địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát, sắp đắc Phật quả Diệu Giác. Trí huệ và công đức của vị này gần giống như Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác). Đây là ý nghĩa thứ nhất trong hai ý nghĩa của danh từ Đẳng Giác. Theo kinh Đại Thừa, Bồ Tát có năm mươi mốt địa vị, nhìn từ dưới lên sẽ là Thập Tín vị Bồ Tát, tiến lên cao hơn là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đó là năm mươi địa vị, cao hơn Thập Địa là Đẳng Giác. Địa vị cao nhất được gọi là Diệu Giác, Diệu Giác chỉ có một địa vị, đã chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo, là Phật; từ Đẳng Giác trở xuống đều gọi là Bồ Tát. Vì thế, trong các địa vị Bồ Tát, địa vị thứ năm mươi mốt (Đẳng Giác) là cao nhất, là địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát. Sắp đạt được Diệu Giác Phật quả, nếu Ngài tiến cao hơn một bậc nữa sẽ là quả vị Diệu Giác. Trên thực tế, trí huệ và công đức của Ngài cũng chẳng khác địa vị Diệu Giác cho mấy, bằng với Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác. Đàm Loan đại sư nói: *“Vọng ư Diệu Giác do hữu nhất đẳng”* (xét ra, còn kém Diệu Giác một bậc); so với Diệu Giác, Ngài kém hơn một cấp. *“Tỷ hạ danh Giác”* (So với những địa vị thấp hơn thì gọi là Giác). *“Hạ”* là từ Thập Địa trở xuống, tức năm mươi địa vị từ Thập Địa trở xuống, so với họ, Ngài (Diệu Giác Bồ Tát) giác ngộ cao minh hơn họ rất nhiều, gần như đạt đến viên mãn; vì thế, gọi là Đẳng Giác. Ý nghĩa thứ hai: *“Đẳng Giác là Phật quả”.* Như vậy là Đẳng Giác có hai ý nghĩa như thế.

*“Vãng Sanh Luận Chú viết: Dĩ chư pháp đẳng, cố chư Như Lai đẳng. Thị cố chư Phật Như Lai, danh vi Đẳng Giác”* (Sách Vãng Sanh Luận Chú giảng: “Do các pháp bình đẳng, nên chư Như Lai bình đẳng. Vì thế, chư Phật Như Lai được gọi là Đẳng Giác”). Ý nghĩa này cũng rất hay, đây là luận theo phía hết thảy chư Phật. Do các pháp bình đẳng, trong kinh Bát Nhã, đức Phật thường nói: *“Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao, thấp”*, nên trí huệ, thần thông, và đạo lực của hết thảy Như Lai đều bình đẳng. Do vậy, chư Phật Như Lai đều được gọi là Đẳng Giác. Ý nghĩa này cũng hay, chúng ta nhìn theo ý nghĩa này thì như bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm đều có thể gọi là Đẳng Giác. Vì sao? Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, mỗi người đều “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đã phá vô minh” như trong Thiền Tông đã nói. *“Đã phá vô minh”* tức là nói trong bất luận cảnh giới nào, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm chẳng còn, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, lẽ nào bất bình đẳng cho được? Khởi tâm động niệm là bất bình đẳng. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên là bình đẳng. Do vậy, cảnh giới ấy thật sự là thế giới bình đẳng, cớ sao đức Phật lại nói có bốn mươi mốt tầng cấp? Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác là bốn mươi mốt tầng cấp. Bốn mươi mốt tầng cấp ấy trong lúc chúng ta học kinh Hoa Nghiêm đã có học, chẳng thể nói là chúng có, nhưng cũng chẳng thể nói là chúng không có. Vì sao chẳng thể nói chúng là có? Các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chia ra tầng cấp bằng cách nào? Chia thành tầng cấp, nhất định là do khởi tâm động niệm, nhất định có phân biệt; nói không có chấp trước thì còn được, chứ chắc chắn là có phân biệt, không có phân biệt thì làm sao có tầng cấp cho được? Do vậy, chẳng thể nói là “chúng có”. Chẳng thể nói “chúng không có” là do lẽ nào? Tuy chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng vô minh đã phá, đức Phật bảo chúng ta: Các vị Bồ Tát ấy còn có tập khí vô minh, chưa đoạn tập khí. Đã là tập khí chưa đoạn, chắc chắn tập khí có dầy hay mỏng khác biệt. Có người tập khí rất nặng, có kẻ tập khí rất mỏng. Do vậy, chúng ta hiểu rõ, nói theo phương diện còn mang theo tập khí chưa đoạn, sẽ có bốn mươi mốt tầng cấp, nói theo phương diện này.

Bốn mươi mốt tầng cấp ấy tự hành hóa tha có bị chướng ngại hay không? Chẳng có chướng ngại tí nào! Nhưng bốn mươi mốt phẩm tập khí vô minh ấy chẳng có cách nào đoạn được. Chư vị hãy nghĩ xem, nếu chúng ta muốn có một phương pháp để đoạn, tức là lại khởi tâm động niệm, lại phân biệt, chấp trước mất rồi! Do vậy, trong tình cảnh ấy, các kinh cũng nói, cổ đại đức cũng nói là *“vô công dụng đạo”,* tức là nói ở đây chẳng thể sử dụng sức [hòng đoạn trừ tập khí vô minh] được! Chẳng thể khởi tâm động niệm thì quý vị dùng sức như thế nào đây? Phải làm sao đối với những tập khí vô minh ấy? Không quan tâm đến, để mặc chúng, qua một thời gian lâu dài, chúng sẽ tự nhiên đoạn mất, nhất định phải cậy vào thời gian. Thời gian bao lâu? Kinh nói “ba đại A-tăng-kỳ kiếp”, cần phải mất một thời gian dài như thế thì tập khí hoàn toàn chẳng còn nữa. Hoàn toàn chẳng còn nữa mới là địa vị Diệu Giác. Do vậy, bốn mươi mốt tầng cấp đều có thể gọi là địa vị Đẳng Giác, các Ngài chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa và trong Thiền Tông đều nói *“minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”.* Đối với kinh Kim Cang, cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang đã bảo: Hễ kinh Kim Cang nói tới *“chư Phật Như Lai”* thì chữ *“chư Phật”* chỉ bốn mươi mốt địa vị [Bồ Tát] này, [các vị Bồ Tát chứng đắc những địa vị ấy] đều được gọi là chư Phật, từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, cho đến Diệu Giác, đều gọi là “chư Phật”, Phật nhiều ngần ấy. Bởi lẽ đó, hai ý nghĩa của Đẳng Giác đều tồn tại.

Kế đó, [sách Chú Giải] viết: *“Hựu Trí Độ Luận viết: Chư Phật đẳng, cố danh vi Đẳng Giác”* (Lại nữa, Trí Độ Luận giảng: “Do chư Phật bình đẳng, nên gọi là Đẳng Giác”). Có thể giải thích từ ngữ *“chư Phật”* này là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, pháp do các Ngài đã đắc là pháp bình đẳng, nên gọi là Đẳng Giác. Sách Hội Sớ cũng nói: *“Đẳng Giác hữu nhị nghĩa”* (Đẳng Giác có hai ý nghĩa), có hai ý nghĩa:

- Thứ nhất là *“Như Lai danh Đẳng Giác”* (Như Lai gọi là Đẳng Giác). Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều được gọi là Như Lai, đều là Như Lai, nên xưng là Đẳng Giác.

- Ý nghĩa thứ hai, *“Nhất Sanh Bổ Xứ vị”* (thuộc địa vị Nhất Sanh Bổ Xứ). Đó là Hậu Bổ Phật. Như Di Lặc Bồ Tát, nay đang ở trong Đâu Suất nội viện, trong tương lai sẽ hạ sanh trong thế gian này, thị hiện thành Phật độ chúng sanh. Ngài đang trụ tại Đâu Suất nội viện, chúng ta gọi Ngài là Bổ Xứ Bồ Tát, Ngài cũng là Đẳng Giác Bồ Tát.

*“Ư thị chú kinh gia ư thử kinh văn, diệc hữu lưỡng thuyết, nhất vị, thị trụ Đẳng Giác vị Bồ Tát, ư thập phương thị hiện bát tướng thành đạo”* (Do vậy, đối với đoạn kinh văn này, các nhà chú giải kinh cũng có hai thuyết. Một thuyết là Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác thị hiện tám tướng thành đạo trong mười phương). Đó là một cách giảng. Cách giảng khác là: *“Thử nãi quả Phật, tùng quả hướng nhân, thị hiện bát tướng, nãi thành Phật hậu chi lực dụng”* (Đó chính là quả Phật (vị Phật đã chứng quả Diệu Giác), từ quả hướng đến nhân, thị hiện tám tướng. Đấy là lực dụng sau khi đã thành Phật). Cách nói này khác hẳn thuyết trước. Bồ Tát đã chứng đắc địa vị Diệu Giác, đã thành Phật; tuy thành Phật, chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng. Khi Ngài ứng bèn gọi là *“đảo* *giá Từ hàng*” (thả chiếc bè Từ), vì chúng sanh thị hiện tám tướng thành đạo, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện làm gương cho chúng ta trong thế gian này. Nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thành Phật. Trong hội Phạm Võng, đức Phật cho biết Ngài thị hiện thành Phật, hiện tám tướng thành đạo trên thế giới lần này là lần thứ tám ngàn. Chúng ta bèn biết Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lần này Ngài đến biểu diễn, thị hiện, mang ý nghĩa này: *“Tổng chi, đại giác diệu dụng, bất khả tư nghị”* (Nói chung, diệu dụng của đại giác chẳng thể nghĩ bàn). Đối với chuyện thị hiện tám tướng thành đạo, qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Sơ Trụ Bồ Tát có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Sơ Trụ Bồ Tát quả thật đã phá vô minh, chứng đắc Pháp Thân. [Tam đức bí tạng] Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát thảy đều chứng đắc, lại còn chứng đắc viên mãn. Sơ Trụ có thể thị hiện tám tướng thành đạo, huống hồ những địa vị cao hơn như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, lẽ nào chẳng thể thị hiện? Giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: *“Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy”.*

Chư Phật Như Lai đến hiện thân giáo hóa trong thế gian, không do ý nghĩ của chính các Ngài, mà do nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, nghĩ đến Phật, niệm Phật, tin tức ấy truyền đi, Phật, Bồ Tát lập tức tiếp nhận, do nhận được, các Ngài bèn đến. Thế nhưng, sự “cảm” ấy vẫn phải có duyên, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Phật chẳng độ chúng sanh vô duyên”*, Phật độ chúng sanh nhất định phải có duyên. Mỗi cá nhân chúng ta ở trên thế gian này, từ nhỏ đến lớn đã kết duyên với người thế gian và hết thảy chúng sanh vô cùng rộng rãi. Trong ấy, có thiện duyên lẫn ác duyên, mà cũng có duyên chẳng thiện chẳng ác. Khi kết duyên, bất luận hữu tâm hay vô tâm, hữu ý hay vô ý đều như nhau, duyên ấy đều đã kết. Kết duyên càng nhiều, trong tương lai quý vị thành Phật, thành Bồ Tát, trở về tự tánh, những tin tức quý vị nhận được đều từ chúng sanh hữu duyên. Đã có duyên từ đời quá khứ, nên họ mới có thể tiếp nhận sự giáo huấn của quý vị. Nếu chẳng có duyên, quý vị thị hiện trước mặt họ, họ chẳng tin tưởng, chẳng buồn quan tâm đến! Vậy thì cớ gì quý vị phải đến? Sẽ không thể đến được! Do vậy, hễ đến thì nhất định phải nhằm tiếp dẫn chúng sanh hữu duyên, đạo lý ở chỗ này. Bởi đó, trước khi chúng ta thành Phật, cũng là trước khi đại triệt đại ngộ, phải biết rộng kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh, đó là điều tốt đẹp. Bởi lẽ, trong thiện duyên và ác duyên đều có tình chấp, quả báo rất phiền phức, dây dưa chẳng rạch ròi. Pháp duyên mới tốt, pháp duyên là gì? Khuyên mọi người niệm Phật, khuyên mọi người học Phật, điều ấy tốt đẹp!

Phật pháp được hết thảy chúng sanh trong tam giới gọi là Bảo (quý báu),   
gọi là Tam Bảo. Tác dụng của Bảo là có thể giúp chúng ta giải quyết hết thảy khổ nạn. Khi cuộc sống chúng ta gặp khó khăn, nếu có được vật báu, sẽ có thể giải quyết vấn đề, điều này so với bảy báu trên phương diện vật chất còn thù thắng hơn! Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: “*Dĩ đại thiên thế giới thất bảo bố thí”* (dùng bảy báu khắp cả đại thiên thế giới để bố thí), tuyệt quá, ai có thể làm được? Có lẽ chỉ có Ma Hê Thủ La thiên vương mới có thể làm được, Đại Phạm Thiên Vương vẫn chưa làm được, lấy đâu ra những món trân bảo ấy? Trân bảo bố thí nhiều ngần ấy vẫn chẳng bằng người nói bốn câu kệ, [bốn câu kệ] là Pháp Bảo. Vì sao? Vì kẻ khác nói bốn câu kệ, kẻ ấy có thể khai ngộ, còn quý vị bố thí bảy báu đầy khắp đại thiên thế giới, kẻ ấy có được sẽ rất hoan hỷ, cảm kích quý vị, nhưng chẳng khai ngộ! Do vậy, chúng ta hiểu thứ gì là trân bảo thật sự? Thứ gì có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ thì mới là trân bảo. Thứ gì có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ? Kinh điển, kinh giáo, pháp môn, phương pháp, và đường lối được nói trong Phật pháp, những thứ ấy hữu dụng. Quý vị có được những thứ ấy, tài bảo thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng thiếu thốn, quý vị biết làm như thế nào mới đạt được? Kiến tánh thì chẳng cần phải nói nữa! Kiến tánh thì thứ gì cũng đều trọn đủ, vì sao? Trong tự tánh chẳng có khiếm khuyết, thứ gì cũng đều trọn đủ. Chưa kiến tánh, trí huệ và đức tướng trong tự tánh chẳng hiện tiền, chúng ta sống bằng cách nào? Cuộc sống cậy vào những công việc vặt vãnh, kiếm một chút tiền để sống qua ngày, tình hình là như vậy đó. Trong tự tánh, gần như là trong nhà tiền tài cả vạn quan, nhưng khi quý vị rời nhà chẳng cầm theo được. Quý vị lữ hành bên ngoài, hứng chịu các nỗi khổ nạn, chẳng thể không đi làm, chẳng làm việc thì cái ăn sẽ trở thành vấn đề. Chúng ta mê mất tự tánh, làm công vặt vãnh trong lục đạo hay trong mười pháp giới. Đã kiến tánh thì kiến tánh sẽ chẳng ở trong mười pháp giới, tối thiểu là quý vị ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đắc đại tự tại.

Quay lại tình cảnh hiện tiền của chúng ta, đức Phật chỉ dạy chúng ta, chúng ta cần phải biết: Ở trong mười pháp giới thì phải nói đến nhân quả, chẳng rời khỏi nhân quả; lục đạo càng là như thế. Trong lục đạo, chúng ta mong có được của cải thì phải tu hành, cách tu như thế nào? Tài bố thí. Phải có tâm, nguyện hoan hỷ tu tài bố thí. Khi thấy người khác gặp khó khăn, chúng ta hãy nên toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ. Quả báo hiện tiền rất nhanh chóng, lại còn như thế nào? Càng thí càng nhiều. Chúng ta thấy người phát tài to lớn trong thế gian có ức vạn của cải, đó là người như thế nào? Trong đời quá khứ đã tu tài bố thí rất nhiều, nên cảm được quả báo [giàu có] trong đời này. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ chẳng hâm mộ kẻ ấy, mà dùng cái tâm bình thường để nhìn kẻ đó. Chúng ta mong muốn thì chẳng khó, từ bây giờ hãy bắt đầu nỗ lực tu tài bố thí, quả báo trong tương lai sẽ chẳng kém người ấy, mà còn có thể vượt hơn kẻ ấy. Đây là thâu thập của cải chánh đáng, chẳng dùng những phương pháp bất thiện, tổn người, lợi mình! Của cải có được như vậy vẫn là do trong mạng quý vị đã có. Trong mạng quý vị không có, dùng bất cứ chủ ý xấu xa nào cũng đều chẳng thể đoạt được! Quý vị cầm súng để cướp đoạt kẻ khác thì cướp được vẫn là do trong mạng đã có, quý vị nói xem: Có oan uổng hay là không? Trong mạng quý vị chẳng có, quý vị còn chưa cướp được, đã bị cảnh sát thộp cổ! Do vậy, trong mạng đã có thì cần gì phải cướp đoạt, cần gì phải trộm cắp? Dùng những thủ đoạn phi pháp như vậy khiến cho của cải sẵn có trong mạng của chính mình bị giảm bớt, hao hụt. Trong mạng quý vị vốn có một trăm ức, nay quý vị được năm mươi ức đã cảm thấy ghê gớm lắm rồi! Quý vị chẳng biết: Dùng thủ đoạn phi pháp, tạo tác tội nghiệp [khiến của cải sẵn có trong mạng] bị hụt bớt một nửa, quý vị nói xem có oan uổng hay chăng? Do vậy, thánh nhân luôn dạy chúng ta, tiền tài bất nghĩa quyết định chớ nên lấy, hễ lấy là sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta có đạo lý, có phương pháp. Thông minh, trí huệ là quả báo, pháp bố thí là nhân. Quý vị tu pháp bố thí sẽ được thông minh, trí huệ. Quý vị tu vô úy bố thí, sẽ được khỏe mạnh, sống lâu. Người thế gian chúng ta có ai chẳng muốn ba điều ấy? Chúng ta muốn có của cải, muốn thông minh, trí huệ, muốn khỏe mạnh, sống lâu, thảy đều có thể đạt được! *“Trong cửa nhà Phật, hễ cầu ắt ứng”.* Thật vậy! Chẳng giả tí nào!

Nhưng đối với tài, quý vị phải hiểu, chính mình sống rất đơn giản, rất dễ dàng thỏa mãn, mong có nhiều [tiền của] như thế để làm gì? Nhưng do chúng ta phải giúp đỡ nhiều chúng sanh khổ nạn trên thế giới này, cho nên [của cải trở thành] cần thiết. Sử dụng chánh đáng, sử dụng theo phương cách thuần tịnh, thuần thiện, Tam Bảo gia trì, cũng là “có cầu ắt ứng”. Chân tâm, chẳng có chút tư tâm nào. Chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện trong thế gian này, tổ sư đại đức kiến lập đạo tràng để đại chúng được an trụ, khiến cho đại chúng có hoàn cảnh tu học rất tốt đẹp, cuộc sống được bảo đảm, hoàn cảnh cư trụ tốt đẹp, có thầy hay, bạn tốt. Thế giới Cực Lạc là một gương tốt, thế giới Hoa Tạng là gương tốt, điều ấy chẳng cần phải nói nữa. Đó là [những thế giới] do Tánh Đức lưu lộ, nhưng trong thế gian này, chúng ta chẳng nhờ vào Tánh Đức, mà hoàn toàn cậy vào Tu Đức. Tu Đức có thể cảm động những bậc thiện nhân khác nhau, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều tự động dâng hiến, thành tựu sự nghiệp ấy. Thuở đức Phật tại thế, quý vị thấy các quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ nhiệt tâm phụng hiến, thành tựu sự nghiệp giáo hóa của Phật Đà, qua kinh điển chúng ta đã thấy [điều ấy]. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, hộ pháp thuở đầu tiên là đế vương. Thời Hán Minh Đế (28-75), vua phái đặc sứ sang Tây Vực cầu Phật pháp, gặp cao tăng Ấn Độ đang hoằng pháp nơi ấy là Ma Đằng (Kasyapa Matanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmaratna). Những vị đặc sứ ấy đã hướng đến hai vị đại đức đó thưa rõ, thuở đó nhằm đời Hán, [họ thưa rõ] lòng thành cầu Phật của hoàng đế, cầu thỉnh hai vị đến Trung Quốc. Hai người ấy đến [Trung Hoa], mang theo tượng Phật, kinh sách. Lúc đó là năm 67 Công Nguyên, hiện thời năm 2010 Công Nguyên. Năm 67 Công Nguyên nhằm năm Vĩnh Bình thứ mười, Phật pháp chánh thức truyền đến Trung Quốc, do đế vương Trung Quốc lễ thỉnh. Hai vị pháp sư tới Trung Quốc, Hán Minh Đế bái các Ngài làm thầy, họ mang thân phận quốc sư. Vua kiến lập đạo tràng cho họ, tức chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thuở ấy, kinh đô là Lạc Dương [[3]](#footnote-4)[1]. Ngôi chùa đầu tiên là Bạch Mã Tự [[4]](#footnote-5)[2], nhằm kỷ niệm ngựa trắng chở kinh sách, tượng Phật, đã có công khó. Chẳng có công lao thì cũng có công khó! Lòng người Hoa có hậu, do mấy thớt ngựa ấy chở kinh sách, tượng Phật đến Trung Quốc, nên chẳng thể quên, đặt tên cho ngôi chùa ấy là Bạch Mã nhằm báo ân. Phật giáo truyền đến Trung Quốc như vậy.

Quý vị thấy về sau, đế vương tu phước, biết chúng ta nếu muốn tu đại phước báo thì tu ở chỗ nào? Đều là đến tu trong Phật môn, phước báo trong Phật môn chẳng ai có thể sánh bằng! Hoàng thượng biết tu phước, bình dân cũng đều học theo, học bố thí Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo. Quốc gia ấy, vùng đất ấy, đời đời kiếp kiếp có phước báo. Hai ngàn năm qua, quốc gia ổn định, bền vững, chẳng có tai họa. Mọi người đều biết tu phước, người sống trong vùng ấy có phước, lấy đâu ra tai nạn? Đương nhiên là chẳng có tai nạn. Nếu khu vực ấy chẳng có người biết tu phước, đều tạo tội nghiệp, như vậy thì sẽ phiền phức, tai nạn sẽ nhiều, chúng ta phải liễu giải đạo lý và chân tướng sự thật này. Phật pháp nói phước báo bậc nhất là gì? Là giác ngộ hết thảy chúng sanh, phước báo ấy to lớn. Phật là đại giác, Phật pháp là giáo dục, là giáo học, hoạt động thường xuyên trong tự viện là giảng học. Vào thời cổ là phiên dịch kinh điển. Sau khi kinh điển được dịch ra bèn giảng giải, giảng học. Sau khi người ta hiểu rõ ràng, những đạo lý và giáo huấn trong kinh điển thảy đều được thi hành, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, sẽ biến thành người có đại phước đức thật sự. Trở thành người đại phước đức và đại trí huệ là như vậy đó.

Nay chúng ta học Phật là học gì? Chúng ta hy vọng đạt được lúc gì? Gần gũi, nông cạn là thân tâm khỏe mạnh, đầu tiên là đạt được điều này. Gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình, đạt được những điều ấy, đó là nhu cầu cấp bách của người thế gian chúng ta. Hiện thời, xã hội động loạn, lắm tai nạn ngần ấy, do nguyên nhân gì? Chúng ta coi thường, bỏ sót sự giáo dục của thánh hiền và tôn giáo, mọi người chẳng học nữa, quan điểm giá trị bị lật ngược. Tại Trung Quốc, trong quá khứ, quan điểm giá trị của cổ thánh tiên hiền trong mấy ngàn năm qua đã sử dụng những gì? Nhân nghĩa, nhân (仁) là yêu thương con người, nghĩa (義) là tuân theo lý. “Nghĩa” (義) là gì? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp, thuận theo tình người, hợp với đạo lý, tuân phục pháp luật của quốc gia, tình, lý, pháp thảy đều được quan tâm! Do đó, quốc gia bền vững dài lâu, thế giới chung sống hài hòa. Văn hóa truyền thống Trung Quốc là Nho, Thích, Đạo ba nhà. Thế giới hiện thời động loạn, quan điểm giá trị thay đổi, chẳng dùng nhân nghĩa, mà dùng gì? Dùng của cải, chuyện này phiền phức lắm. Của cải thì người ta ắt tranh giành. Nếu lấy của cải để làm chuẩn mực giá trị thì người với người chắc chắn sẽ tranh đấu, tranh đoạt của cải, khởi tâm động niệm tổn người, lợi mình, xã hội lẽ nào chẳng loạn? Thế giới này làm sao có thể tránh khỏi tai loạn cho được? Tổ tiên có trí huệ, người xưa chẳng hồ đồ, họ hiểu rõ ràng, minh bạch, dạy chúng ta chánh xác. Vì thế, tổ tông chẳng hề xử tệ với thế hệ con cháu, nhưng ngày nay, chúng ta là hậu duệ lại có lỗi với tổ tiên. Coi như chúng ta rất may mắn, rất khó có, vào tuổi trung niên được gặp gỡ Phật pháp. Sau khi gặp Phật pháp mới là người thông hiểu. Trước kia, trót làm rất nhiều chuyện hồ đồ, nay đã hiểu rõ ràng, minh bạch, đoạn ác, tu thiện. Trong đoạn kinh văn này, đức Thế Tôn đã nói đến tám tướng thành đạo, chúng ta phải học tập.

Trong phần trước đoạn kinh văn này nhằm giải thích chữ Đẳng Giác. Ở đây, cụ Niệm Tổ đã tổng kết: “*Tổng chi, đại giác diệu dụng, bất khả tư nghị, tự bất tất ư thử nhị giả cưỡng chấp nhất thuyết, bất phương tịnh tồn”* (Nói chung, diệu dụng của đại giác chẳng thể nghĩ bàn. Có lẽ đối với hai cách nói này, chẳng cần phải khiên cưỡng chấp lấy một thuyết, mà chấp nhận cả hai thuyết đều chẳng trở ngại). Mỗi cách giảng đều hay, đều hợp lý, ở đây, chúng ta chẳng cần phải phân biệt, chấp trước. *“Cái nhân Bồ Tát chúng đa, cảnh giới bất nhất”* (do các vị Bồ Tát đông đảo, cảnh giới chẳng đồng nhất), đây là chân tướng sự thật, do hết thảy chúng sanh căn tánh không giống nhau, nên cảnh giới rất phức tạp. Vì thế, Bồ Tát diệu dụng không ngằn mé, các Ngài có trí huệ chân thật, có phương tiện thiện xảo.

Tiếp theo đây, bắt đầu [đi vào chi tiết] của việc thị hiện tám tướng, chúng ta phải nên biết học tập như thế nào. Kinh văn gồm bốn câu *“xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo”* (bỏ Đâu Suất, giáng sanh trong vương cung, bỏ ngôi, xuất gia, khổ hạnh học đạo), và đoạn [chú giải] kinh văn kế đó: *“Biểu bát tướng thành đạo, đản kỳ vị bất nhất, phàm hữu ngũ đẳng. Chân Giải viết: Như Hoa Nghiêm Hiền Thủ phẩm cập Khởi Tín Luận, ư Thập Tín mãn vị, thị hiện bát tướng. Chiêm Sát kinh thuyết tứ chủng tác Phật trung, đệ nhất tín mãn tác Phật đương chi”* (Biểu thị tám tướng thành đạo, nhưng địa vị [của vị thị hiện tám tướng thành đạo, xét theo các kinh luận sẽ] khác nhau, gồm có năm loại. Sách Chân Giải nói: “Theo phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín, viên mãn địa vị Thập Tín bèn thị hiện tám tướng”. Kinh Chiêm Sát nói trong bốn loại làm Phật, loại thứ nhất là tín mãn sẽ làm Phật). Quý vị thấy thị hiện tám tướng thành đạo thì hạng người nào có năng lực ấy? Người viên mãn địa vị Thập Tín bèn có thể thị hiện. Trong Phật pháp, viên mãn địa vị Thập Tín được gọi là tốt nghiệp Tiểu Học. Thập Tín là Tiểu Học trong Phật giáo, [người thị hiện tám tướng] đã tốt nghiệp [Tiểu Học trong Phật giáo]. Tuy là Tiểu Học, chúng ta thấy họ rất lỗi lạc, vì sao? Họ đã vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta thấy những vị Bồ Tát ấy tu hành liền biết, địa vị Sơ Tín, tức là địa vị Sơ Tín trong kinh Hoa Nghiêm, trong phần trước tôi đã thưa trình cùng quý vị, công phu tu hành trong Phật pháp là buông xuống, chẳng có gì khác. Vị ấy (Sơ Tín Bồ Tát) đã buông xuống tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, Kiến (見) là kiến giải, chúng ta gọi nó là “cách nhìn”. Buông xuống hết thảy cách nhìn sai lầm, bèn chứng địa vị Sơ Tín, tức là lớp Một. Trong Tiểu Thừa, [địa vị ấy] là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đều như nhau, buông cách nhìn sai lầm xuống. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, đức Phật quy nạp chúng lại, quy nạp thành năm loại lớn:

- Thứ nhất là Thân Kiến. Chúng ta luôn chấp trước cái thân là Ngã, đức Phật dạy: Thân chúng ta không phải là Ngã. Không phải là Ngã thì là gì? Là ngã sở (cái của ta), tức là cái mà ta sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là ta, mà là cái ta có. Phải ghi nhớ, thân thể không phải là Ngã, mà là cái ta có. Phải coi thân thể như quần áo, vì thân có sanh diệt, Ngã không có sanh diệt. Hãy ghi nhớ, Ngã không có sanh tử, sanh tử là gì? Thân thể. Thân thể có sanh tử, Ngã không có sanh tử. Thân thể hư hoại, ta vứt bỏ, chẳng cần nó nữa, ta lại đổi lấy một thân thể khác, giống như mặc quần áo đã rách, hoặc là mặc bẩn rồi, thay ra, đổi lấy một bộ quần áo khác. Cách nhìn ấy là chính xác. Coi thân thể này là ta, tức là quý vị đã nhìn trật rồi. Đó là sai lầm thứ nhất, sai lầm này sẽ dẫn khởi rất nhiều sai lầm khác. Vì thế, đầu tiên là phải sửa đổi quan niệm sai lầm này, thân chẳng phải là Ngã. Vậy Ngã là gì? Có những kẻ nói linh hồn là Ngã, thân tuy đã chết, linh hồn chẳng diệt, nó lại đi đầu thai, lại tìm một thân thể khác. Không sai! Có thể nói theo cách ấy, nhưng đức Phật dạy chúng ta, linh hồn vẫn chưa phải là Ngã. Vậy Ngã là gì? Đức Phật nói linh tánh là Ngã, [linh tánh còn gọi là] tự tánh, tự tánh là Ngã, bất sanh, bất diệt. Linh hồn là như thế nào? Đã mê rồi, mê mất tự tánh thì linh tánh gọi là linh hồn, linh hồn giác ngộ là linh tánh. Thế nhưng linh hồn đang mê, do mê nên không thoát khỏi lục đạo luân hồi, không gian hoạt động của nó là trong lục đạo, chẳng có cách nào thoát khỏi lục đạo. Nếu nó giác ngộ, chẳng cần giác ngộ rất lớn, [chỉ cần] biết thân này không phải là Ngã, như vậy là dễ dàng rồi, nó có thể từ từ giác ngộ, nhận biết linh tánh mới là Chân Ngã. Đức Phật giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về linh tánh. Kiến giải [chấp trước thân thể là Ngã] là sai lầm, nó là cái đầu tiên.

- Thứ hai là Biên Kiến. Nay chúng ta gọi Biên Kiến là “đối lập”, [Biên Kiến là] chấp trước có hai bên. Tôi và quý vị đối lập, tôi cùng kẻ khác đối lập. Đối lập với người, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật, sai mất rồi! Đối lập sanh ra phiền não, nẩy sanh mâu thuẫn và xung đột. Nẩy sanh đấu tranh cũng là do đối lập mà ra. Hóa giải xung đột bắt đầu từ đâu? Hóa giải đối lập thì tự nhiên chẳng còn xung đột. Mấy năm trước, tôi tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, chủ đề là “hóa giải xung đột”, dùng phương pháp gì? Phật pháp nói “hóa giải đối lập”, phải thực hiện từ chỗ này, giải quyết từ căn bản. Đối lập là sai lầm, vì sao sai lầm? Vũ trụ, vạn pháp và chính mình là một Thể, làm sao có thể đối lập cho được? Một Thể, mắt, mũi, tai là một Thể. Mắt và mũi có cần đối lập hay không? Mũi và tai có cần đối lập hay không? Chẳng phải là sẽ biến thành nông nỗi ấy hay sao? Sai rồi! Do đã mê nên mới làm chuyện ngốc nghếch ấy, chứ đã giác ngộ, làm sao đối lập cho được?

- Một sai lầm to lớn nữa là Thành Kiến, người Trung Quốc thường nói “người nào đó thành kiến rất sâu”, nay chúng ta gọi [thành kiến] là “quan niệm chủ quan”, đừng nên có! Thành kiến có hai loại, có thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Trong Phật pháp, chúng được gọi là Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến. Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều trật, đều sai lầm, hãy đều nên buông xuống hết.

- Loại cuối Tà Kiến, [tức là những kiến giải, chấp trước] chẳng thể gộp trong bốn loại [kiến giải] trước thì đều gộp vào Tà Kiến. Những thứ ấy thảy đều buông xuống, quý vị bèn chứng đắc Sơ Quả của Tiểu Thừa, hoặc Sơ Tín vị Bồ Tát trong Đại Thừa, điều kiện là như vậy. Chúng ta có thể buông những thứ ấy xuống thì sẽ là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín theo kinh Hoa Nghiêm, hay là Sơ Quả Tiểu Thừa.

Đối với Nhị Tín, chúng ta dùng Tiểu Thừa để nói: Nhị Tín là Sơ Quả tiến đến Nhị Quả Hướng, Tam Tín chứng Nhị Quả, Tứ Tín là Tam Quả Hướng, Ngũ Tín chứng đắc Tam Quả, Lục Tín là Tứ Quả Hướng, Thất Tín gọi là A La Hán, tức Tứ Quả của Tiểu Thừa, Bát Tín là Bích Chi Phật, Cửu Tín là Bồ Tát, Thập Tín là Phật. Bốn tầng cấp từ A La Hán đến Phật là bốn thánh pháp giới, chẳng thuộc trong lục đạo luân hồi. Tứ Quả đã vượt thoát lục đạo luân hồi, tức là địa vị Thất Tín đã vượt thoát lục đạo luân hồi. Từ Sơ Tín cho đến Lục Tín chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng các vị ấy đã giác ngộ, chẳng còn mê hoặc. Tuy ở trong lục đạo, chỗ họ tu hành là nhân gian hoặc cõi trời, tuyệt đối chẳng đọa trong tam ác đạo, nên gọi là Vị Bất Thoái, bảo đảm không đọa trong tam ác đạo. Bảy lần qua lại trong cõi trời hay nhân gian. Theo kinh Hoa Nghiêm, chứng đắc địa vị Thất Tín bèn vượt thoát lục đạo luân hồi. Do vậy, quý vị biết Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín, Thập Tín viên mãn Sơ Trụ, vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới sẽ ở nơi đâu? Đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, Nhất Chân pháp giới, là Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ Bồ Tát đã thành Phật, Ngài đến thế gian này giáo hóa chúng sanh, nên dùng thân Phật để đắc độ bèn thị hiện tám tướng thành đạo, thành Phật, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện. Chư vị nhất định phải biết: Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh tại Ấn Độ là thị hiện tám tướng thành đạo, thấp nhất là địa vị gì? *“Thập Tín tâm mãn”*, là địa vị ấy, là một vị Phật như vậy, Ngài có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo. Kinh Chiêm Sát dạy đó là loại thứ nhất, *“tín mãn”* (đã viên mãn địa vị Thập Tín, chứng Sơ Trụ). Thập Tín đã viên mãn bèn làm Phật, có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: *“Nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy”*, đắc đại tự tại!

Loại thứ hai, *“như Đại Tập kinh trung”* (như trong kinh Đại Tập) đã nói, *“Quán Đảnh Trụ Bồ Tát”*, Quán Đảnh Trụ là Thập Trụ mãn vị (đã viên mãn địa vị Thập Trụ, tiến nhập Sơ Hạnh), *“năng ư vô Phật thế giới thị hiện bát tướng. Chiêm Sát Kinh đệ nhị, giải mãn tác Phật đương chi”* (có thể thị hiện tám tướng trong thế giới không có Phật, loại thứ hai trong kinh Chiêm Sát là giải mãn sẽ làm Phật). Cũng có nghĩa là năm địa vị Bồ Tát, tức tín mãn, trụ mãn, hành mãn (địa vị Thập Hạnh), Thập Hồi Hướng mãn (viên mãn), Thập Địa mãn đều thị hiện [tám tướng thành Phật]. Nếu chưa mãn thì sao? Chưa mãn Thập Tín, sẽ chẳng được! Chưa mãn Thập Tín, chắc chắn chẳng thể khởi tác dụng này. Như trong Thập Trụ, Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, Nhị Trụ đương nhiên không có vấn đề, [địa vị] càng lên cao càng không có vấn đề. Do vậy, bốn mươi mốt địa vị [Pháp Thân đại sĩ] đều có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Chúng ta đọc đoạn văn này, quý vị bèn hiểu, nên chẳng cần phải nói chi tiết, *“giải* *mãn làm Phật”*.

Thứ ba là *“Nhân Vương kinh Bồ Tát Giáo Hóa phẩm minh Sơ Địa bát tướng”* (phẩm Bồ Tát Giáo Hóa của kinh Nhân Vương nói đến tám tướng của Sơ Địa), Sơ Địa ấy thuộc về Biệt Giáo. *“Chiêm Sát kinh đệ tam, viên mãn tác Phật”* (kinh Chiêm Sát, loại thứ ba là viên mãn làm Phật). Quý vị thấy tín, giải, hành, chứng.

Thứ tư, *“Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị Kinh minh Cứu Cánh Địa”* (kinh Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị nói Cứu Cánh Địa), Cứu Cánh Địa là Nhất Sanh Bổ Xứ, *“bát tướng thị hiện. Chiêm Sát kinh đệ tứ, nhất thiết công đức hành mãn thành Phật đương chi”* (thị hiện tám tướng. Loại thứ tư trong kinh Chiêm Sát là hành viên mãn hết thảy công đức sẽ thành Phật).

Thứ năm, *“Hoa Nghiêm Bất Tư Nghị phẩm chư Phật niệm niệm xuất sanh trí, thử minh Phật Hậu Đắc Trí, xuất sanh bát tướng thị hiện dã. Thử ngũ trung, tiền tứ thị nhân trung thị hiện”* (phẩm Bất Tư Nghị của kinh Hoa Nghiêm nói đến chư Phật niệm niệm xuất sanh trí thì trí ấy là Hậu Đắc Trí của Phật, xuất sanh tám tướng thị hiện. Trong năm loại này, bốn loại đầu là thị hiện nơi nhân), loại thứ năm là quả, *“Phật hậu nghiệp dụng dã”* [nghĩa là sự thị hiện tám tướng thành đạo] chính là nghiệp dụng sau khi đã thành tựu địa vị Phật nơi Quả (Viên Giáo Phật), đức dụng của tự tánh vốn tự nhiên như thế. Ở đây, chúng ta nói đơn giản: Sơ Trụ thành Phật, Thập Tín mãn vị là Sơ Trụ, Sơ Hạnh, Sơ Hồi Hướng, Sơ Địa [thành Phật] đều là nói theo nhân. Hạnh mãn, Hồi Hướng mãn, Thập Địa Bồ Tát, loại thứ năm là Đẳng Giác thành Phật. Những loại trước đều thuộc về nhân, loại sau thuộc về quả. Giáo Hạ phân biệt và giảng giải như vậy, giúp cho hàng sơ học chúng ta dần dần hiểu rõ chân tướng sự thật.

*“Tư kinh sở minh, nhược y chư sư, đa thị đệ tứ (Bổ Xứ) tác Phật”* ([tám tướng thành đạo] được nói trong kinh này, nếu dựa theo [cách phán định] của các sư (những vị chú giải) thì phần nhiều là loại thứ tư (Bổ Xứ) làm Phật). Phải biết Bổ Xứ là loại thứ năm, loại thứ tư là Thập Địa Bồ Tát, nói cách nào cũng đều được! *“Nhược y kim tông”* (nếu dựa theo tông này), chúng ta là Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Tông *“thử trung vô sở thuộc”* (chẳng thuộc vào loại này), Tịnh Độ Tông chẳng rắc rối như vậy, chẳng chia chẻ, chẳng chia ra vụn vặt như thế. Vì sao? *“Dĩ Di Đà xảo phương tiện hồi hướng sở tác cố”* (Do dùng phương tiện thiện xảo của Di Đà để hồi hướng mà làm), phương tiện thiện xảo của A Di Đà Phật, *“nhân quả cộng bất khả tư nghị”* (nhân lẫn quả đều chẳng thể nghĩ bàn). Nếu phải giống như các vị tổ sư đại đức đã nói thì đối với chuyện thành Phật, người tu Tịnh Tông chúng ta tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu hành đến trình độ nào mới có thể giống như những vị Pháp Thân Bồ Tát, “chúng sanh có cảm, chúng ta bèn ứng, chúng ta cũng tới [chỗ các chúng sanh ấy] thị hiện tám tướng thành Phật”, trình độ gì vậy? Trong thế giới Cực Lạc chẳng có Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng, chẳng có những địa vị ấy, chỉ có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Như vậy thì nói theo cách nào? Thật ra, nếu chúng ta đọc nguyện thứ hai mươi của A Di Đà Phật sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Trong nguyện thứ hai mươi, A Di Đà Phật đã nói như thế nào? Ngài nói mỗi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dù là người vãng sanh hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là từ bậc Sơ Trụ trong kinh Hoa Nghiêm trở lên. Nói như vậy, [do người trong cõi Cực Lạc] được bổn nguyện và oai thần từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, thần thông, đạo lực, trí huệ và đức tướng của quý vị chẳng khác Pháp Thân Bồ Tát cho mấy, là A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Nói cách khác, quý vị tới thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật, sẽ có năng lực quay lại thế giới Sa Bà để thị hiện tám tướng thành đạo, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta chẳng cần phân chia phiền phức, chia thế này, chia thế nọ, như trong Giáo Hạ, đó là gì? Ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, do được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì cho nên nhân và quả đều chẳng thể nghĩ bàn. *“Nhược cưỡng luận chi”* [tức là] nói miễn cưỡng, *“hoặc ưng tại đệ ngũ (Phật hậu) trung yên”* (có lẽ nên thuộc vào loại thứ năm (Phật hậu) vậy). *“Do thượng khả kiến, thị hiện bát tướng thành đạo chi nhân, giai vị hữu ngũ”* (do những điều trên đây, có thể thấy là người thị hiện tám tướng thành đạo có năm địa vị), năm thứ địa vị ấy đều có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Trong Tịnh Độ Tông chúng ta, có thể nói là mỗi người trong ba bậc, chín phẩm thuộc bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thể thị hiện như vậy. *“Nhất ban chỉ tri Bổ Xứ thành Phật sở hiện, Chân Giải tắc thiên trọng vi Phật hậu. Chư thuyết bất phương tịnh tồn, ngũ vị bất phương tề hữu, cái thập phương lai hội chi Bồ Tát vô lượng vô biên, kỳ giai vị ư bình đẳng trung diệc bất ngại ư sai biệt”* (thông thường, người ta chỉ biết bậc Bổ Xứ thành Phật thị hiện [tám tướng thành đạo], sách Chân Giải thiên trọng địa vị Phật hậu. Chấp nhận các thuyết đều chẳng trở ngại gì, năm địa vị cùng tồn tại đều chẳng trở ngại gì; bởi lẽ, các vị Bồ Tát từ mười phương đến dự hội vô lượng vô biên, trong sự bình đẳng mà có các địa vị sai biệt thì cũng chẳng trở ngại gì). Trong pháp Đại Thừa, trong bình đẳng có sai biệt, trong sai biệt có bình đẳng, sai biệt và bình đẳng bất nhị, bình đẳng là chân thật, sai biệt là phương tiện thiện xảo. Bình đẳng là Thật Đức, sai biệt là Quyền Đức, giúp đỡ chúng sanh.

Trong đoạn tiếp theo, lại giải thích tám tướng thành đạo, chuyên nói về Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật: *“Chỉ Bổn Sư Thích Ca dữ nhất thiết chư Phật thị hiện thành đạo chi thông đồ”* (nói về đường lối chung thị hiện thành đạo của đức Bổn Sư và hết thảy chư Phật), nên dùng thân Phật để đắc độ, nhất định tuân theo phương thức này, rất ít có ngoại lệ, cho nên gọi là *“thông đồ”* (đường lối chung), đều là thị hiện như vậy. *“Đản chư kinh luận nhân khai hợp bất đồng, sở thuyết diệc dị, hoặc thuyết thất tướng, nãi chí cửu tướng, thập tướng”* (nhưng các kinh luận do tách ra hay gộp lại khác nhau nên cũng nói khác nhau, hoặc nói là bảy tướng, cho đến chín tướng, mười tướng), đây là những cách nói khác nhau, nhưng tám tướng được nói nhiều nhất. *“Nãi tùng kinh luận chi đa số dã”* (là [thuyết được nói] nhiều nhất trong các kinh luận), nay nói tới tám tướng thì “*tái giả, bát tướng chi trung, nội dung diệc bất tận đồng”* (lại nữa, trong tám tướng thì nội dung cũng chẳng hoàn toàn giống hệt như nhau). Kế đó, nêu ra một thí dụ. *“Đại Thừa Khởi Tín Luận vị bát tướng vi”* (Đại Thừa Khởi Tín Luận nói tám tướng là), [tức là] theo như Khởi Tín Luận đã nói*, “nhất tùng Đâu Suất thiên hạ, nhị nhập thai, tam trụ thai, tứ xuất thai, ngũ xuất gia, lục thành đạo, thất chuyển pháp luân, bát nhập Niết Bàn”* (một là từ trời Đâu Suất giáng hạ, hai là vào thai, ba là ở trong thai, bốn là ra khỏi thai, năm là xuất gia, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập Niết Bàn), Khởi Tín Luận nói như thế. Nhưng sách Tứ Giáo Nghi lại nói khác biệt, Tứ Giáo Nghi [[5]](#footnote-6)[3] giảng: *“Nhất tùng Đâu Suất thiên hạ, nhị thác thai, tam xuất sanh, tứ xuất gia, ngũ hàng ma, lục thành đạo, thất chuyển pháp luân, bát nhập Niết Bàn”* (một là từ trời Đâu Suất giáng hạ, hai là nương gá trong thai, ba là xuất sanh, bốn là xuất gia, năm là hàng ma, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập Niết Bàn). *“Lưỡng tương đối chiếu, tiện tri Tứ Giáo Nghi thị khai Khởi Tín Luận chi thành đạo vi hàng ma dữ thành đạo”* (đối chiếu hai thuyết, liền biết Tứ Giáo Nghi đã tách “thành đạo” của Khởi Tín Luận thành hàng ma và thành đạo), [Khởi Tín Luận] gộp hàng ma và thành đạo trong “thành đạo”. *“Hợp Khởi Tín Luận chi nhập thai dữ trụ thai ư thác thai, khả kiến lưỡng giả chỉ thị khai hợp bất đồng, nội dung vô biệt”* (gộp nhập thai và trụ thai của Khởi Tín Luận thành “thác thai”. Có thể thấy hai thuyết chỉ là tách ra hay gộp vào khác nhau, chứ nội dung chẳng khác nhau). Đây là [nhận định về] chỗ nói khác nhau giữa các kinh. Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi, thị hiện đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới cội Bồ Đề. Chuyển pháp luân là giáo học bốn mươi chín năm; nhập Bát Niết Bàn, đức Phật lìa khỏi thế gian, lúc ấy lão nhân gia bảy mươi chín tuổi. Bảy mươi chín tuổi bèn qua đời.

Chúng ta xem tiếp: *“Gia Tường Sớ y Tứ Giáo Nghi phán Ngụy dịch chi bát tướng”* (Gia Tường Sớ dựa theo Tứ Giáo Nghi để phán định tám tướng trong bản Ngụy dịch), đây là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, trong ấy nói đến tám tướng, *“thậm hợp ư thử hội tập bản, cố nhưng y chi”* (rất hợp với bản hội tập này nên vẫn tuân theo). Hoàng lão cư sĩ chú giải bộ kinh này đã tham khảo phần giảng về tám tướng thành đạo trong Gia Tường Sớ. *“Kinh trung xả Đâu Suất thị đệ nhất tướng”* (“bỏ Đâu Suất” trong kinh là tướng thứ nhất). Bồ Tát tu hành trên trời Đâu Suất, hết tuổi thọ, thọ mạng trên trời Đâu Suất là bốn ngàn năm, một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. Một năm [trên trời Đâu Suất] cũng là ba trăm sáu mươi ngày [vậy thì] bốn ngàn tuổi ứng với năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm trên thế gian này. Hiện thời, Di Lặc Bồ Tát đang ở nơi đó. Đâu Suất nội viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát. Đâu Suất Thiên có nội viện và ngoại viện, ngoại viện là nơi phàm phu ở, tức chư thiên cõi trời Đâu Suất, nội viện là đạo tràng tu hành của các vị Bồ Tát. Cõi trời ấy là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, phàm phu chẳng thấy Bồ Tát, Bồ Tát cũng chẳng quấy nhiễu các phàm phu. Đương nhiên, đôi khi gặp kẻ hữu duyên, Phật, Bồ Tát cũng có phương tiện thiện xảo dạy bảo họ.

Giống như trên địa cầu của chúng ta, địa cầu cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng có rất nhiều vị Bồ Tát và La Hán tu hành trên thế gian này, nhưng phàm phu chúng ta chẳng nhận biết, chẳng gặp gỡ. Đôi khi gặp người hữu duyên, các Ngài cũng thị hiện cho những người ấy được thấy. Như trong quá khứ, vào đời Đường, thiền sư Pháp Chiếu triều bái Ngũ Đài Sơn, thấy đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát là Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư trông thấy, vô cùng hoan hỷ, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh. Sau khi nghe xong, hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo: “Nay thế gian này đang dần dần bước vào thời Mạt Pháp, căn tánh con người chậm lụt, tu pháp môn gì có thể thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy Sư pháp môn Niệm Phật. Lại còn niệm vài câu Phật hiệu cho Sư nghe, Sư ghi lại, đó là Ngũ Hội Niệm Phật do Sư lưu truyền; nhưng Ngũ Hội Niệm Phật đúng là đã thất truyền. Trong thời Dân Quốc, có các pháp sư nghĩ đến Ngũ Hội, cũng biên soạn một bản Ngũ Hội Niệm Phật, nhưng bản ấy tuyệt đối chẳng phải do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy, mà do chính các pháp sư ấy nghĩ ra. Vì tôi nghe họ niệm Phật giống như ca hát, tiếp dẫn kẻ sơ cơ quả thật rất tốt, nhưng tu hành mà niệm theo cách ấy sẽ chẳng thể nhiếp tâm, nên tôi nghĩ chắc chắn chẳng phải do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy. Khi Sư rời Trúc Lâm Tự, đã đánh dấu ven đường để lần sau quay lại chẳng bị lạc đường. Ghi được hai ký hiệu, quay đầu nhìn lại, chùa miếu chẳng thấy nữa, chẳng có gì nữa! Đó là đạo tràng của Bồ Tát, chẳng phải là kẻ thật sự có duyên sẽ chẳng thấy. Thiền sư Pháp Chiếu học Thiền, sau khi gặp Bồ Tát bèn đổi sang tu Tịnh Độ, trở thành tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông. Trong Cao Tăng Truyện có ghi chép tiểu sử của Sư rất rõ ràng. Văn Thù Bồ Tát thật sự trụ tại Ngũ Đài Sơn, nhưng trong chùa miếu tại Ngũ Đài Sơn chẳng có Ngài, chúng ta chẳng thấy được ngôi chùa của Ngài, đó là đạo tràng của Ngài. Như trong Phật môn thường cầu siêu hay cầu sám hối bằng Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, đó là chuyện của quốc sư Ngộ Đạt, Ngài cũng là người đời Đường. Tại Tứ Xuyên, Ngài thấy tôn giả Ca Nặc Ca là A La Hán. Đó là do có nhân duyên đặc biệt nên trông thấy. Sư mắc bệnh nặng, phát sanh mụn ghẻ mặt người, tôn giả Ca Nặc Ca điều giải cho Sư, oán thân trái chủ rời khỏi, nên lành bệnh. Sau khi rời khỏi, lúc quay đầu nhìn lại, đạo tràng chẳng còn nữa, một giải núi hoang! [Những chuyện như vậy] chứng tỏ thế giới này cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

Bồ Tát ở cõi trời Đâu Suất, hết thọ mạng, duyên trong thế gian này đã chín muồi, bèn từ trời Đâu Suất giáng hạ, đó là tướng thứ nhất. Đến đầu thai nơi đâu? Nhất định là trong vương cung. Bồ Tát chẳng mê, sẽ có thể chọn nơi tốt nhất để sanh ra, nhất định xuất sanh trong vương tộc, mang thân phận Thái Tử. Vì sao? Trong tương lai, xuất gia tu hành, người ta mới chịu tin tưởng. Thật vậy, quý vị thấy [chính Ngài] có thể bỏ được ngôi vua, phú quý. Ngài dạy người khác buông xuống, trước hết [chính Ngài] phải buông xuống thì mới được. Người khác tranh giành hòng làm quốc vương, Ngài đã đạt được mà buông xuống, dụng ý ấy rất sâu! Làm quốc vương cũng chẳng dễ dàng. Nếu chẳng phải là đã đoạn ác, tu thiện, tích công, lũy đức từ mười đời trở lên, há có đại phước báo như vậy? Phải tu từ mười đời trở lên! Quý vị thấy làm quốc vương hưởng phước được mấy năm? Mười đời tu hành, hưởng mấy năm đã hết. Trong lịch sử Trung Quốc, hưởng phước dài nhất là hoàng đế Càn Long, chỉ có một người như thế, làm vua sáu mươi năm, còn làm Thái Thượng Hoàng bốn năm, trong lịch sử Trung Quốc chẳng tìm được người thứ hai. Người ấy phải tu phước báo bao nhiêu năm? Chúng ta thường nói là phải tu phước báo một trăm đời, tu phước mà chẳng hưởng phước, tích lũy lại nên mới phước báo to ngần ấy, chẳng phải là ngẫu nhiên, không phải ai cũng đều có thể làm được. Có những đế vương thời gian tại vị rất ngắn, chưa tới mười năm, rất nhiều, nhìn vào lịch sử Trung Quốc, quý vị thấy hai ba chục năm là rất khá rồi. Phước báo ấy do đời đời kiếp kiếp tu tập tích lũy lại. Người quý hiển, quan quyền, đại phú trưởng giả trong thế gian đều do đời đời kiếp kiếp tích công lũy đức mà đạt được, chẳng có ai là ngẫu nhiên. Nếu bảo là do gặp may mà đạt được thì sẽ là chuyện chẳng thể nào có, tìm không ra một ai! Do vậy, ở trong ấy có nghiệp nhân quả báo, các đồng học học Phật chúng ta đều hiểu rất rõ ràng, minh bạch.

Ngài quyết định chẳng mê hoặc, chọn lựa cung vua để đầu thai. Trong câu *“giáng vương cung”* có tướng thứ hai và tướng thứ ba. Tướng thứ hai là thác thai, tướng thứ ba là xuất sanh. Ngài giáng sanh trong vương cung, câu này bao gồm hai tướng thác thai và xuất sanh. *“Khí vị xuất gia”* (bỏ ngôi xuất gia), nêu gương tốt cho người khác, kẻ khác mê man danh lợi, còn Ngài thứ gì cũng đều có, nhưng chẳng cần đến, buông bỏ. Nói rõ điều gì? Nói rõ xuất gia có ý nghĩa hơn làm quốc vương. Làm quốc vương thì tối đa đương nhiên là quốc vương thánh hiền, giáo hóa nhân dân toàn quốc, có giới hạn. Còn xuất gia sẽ giáo hóa hết thảy chúng sanh chẳng có giới hạn, quý vị giáo hóa chúng sanh vượt trỗi số lượng nhân dân trong một nước chẳng biết bao nhiêu lần! Làm quốc vương thì nhân dân trong một nước được quý vị dạy bảo, hưởng phước báo của quý vị. Hễ xuất gia thì chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới đều hưởng phước ấm của quý vị, người bình phàm chẳng biết điều này. Thích Ca Mâu Ni Phật bỏ ngôi vua xuất gia lúc mười chín tuổi, vứt bỏ cuộc sống phú quý trong cung đình. *“Khổ hạnh học đạo”* là tướng thứ tư. Đều là nêu gương tốt cho người đời sau, chẳng phải là xuất sanh từ một gia đình bần cùng, mà từ gia đình phú quý, nhưng có thể tu khổ hạnh, thật sự có thể buông xuống.

*“Hàng phục ma oán”* là tướng thứ năm. Ma oán cũng là thị hiện, đã thành Phật rồi, lấy đâu ra ma, lấy đâu ra oán? Oán là oán thân trái chủ, Ma là các thứ thử thách, đều chẳng còn nữa; nhưng phải thị hiện như vậy, nhằm giáo hóa những bậc đại đức tu học: Nếu đi theo con đường thành Phật thì cũng chẳng dễ dàng như thế, quý vị phải chịu được khảo nghiệm. Ma oán là khảo nghiệm, phải chịu đựng được. Nhiều nỗi vùi dập để diệt hết các tập khí phiền não trong tâm quý vị thì quý vị mới có thể thành tựu, thuần tịnh, thuần thiện, lúc ấy mới có thể thành tựu. Do vậy, Bồ Tát phải tu sáu Ba La Mật, thứ nhất là buông xuống tâm tham, keo kiệt, tham lam, dùng gì? Dùng bố thí để buông bỏ keo kiệt, tham lam. Dùng trì giới để buông ác nghiệp xuống, chẳng còn làm ác nữa. Dùng nhẫn nhục và tinh tấn để buông giải đãi xuống. Dùng Thiền Định để buông xuống tán loạn. Dùng trí huệ để buông xuống ngu si. Những thứ ấy đều là ma oán, thật sự có thể buông xuống.

Quý vị thấy tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, trong kinh Kim Cang chỉ nhắc tới bằng một câu, nhưng câu chuyện ấy được kể chi tiết trong kinh Đại Niết Bàn, tức câu chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục tiên nhân]. Khi Bồ Tát đang tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, vua Ca Lợi thí nghiệm, khảo đảo xem Bồ Tát có thể nhẫn hay không? Được rồi! Lăng trì xử tử, chẳng cho ông ta chết tử tế, mà xẻo từng mảnh thịt, xẻo đến chết mới thôi. Hỏi ông ta có thể nhẫn hay không? Có oán hận hay chăng? Không oán hận, đến chết vẫn không oán hận, bảo vua Ca Lợi: “Trong tương lai ta thành Phật, người thứ nhất ta độ là nhà vua”. Không oán hận, chỉ có cảm ân, cảm ân gì? Vượt qua lần khảo nghiệm ấy, đã tốt nghiệp, Nhẫn Nhục Ba La Mật đã thành công; vì thế, sớm thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật vốn là vị sẽ thành Phật sau Di Lặc Bồ Tát, nhưng do công đức ngần ấy, công đức thù thắng khôn sánh, vua Ca Lợi đã ban cho tiên nhân cơ hội này, Ngài có thể nhẫn chịu, tâm chẳng có mảy may oán hận, nên thành Phật trước. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, thị hiện thành Phật, chuyển pháp luân. Người đầu tiên chứng quả A La Hán là tôn giả Kiều Trần Như, vị này đời trước là vua Ca Lợi, Thích Ca Mâu Ni Phật là Nhẫn Nhục tiên nhân. Nói sao làm vậy, khi thành Phật đích xác độ ông ta đầu tiên. Chúng ta phải học tập điều này! Nếu đôi chút khó khăn, vất vả, thử thách mà chẳng chịu được, làm sao quý vị có thể thành Phật? Thứ gì quý vị cũng đều phải nhẫn nại chịu đựng thì mới có thể thành tựu.

*“Thành Tối Chánh Giác”*, đây là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, đã thành Phật rồi, là tướng thứ sáu. Sau khi thành Phật, đạo đức của chính mình đã thành tựu, trí huệ thành tựu, học thuật thành tựu. Học thuật là chữ Học trong *“khổ hạnh học đạo”*, [học suốt] mười hai năm, từ mười chín tuổi đến ba mươi tuổi, thật sự học. Do vậy, đạo đức, học vấn, trí huệ, và đức năng đều thành tựu viên mãn. Sau khi thành tựu, bèn triển khai giáo học. “*Thỉnh chuyển pháp luân, thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian”* (thỉnh chuyển pháp luân, thường dùng pháp âm để giác ngộ các thế gian). Khi đã thành Tối Chánh Giác, người thế gian chúng ta chẳng ai biết, không ai đến thỉnh Ngài. Ngài tự suy nghĩ, không ai thỉnh thì làm như thế nào? Nhập Bát Niết Bàn vậy! Ra đi, lìa khỏi thế giới này. Nhân gian không có ai thỉnh Ngài, nhưng chư thiên trông thấy. Ngũ Bất Hoàn Thiên, tức là Ngũ Bất Hoàn Thiên trong Đệ Tứ Thiền, tức là thiên chúng Tịnh Cư Thiên trông thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tám tướng thành đạo, thành Phật ở nơi đây. Họ lập tức giáng hạ, thay mặt hết thảy chúng sanh thỉnh pháp, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh Phật chuyển pháp luân, triển khai giáo hóa. Đức Phật nhận lời. Do nhận lời, đức Phật bèn đến Lộc Dã Uyển tìm năm người đồng bạn trước kia, họ là những người đã cùng tu hành với Ngài, giảng kinh, thuyết pháp cho họ. Ngài Kiều Trần Như khai ngộ, chứng quả A La Hán, đó là lần chuyển pháp luân đầu tiên tại Lộc Dã Uyển. Từ đó trở đi, suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn, quả thật là “thân hành, ngôn giáo”, những điều Ngài đã dạy trong kinh đều làm được toàn bộ, cho nên mọi người tin tưởng Ngài. Nếu Ngài dạy kẻ khác làm, mà chính Ngài chẳng làm được, đó là giả, chẳng có ai tin tưởng! Bản thân Ngài làm được nên mọi người tin tưởng. *“Cập dĩ hạ chư cú”* (và các câu kế đó) chính là tướng thứ bảy, Ngài giáo học cả đời. Trong đoạn văn kế tiếp, “*ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ”* (trong hạng trung hạ căn, thị hiện diệt độ) là tướng thứ tám. Trước hết, chỉ rõ tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế gian này, sau đó mới giới thiệu từng đoạn một.

Trước tiên, tiếp theo đây, chúng ta xem đoạn thứ nhất: *“Xả Đâu Suất, tức đệ nhất tướng tùng Đâu Suất Thiên giáng sanh”* (bỏ Đâu Suất chính là tướng thứ nhất, từ trời Đâu Suất giáng sanh). Đâu Suất (Tusita) là tiếng Phạn, còn dịch là Đâu Thuật, hoặc Đổ Sử Đa, đều là cùng một chữ Phạn, nhưng do các nhà phiên dịch dùng danh từ [để phiên âm] khác nhau, nhưng đều là cùng một chuyện. *“Bổn thị nhất danh, dịch âm hữu dị”* (vốn là cùng một tên, dịch âm sai khác). Đâu Suất có nghĩa là *“Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc, nãi Dục Giới trung đệ tứ thiên”* (Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc, chính là tầng trời thứ tư trong Dục Giới). Quý vị nhìn vào cõi trời này, từ chỗ này và qua danh hiệu, chúng ta sẽ biết đức hạnh của chư thiên nơi ấy: Tri Túc (biết đủ). Tri Túc là thành Phật. Quý vị muốn thành Phật, trước tiên phải tri túc. Tu hành trong Tri Túc Thiên biểu thị ý nghĩa này. Làm sao thì mới có thể thật sự tri túc? Thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, khi ấy, tâm quý vị như như bất động, trở về tự tánh vốn định, thật sự tri túc. Khi Lục Tổ khai ngộ đã nói: *“Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động”.* Tâm chẳng còn động nữa bèn là tri túc. Tâm dao động sẽ chẳng tri túc, tâm Ngài chẳng còn động nữa, tự tánh vốn định. Định sanh Huệ, vô lượng trí huệ trong tự tánh tự nhiên hiện tiền, khi giao tiếp hết thảy chúng sanh, chúng sanh có câu hỏi bèn lập tức trả lời, chẳng cần phải suy nghĩ. Suy nghĩ là trật rồi, suy nghĩ là rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức, đó là phàm phu. Bồ Tát thành Phật, chuyển tám thức thành bốn trí, chẳng dùng A Lại Da. Chúng ta biết lục đạo dùng A Lại Da, tứ thánh cũng dùng A Lại Da, đó là mười pháp giới. Chuyển thức thành trí thì mười pháp giới chẳng còn nữa, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai. Chẳng thấy mười pháp giới nữa, làm sao người ấy có tư tưởng cho được? Tư tưởng đều chẳng còn nữa! Đối với Tư và Tưởng, quý vị hãy nhìn vào chữ Hán, chữ Hán là phù hiệu trí huệ, Tư là gì? Trong tâm có phân biệt là Tư. Quý vị xem nhé, phía trên chữ Tâm (心) có một chữ Điền (田), vạch giới hạn như vậy là Tư (思), đã có phân biệt. Tưởng (想) là gì? Tưởng là trong tâm quý vị vướng mắc tướng, trong tâm có tướng gọi là Tưởng. Vướng mắc tướng là chấp trước. Vì vậy, Tưởng là chấp trước, Tư là phân biệt. Phân biệt lẫn chấp trước thảy đều đoạn sạch, chỉ có tâm, thuần túy một cái tâm, trên ấy chẳng có gì cả, sạch làu, đó là chân tâm. Vì thế, tổ tiên tạo ra những phù hiệu này khiến cho quý vị nhìn vào bèn hiểu ý nghĩa, phù hiệu trí huệ mà! Tri túc trọng yếu vì tri túc thì tư tưởng chẳng còn nữa, đó là chân tri túc. Không chỉ là chẳng có phân biệt, chấp trước trên mặt sự tướng, mà ý niệm [phân biệt, chấp trước] cũng chẳng dấy lên, nên gọi là Diệu Túc. Diệu là diệu ở chỗ này, chẳng khởi tâm, không động niệm. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân thể tiếp xúc đều chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là Diệu Túc.

*“Nội viện hiện vi Di Lặc đại sĩ chi Tịnh Độ, ngoại viện tắc vi thiên chúng dục lạc chi xứ”* (nội viện nay là Tịnh Độ của Di Lặc đại sĩ, ngoại viện là chỗ dục lạc của thiên chúng). Như vừa mới thưa bày với quý vị, Đâu Suất Thiên là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Chỗ thánh nhân cư trụ gọi là *“nội viện”,* tầng trời này thuộc về Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng trời, [Đâu Suất Thiên] là tầng thứ tư. Người Hoa hễ nói tới thiên đạo, quá nửa là nói tới tầng thứ hai, tức Đao Lợi Thiên (Trayastrimśa), người Hoa gọi Đao Lợi Thiên Vương là Ngọc Hoàng Đại Đế được sùng bái trong Đạo Giáo, đó là tầng thứ hai. Lại lên cao hơn là Dạ Ma Thiên (Yāma), lên cao hơn nữa là Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên cao hơn Đao Lợi Thiên hai tầng. Ngoại viện là thiên chúng, phàm phu trụ ở đó. Vì những phàm phu ấy đều tri túc nên *“tri túc thường lạc”*. Chư thiên ở đó hết sức sung sướng, chẳng phải lo nghĩ, áo cơm tự nhiên, chính mình chẳng cần phải nhọc nhằn lo toan, phước báo rất lớn, đó là nơi họ huởng thú vui trong cuộc sống. *“Phổ Diệu Kinh Thuyết Pháp Môn Phẩm vân*: *“Kỳ Đâu Thuật Thiên, hữu đại thiên cung, danh viết Cao Tràng, quảng trường nhị thiên ngũ bách lục thập lý, Bồ Tát thường tọa, vị chư thiên nhân phu diễn kinh điển”* (Phẩm Thuyết Pháp Môn của kinh Phổ Diệu [[6]](#footnote-7)[4] chép: “Cõi trời Đâu Thuật có đại thiên cung tên là Cao Tràng, kích thước hai ngàn năm trăm sáu chục dặm, Bồ Tát thường ngồi [ở nơi ấy] giảng diễn kinh điển cho thiên chúng”). Đây là nói về nội viện, nội viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát. Ngài trụ nơi đó, giảng kinh giáo học tại đó. Thiên cung ấy có tên là Cao Tràng, Tràng (幢) có nghĩa là *“cao hiển”*, [tức là] hết sức rõ rệt, hết sức cao lớn. Kiến trúc ấy có phạm vi to chừng nào? Dài rộng hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm, có phạm vi to dường ấy. Chúng ta thấy là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chư thiên thân thể cao lớn, chư thiên phước báo to, mỗi tầng một cao hơn. Chư thiên Đâu Suất khá cao lớn, họ ở trong một cung điện to ngần ấy, cũng chẳng khác gì chúng ta ở trong hoàng cung của nhân gian cho mấy. Tôi nghĩ rất nhiều đồng tu đã đến thăm Bắc Kinh, đến viếng Cố Cung, tức là hoàng cung của ba triều đại Nguyên, Minh, Thanh, quý vị có thể thấy oai thế của đế vương. *“Bồ Tát thường tọa”*, “ngồi” nhằm biểu thị ý nghĩa Định. Người ngồi ở nơi ấy rõ ràng là rất ổn trọng. Đứng hay đi là đang hành động, ngồi xuống giống như nhập Định, ngồi biểu thị ý nghĩa này, biểu thị sự bất động. Tọa Thiền trong Phật môn cũng do ý nghĩa này, tọa Thiền chẳng phải là thân ngồi ở nơi đó bất động, thân [bất động] vô ích, phải bất động thứ gì? Tâm bất động. Mắt thấy cảnh giới bên ngoài vẫn như như bất động, mắt nhập định nơi Sắc Trần. Tai nghe âm thanh, trong khi nghe âm thanh chẳng động tâm, tai đã nhập Định trong Thanh Trần, mang ý nghĩa ấy. Thân đại diện cho sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đối diện với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài, đều chẳng động tâm. Đó là *“thường tọa”,* thật sự tri túc. Động tâm sẽ chẳng tri túc, còn mong muốn, còn nghĩ tưởng. Chẳng động tâm: Sáu căn trong cảnh giới sáu trần chẳng động tâm, đó là *“thường tọa”*, vì các vị trời giảng diễn kinh giáo.

*“Phật Địa Luận đệ ngũ”* (Phật Địa Luận quyển thứ năm) có câu như sau: *“Đổ Sử Đa Thiên”* (cõi trời Đổ Sử Đa), tức là Đâu Suất Thiên, “*hậu thân Bồ Tát ư trung giáo hóa”* (hậu thân Bồ Tát giáo hóa trong ấy), hậu thân là thân cuối cùng của Bồ Tát, tương lai sẽ thành Phật, chẳng phải là Bồ Tát [thông thường] mà là Đẳng Giác Bồ Tát, tức Bổ Xứ Bồ Tát, *“hậu thân Bồ Tát tức Nhất Sanh Bổ Xứ Bồ Tát”*. *“Thử thế giới*”, quá khứ, hiện tại, tương lai *“tam thế chi Bổ Xứ đại sĩ, giai tùng thử thiên giáng sanh”* (bậc đại sĩ Bổ Xứ trong ba đời đều từ cõi trời này giáng sanh). Phàm vị nào đến làm Phật [trong nhân gian], trước đó đều ở trong Đâu Suất Thiên, cũng giống như nói Ngài làm công tác chuẩn bị tại đó để rồi giáng sanh thị hiện thành Phật, tám tướng thành đạo. Đâu Suất Thiên mang ý nghĩa dạy chúng ta tri túc, đây là ý nghĩa chánh yếu nhất, con người chẳng thể không tri túc. Chúng ta cũng biết Di Lặc Bồ Tát tượng trưng điều gì? Tượng trưng sự tri túc. Do vậy, người Hoa tạc tượng Di Lặc Bồ Tát là tượng Bố Đại hòa thượng, suốt ngày từ sáng đến tối cười toe toét, sung sướng dường ấy. Vì sao? Tri túc. Chẳng phải là Ngài hoàn toàn biểu hiện sự tri túc thường lạc (biết đủ sẽ thường vui sướng) ư? Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, bất luận gặp cảnh giới nào, nghịch cảnh cũng thế, mà thuận cảnh cũng vậy, thiện nhân cũng thế, mà ác nhân cũng vậy, luôn tươi cười, biểu lộ điều này. Chúng ta học Di Lặc Bồ Tát thì phải học tướng trạng ấy, thật sự học được sẽ đạt được sự thọ dụng to lớn. Thọ dụng to lớn gì vậy? Đầu tiên là thân tâm khỏe mạnh, ngạn ngữ thường nói: *“Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sảng”* (người gặp chuyện vui, tinh thần sảng khoái). Nếu con người sảng khoái sẽ chẳng ngã bệnh, người chau mày nhăn mặt nhất định ngã bệnh. Nếu con người vui vẻ, sung sướng, làm sao ngã bệnh cho được? Vui vẻ, sung sướng do đâu mà có? Từ tri túc, biểu thị ý nghĩa này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

# Tập 104

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi ba, hàng thứ năm đếm từ dưới lên, xem từ chỗ *“giáng vương cung”.*

*“Giáng vương cung, giáng sanh ư vương cung, thị trung hàm nhiếp đệ nhị tướng chi thác thai, dữ đệ tam tướng chi xuất sanh. Bổn Sư Thích Tôn chi thác thai, như Nhân Quả Kinh vân: Ư thời, Ma Da phu nhân ư miên ngụ chi tế, kiến Bồ Tát thừa lục nha bạch tượng* *đằng không nhi lai. Tùng hữu hiếp nhập, thân hiện ư ngoại, như xử lưu ly”* (“Giáng vương cung”: Giáng sanh trong vương cung. Trong ấy bao gồm tướng thứ hai là thác thai và tướng thứ ba là xuất sanh. Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật thác thai như kinh Nhân Quả đã chép: “Lúc ấy, phu nhân Ma Da trong lúc ngủ, thấy Bồ Tát cỡi voi trắng sáu ngà từ trên hư không giáng xuống, theo hông phải vào trong thân mẹ, thân hiện bóng ra ngoài như đang ở trong lưu ly”). Đây là nói tới giáng sanh và thác thai, Bổ Xứ Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo thông thường đều có các thụy tướng (tướng tốt lành) này. Tiếp đó là nói về sự thác thai của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, người bình phàm chúng ta nói “đầu thai”, tức là nói lục đạo phàm phu xả thân, thọ thân, lại tìm một thân thể khác. Thông thường, tìm một thân thể khác thì phải tìm cha mẹ. Cha mẹ và chính mình nhất định là hữu duyên; không có duyên, quý vị sẽ chẳng tìm được! Trong kinh giáo, đức Phật thường dạy con cái và cha mẹ là duyên phận gì? Đức Phật chia duyên phận ấy thành bốn loại lớn, gồm:

1) Báo ân: Kiếp trước cha mẹ có ân với người ấy, đời này gặp gỡ, người ấy cảm ân, đến báo đáp. Đứa con như vậy bẩm tánh hiếu thuận cha mẹ, do đến báo ân, nên rất nghe lời, cũng rất đáng yêu. Đó là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai là báo oán. Cha mẹ và kẻ ấy có cừu oán. Có oán thì có thể là do trong đời quá khứ đã giết hại kẻ ấy. Gặp gỡ lần này, kẻ ấy đến báo oán hoặc báo cừu. Đứa con ấy sẽ chẳng nghe lời, chẳng hiếu thuận với cha mẹ.

3) Loại thứ ba là đòi nợ. Đứa con ấy cũng rất khả ái. Nếu mắc nợ thì hai, ba tuổi, nó đã ra đi. Quý vị đã tốn kém nhiều ngần đó, nó đòi nợ xong bèn ra đi. Nếu thiếu nợ nhiều, có thể phải tốn tiền cho nó học hành, học đến Trung Học, hoặc học tới Đại Học, vừa giật được mảnh bằng nó liền ra đi. Nó đến đòi nợ, quý vị thiếu nó nhiều nên phải trả nợ nhiều.

4) Một loại khác nữa là trả nợ. Trả nợ thì đối với cha mẹ chẳng có ân tình gì, nhưng đối với cha mẹ chẳng tệ. Trong quá khứ, kẻ ấy đã nợ cha mẹ rất nhiều. Đời này, hắn chăm sóc cha mẹ về phương diện vật chất rất chu đáo. Nếu mắc nợ ít, đứa con ấy đối xử với cha mẹ khắc bạc. Cuộc sống của chính mình rất khá, nhưng lo cha mẹ có cái ăn cái mặc là đủ rồi, chẳng có hiếu kính chút nào!

Chúng ta hãy lắng lòng quan sát bốn loại tình hình ấy, đều là trong hiện tiền, chúng ta thường luôn có thể thấy bốn loại trạng huống ấy, mới biết những gì đức Phật giảng trong kinh chẳng sai tí nào!

Kẻ chẳng học Phật theo nghiệp thọ báo, khi chịu quả báo nói chung là có oán kết, chuyện này rất phiền phức, lại kết oán mới, oan oan tương báo chẳng ngớt. Vì thế, đây chẳng phải là cách thức [tốt đẹp hòng giải quyết vấn đề]. Chúng ta do duyên phận đến thế gian này, sau khi gặp Phật pháp, đã giác ngộ, phải làm như thế nào để chuyển biến những quan hệ như thế, chuyển ân oán trong đời quá khứ, chuyển quan hệ nợ nần thành pháp quyến, đó là tốt đẹp. Báo ân quá khứ cũng thế, mà báo oán cũng thế, đòi nợ, trả nợ cũng thế, một nét bút xóa sạch, từ nay trở đi, chúng ta đều là đồng tham bạn lữ, vẫn phải vô cùng hiếu thuận, vì sao? Làm cho chúng sanh thấy, tự hành, hóa độ người khác. Chính mình có thể làm như vậy, tuân theo giáo huấn của Phật Đà, làm theo giáo huấn của thánh nhân, nhằm tăng tấn đức hạnh của chính mình, đôi bên đều tăng tấn, chính mình tăng tấn, mà cha mẹ cũng tăng tấn, song phương đều tăng tấn. Đồng thời, thân thích, bằng hữu, hàng xóm của quý vị thấy quý vị một nhà hòa thuận, hiếu thảo, từ bi, họ cũng học theo. Do vậy, sau khi tự hành bèn có thể hóa độ người khác, công đức ấy càng ngày càng thù thắng. Có thể thấy sự giáo dục của thánh hiền lợi ích chúng ta quá lớn, có quá nhiều ưu điểm.

Còn như Phật, Bồ Tát cũng đến thế gian này, có lúc các Ngài nghĩ muốn trụ trong thế gian này lâu hơn một chút. Đó chẳng phải là các Ngài mong muốn. Tôi nói “các Ngài nghĩ muốn” tức là đã nói không chính xác, [phải nói] là chúng sanh hữu duyên. Duyên của chúng sanh và duyên của Bồ Tát rất sâu, nên có thể cảm ứng Bồ Tát trụ trong thế gian này một thời gian, nên Ngài nhất định phải đến đầu thai. Kinh văn gọi sự đầu thai này là *“thác thai”*, chẳng gọi là “đầu thai”, Ngài đến thác thai (nương gởi trong thai). Cũng tìm cha mẹ, cha mẹ ấy chẳng phải là báo ân hay báo oán, mà nhất định là một cặp vợ chồng trong đời quá khứ đã tu thiện tích đức, Phật, Bồ Tát đến thế gian mới tìm họ. Các Ngài tìm người chẳng có quan hệ ân oán, cả nhà người ấy tổ tiên tích đức, vợ chồng tu đức, tìm người như vậy để thác thai. Trong sự thác thai ấy bao gồm cả tướng thứ ba tức là “xuất sanh”, chúng ta đọc Đại Thừa Khởi Tín Luận thấy nói nhập thai, trụ thai và xuất thai, những điều ấy đều được bao gồm trong “thác thai”. Trụ thai cũng là trụ mười tháng, khi mẹ có thai bèn mang thai mười tháng. Đẳng Giác Bồ Tát chẳng phải là người bình phàm, Ngài ở trong thai bào mười tháng như thế có thể độ chúng sanh hay không? Người bình phàm ở trong thai bào mười tháng, kinh Phật nói là cũng chẳng khác ở trong địa ngục cho mấy, nên gọi là *“thai ngục”.* Mười tháng ấy là thai ngục, ở trong ấy chẳng được tự tại, ở trong đó cũng rất đau khổ. Mẹ uống một chén trà nóng, con giống như ở trong bát nhiệt địa ngục, mẹ uống một chén nước đá, con giống như ở trong bát hàn địa ngục, rất đau khổ! Kẻ ấy (kẻ đến đầu thai) chịu đựng nghiệp báo, mang thân nghiệp báo, do nghiệp đã tạo trong đời quá khứ, nên phải chịu quả báo ấy. Nhưng Phật, Bồ Tát khác hẳn, có vị Phật đến thác thai, trong phần trước chúng ta đã thấy “vị hậu Phổ Hiền” đó là vị đã thành Phật, lại “thả chiếc bè Từ” đến hóa độ chúng sanh. Do vậy, Phật, Bồ Tát ở trong thai mẹ đã thuyết pháp độ chúng sanh, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Khoa học hiện thời cho chúng ta biết, trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư bảo chúng ta, một vi trần, một hạt vi trần, người hiện thời gọi một hạt vi trần là một hạt cơ bản, các nhà khoa học Lượng Tử cho biết hạt cơ bản còn có thể chia nhỏ, vẫn chưa phải là nhỏ nhất, lại tách ra thành Quang Tử, còn gọi là Lượng Tử. Hiện thời, ta biết Lượng Tử là nhỏ nhất. Đức Phật nói trong một vi trần có vi trần số thế giới, trong các thế giới ấy lại có nhiều chúng sanh. Do vậy, trong khi mẹ mang thai, đức Phật cũng giảng kinh, thuyết pháp trong thai mẹ. Cảnh giới ấy to dường nào? Chẳng khác gì hư không pháp giới bên ngoài, trong Phật pháp nói là “không có lớn, nhỏ”, Tánh Đức trong tự tánh vốn là như thế. Chúng ta mê mất tự tánh nên mới có hiện tượng lớn - nhỏ như vậy, [các hiện tướng ấy] do huyễn tướng sanh ra, người minh tâm kiến tánh chẳng có. Trong phần trước, chúng ta đã học “trong vi trần có thế giới”, các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã chứng thực chuyện này là thật, chẳng giả.

Khi nhập thai, phu nhân Ma Da (Māyā) là mẹ của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong khi bà đang ngủ, *“miên ngụ”* (眠寤) là lúc ngủ nghê. Tuy ngủ nhưng rất tỉnh táo, chẳng mê hoặc, hiểu rất rõ. Bà thấy Bồ Tát, vị Bồ Tát ấy là Bổ Xứ Bồ Tát, từ trời Đâu Suất giáng hạ, cưỡi voi trắng sáu ngà, Ngài cưỡi con voi ấy, từ không trung hiện đến gặp phu nhân Ma Da, theo hông phải của phu nhân Ma Da vào trong thai. *“Thân hiện ư ngoại”* (thân hiện ra ngoài), phu nhân Ma Da có thể trông thấy, nhưng người khác chẳng thấy. Phu nhân Ma Da có duyên với Ngài, nên trông thấy rõ ràng Bồ Tát theo hông phải vào thai. Trông thấy tình hình như vậy rõ ràng *“như xử Lưu Ly”* (như ở trong lưu ly), toàn thân phu nhân giống như lưu ly, trong suốt, thấy Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng hạ, vào trong thân thể bà ta. Kinh Nhân Quả đã thuật một câu chuyện như thế. Còn về xuất thai thì kinh Niết Bàn có nói: *“Tùng mẫu Ma Da nhi sanh. Sanh dĩ”* (từ mẹ là Ma Da sanh ra. Đã sanh ra), sau khi được sanh ra, *“tức châu hành thất bộ”* (liền đi trọn bảy bước), Ngài đi bảy bước. Đứa trẻ ấy vừa sanh ra liền có thể đi lại. *“Châu hành giả”* (đi trọn khắp là), tiếp đó, sách giải thích, *“nãi chỉ tứ duy”* (là chỉ bốn phương bàng), nói thật ra, trước đó phải thêm vào bốn phương, tức là bốn phương chánh và bốn phương bàng, *“thượng hạ chi thập phương”* ([cùng với] phương trên và dưới là mười phương). Tịnh Ảnh Sớ giảng: *“Ư thập phương các hành thất bộ”* (trong mười phương, mỗi phương đều đi bảy bước), *“châu hành thất bộ”* là mỗi phương đều đi bảy bước, nên gọi là *“châu”* (周: trọn khắp)*. “Thị hiện trượng phu phấn tấn chi lực”* (thị hiện sức trượng phu dũng mãnh), *“trượng phu”* ở đây là đại trượng phu, đã thành Phật, là từ ngữ chúng ta dùng để kính xưng đức Phật. *“Ư thập phương độc xuất vô uý”* (trong mười phương riêng hiển lộ sự vô úy), hiển lộ các hiện tượng trí huệ, từ bi, thần thông, đạo lực, chẳng sợ hãi. Vì thế, đi bảy bước khắp mười phương. *“Hựu Ngụy dịch viết: Tùng hữu hiếp sanh”* (Lại nữa, bản Ngụy dịch chép: “Sanh từ hông phải”). Sách Thích Ca Phổ cũng ghi chép như vậy. *“Bồ Tát tiệm tiệm tùng hữu hiếp xuất”* (Bồ Tát dần dần sanh ra từ hông phải [của mẹ]). Kinh điển ghi chép trạng huống xuất sanh của đức Thế Tôn khác với người bình thường, đó gọi là *“thị hiện”.*

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: *“Khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo”* (vứt bỏ ngôi vua, khổ hạnh học đạo). Đây là *“biểu xuất gia chi đệ tứ tướng”* (biểu thị tướng thứ tư là xuất gia), xuất gia là tướng thứ tư trong tám tướng. *“Ngụy dịch thậm tường”* (bản dịch đời Ngụy chép rất tường tận). Trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, đoạn này đã được dịch rất tỉ mỉ, kinh văn chép: *“Hiện xử cung trung sắc vị chi gian”* (hiện sống trong cung, trong khoảng sắc vị). Ngài thị hiện sanh trong nhà đế vương, phụ thân là quốc vương. Quốc vương thuở ấy chẳng lớn, giống như thời đại Xuân Thu Chiến Quốc vào triều đại nhà Châu đã được ghi chép trong lịch sử Trung Quốc. [Các triều đại] Hạ, Thương, Châu đều là các sắc dân thuộc về các bộ lạc, nước lớn vẫn chưa to bằng một huyện hiện thời. Quý vị thấy sách cổ Trung Quốc nói hầu quốc (nước chư hầu) rộng một trăm dặm, đó là nước lớn. Hầu (侯) là vua một nước [chư hầu], hầu quốc rộng một trăm dặm, [vua nước ấy được thiên tử nhà Châu phong] tước Hầu [[7]](#footnote-8)[1]. Cương vực quốc gia của ông ta chỉ có một trăm dặm, chẳng to bằng một trăm dặm hiện thời. Hiện thời nói tới cây số thì tại Trung Quốc, một cây số lớn bằng hai dặm của Trung Quốc [thời cổ]. Vì thế, lãnh thổ [của mỗi nước chư hầu] cũng chẳng phải là rất lớn. Theo lịch sử ghi chép, vào đời Châu, trên lãnh thổ Trung Quốc có bao nhiêu quốc gia? Hơn tám trăm chư hầu, tức là hơn tám trăm quốc gia. [Nói về] vua nhà Châu thì Châu cũng là một nước, chẳng lớn! Nước Châu kể ra chẳng lớn, chỉ rộng bảy mươi dặm. Quý vị thấy chỉ có bảy mươi dặm, Châu ấp bảy mươi dặm, nhưng vua Châu đức hạnh tốt đẹp, có đạo đức, các vua nước khác bội phục ông ta, hễ có vấn đề gì đều thỉnh giáo ông ta. Vô hình trung, ông ta trở thành người được kính ngưỡng nhất trong các nước, nên mọi người gọi ông ta là Thiên Tử (天子). Thiên Tử thuở đó, quốc gia hoàn toàn chưa thống nhất, [cả nước Trung Hoa] đều là những tiểu chư hầu. Chư hầu nghe theo giáo huấn của Thiên Tử, nhưng mỗi nước chư hầu đều độc lập, chỉ là những nước chư hầu tôn sùng thiên tử, tấn cống nhà vua. *“Tấn cống”* (進貢) là tặng lễ vật, mỗi dịp Tết phải biếu Thiên Tử một chút lễ vật, Thiên Tử cũng duy trì an toàn cho toàn thể xã hội. Toàn thể xã hội được gọi là *“thiên hạ”* (天下),*“thiên hạ”* thuở ấy nay được gọi là quốc gia Trung Quốc. Do vậy, người Trung Quốc từ xưa tâm lượng cũng rất to, sách cổ rất ít khi nói đến quốc gia, mà đều nói là *“thiên hạ”.* Tâm lượng lớn nên có thể dung nạp, xã hội ấy mới có thể an định, hòa bình.

Do vậy, Bồ Tát thị hiện giáng sanh trong cung đình, hưởng thụ sự phú quý trong nhân gian từ bé. *“Kiến lão, bệnh, tử, ngộ thế phi thường”* (thấy già, bệnh, chết, ngộ cõi đời chẳng thường hằng). Ngài ra ngoài du ngoạn, trên đường thấy người già, thấy người bị bệnh, thấy người tử vong, cảm khái rất sâu, cảm thấy thế gian này vô thường, ngộ cõi đời hết sức vô thường. Con người không thể vĩnh viễn sống trong thế gian, chẳng thể vĩnh viễn không già, bất tử, bọn phàm phu chúng ta thường thấy hiện tượng này, cớ sao chẳng giác ngộ? Ngài đã giác ngộ. Đã giác ngộ rồi, Ngài cũng giúp cho chúng ta giác ngộ, điều ấy khiến cho chúng ta nghiêm túc suy nghĩ, chúng ta đến thế gian này để làm gì? Vì sao đến thế gian? Đã có người từng hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật vấn đề này, tôi nghĩ chẳng phải chỉ một người, mà chắc chắn là có rất nhiều người hỏi. Đức Phật trả lời bằng một câu: *“Nhân sanh thù nghiệp”* (đời người đền trả nghiệp). Quý vị đến thế gian này để làm gì? Để đền trả nghiệp nhân quý vị đã tạo trong quá khứ. Trong đời quá khứ tạo thiện nhân, quý vị đến thế gian này để hưởng phước, quả báo thì thiện có thiện quả. Nếu trong đời quá khứ đã gây nhân ác, quý vị chịu khổ, [trót tạo cái nhân] bất thiện nhất định mắc khổ báo. Đức Phật đã giảng rõ ràng, minh bạch chuyện này, chúng ta mới thật sự hiểu những gặp gỡ trong suốt một đời, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, thiện duyên thì quý vị suốt đời gặp gỡ người tốt, ác duyên thì suốt đời gặp gỡ người xấu, toàn bộ đã được định sẵn trong mạng. Đúng như cổ nhân đã nói: *“Nhất sanh toàn thị mạng, bán điểm bất do nhân”* (suốt đời toàn là mạng, chẳng do người nửa phần). Quý vị chẳng thể tự mình làm chủ, tất cả hết thảy những sự gặp gỡ trong cuộc đời đều do nghiệp nhân trong đời quá khứ [tạo thành] quả báo trong hiện tiền. Thông đạt, hiểu rõ rồi, chúng ta sẽ an tâm.

Vì thế, cổ nhân nói *“tâm an lý đắc”,* vì sao tâm an? Do đã hiểu rõ đạo lý, chẳng còn dấy lên vọng tưởng nữa. Lý đã hiểu rõ, tâm bèn an, tâm đã an bèn hiểu rõ đạo lý, chúng là nhân và quả lẫn nhau. Sau khi hiểu rõ, chúng ta biết phải nên làm người tốt, phải tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng là trong nghịch cảnh, trong lúc khổ nạn, phải nên chịu đựng, chẳng oán trời, không trách người, chính mình đã tạo thì chính mình phải gánh chịu, bình an vượt qua, nghiệp tiêu tan. Suốt một đời này, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng còn tạo tội nghiệp nữa, nghiêm túc nỗ lực đoạn ác, tu thiện. Căn bản của thiện hạnh là hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Trước kia có sư trưởng, hiện tại chẳng còn nữa. Trước kia, quan hệ thầy trò vô cùng mật thiết, *“nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ”* (một ngày là thầy, suốt đời là cha), có mối quan hệ tốt đẹp như vậy, cho nên thầy trò như cha con, quan hệ giữa thầy và trò chẳng kém [quan hệ] cha con. Hiện thời chẳng còn nữa, thầy bây giờ đã biến thành con buôn, mua bán kiến thức, mỗi giờ lên lớp phải trả bao nhiêu tiền học phí, đó là mua bán mất rồi!

Chư vị phải biết: Cổ nhân làm thầy chẳng nói đến học phí, nói đến học phí rất ngượng ngập, thốt không nên lời. Học tập thì sao? Khi học tập thì tùy ý phụ huynh của học sinh dâng biếu. Lại còn chẳng phải là biếu xén hằng tháng, chẳng có số lượng nhất định. Gặp dịp lễ tết, đại khái là Tết Nguyên Đán, Đoan Ngọ, Trung Thu, mỗi năm ba dịp lễ tết bèn biếu xén lễ vật. Tùy theo hoàn cảnh gia đình của chính mình, gia đình giàu có bèn biếu nhiều một chút. Gia đình nghèo hèn bèn biếu ít một chút. Quý vị thấy Khổng Tử dạy học, nhận lễ vật ít nhất, [lễ vật trò biếu thầy] gọi là Thúc Tu. Thúc Tu (束脩) là gì? Nay chúng ta gọi là *“lạp nhục”* (臘肉: thịt muối). Thịt đem muối, tức lạp nhục, bao nhiêu? Cắt lấy một lát nhỏ, đại khái bốn lạng hoặc nửa cân là cùng. Mỗi năm đem biếu thầy chút quà ấy, thầy rất vui vẻ. Thầy chẳng đòi hỏi thứ gì từ quý vị, thầy coi trọng lễ tiết, quý vị chẳng thất lễ. Do vậy, quan hệ thầy trò giống như cha con. Hiện thời là mua bán, trước đây là nói tới giáo học, hiện thời học hành cũng là buôn bán, [giáo viên] cũng là một loại con buôn, sự học đã biến thành thương mại rồi, [nên gọi là] *“học thương”* (kinh doanh sự học), do vậy thì sao? Sư đạo chẳng còn. Sư đạo chẳng còn thì hiếu đạo chẳng còn nữa. Vì sao? Thầy khuyên [trò] hiếu thảo. Cha mẹ dạy con cái nói chung chẳng tiện nói: “Ngươi là con của ta, phải hiếu thuận với ta”, chẳng thể thốt nên lời ấy được. Do vậy, ai dạy hiếu thảo? Thầy có trách nhiệm. Thầy dạy học trò “hiếu thuận cha mẹ”, cha mẹ dạy con cái phải “tôn sư trọng đạo”. Hai bên đều dạy. Hễ thiếu một bên thì bên kia chẳng còn nữa. Vì thế, hiện thời sư đạo chẳng còn thì hiếu đạo đương nhiên cũng chẳng có! Trẻ nhỏ hiện thời chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng biết tôn sư trọng đạo là có nguyên nhân, chẳng phải là vô lý. Đã vứt bỏ giáo dục mà!

Trong quá khứ, đối với trò, thầy e sợ quý vị học không ra gì, nên tận tâm tận lực dạy quý vị. Hiện nay, tôi nghe nói trong rất nhiều trường học, khi lên lớp, thầy dạy rất cẩu thả, thầy dạy học trò [qua loa lấy lệ], mở lớp dạy thêm, ép học trò ở trường mình phải theo học lớp dạy thêm của ông ta. Lớp dạy thêm thâu học phí, thầy bỏ túi toàn bộ học phí, nên trong lớp ấy thầy sốt sắng dạy những thứ đã giữ lại chẳng dạy trong buổi học chính thức, thầy giấu nghề hòng kiếm tiền! Trong lớp học chính thức, đại khái là trong nhà trường chẳng thâu nhập được mấy, mở lớp dạy thêm thâu nhập cũng rất dồi dào. Vì thế, hiện thời [hầu như giáo viên nào cũng đều] có ý nghĩ kinh doanh. Thầy giáo cũng học đòi mở tiệm bán chữ, lớp dạy thêm chính là mở tiệm bán chữ! Đó là xã hội hiện tiền, mê mà chẳng giác, còn cổ nhân thật sự là giác chứ không mê. Một đời này, tôi may mắn còn gặp được mấy vị thầy tuân theo nếp nghĩ xa xưa, vì sao? Thuở ấy, tôi rất nghèo khổ, không đóng nổi học phí, một đồng biếu tặng thầy cũng chẳng có, nhưng ba vị thầy đều rất vui lòng dạy dỗ, đặc biệt dành thời gian để dạy tôi, do nguyên nhân nào? Khi ấy, tôi cũng nghĩ chẳng ra. Mấy chục năm sau mới hiểu rõ, tôi từ nhỏ đã biết tôn sư trọng đạo đôi chút nhờ cha mẹ dạy. Vì vậy, cung kính thầy, học tập rất nghiêm túc. Thầy gặp được một học trò như thế, không lấy học phí, chẳng cần học phí, thầy vẫn nghiêm túc dạy dỗ tôi. Nếu là những thầy giáo như trong nhà trường hiện thời thì chẳng đóng học phí sẽ chẳng dạy! Sáu mươi năm trước và sáu mươi năm sau khác nhau, những vị thầy như sáu mươi năm trước chẳng nhiều, rất hiếm gặp!

Hiện thời có thể nói là những vị thầy như vậy chẳng còn nữa, rất khó tìm được! Không dễ gì tìm được thì làm như thế nào? Chúng ta muốn học thì có cách, làm tư thục đệ tử của cổ nhân, học theo Mạnh Tử. Mạnh Tử hiếu học, mẹ dạy con rất khá, *“Mạnh mẫu tam thiên”* (Bà mẹ Mạnh Tử ba lần dời nhà) [[8]](#footnote-9)[2], mẹ dạy dỗ chu đáo, Ngài hiếu học, học theo Khổng Tử. Thuở Ngài sanh ra, Khổng Tử đã qua đời từ lâu, Ngài rất ngưỡng mộ Khổng Tử. Trước tác của Khổng Tử còn đó, Ngài tìm các trước tác của Khổng Tử, y giáo tu hành, hễ gặp khó khăn bèn thỉnh giáo học trò của Khổng Tử, học hết sức nghiêm túc. Những giáo huấn của Khổng Tử Ngài đều có thể làm được, đều có thể thực hiện. Vì thế, thành tựu của Ngài vượt trỗi tất cả học trò của Khổng Tử trong thuở ấy. Quý vị thấy người đời sau tôn xưng Khổng Tử là Chí Thánh, tôn Mạnh Tử là Á Thánh, trừ Khổng Tử ra là Mạnh Tử! Vì thế, hiện thời, hễ nói tới Nho luôn nói là Khổng Mạnh, chẳng nói tới ai khác. Có thể thấy thầy chẳng còn trên đời, hãy học tập theo trước tác của thầy, cũng có thể học thành giống hệt như thầy, đạt tới trình độ của thầy, trở thành thánh nhân. Mạnh Tử đã mở ra lệ này, khiến cho người hiếu học đời sau ai nấy đều có thể thành tựu, không nhất định phải ở trước mặt thầy. Trong Phật môn cũng có tấm gương ấy, cuối đời Minh, đầu đời Thanh, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín trong Tịnh Độ Tông chúng ta, hết sức ngưỡng mộ Liên Trì đại sư, Liên Trì đại sư là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông. Tổ Ngẫu Ích học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư cũng đã vãng sanh, chẳng còn tại thế, nhưng trước tác của Liên Trì đại sư vẫn còn, hiện thời vẫn còn, tức là Liên Trì Đại Sư Toàn Tập. Hiện thời Liên Trì Đại Sư Toàn Tập gồm bốn cuốn sách đóng bìa cứng dày như vậy. Ngài noi theo bộ sách ấy để học tập, học rất giống như Liên Trì đại sư, nên trở thành tổ sư đời thứ chín của Tịnh Độ Tông, đã thành công. Đây là pháp thế gian và xuất thế gian [đều đã có những tấm gương], nay chúng ta phải học theo, Muốn tìm thầy, nhưng chẳng tìm được một vị thầy đang còn sống thì tìm một vị thầy trong quá khứ. Thầy đã vãng sanh rất nhiều, quý vị tìm một vị, khéo học theo Ngài, nhất định sẽ thành tựu.

Đời này tôi cũng rất khó có, được gặp gỡ lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, tôi thờ Ngài làm thầy. Tôi theo thầy mười năm, thầy rất khiêm hư, rất khách sáo, bảo tôi: “Tôi chỉ có khả năng dạy anh năm năm. Sau năm năm, tôi sẽ giới thiệu một vị thầy khác cho anh”. Tôi hỏi: “Vị nào ạ?” “Ấn Quang đại sư”. Ấn Quang đại sư là thầy của cụ, cụ học Tịnh Tông với Ấn Quang đại sư, cụ giới thiệu Ấn Quang đại sư cho tôi. Do đại sư chẳng còn nữa, thầy Lý đã từng thân cận Ấn Quang đại sư, hiện thời chúng ta chẳng có duyên phận ấy, nhưng Ấn Quang Đại Sư Văn Sao vẫn còn, quý vị thường đọc Văn Sao, thấu hiểu ý chỉ của đại sư, y giáo phụng hành, sẽ là học trò thật sự của Ấn Quang đại sư. Không nhất định phải gặp mặt, không nhất định phải ở trước mặt Ngài, quý vị vẫn có thể học thành công. Vì đại sư là người cận đại, cách chúng ta không xa, chúng ta xem văn tự của Ngài bèn hiểu. Tuy là văn chương Văn Ngôn, nhưng là văn chương Văn Ngôn rất đơn giản, dễ hiểu. Đó là noi gương cổ nhân, tôn cổ đại đức làm thầy thì chúng ta mới có thể thành tựu. Thật sự chịu học, dùi mài chẳng bỏ, mười năm vun bồi căn cội, hai mươi năm bèn xuất đầu lộ diện, chúng ta thường nói là “thành danh”. Thật đấy, chẳng giả đâu! Chính bản thân tôi trong một đời này là một thí dụ rất tốt, tôi tiếp xúc Phật pháp lúc hai mươi sáu tuổi, ba mươi ba tuổi xuất gia, hai mươi năm, [tức là] học Phật hai mươi năm, lúc ngoài bốn mươi tuổi bèn có thành tựu. Ba mươi ba tuổi xuất gia, lúc năm mươi ba tuổi chính mình mới có một đạo tràng nhỏ. To cỡ nào? Đại khái chẳng lớn hơn cái studio này bao nhiêu, có một tiểu giảng đường như thế. Suốt đời, mỗi ngày bận bịu, đại khái cũng có lúc đọc kinh bốn giờ, mỗi ngày giảng kinh chẳng ít hơn hai tiếng đồng hồ. Khi giảng được nhiều nhất thì mỗi ngày giảng chín tiếng, buổi sáng ba tiếng, buổi chiều ba tiếng, buổi tối còn giảng thêm ba tiếng nữa. Đã từng giảng tại Đài Loan, giảng tại Los Angeles của Mỹ, thuở trẻ yêu thích giảng kinh, chẳng biết mệt. Vì thế, con người chẳng thể không giác ngộ, nhất định phải nghĩ ta đến thế gian này để làm gì. Học Phật bèn hiểu rõ, ta tới thế gian này để học Phật, tới thế gian này để hoằng pháp. Không phải là học Phật, chẳng phải là hoằng pháp thì đến đây để làm gì? Thế gian này, đời loạn cũng vậy, đời thịnh trị cũng vậy, đều chẳng thể quấy nhiễu chúng ta học tập, mà cũng chẳng thể quấy nhiễu chúng ta giáo học, đó là tốt đẹp!

Ở đây, đức Thế Tôn nêu gương cho chúng ta. Thứ nhất, Ngài đã giác ngộ; nếu chẳng giác ngộ, Ngài chẳng thể làm được những điều [kinh văn đã nêu trong các đoạn] kế tiếp. Đầu tiên là giác ngộ thế gian này vô thường, thế gian này chẳng thật. Vì thế, Ngài mới *“khí quốc tài vị”* (bỏ ngôi vua, của cải, địa vị), *“quốc”* là quốc vương. Ngài chẳng làm quốc vương, mà cũng chẳng hưởng sự phú quý trong nhân gian. *“Tài”* ở đây là sự phú quý trong nhân gian, Ngài bỏ được, *“nhập sơn học đạo”* (vào núi học đạo), lúc ấy, Ngài mười chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật mười chín tuổi vào núi. Có nhiều vị đạo đức, có tu hành, có trí huệ sống trên núi. Thuở ấy, tại Ấn Độ, không chỉ các vị đại đức tôn giáo đều ở trên núi, mà nhiều [học giả trong các] học phái như Du Già, Số Luận đều ở trên núi. Những người ấy tu Thiền Định, họ thật sự chứng đắc Tứ Thiền Bát Định. Vì thế, Ngài vào núi để bái phỏng những vị đại đức, trưởng giả ấy, học tập họ. Chúng ta có thể tưởng tượng chàng trẻ tuổi ấy, mười chín tuổi, xuất thân là vương tử, thân phận khác hẳn, thông minh, hiếu học, chúng ta có thể nghĩ là mỗi vị trưởng giả, đại đức thấy học trò như vậy, lẽ nào chẳng vui vẻ, nhất định sẽ nghiêm túc dạy bảo, dạy hết những gì chính mình đã học được.

*“Phục thừa bạch mã, bảo quan, anh lạc, khiển chi linh hoàn”* (Lại cưỡi ngựa trắng, sai đem mão báu, chuỗi ngọc, trở về). Ngài là vương tử, mặc quần áo, cưỡi ngựa trắng, đội mão báu, đeo chuỗi ngọc, vào núi học đạo, giao cho tùy tùng đem những thứ ấy trở về giao cho phụ vương, tỏ ý Ngài thật sự tu khổ hạnh, thật sự có thể bỏ được. *“Xả trân diệu y”* (bỏ y phục quý báu, đẹp đẽ), Ngài vốn mặc y phục quý báu, đẹp đẽ. *“Nhi trước pháp phục”* (để mặc pháp phục), quần áo của những người xuất gia hay tu hành chẳng thể sánh bằng quần áo của vương tử. *“Thế trừ tu phát”* (cạo bỏ râu tóc), gọt sạch đầu tóc, *“đoan tọa thụ hạ, cần khổ lục niên, hành như sở ưng”* (ngồi ngay ngắn dưới cội cây, siêng khổ sáu năm, hành theo đúng lẽ), giống hệt như những vị trưởng giả hoặc các bậc thầy khổ hạnh ấy. Tu khổ hạnh cũng là đêm ngủ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa. Do vậy, “giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây” chẳng phải là quy chế do Thích Ca Mâu Ni Phật sáng lập. Chẳng phải vậy, đó là cuộc sống bình phàm của những người tu hành Bà La Môn và các tôn giáo tại Cổ Ấn Độ; kể cả người học Phệ Đà (Vedas) cũng vậy. Nay chúng ta gọi họ là triết gia, cuộc sống rất đơn giản. Chúng ta thấy họ rất thanh bần, nhưng họ sống rất tự tại, rất vui sướng, chẳng phải lo nghĩ, chẳng có phiền não, không có áp lực, cuộc sống hằng ngày *“tùy ngộ nhi an”[[9]](#footnote-10)****[3]***. Họ đều đặc biệt coi trọng hạnh môn, người bình thường chẳng làm được, nhưng họ hoàn toàn làm được. Chúng ta thường nói là “buông xuống trần duyên”, Trần là trần lao, phiền não, Duyên chỉ hoàn cảnh nhân sự, thảy đều buông xuống. Vật chất và nhân sự hoàn toàn buông xuống, tâm đã định, Định - Huệ hiện tiền, dần dần có thể khế nhập.

Trong kinh Phổ Diệu có nói: *“Nhĩ thời Thái Tử nhật phục nhất ma, nhất mạch, lục niên chi trung kết già phu tọa”* (Lúc bấy giờ, Thái Tử mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch, ngồi xếp bằng trong sáu năm). *“Thái Tử”* là Thích Ca Mâu Ni Phật, trong lúc cuộc sống gian nan nhất; hiện thời, các nhà khoa học cho chúng ta biết, trong tương lai, ước chừng trong tương lai chẳng lâu nữa, có thể có nguy cơ thiếu lương thực. Hiện thời, dấu hiệu báo động đã xuất hiện: Một hai năm gần đây nhất, địa cầu nóng lên, khí hậu đổi khác, thiên tai hết sức dồn dập, sản phẩm nông nghiệp bị suy hụt với một số lượng lớn, thâu hoạch lương thực sút giảm thì loài người chúng ta ăn gì? Vì thế, có nguy cơ thiếu lương thực. Khi ấy, cũng có thể là đức Thế Tôn gặp phải lúc đói kém, nơi ấy cũng bị hạn hán, hoặc bị lũ lụt, hoa lợi giảm bớt, thức ăn ít ỏi. Làm như thế nào? Phương pháp ứng phó của lão nhân gia là mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch. *“Ma”* (麻) là *“chi ma”* (芝麻: mè). Chúng ta chớ nên chấp chết cứng văn tự, hiểu [đúng là] Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc ăn một hạt lúa mạch. Chúng ta nghĩ như vậy kể ra cũng xuôi tai, nhưng chẳng hợp tình hợp lý. Phải nên [hiểu] như thế nào? Đức Thế Tôn ăn uống đơn giản dường ấy, một chút mè, hoặc một chút lúa mạch, [hiểu như vậy] sẽ hợp tình, hợp lý. Chứ nói [chỉ có] một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch sẽ chẳng hợp lý, chẳng hợp lẽ thường! Cuộc sống đơn giản, kham khổ dường ấy, ngay cả gạo cũng chẳng có, các thứ ngũ cốc, các thứ lương thực đều chẳng có!

Trong tương lai, chúng ta cũng gặp nguy cơ thiếu lương thực, làm cách nào? Nhất định chuẩn bị tâm lý sẵn. Nếu trong khi gặp nguy cơ thiếu lương thực, mà chúng ta mỗi ngày ăn một bữa thì cũng tốt lắm. Chúng ta ăn ít một chút để cho người khác có thể ăn nhiều hơn đôi chút. Lương thực thâu hoạch dồi dào thì có thể ăn ba bữa. Lương thực thâu hoạch thiếu kém mà người vẫn đông đảo như thế, mọi người đều phải ăn sẽ chẳng đủ để phân phối, làm như thế nào? Có thể nói là chúng ta mỗi ngày ăn hai bữa, hoặc mỗi ngày ăn một bữa, sẽ có thể vượt qua tai nạn ấy. Hiện thời, mỗi ngày tôi ăn một bữa, sau khi ăn cơm trưa, thứ gì cũng không ăn, chỉ uống một chút nước. Người ta hỏi tôi vì sao? Có phải là trì giới hay không? Chẳng phải! Tôi ứng phó nguy cơ thiếu lương thực. Các nhà khoa học báo cáo như vậy, ta phải chuẩn bị, phải dưỡng thành thói quen ấy. Khi nguy cơ về lương thực thật sự hiện tiền, chúng ta mỗi ngày ăn một bữa là đủ rồi. Tôi đang làm công việc chuẩn bị, ngõ hầu nguy cơ thiếu lương thực chẳng nẩy sanh nỗi nguy hại nào đối với tôi, tôi có thể sống bình thường. Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm được, vì sao chúng ta chẳng thể làm?

*“Lục niên chi trung kết già phu tọa. Tu tập gian nan cần khổ chi hạnh”* (Trong sáu năm, ngồi xếp bằng, tu tập hạnh khó khăn, siêng khổ). Đức Thế Tôn ba mươi tuổi khai ngộ, mười chín tuổi lìa khỏi gia đình, [tu tập suốt] mười hai năm. Ở đây nói, trong mười hai năm ấy, Ngài có sáu năm khổ hạnh, đây là về sau, trong khi giảng kinh, giáo học, lão nhân gia đã cho chúng ta biết, tín, giải, hành, chứng! Đương nhiên chính Ngài trọn đủ tín tâm, đi ra ngoài tham học, tiếp nhận giáo huấn của bậc cao nhân, Ngài đã lý giải. Sau khi hiểu rõ, đã làm được. Mà Ấn Độ thuở ấy, bất luận là tôn giáo hay học thuật đều vô cùng coi trọng Thiền Định. Do vậy, *“kết già phu tọa”* là tu Định, sáu năm thật sự tu tập. Đầu tiên là học tập Tứ Thiền Bát Định. Chứng đắc Tứ Thiền Bát Định, hoàn toàn hiểu rõ trạng huống trong lục đạo, do Tứ Thiền Bát Định có thể đột phá các chiều không gian của lục đạo. Người có công phu này, hướng lên trên có thể thấy hai mươi tám tầng trời, rõ ràng, rành rẽ, hướng xuống dưới có thể thấy địa ngục A Tỳ, hiểu rõ toàn bộ lục đạo. Lục đạo được nói trong Phật pháp chẳng do Thích Ca Mâu Ni Phật phát hiện, mà cũng chẳng phải do Ngài nói ra [đầu tiên], mà do Cổ Bà La Môn đã nói. Bà La Môn Giáo là Hưng Đô Giáo (Hinduism) hiện thời, tôi có qua lại với họ. Các trưởng lão của họ bảo tôi, vì họ chẳng coi trọng lịch sử, chẳng có văn tự ghi chép minh xác, theo truyền tụng, đời đời lưu truyền, họ có lịch sử hơn một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng. Hiện thời, những nhà nghiên cứu tôn giáo trên thế giới thừa nhận họ tối thiểu có tám ngàn năm trăm năm lịch sử. Giới học thuật thường nói Ấn Độ Giáo [xuất hiện] sớm hơn Phật Giáo năm ngàn năm, chúng ta có thể tin tưởng cách nói ấy. Vì thế, đối với lục đạo luân hồi, họ liễu giải vô cùng thấu triệt. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, trước hết là theo học với họ, đó là tôn giáo cổ nhất tại Ấn Độ, và cũng là tôn giáo có quyền uy nhất. Thật sự làm!

Vì sao phải làm theo cách như vậy? Tiếp đó, [kinh văn giảng]: *“Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố”* (thị hiện làm như vậy vì thuận theo thế gian). Đức Phật đến thế gian này muốn độ chúng sanh trong thế gian, mà quý vị chẳng học những gì người thế gian ngưỡng mộ nhất, bội phục nhất, người ta sẽ xem thường quý vị, chẳng tin tưởng! Quý vị thấy: Quý vị bội phục Bà La Môn nhất, nhưng Ngài đã học hết cả rồi. Những đại triết gia trong các học phái được quý vị kính ngưỡng, Ngài đều đã thân cận, đã từng theo học với họ, đại chúng bình phàm mới có thể sanh khởi tín tâm đối với Thích Ca Mâu Ni Phật. Người Hoa nói *“danh sư xuất cao đồ”*, người ta thấy thầy của quý vị cao minh sẽ có lòng tin đối với quý vị. Quý vị theo học thầy nào, chẳng ai biết, người ta sẽ chẳng tin tưởng quý vị. Đó gọi là *“thuận thế gian cố”* (vì thuận theo thế gian). Đấy là Thích Ca Mâu Ni Phật thân giáo, làm những chuyện thị hiện như thế hòng khế hợp căn cơ của đại chúng thuở ấy. Vì khế cơ nên nhất định phải làm theo cách như vậy. Hai câu trên đây *“xuất tự Đường dịch”* (xuất phát từ bản Đường dịch), tức là kinh văn trong hội Vô Lượng Thọ của kinh Đại Bảo Tích. Hai câu kinh văn ấy rất trọng yếu, *“thâm hiển Pháp Hoa huyền chỉ”* (hiển lộ sâu xa huyền chỉ của kinh Pháp Hoa). Nói như thế nào? Trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa có một đoạn văn như sau: *“Nhất thiết thế gian thiên, nhân, cập A Tu La, giai vị kim Thích Ca Mâu Ni Phật, xuất Thích thị cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa ư đạo tràng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”* (hết thảy trời, người và A Tu La trong thế gian đều nói nay Thích Ca Mâu Ni Phật lìa cung họ Thích, đến nơi cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), có một đoạn ghi chép như thế. Thích Ca Mâu Ni lìa cung họ Thích. Khi ấy, đó là một quốc gia, Ngài bỏ ngôi vua, phú quý, địa vị, buông bỏ phú quý, đến một nơi cách thành Già Da chẳng xa. Thành Già Da (Gayā) là nơi tu đạo phổ biến, có chuẩn mực văn hóa rất cao, là nơi có tôn giáo và học thuật vô cùng phát triển. Ở một chỗ cách thành ấy chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, thành Phật, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ở đây cũng là thị hiện rất tốt đẹp.

Bà La Môn Giáo quả thật cũng rất giỏi, họ hiểu rõ ràng, minh bạch lục đạo, những người ấy trong tương lai đều đến nơi đâu? Quá nửa đều sanh lên Sắc Giới Thiên. Cao minh hơn nữa thì họ đến Vô Sắc Giới Thiên. Họ lầm tưởng tầng cao nhất của Vô Sắc Giới, tức Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, là cảnh giới Niết Bàn, ngỡ sanh lên đó là chứng đắc Bát Niết Bàn. Do vậy, đức Thế Tôn phải xuất hiện tại nơi ấy. Họ tu hành đạt tới mức cao như thế, bất luận quốc gia hay khu vực nào trên cả thế giới đều chẳng đạt được. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc nói đến trời chẳng hề giảng tỉ mỉ như thế. Nói thật ra, quá nửa là nói về Dục Giới Thiên, [nói đến] Sắc Giới Thiên rất ít. Trang Tử có ý nghĩ này, Nho Gia chẳng nói đến Sắc Giới Thiên, Đạo Gia có đến Sắc Giới Thiên. Do [ngoại đạo Ấn Độ] nẩy sanh các thứ hiểu lầm, nên để dạy họ, Thích Ca Mâu Ni Phật phải học hết những thứ của họ. Nếu quý vị chẳng học, họ sẽ chẳng phục. Sau khi đã học hiểu, chúng ta có thể suy nghĩ, vấn đề vẫn chưa giải quyết. Hiểu rõ ràng, minh bạch [trạng huống] lục đạo, nhưng vì sao có lục đạo? Lục đạo do đâu mà có? Ngoài lục đạo còn có thế giới hay không? Ba vấn đề ấy Bà La Môn Giáo chẳng thể giải đáp, mà Số Luận lẫn Phệ Đà [[10]](#footnote-11)[4] cũng đều chẳng thể giải đáp. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã học mười hai năm, chẳng còn chỗ nào để học nữa, bèn ngồi dưới cội cây Bối Đa La bên bờ sông Hằng, sở học trong mười hai năm cũng buông xuống, nhập Thiền Định càng sâu hơn, khai ngộ như vậy. Vì thế, nói *“dạ đổ Minh tinh”* (đêm nhìn sao Mai), đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, những vấn đề ấy đã được giải quyết.

Lục đạo là chuyện như thế nào? Vì sao có lục đạo? Lục đạo do đâu mà có? Ngoài lục đạo còn có gì hay không? Thảy đều được giải quyết! Đã minh tâm kiến tánh, đó là “*đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”*. Trong phần trước, tôi đã nói câu này chính là mục tiêu chung cực trong học tập Phật pháp. Học Phật là học gì vậy? Là học một câu này. Câu này dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được gọi là Phật Đà, người ấy đã thành Phật rồi. Nếu đắc Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng ta gọi người ấy là Bồ Tát. Nếu người ấy chỉ đắc Chánh Giác, chúng ta gọi người ấy là A La Hán. Vì thế, trong một câu này trọn đủ ba ý nghĩa ấy. Phần sau của câu này là Tam Bồ Đề (Sambodhi), tức là Chánh Giác, A La Hán chứng đắc. Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyak Sambodhi) là Chánh Đẳng Chánh Giác của Bồ Tát. Lại còn thêm A Nậu Đa La (Anuttara) là do Phật chứng đắc. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thật sự học Phật. Ba giai đoạn ấy, người thượng thượng căn có thể đồng thời đạt được. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện đồng thời chứng đắc, đúng là trong một sát-na, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống, đốn xả, đốn siêu, đốn chứng. Chẳng phải là bậc thượng thượng căn, vậy thì quý vị phải tiến từng giai đoạn một, chia thành ba giai đoạn. Trước hết, buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian nữa, quý vị bèn thành Tam Bồ Đề. Tam Bồ Đề là Chánh Giác, quý vị chứng quả A La Hán. Sau khi chứng đắc A La Hán, lại hồi Tiểu hướng Đại, tiếp tục nỗ lực tu hành, buông phân biệt xuống. Sau khi buông phân biệt xuống, quý vị chứng đắc Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch nghĩa là Chánh Đẳng Chánh Giác, đấy là Bồ Tát. Lại tiến cao hơn, buông khởi tâm động niệm xuống, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị bèn thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi ấy, đã vượt thoát mười pháp giới, A La Hán vượt thoát lục đạo, Phật vượt thoát mười pháp giới, đó là thật sự học Phật.

Vì vậy, học Phật chẳng phải là cầu phước báo nhân thiên. Cầu phước báo nhân thiên sai lầm quá đỗi, cầu phước báo nhân thiên là phàm phu, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Chư vị nhất định phải biết: Chẳng thoát khỏi luân hồi, chắc chắn ở trong thế gian này khổ nhiều, vui ít. Vì sao? Thời gian lục đạo chúng sanh ở trong ba ác đạo lâu dài, thời gian trụ trong ba thiện đạo rất ngắn ngủi, tạm bợ, đặc biệt là nhân đạo, mấy ai có thể thọ hơn trăm tuổi? Một trăm năm đúng là khảy ngón tay liền qua, quá ngắn ngủi! Người tuổi trẻ chẳng giác ngộ, chứ kẻ trung niên, sau năm mươi tuổi, sẽ dần dần giác ngộ. Đời người khổ sở, ngắn ngủi, thật sự đến đây để làm gì? Gặp Phật pháp mới biết nhân gian rất đáng quý, đáng quý ở chỗ nào? Dễ tu hành! Nhất định phải giác ngộ, nhất định phải buông xuống, phải nghiêm túc, phải nỗ lực tu học Tịnh Tông, đời sau đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật, như vậy là hoàn toàn chánh xác, đời này quý vị chẳng uổng công đến đây! Vì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn quý vị có thể đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chứ trong thế gian này chúng ta không đạt được, rất khó, đến thế giới Cực Lạc sẽ dễ dàng.

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp: *“Nhiên thiện nam tử”* (nhưng này thiện nam tử). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta, gọi chúng ta là *“thiện nam tử”. “Thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, chữ Thiện ấy là mười thiện nghiệp, chúng ta có thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo thì kinh gọi [chúng ta] là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”,* đức Phật giảng kinh, thuyết pháp gọi đại chúng, chúng ta thuộc trong đó. Nếu chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo thì Phật gọi *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”,* chúng ta thấy mình chẳng có phần trong số những người đó, chẳng bao gồm trong đó. Chớ nên không biết sự thật này, hy vọng “thiện nam tử, thiện nữ nhân” được nói trong kinh điển thật sự có phần của ta, đó là bước đầu học Phật. Chúng ta làm như thế nào thì mới đúng với tiêu chuẩn được nói trong kinh Phật? Chúng ta chỉ cần làm được ba căn bản của Nho, Thích, Đạo là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, quý vị sẽ đúng là “thiện nam tử, thiện nữ nhân” danh phù hợp thật, điều này rất trọng yếu. Ở đây, đức Phật nói: *“Ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp”* (thật ra từ khi ta thành Phật đến nay đã là vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp). Thích Ca Mâu Ni Phật nói thật với chúng ta, Ngài chẳng thành Phật trên quả địa cầu này, mà đã thành Phật từ lâu rồi. Lúc nào? Lúc nào thì chúng ta chẳng thể nói rõ, vì đã từ vô lượng vô biên trăm ngàn vạn lần ức na-do-tha kiếp, dùng đơn vị thời gian để tính toán là kiếp, Ngài đã thành Phật từ lâu. Do vậy, chuyện Ngài đến thế gian này được gọi là *“thị hiện”*. Thị là gì? Đến để làm mẫu, hiện cho mọi người xem. Ta nêu gương, làm mẫu cho quý vị nhìn vào, mọi người học theo kiểu mẫu ấy sẽ có thể thành Phật.

Tám tướng thành đạo là thị hiện cho chúng ta thấy. Kinh Phạm Võng nói rất rõ ràng, lần này đức Phật đến thế gian thị hiện tám tướng thành đạo là lần thứ tám ngàn, Ngài đã thành Phật từ rất lâu. Đức Phật đến biểu diễn tại địa cầu, lần này là lần thứ tám ngàn. Từ chỗ này, chúng ta có thể hiểu đức Thế Tôn từ bi, đại từ đại bi, không bỏ những chúng sanh khổ nạn trong thế gian, thường đến biểu diễn. Mỗi lần biểu diễn đều dẫn một nhóm người ra đi, có những người đã giác ngộ, thật sự thành tựu. Chúng ta rất may mắn, tuy chẳng đích thân thấy lão nhân gia thị hiện, nhưng những chuyện ấy được lưu lại trong kinh điển, chúng ta thấy được điều này từ kinh bổn. Kinh bổn này sẽ còn lưu truyền trong thế gian chín ngàn năm nữa. Chúng sanh trong giai đoạn chín ngàn năm ấy có duyên gặp gỡ sẽ đều có thể thành tựu. Chúng ta đọc kinh văn: *“Tự tùng thị lai, ngã thường tại thử Sa Bà thế giới thuyết pháp giáo hóa”* (từ đấy trở đi, ta thường ở trong thế giới Sa Bà này thuyết pháp, giáo hóa). Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng rời khỏi chúng ta, kinh điển ở chỗ nào là đức Phật ở nơi đó. Trừ thế giới này ra, *“diệc ư dư xứ”* (cũng ở chỗ khác), ở trên tinh cầu khác, ở thế giới phương khác, *“bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc”* (trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi), cõi ở đây là “thế giới”, tức là thế giới của chư Phật ở ngoài thế giới Sa Bà ra, cũng là vô lượng vô biên, Thích Ca Mâu Ni Phật thường đến đó *“đạo lợi chúng sanh”* (hướng dẫn, lợi ích chúng sanh), dẫn dắt, lợi ích hết thảy đại chúng.

*“Như Lai kiến chư chúng sanh, nhạo ư tiểu pháp, đức bạc cấu trọng giả”* (Như Lai thấy các chúng sanh là những kẻ ưa thích pháp nhỏ, đức mỏng, cấu chướng nặng nề), như trong thời đại hiện tiền này, thậm chí trong thời đại ba ngàn năm trước, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, người địa cầu chúng ta quả thật ưa chuộng tiểu pháp, Trung Quốc là một khu vực tiêu chuẩn [về sự ưa thích tiểu pháp]. Ưa chuộng gì vậy? Chuộng nhân thiên, đời này được làm thân người, hoan hỷ hưởng thụ sự phú quý trong nhân gian, đời sau thì sao? Đời sau hy vọng hưởng thụ sự phú quý trên cõi trời, mong mỏi đời sau sanh lên trời. Theo cái nhìn của đức Phật, hiện tượng ấy là *“đức bạc, cấu trọng”*, *“cấu”* (垢) là phiền não. Tập khí phiền não rất nặng, đức hạnh rất mỏng, chỉ mong tưởng nhân thiên, chẳng mong vượt thoát lục đạo luân hồi. Phải biết: Trong khi hưởng phước nhân thiên, quý vị có tạo tội nghiệt (mầm mống tội lỗi) hay không? Chắc chắn, há có ai chẳng tạo tội nghiệt? Chẳng cần nói chi khác, mỗi ngày quý vị ăn bao nhiêu chúng sanh, nhất là ăn thịt, những chúng sanh ấy có cam tâm tình nguyện dâng hiến thân mạng cho quý vị hay không? Quý vị xem thử đi, quý vị gọi một con lợn, bảo nó: “Lợn ơi! Ngươi hãy đến đây, ta sắp giết ngươi, ngươi hãy dâng thịt của ngươi cho chúng ta ăn”. Quý vị hãy nhìn dáng vẻ của nó, [nó trông thấy] bộ điệu quý vị cầm dao, [nó bèn] kinh hoảng thất thố, chạy lung tung khắp nơi, muốn trốn khỏi cái chết, đó là gì? Chẳng cam tâm, không tình nguyện! Quý vị giết nó là vì nó yếu, quý vị mạnh, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, bất quá nó chẳng thể chống lại quý vị, trong lòng nó oán hận, đời sau nó đầu thai làm thân người, còn quý vị thì sao? Đời sau, do tạo tội nghiệt, quý vị vào trong súc sanh đạo, biến thành lợn, nó lại đến giết quý vị, chẳng phải là chuyện như thế hay sao? Oan oan tương báo chẳng ngớt, đời đời kiếp kiếp! Vì thế, chỉ từ ăn uống mà nói, từ chuyện ăn mặc để nói, đã giết rất nhiều chúng sanh. Những thứ áo lông mặc trong mùa Đông là do lột da súc sanh, chúng có tình nguyện hay không? Chẳng tình nguyện, thâm cừu đại hận! Khi chúng ta mặc bèn rất đắc ý, lúc chúng đến lấy mạng sẽ khổ lắm!

Trong thời đại hiện tiền, tôi gặp rất nhiều kẻ thông linh [[11]](#footnote-12)[5], chẳng phải là giả, vì chúng ta có thể tìm đôi ba người thông linh, coi họ nói có giống nhau hay không. Họ chẳng quen biết nhau, [một người] nói phía sau một kẻ nào đó có rất nhiều oán thân trái chủ theo sau, chúng ta hỏi một kẻ thông linh khác: Ông có thấy hay không? Người ấy nói thấy. Nói cho chúng ta nghe giống hệt như người kia. Lại tìm một người khác, vẫn nói giống hệt. Điều này chẳng phải là giả, ba người chẳng ở cùng một chỗ, chẳng hề thương lượng, khi chúng ta đột nhiên hỏi họ, họ nói tương tự, chứng tỏ chẳng phải là giả. Chẳng phải là chúng ta nghe một người nói, mà chúng ta tìm một chứng cứ khác, xem có phải là giống nhau hay không. Do vậy, kẻ sát sanh nhiều, phía sau người ấy có cả đống linh quỷ bám theo thân. Trong khi khí vận của quý vị rất cao, lúc khí rất vượng, những linh quỷ ấy ở cách quý vị rất xa, chẳng dám tới gần, ở cách xa, thậm chí người thông linh chẳng nhìn thấy, thấy trên thân quý vị chẳng có, nhưng nhìn ra xa thì có, nhưng chẳng biết đó là oán thân trái chủ của quý vị. Đến lúc vận mạng quý vị dần dần suy rồi, vận tốt đã hết, chúng sẽ từ từ tiến gần, đó là oán gia trái chủ, chẳng tha lỗi cho quý vị. Kinh điển Đạo Gia thường nói, “sát nhân đền mạng, thiếu nợ trả tiền”, đều là thật, chẳng giả tí nào. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, trong kinh Phật, đạo lý này được giảng thấu triệt, hãy liễu giải chân tướng sự thật. Đạo Gia có nói rất nhiều chân tướng sự thật, sau khi chúng ta hiểu rõ, chẳng còn dám khởi tâm động niệm làm chuyện xấu nữa, hiểu gì? Về sau sẽ có báo ứng. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, chẳng phải là không có báo, mà là thời thần chưa đến. Khi đến lúc, báo ứng sẽ hiện tiền, không ai có thể trốn thoát được! Những điều này đều là chân tướng sự thật.

Đây là nói tới chúng sanh, Phật hằng thuận chúng sanh, quý vị tạo ác, Phật cũng thuận theo quý vị, vì sao? Chẳng ngăn được! Phật khuyên mà quý vị chẳng nghe thì làm thế nào? Để mặc quý vị! Nhưng Phật rất từ bi, Phật ở bên cạnh nhìn, thấy quý vị tạo nghiệt, hứng chịu quả báo, rồi sẽ có một ngày quý vị tỉnh ngộ. Khi tỉnh ngộ, Phật đến độ quý vị. Quý vị chưa tỉnh ngộ, Phật đứng bên cạnh nhìn quý vị làm ác, nhìn quý vị biến thành súc sanh, đọa làm ngạ quỷ, đọa địa ngục, chịu hết mọi nỗi khổ, sau đấy hối lỗi, “ta sai rồi”, kẻ ấy nhận lỗi. Khi nhận lỗi bèn được cứu, vì sao? Kẻ ấy nghe lời, có thể nghe lời khuyên, có thể nghe lời dạy, Phật có thể dạy kẻ ấy. Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Bất luận quý vị tạo tội nghiệt nhiều hay lớn cỡ nào, Phật vẫn ở bên cạnh nhìn quý vị, quý vị chịu quay đầu, chịu tiếp nhận, Phật sẽ dạy quý vị, chẳng có ai không thể giải thoát. Tai nạn gì cũng đều có phương cách hóa giải. Hiện thời, địa cầu lắm tai nạn như thế, có phương pháp gì hóa giải hay không? Có, nhưng con người không tin thì chẳng có cách nào! Thật sự tin tưởng, phương pháp hóa giải chẳng khó, hết sức hữu hiệu. Trong Phật pháp, dùng những lý luận và phương pháp này, các nhà khoa học hiện thời đã chứng thực, đặc biệt là các nhà khoa học Lượng Tử đã nghiên cứu phát hiện giống hệt như trong kinh Phật đã giảng. Chúng tôi tin tưởng đôi ba năm nữa, Lượng Tử sẽ nói rõ ràng hơn, minh bạch hơn. Cho đến khi ấy, tôi tin tưởng các nhà khoa học cũng bằng lòng nghiên cứu kinh Phật. Phật pháp sẽ được các nhà khoa học thúc đẩy, đề xướng, nó chẳng phải là mê tín, trong kinh Phật có khoa học cao cấp, cũng tức là trong kinh Phật có Lượng Tử Lực Học, có vũ trụ vĩ mô.

*“Vị thị nhân thuyết, ngã thiểu xuất gia, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”* (vì người ấy nói, ta xuất gia chưa lâu bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Các thứ thị hiện đều là vì “*nhạo ư tiểu pháp, đức bạc cấu trọng giả”* (kẻ ưa thích tiểu pháp, đức bạc, phiền não nặng nề), vì bọn họ mà thị hiện. Người Đại Thừa biết, trong kinh Đại Thừa đức Phật có nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là gì? Là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, phá mê, khai ngộ, vọng tận, hoàn nguyên. *“Nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai, cửu viễn nhược tư, đản dĩ phương tiện giáo hóa chúng sanh, linh nhập Phật đạo, tác như thị thuyết”* (nhưng ta thật sự từ khi thành Phật đến nay đã lâu xa như thế, chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sanh khiến cho họ nhập Phật đạo mà nói như thế). Đối với một đoạn này trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa và những điều đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, có thể hợp hai kinh lại để xem, *“lưỡng kinh hợp tham, tín tri Bổn Sư”* (hợp hai kinh lại để tham chiếu, tin biết Bổn Sư), chúng ta tin tưởng, hiểu rõ Thích Ca Mâu Ni Phật *“tác bát tướng thành đạo chi chủng chủng thị hiện, chỉ vị tùy thuận thế gian chúng sanh chi căn cơ, hành quyền phương tiện, phổ giai độ thoát nhi dĩ, thật tắc Thích Tôn cửu dĩ thành Phật*” (hiện tám tướng thành đạo, các thứ thị hiện, chỉ vì tùy thuận căn cơ của chúng sanh trong thế gian, hành phương tiện quyền biến nhằm độ thoát trọn khắp đó thôi, chứ thật ra đức Thích Ca thành Phật đã lâu). Đó là *“tác tư thị hiện, thuận thế gian cố”* (thị hiện như vậy vì thuận theo thế gian). Câu này đã nói rõ ràng, rành rẽ. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện như vậy, những người cùng theo Thích Ca Mâu Ni Phật đến cõi này, kinh thường nói: *“Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ”*. “Ngàn” không phải là một con số, không phải là một con số cố định, mà là để hình dung rất nhiều vị Phật, Bồ Tát đều đến tùy hỷ, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật ở nơi này nhằm giáo hóa chúng sanh, mọi người đều đến phụ giúp. Phụ giúp như thế nào? Cũng đều dấn thân vào thế gian này. Trong phần trước chúng ta đã thấy, cũng có vị sanh trong cung vua, cũng có vị xuất sanh trong nhà đại thần, hay nhà đại phú trưởng giả, hoặc sanh trong nhà bần cùng, gặp gỡ Phật, làm đệ tử Phật, nghe Phật thuyết pháp sanh tâm hoan hỷ, thảy đều đến thị hiện hòng giúp đỡ Phật.

Chúng ta lại suy nghĩ, Phật giáo hóa chúng sanh như vậy, còn các tôn giáo khác cho đến các học phái khác thì sao? Chúng ta hiểu đấy đều là bản lãnh của Phật Bồ Tát, đều là thị hiện. Người trong khu vực này chủng tộc khác biệt, văn hóa khác nhau, từ xưa đến nay con người hễ gặp tai nạn bèn cầu khẩn ông trời, hoặc luôn cầu khẩn thần tiên, nên trong hoàn cảnh ấy [Phật, Bồ Tát] bèn thị hiện như thế, nên dùng thân gì đắc độ, bèn hiện thân ấy. Nếu quý vị cầu thần tiên, Ngài bèn hiện thân thần tiên đến độ quý vị. Quý vị tin Cơ Đốc (Jesus Christ), Ngài hiện thân Cơ Đốc độ quý vị. Do vậy ta biết: Bất luận người thuộc tôn giáo nào, bất luận theo tôn giáo nào, thờ phụng vị thần nào, trong vũ trụ chân thần là duy nhất, chân thần là một, nhưng tại các nơi, danh xưng khác nhau. Trong Thiên Chúa Giáo (Công Giáo) và Cơ Đốc Giáo (Tin Lành) gọi là Thượng Đế, trong Y Tư Lan Giáo (đạo Hồi, Islam) gọi là Chân Chúa (Allāh), dân gian Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, tuy danh xưng khác nhau, chúng ta biết tất cả đều là chư Phật Như Lai hiện các hóa thân khác biệt. Chỉ cần chúng sanh có khổ nạn, quý vị hy vọng loại người nào đến giúp đỡ, Ngài bèn hiện thân ấy. Thật sự hiểu rõ, giác ngộ thì vốn là một chuyện. Nói theo Phật pháp, đều là do chư Phật Như Lai biến hóa. Nói theo Y Tư Lan giáo thì chư Phật, Bồ Tát toàn là do Chân Chúa biến hóa. Nói theo Cơ Đốc Giáo, toàn là do Gia Tô (Jesus) biến hóa, nói như vậy có suông tai hay không? Suông! Chẳng sai tí nào! Đó là *“hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”* như Phổ Hiền Bồ Tát đã nói. Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ). Trong tâm quý vị ngưỡng mộ nhất là gì, Ngài bèn hiện thân ấy. Quý vị ngưỡng mộ thần, Ngài hiện thân thần. Quý vị ngưỡng mộ tiên, Ngài bèn hiện thân tiên, thị hiện làm tiên nhân. Nói tới cuối cùng, xét đến cội nguồn, rốt cuộc là chuyện ra sao? Nói tới cuối cùng là tự tánh, là chính mình, chẳng phải là ai khác!

Quý vị thấy trong những năm qua, chúng ta đề xướng Tam Thời Hệ Niệm, Tam Thời Hệ Niệm thuộc loại kỳ đảo do thiền sư Trung Phong soạn. Thiền sư Trung Phong là người đời Nguyên, trụ tại Đông Thiên Mục Sơn, hiện thời là đạo tràng của cư sĩ Tề Tố Bình, bà ta ở nơi đó. Thiền sư bảo chúng ta: *“Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta”*. Trong Gia Tô giáo có thể nói như vậy hay không? Tâm ta chính là Gia Tô, Gia Tô chính là tâm ta. Tâm ta tức là Thượng Đế, Thượng Đế tức là tâm ta, đúng vậy. Người Trung Quốc nói tới thánh nhân, tâm ta tức là thánh nhân, thánh nhân tức là tâm ta. Thiền sư Trung Phong nói: *“Tịnh Độ tức là phương này, phương này chính là Tịnh Độ”*. Vật thì chúng ta cũng có thể nói: “Thiên đường chính là phương này, phương này chính là thiên đường”, cùng một đạo lý! Ai thừa nhận lời ấy? Các nhà Lượng Tử Lực Học thừa nhận. Vì sao? Qua nghiên cứu, họ phát hiện, khắp pháp giới hư không giới là một tự thể. Những điều được nói trong kinh Phật đã được họ chứng thực, hết thảy vạn pháp trong toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, trong mười bốn ngày dưới cội Bồ Đề, giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cho Pháp Thân Bồ Tát, giảng gì? Giảng cảnh giới do Ngài đích thân chứng, vạn pháp trong vũ trụ và chính mình là một Thể.

Kinh Hoa Nghiêm phân lượng rất lớn, Hiền Thủ quốc sư là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm đã viết một bài luận văn có tựa đề là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đại sư viết bài văn ấy chẳng dài, nhưng đã cô đọng tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, đơn giản hóa thành sáu cương mục. Sáu điều ấy triển khai sẽ thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đầu tiên, Ngài nói pháp giới nguyên khởi do đâu mà có? Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, chỉ có thứ này. Thứ này là thật, trong Phật pháp gọi nó là tự tánh, chân tâm, vạn sự vạn vật đều do nó biến hiện, nó là Thể, vĩnh hằng chẳng thay đổi. Vạn sự vạn vật được biến hiện bởi nó, toàn là biến hóa, đổi khác trong từng sát-na, đều chẳng thật. Từ một Thể hiển lộ hai tác dụng, một là thân thể của chính mình, ta do đâu mà có? Nêu ra hoàn cảnh sống của ta là vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Cũng nói ra, lại còn cho biết: Vũ trụ và chính mình có ba loại đặc tánh, tức là ba thứ tánh chất:

- Thứ nhất là *“trọn khắp pháp giới”.* Chúng ta dấy lên một niệm thì cả pháp giới đều nhận được. Dấy lên một niệm giống như phát xạ, đài radio phát ra sóng điện, tất cả hết thảy hiện tượng vật chất và tinh thần trong khắp pháp giới hư không đều thu được.

- Thứ hai là *“xuất sanh vô tận”*, biến hóa vô cùng. Trước đây, chúng tôi dùng kính vạn hoa để làm tỷ dụ. Trên thực tế, [kính vạn hoa] vô cùng đơn giản, nhưng khi quý vị xoay chuyển nó, sẽ là thiên biến vạn hóa. Quý vị chuyển mỗi ngày, thời thời khắc khắc chẳng ngừng chuyển, chuyển suốt cả năm, vẫn chẳng tìm được hai dạng thức (patterns) giống nhau, tự tánh đúng là vi diệu như vậy.

- Đặc tánh thứ ba là *“chứa đựng Có và Không”*, nhà Phật thường nói là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”.* Một hạt vi trần cũng là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Một ý niệm cũng là như thế, chẳng có ngoại lệ.

Cách nói như vậy đã được các nhà Lượng Tử Lực Học nhìn thấy, nhưng họ chẳng thể nói rõ ràng như trong kinh Phật. Đức Phật thấy bằng cách nào? Thấy trong Thiền Định, đó là cảnh giới Hiện Lượng. Khoa học cũng coi như là Hiện Lượng, nó suy đoán bằng lý luận, phát hiện có khả năng ấy; sau đấy mới dùng những máy móc tinh vi để quan sát. Quan sát bằng máy móc tinh vi được coi như Hiện Lượng, đây là thật, chẳng giả. Do Phật, Bồ Tát thấy từ trong Thiền Định rất sâu, thấy hết sức rõ ràng, còn rõ ràng hơn dùng máy móc. Máy móc là gián tiếp, thông qua máy móc quý vị mới nhìn thấy, còn các Ngài nhìn trực tiếp, chẳng cần thông qua máy móc, thấy càng giống thật hơn. Quý vị thật sự liễu giải, hiểu rõ ràng, thấu triệt rồi, quý vị mới biết đối trị ra sao. Hễ vấn đề phát sanh, quý vị bèn có phương pháp để đối trị. Trong vũ trụ luôn có trật tự, đôi khi tinh cầu lệch khỏi quỹ đạo, sẽ có biện pháp giúp nó khôi phục, uốn nắn. Ai có năng lực? Mỗi cá nhân chúng ta đều có năng lực! Chỉ cần quý vị buông vọng niệm xuống, tập trung ý niệm vào một điểm, năng lượng của điểm ấy rất lớn, có thể giúp cho tinh cầu chệch quỹ đạo được sửa đúng trở lại, có sức mạnh lớn ngần ấy. Cổ nhân có nói một câu: *“Phật pháp vô biên”*, câu nói ấy rất có ý vị, đúng là vô biên. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 52 hết**

# Tập 105

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm hai mươi bốn, coi từ hàng cuối cùng.

*“Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán. Thử nhị cú diệc tự Đường dịch, thị đệ ngũ tướng chi hàng ma. Ma giả, Phạn ngữ Ma La chi lược xưng. Thử phiên Chướng Ngại, năng vị tu đạo tác chướng ngại cố. Hựu phiên Sát Giả, hại nhân thiện cố. Hựu Thường Hành Phóng Dật, đoạn huệ mạng cố. Hựu phiên Ác Giả, đa ái dục cố”* (“Dùng sức Định Huệ, hàng phục ma oán”: Hai câu này cũng trích từ bản Đường dịch, là tướng thứ năm, tức hàng ma. Ma là nói tắt của chữ Ma La trong tiếng Phạn. Cõi này dịch là Chướng Ngại vì nó có thể gây chướng ngại cho sự tu đạo. Lại dịch là Sát Giả (kẻ giết) vì làm hại điều lành của con người. Lại dịch là Thường Hành Phóng Dật vì đoạn huệ mạng. Lại dịch là Ác Giả (kẻ ác) vì nhiều ái dục). Chúng ta đọc tới chỗ này. Đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian, vì giáo hóa hết thảy chúng sanh, lại thị hiện hàng ma. Phật chẳng có ma, mà Bồ Tát cũng chẳng có ma nạn, nhưng phàm phu thì có. Ma do đâu mà có? Một là phiền não, thứ khác là thiên ma. Thiên ma bao gồm tất cả những thứ chướng nạn trên đường Bồ Đề, những thứ ấy đều thuộc loại thiên ma. Hai câu này đều trích từ kinh văn hội [Vô Lượng Thọ] Như Lai của kinh Đại Bảo Tích, nói về tướng thứ năm. Chữ Ma (魔) này, quý vị thấy nguyên gốc trong các bản kinh sách xưa là chữ Ma (磨) như trong Chiết Ma (hành hạ, vùi dập), phía dưới [chữ Ma] không phải là chữ Quỷ (鬼), mà là chữ Thạch (石), tức tảng đá, tức là chữ Ma (磨) trong Chiết Ma (折磨). Lương Võ Đế là một Phật giáo đồ kiền thành, thật sự toàn tâm toàn lực hộ trì Phật môn. Chữ này do nhà vua tạo ra. Nhà vua nói Chiết Ma quá đáng sợ, giống như ma quỷ, nên thay chữ Thạch bằng chữ Quỷ. Tiếng Phạn là Ma La (Māra), người Hoa chuộng đơn giản, bèn lược bỏ âm cuối, rút gọn, nên gọi bằng một chữ Ma. Chữ ấy dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chướng Ngại vì nó có thể chướng ngại người tu đạo. Nói theo Phật pháp, nó chuyên môn tạo ra các thứ chướng ngại đối với người tu hành; đó là ý nghĩa “vùi dập”. Lại dịch là Sát Giả, vì sao? Gây hại cho điều lành của người ta. Luôn ngăn trở người ta hành thiện, đây cũng là chướng ngại, khiến cho việc thiện của người khác chẳng thể thành tựu, ma thường làm những chuyện ấy. Lại còn dịch là Thường Hành Phóng Dật vì đoạn huệ mạng, biếng nhác, tán loạn, nên chẳng thể nghiêm túc tu đạo, khiến cho đạo nghiệp của quý vị chẳng thể thành tựu, [đó là] *“đoạn trí huệ mạng”.* Trong chữ Ma có những ý nghĩa ấy. Lại dịch là Ác Giả, vì Ma có nhiều ái dục, tình chấp rất nặng, đều là nhân duyên chướng đạo.

Trong hết thảy các kinh, kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều thường nói đến Tứ Ma, tức bốn loại Ma, *“ma loại tứ chủng”* (ma có bốn loại). Trong Tịnh Ảnh Sớ, đây là tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ, nói đến bốn loại ma đều là những loại thường được các kinh nhắc tới:

1) Loại thứ nhất là *“Phiền Não Ma, vị tham sân đẳng, năng hại thiện pháp”* (Phiền Não Ma, có nghĩa là tham, sân v.v... có thể làm hại thiện pháp). Chúng ta hãy suy nghĩ, chẳng phải là [những thứ] bên ngoài, mà chính là tham, sân, si của chúng ta, kinh gọi ba thứ ấy là Tam Độc. Các phiền não như tham, sân v.v... còn gọi là Ma. Tham, sân, si đều là Ma, ở đây nói *“tham, sân”*, sau đó có chữ Đẳng. Chữ Đẳng nhằm nói đến sáu Căn Bản Phiền Não, tức là tham, sân, si, mạn, nghi, và ác kiến. Ác kiến là kiến giải sai lầm, đó là Phiền Não Ma. Nếu chẳng thể buông phiền não xuống, đạo nghiệp chẳng thể thành tựu. Vì thế, xưa, nay, trong ngoài nước, bao nhiêu người tu hành, kẻ tu hành đông đảo, có mấy ai thành tựu? Vì sao chẳng thể thành tựu? Tu hành nửa chừng ngã lòng, vì sao ngã lòng? Tập khí phiền não quá nặng, tất nhiên là ngã lòng! Nếu chẳng triệt để buông xuống những phiền não ấy, đến cuối cùng, nó sẽ khởi tác dụng, xóa sạch toàn bộ công sức của người tu hành, hết sức đáng tiếc. Cần phải trừ bỏ cội rễ của phiền não, phải trừ bỏ tâm tham tận gốc rễ. Chẳng phải là thay đổi đối tượng! Có những kẻ chẳng hiểu rõ, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê trong thế gian đã buông xuống, chẳng tham, nhưng như thế nào? Tham Phật pháp, tham luyến Phật, Bồ Tát, vẫn chưa được! Vẫn là tham. Đức Phật dạy chúng ta đoạn tham, sân, si, chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng, nhất định phải biết điều này. Tham tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê trong thế gian là bất thiện pháp, nhưng đối với thiện pháp cũng chớ nên tham, Đức Phật bảo chúng ta đoạn tâm tham, phải ghi nhớ: Tuyệt đối chẳng phải là bảo chúng ta thay đổi đối tượng [của tâm tham].

Sân khuể cũng phải đoạn. Nếu chẳng đoạn sân khuể, chẳng thể tháo gỡ sự ràng buộc của oán thân trái chủ được! Sân khuể đã đoạn, không chỉ là hóa giải hiện tiền oán thân trái chủ rất dễ dàng, mà vấn đề oán thân trái chủ từ vô lượng kiếp đến nay cũng có thể giải quyết. Con người chớ nên có tâm tham, đừng nên có tâm sân khuể. Khoa mục tu học của Bồ Tát gồm sáu môn, sáu môn ấy được gọi là Lục Ba La Mật, sáu môn ấy là gì? Sáu môn nhằm đoạn phiền não, mà cũng nhằm xa lìa ma chướng. Vì sao Bồ Tát tu bố thí? Chủ yếu nhằm đoạn tham lam, keo kiệt, nên thí xả. Thí xả cũng là buông xuống. Tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê đều phải buông xuống. Chúng ta là phàm phu, những tập khí phiền não như vậy rất nặng, buông xuống ngay lập tức há dễ dàng ư? Nói thì đơn giản, chứ buông xuống quả thật chẳng dễ dàng, nhưng chẳng thể không buông xuống! Không buông xuống, sẽ khó đi được nửa bước trên đường Bồ Đề, quý vị chẳng có cách nào tiến lên, vì những thứ ấy buộc ràng, vướng víu. Do vậy, học theo Bồ Tát tu bố thí, khiến cho quý vị dần dần học buông xuống. Căn tánh của mỗi cá nhân chúng ta khác nhau, có người coi Tài rất nặng. Trước hết, quý vị hãy bố thí tài, buông thứ ấy xuống, sẽ dễ buông những thứ khác. Có người rất coi trọng danh vọng, háo danh, trước hết, hãy buông xuống phiền não nghiêm trọng nhất, trước tiên hãy đối trị nó. Giống như chữa bệnh, trên thân người ấy có rất nhiều chứng bệnh, bệnh nào nghiêm trọng nhất có thể khiến cho người ấy mất mạng thì phải trị trước, chữa lành căn bệnh ấy. Tiếp đó, lại thong thả chữa trị những căn bệnh khác, những căn bệnh nhẹ hơn, chẳng quá mức nghiêm trọng. Do vậy, bản thân chúng ta phải nghĩ: Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, thứ nào nghiêm trọng thì hãy thực hiện [đối trị] từ nơi nghiêm trọng đó, phải thật sự đối trị. Có khá nhiều người tu học hết sức khó khăn, hỏi tôi phải nên làm sao? Kẻ mới học chẳng ngại điều chỉnh và chuyển biến những thứ chúng ta yêu, ghét, so ra sẽ dễ dàng hơn!

Cổ nhân có một câu nói rất hay: *“Thế vị na hữu pháp vị nùng”* (ý vị thế gian chẳng nồng bằng pháp vị), đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn. Tư vị của Ngũ Dục Lục Trần thế gian dường như đem lại sự sung sướng cho con người, nhưng sự sung sướng ấy là giả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát, tư duy, sẽ nhận ra sự vui sướng ấy giống như gì? Giống như hút thuốc phiện, chích morphine, hưởng thụ xong, cái được chẳng bù nổi cái mất, nếm được một chút ngọt ngào, phải trả một giá quá lớn, chẳng đáng! Quý vị lắng lòng quan sát sẽ thấy chẳng đáng! Trong y học Trung Quốc còn nói nhiều hơn nữa, tổn thất là gì? Tổn thương thân thể, đức hạnh bại hoại, bại hoại luân lý, đạo đức, chẳng giả tí nào! Thoạt nhìn, ta thấy những thứ ấy đúng là Ma, chẳng phải giả, không phải là những thứ tốt lành. Cứ khăng khăng kết bạn với chúng, khăng khăng chẳng thể lìa bỏ chúng, đạo nghiệp của quý vị làm sao thành tựu cho được? Cổ nhân tốt hơn người hiện thời, vì cổ nhân đã học từ nhỏ, học tập giáo huấn của thánh hiền, phòng ngừa, ngăn chặn, đã biết đề phòng từ bé, chẳng dưỡng thành thói quen xấu xa. Đọc sách thánh hiền, ý vị nếm được từ sách thánh hiền gọi là “pháp vị”. Quý vị đọc Luận Ngữ của Nho gia, câu đầu tiên trong Luận Ngữ là: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (học rồi tập tành, cũng chẳng vui sao), niềm vui ấy được gọi là pháp vị. Học tập thánh hiền, sau khi học xong, đều có thể áp dụng những đạo lý và giáo huấn đã học vào cuộc sống hằng ngày của chính mình, vận dụng toàn bộ. Con người hiện thời gọi [chuyện này] là “học linh hoạt, vận dụng sống động”. Trong ấy có nỗi vui sướng, đó là *“bất diệc duyệt hồ”* (cũng chẳng vui sao?) Niềm vui sướng như thế chẳng do các kích thích bên ngoài, chẳng phải là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, chẳng phải là những thứ ấy, những thứ ấy là kích thích bên ngoài, còn những niềm vui sướng như vậy phát xuất từ trong nội tâm.

Nhất là trong Phật pháp, tại Trung Quốc vào thời cổ, nói đến Tam Giáo, Giáo ở đây chẳng phải là tôn giáo, mà là ba thứ giáo huấn của thánh nhân. Nho lấy Khổng Mạnh làm đại biểu, Đạo lấy Lão Trang làm đại biểu, Phật lấy Thích Ca Mâu Ni Phật làm đại biểu, đó là các vị thánh nhân trong Tam Giáo. Tam Giáo đều có thể đem lại pháp lạc và pháp hỷ cho quý vị. Nhà Phật nói *“pháp hỷ sung mãn”*, quý vị có thể đạt được niềm hỷ duyệt từ trong kinh giáo, có thể đoạn trừ Ngũ Dục, Lục Trần thế gian, vì sao? Quý vị biết những thứ ấy bất hảo, trong ấy có độc, chẳng thanh sạch. Giáo huấn từ sách vở của thánh nhân tốt đẹp, trong ấy chẳng có chất độc, có thể giúp chúng ta tăng tấn, giúp chúng ta mở mang trí huệ, giúp chúng ta thành tựu đức năng, thành tựu tướng hảo. Do vậy, Phật pháp nói *“pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ”* là do chỗ này! Học Phật mà chưa thể học được *“thường sanh tâm hoan hỷ”* thì có thể nói là còn cách xa đạo, chưa nếm được ý vị. Khi nếm được ý vị, sẽ là pháp hỷ sung mãn. Tôi chẳng đọc báo, mà cũng không xem TV, đại khái là chẳng dính dáng đến các phương tiện thông tin ước chừng năm mươi năm. Do vậy, người khác hỏi tôi, tôi luôn bảo là tốt lắm, thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì, tôi đều chẳng biết! Nhưng cũng có những đồng học hảo tâm, cho tôi biết những tin tức quan trọng, tin tức quan trọng là gì? Tai nạn! Khắp nơi đều có tai nạn. Quá nửa là các đồng học đọc từ Internet, hạ tải (download) đem cho tôi xem! Không biết, đúng là tốt, do không biết nên mỗi ngày thiên hạ thái bình. Đã biết thì sao? Thiên hạ vẫn là ngày ngày thái bình. Vì sao? Chúng ta mỗi ngày sống theo Phật pháp. Nếu rời khỏi Phật pháp, trông thấy những trạng huống đó, tự nhiên quý vị lo nghĩ, kinh hãi. Sau khi đã đạt được pháp hỷ, trông thấy những vấn đề ấy, quả thật là giống như thấy mộng, huyễn, bọt, bóng! Đối với Sự Lý, nhân quả trong ấy, nếu các đồng học học Phật khế nhập kinh tạng đôi chút, trong tâm sẽ hiểu rõ vì sao có những tai nạn ấy xuất hiện. Sau khi tai nạn xuất hiện, có biện pháp hóa giải nó hay không? Hiểu rõ ràng, minh bạch, nghe xong, hiểu được, chính mình càng thêm bội phần đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, những tin tức ấy có lợi cho chúng ta, chẳng có hại, chúng đốc thúc chúng ta quyết định phải có thành tựu trong một đời này!

Có đồng tu đem lời tiên đoán của người Maya về năm 2012 kể với tôi, lại còn đưa đĩa CD cho tôi xem, tôi thật sự coi, coi hơn hai mươi lần. Coi xong, tôi nói với các đồng học: Chúng ta niệm Phật nhằm chuẩn bị vãng sanh khi nào? Năm 2012! Chúng ta chẳng muốn thấy tai nạn, chúng ta có bản lãnh trước khi tai nạn bùng nổ bèn sang thế giới Cực Lạc, di dân sớm một chút! Lại thưa cùng quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới đi, đã chết sẽ không đi được! Phải biết điều này! Người vãng sanh lúc sắp ra đi, đầu óc sáng suốt, thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, giã biệt người nhà, quyến thuộc, bạn bè: “Tôi ra đi, quý vị hãy gắng tu hành để cũng thành tựu, tương lai gặp lại nhau trong thế giới Cực Lạc. Nếu tu chẳng tốt đẹp thì sao? Trong tương lai, quý vị đọa trong ác đạo, tôi thành Phật trong thế giới Cực Lạc, sẽ đến giúp đỡ quý vị, tôi trở lại độ quý vị”. Tỉnh táo, sáng suốt, minh bạch, chẳng có mảy may ưu lự, kinh hãi nào, đấy là lợi ích hiện tiền do Phật pháp ban cho chúng ta. Nếu chúng ta chẳng hiểu sự lý, nhân quả, sẽ chẳng có “không kinh hoàng, chẳng sợ hãi”, kèm thêm những tin tức xấu. Người học Phật đem lại những tin tức tốt, chẳng phải là tin tức xấu, khiến cho chúng ta vãng sanh cũng có thể chắc chắn biết trước lúc mất, ta có thể ra đi khi nào. Hiểu rõ ràng, minh bạch, các chướng ngại chẳng ngăn trở được!

Do vậy, học Phật là học gì? Học buông xuống. Thuở còn trẻ, người xuất gia tôi gặp gỡ đầu tiên là Chương Gia đại sư, tôi gặp gỡ lão nhân gia. Tôi thỉnh giáo Ngài, thưa: “Con biết Phật pháp thù thắng, Phật pháp tốt đẹp, có phương pháp nào khiến cho chúng ta có thể rất nhanh chóng khế nhập hay không?” Lão nhân gia bảo tôi: “Có phương pháp”. “Phương pháp gì ạ?” “Nhìn thấu suốt, buông xuống”. Tôi thật sự tiếp xúc Phật pháp, tiếp xúc người xuất gia, ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi phương pháp ấy. Phương pháp ấy là bí quyết chân thật. Học vài chục năm mới thật sự hiểu thấu: Phàm phu thành Phật từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai đều do phương pháp này! Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Hai phương pháp ấy giúp đỡ lẫn nhau thành tựu mãi cho đến khi thành Phật. Cuối cùng, quý vị thấy Bổ Xứ Bồ Tát, chúng ta thấy trong địa vị ấy, đoạn trừ một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, buông xuống như vậy, thành tựu viên mãn, đó là bí quyết thành Phật. Thầy tốt lắm, chẳng giấu diếm mảy may nào, chúng tôi hỏi, thầy thật sự dạy rõ ràng. Nếu quý vị chẳng chịu buông xuống thì trật mất rồi, vì sao phải buông xuống? Sau này thâm nhập kinh tạng, từ kinh giáo Đại Thừa tôi thấy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”.* Nếu đã là hư vọng, chớ nên chấp trước, phải nên buông xuống, chẳng có ngoại lệ. Ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng chẳng phải là ngoại lệ. Kinh Kim Cang dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai là ngoại lệ, chẳng nói lời ấy. Do chẳng nói, chúng ta bèn hiểu cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng là hư vọng.

Qua nhiều năm ngần ấy, hiện thời kể như chúng tôi đã hiểu rõ, minh bạch, cõi Thật Báo do đâu mà có? Do tập khí vô thỉ vô minh biến hiện. Nếu chẳng có tập khí vô thỉ vô minh, cõi Thật Báo Trang Nghiêm sẽ chẳng có. Sau khi chẳng có thì là cảnh giới gì? Trong Tịnh Độ Tông, [cảnh giới ấy] được gọi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ hiện tiền. Thường Tịch Quang là tự tánh, là chân tâm bổn tánh của chính mình, bất sanh, bất diệt, nên mới vĩnh hằng, điều gì cũng chẳng có, nhưng nó có thể hiện ra vạn pháp. Chẳng phải là Huệ Năng đại sư khi minh tâm kiến tánh đã nói rồi đó ư? Câu cuối cùng *“nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp”.* Cảnh giới ấy mới thật sự là đại tự tại, thật sự chứng đắc “khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”, tức Pháp Thân. Chứng đắc cảnh giới ấy, trong giáo pháp Đại Thừa quý vị được gọi là Pháp Thân Bồ Tát, quý vị chẳng còn coi [cái thân xác thịt này] là thân, mà gì mới là thân? Toàn thể hư không thế giới là thân của ta. Pháp Thân bất sanh, bất diệt. Thân [máu thịt] này có sanh, có diệt. Có sanh có diệt là giả; bất sanh, bất diệt là thật. Vì vậy, chẳng thể không đoạn phiền não, đoạn như thế nào? Khai trí huệ bèn đoạn. Quý vị thấy đức Phật sử dụng phương pháp, tức ba loại phương pháp Giới, Định, Huệ. Giới nhằm dạy quý vị khống chế phiền não, khống chế tập khí phiền não là trì giới. Đệ Tử Quy là giới, Cảm Ứng Thiên là giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới, Tam Quy Ngũ Giới đều là giới. Trước hết, dùng những phương pháp ấy để khống chế phiền não. Nhân Giới đắc Định, khống chế [phiền não] rất tốt đẹp, khiến cho phiền não tuy khởi tác dụng, nhưng nó có chừng mực, trọn chẳng thể vượt qua chừng mực ấy. Nó có mức hạn chế, chẳng thể vượt qua. Lâu dần, tâm đã định bèn đắc Định. Định là mấu chốt trong tu hành Phật pháp.

Giáo pháp Đại Thừa thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn. Pháp là phương pháp, Môn là môn kính (門徑: đường lối). Những phương pháp, đường lối ấy nhằm tu gì? Toàn là tu Thiền Định, chư vị phải biết điều này. Chúng ta niệm Phật cũng là tu Thiền Định. Dùng phương pháp Niệm Phật, phương pháp trì danh niệm Phật để tu Thiền Định. Nếu phương pháp ấy chẳng phải là tu Thiền Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp; nếu phương pháp ấy nhằm tu Thiền Định thì là Phật pháp. Nhân Định khai Huệ, Định đã lâu bèn hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đức Phật dùng ba loại phương pháp ấy để giúp đỡ chúng ta, chính Ngài cũng do ba loại phương pháp ấy mà thành tựu, lại còn dùng ba loại phương pháp ấy để dạy chúng ta. Giới là giữ quy củ, chẳng thể không tuân thủ. Không tuân thủ, tâm quý vị chẳng định được, vọng niệm tơi bời, phiền phức to lớn. Quan sát kỹ lưỡng kẻ trẻ tuổi hiện thời, chẳng kẻ nào tâm ý không bộp chộp, hời hợt. Kẻ tâm bộp chộp hời hợt chẳng có cách nào tu đạo, dẫu gặp Phật, Bồ Tát thì Phật, Bồ Tát vẫn chẳng thể dạy được, vì sao? Chẳng có cách nào dạy, kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể lãnh ngộ! Hạng người nào dễ dạy? Nhà Phật gọi [hạng người ấy] là “pháp khí”, dễ dạy, lão thành, trung hậu, ổn trọng, người như thế dễ dạy. Quý vị dạy người ấy, người ấy có thể tin, hiểu, làm theo. Gặp được người như vậy, Phật, Bồ Tát chẳng bỏ qua, luôn muốn giúp đỡ, thành tựu người ấy, vì sao? Người ấy có thể thành tựu, có điều kiện thành tựu. Không trọn đủ điều kiện thành tựu, quý vị dạy kẻ ấy sẽ lãng phí thời gian, uổng công! Thời gian lẫn tinh lực đều bị uổng phí. Vậy thì hãy để kẻ ấy lại đó, chờ đến khi nào hắn quay đầu, khi ấy, hắn hội đủ các điều kiện sẽ dạy vẫn chẳng trễ! Vì thế, Phiền Não Ma là tự thân, chẳng đến từ bên ngoài. Những thứ dụ hoặc bên ngoài như tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê đều thuộc loại thứ tư tức Thiên Ma, thuộc về loại ấy. Trong có tham, sân, si, mạn, nghi, ngoài có dụ hoặc, phiền phức to lớn. Điều này chắc chắn chướng ngại thiện pháp, chúng ta phải hiểu, phải tránh né nó.

2) Loại thứ hai là *“Ấm Ma, vị Ngũ Ấm thân, cộng tương tồi diệt”* (Ấm Ma, tức là thân Ngũ Ấm, hủy diệt lẫn nhau), loại này cũng ở trong thân thể của chính mình. Ngũ Ấm là gì? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói đúng ra là thân thể hiện tiền của chúng ta. Nhục thân này là sắc pháp, Sắc là nói tới vật chất. Nay chúng ta gọi Sắc là vật chất, nhục thân này là vật chất. Con người ngoại trừ thân thể, còn có tinh thần. Vật chất và tinh thần hòa hợp thành thân thể này. Tinh thần là gì? Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói đến bốn chữ ấy! Thọ (受) là gì? Quý vị có cảm nhận. Người ta khen ngợi quý vị, quý vị vui vẻ, sự vui vẻ ấy là Thọ. Khi người ta chửi quý vị, quý vị nổi cáu, đó cũng là Thọ. Thọ là nói đến sự cảm nhận. Tưởng (想): Sau khi quý vị đã Thọ bèn có vọng tưởng. Vọng tưởng không ngừng, kể cả lúc ngủ vẫn chẳng ngưng dứt, ngủ thì như thế nào? Quý vị nằm mộng. Mộng do đâu mà có? Mộng do vọng tưởng sanh ra. Nếu chẳng có vọng tưởng, lấy đâu ra mộng? Người thiện tâm thường gặp mộng đẹp, nằm mơ những chuyện tốt lành. Kẻ làm chuyện ác, sẽ gặp ác mộng. Tuy những thứ ấy chẳng thật, khi tỉnh giấc chỉ là một giấc mộng, nhưng trong khi nằm mộng, quý vị có cảm nhận, cũng có thể khiến cho quý vị mừng, giận, buồn, vui. Mộng cảnh cũng có thể dẫn phát toàn là phiền não.

Chữ thứ ba là Hành (行), Hành là gì? Hành là chẳng trụ, chẳng ngừng. Rõ rệt nhất là mỗi người chúng ta từ sanh ra cho đến chết đều chẳng ngừng, tinh tấn nhất, chẳng ngừng khắc nào, mỗi ngày càng tiến gần tử vong, có sanh ắt có tử. Không phải là mỗi ngày, mà là mỗi phút, mỗi giây, mỗi giây đều chẳng chịu ngừng, đi đến đâu? Điểm kết thúc cuối cùng của sự hạ sanh là phần mộ. Chẳng có ngoại lệ! Ai nấy đều đi theo con đường ấy! Có người hai, ba mươi năm đã đến, cũng có người năm, sáu mươi năm mới đến, trường thọ một chút thì tám, chín mươi tuổi mới tới, chung quy đều phải đến trạm cuối cùng! Nếu nghĩ đến chân tướng sự thật này, đối với pháp thế gian, quý vị sẽ tâm tình nguội lạnh. Tìm đến tôn giáo, tôn giáo nói có thiên đường. Y Tư Lan Giáo nói có “thiên viên” [[12]](#footnote-13)[1], quý vị rất hâm mộ, [thiên đường] tốt đẹp hơn thế gian này của chúng ta, có thật hay không? Thưa chư vị, thật sự có, chẳng giả tí nào. Vì sao? Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, thiên viên do tâm tưởng của quý vị sanh ra, nên có thật. Giống như trong thế giới hiện tiền này, thế giới hiện tiền cũng sanh từ tâm tưởng của chúng ta. Vì sao hiện thời thế giới này hỗn loạn, lắm tai nạn như thế? Do tâm tưởng của chúng ta bất thiện, toàn là nghĩ tới tham, sân, si mạn, nghi, toàn nghĩ tới Ngũ Dục, Lục Trần, phản ứng là trạng huống hiện tiền, chúng ta hiểu rất rõ ràng, minh bạch. Nếu quý vị khởi tâm động niệm, trong tâm nghĩ tới nhân nghĩa, đạo đức, lễ nghĩa, liêm sỉ, có những suy nghĩ tốt đẹp ấy, nghĩ tới quốc thái dân an, tai nạn tiêu tan, phước đức đưa đến, thế giới này sẽ biến thành thế giới Cực Lạc, sẽ biến thành thiên đường. Chúng ta phải nhớ kỹ câu kim ngọc lương ngôn sau đây của đức Phật, đó là chân lý: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, trong tâm quý vị nghĩ gì, sẽ hiện ra điều ấy. Nghĩ tới Phật, cảnh giới Phật hiện tiền; nghĩ tới Bồ Tát, cảnh giới Bồ Tát hiện tiền. Con người hiện thời ý niệm chẳng tốt lắm, nghĩ tới gì? Họ nghĩ tới tham, sân, si. Tham, sân, si biến hiện điều gì? Nếu một người niệm niệm đều là tham lam, trong tương lai kẻ ấy sẽ ở trong ngạ quỷ đạo, kẻ ấy vào trong quỷ đạo. Niệm niệm nghĩ tới sân khuể, mỗi ngày suy tính dùng phương pháp gì để chỉnh hoặc hại kẻ khác, kẻ ấy trong tương lai đi vào địa ngục đạo. Thiên đường và địa ngục đều do con người tưởng ra, chẳng có ai kiến tạo. Bởi thế, tôn giáo bèn nói: *“Thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo”.*

Điều cuối cùng trong Ngũ Ấm là Thức (識), Thức là gì? Thức là A Lại Da Thức. Theo kinh Phật, Hành được gọi là Mạt Na Thức, Tưởng là thức thứ sáu, Thọ là năm thức trước. Thức thứ tám được gọi là A Lại Da. A Lại Da cũng là một cái kho, nên gọi là Tạng Thức, giống như chữ Tạng (藏) trong Tây Tạng (西藏), có nghĩa là cất giấu, giống như một cái kho. Mỗi cá nhân chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, những nghiệp quý vị đã tạo đều chứa trong cái kho tư liệu ấy, đều được bảo tồn trong thức ấy vô cùng đầy đủ, tuyệt đối chẳng bị tổn hoại, hễ gặp duyên, nó sẽ khởi hiện hành. Vì thế, chúng ta có thể nhớ rõ những chuyện đã từng trải qua, là do có một kho tư liệu như thế. Hiện thời, chúng ta tập khí phiền não quá nặng, chẳng thể tùy ý lấy tài liệu từ trong kho tư liệu ra, có những thứ chúng ta chẳng thể rút ra được. Nếu chúng ta có công phu định lực, chẳng cần trí huệ, công phu định lực càng sâu, quý vị có thể thấy tư liệu trong A Lại Da càng nhiều. Thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy vị lai, vì sao? Có thể nghĩ tới vị lai! Năm sau còn chưa tới, nhưng ta đã dấy vọng tưởng nghĩ năm sau sẽ như thế nào, trong kho tư liệu đã có những thứ của năm sau. Đó là một cái kho lớn, những thứ trong ấy rất phong phú, toàn bộ các nghiệp đã tạo trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay đều tồn trữ trong ấy. Những thứ ấy, khi đã thành Phật, nó sẽ có tác dụng to lớn, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là gì? Không gì chẳng biết, nói đúng ra là tất cả tư liệu trong đời đời kiếp kiếp. Không chỉ là tư liệu của chính mình, mà tư liệu trong kho tư liệu của người khác ta cũng có thể mượn dùng, chẳng có chút chướng ngại nào, thông suốt! Giống như nối vào mạng Internet hiện thời, mảy may chướng ngại đều chẳng có. Đối với kho tư liệu của Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị cũng có thể rút ra, giống như của chính mình vậy! Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần, Sắc là vật chất, những thứ này nếu chẳng tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền sẽ tạo nghiệp, thân tạo nghiệp, Thọ, Tưởng, Hành, Thức càng có thể tạo nghiệp. Vì sao? Đối với Lạc Thọ bèn tham ái, đối với Khổ Thọ bèn oán hận. Quý vị thấy tham ái sẽ đi vào ngạ quỷ đạo, oán hận bèn vào địa ngục đạo. Tuy bản thân Tưởng chẳng tạo nghiệp, nhưng Thọ và Sắc tạo nghiệp, vì sao? Chúng nghe theo sự chỉ huy của Tưởng. Hành vô cùng chấp trước, chấp trước Ngã kiên cố. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa đã nói tứ đại phiền não thường đi theo Hành, nó cũng là Ngã Chấp, lại còn là tham, sân, si, ngã ái, ngã mạn, ngã si. Mạn là sân khuể, là phiền não bẩm sanh. Thân chúng ta hiện thời là thân Ngũ Ấm, *“cộng tương tồi diệt”* (hủy diệt lẫn nhau). *“Cộng tương tồi diệt”* đặc biệt nói về sanh, lão, bệnh, tử, đó là tướng hủy diệt. Nếu chúng ta chú tâm quan sát xã hội hiện tại, sẽ thấy tham, sân, si, mạn chẳng có chừng hạn, mặc sức tạo tác, kết thành quả báo trong đời này như quý vị đã thấy, ba bốn chục tuổi đã chẳng còn mạng nữa. Chúng ta tin tưởng thọ mạng của kẻ ấy không chỉ là ba, bốn mươi tuổi, phải nên là sáu, bảy mươi tuổi, vì sao ba, bốn mươi tuổi mà đã chết mất rồi? Chính mình hủy hoại, phá hư chính mình, trong xã hội hiện thời, hiện tượng ấy quá nhiều.

3) Loại thứ ba là Tử Ma, vì sao gọi Tử là Ma? Đạo nghiệp của quý vị còn chưa tu thành công, thọ mạng đã hết, đó là ma chướng. Có cách nào đối phó ma chướng ấy hay không? Có, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, có thể kéo dài thọ mạng. Chư vị hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn, tôi học Phật, cuốn sách đầu tiên tôi xem là cuốn sách ấy, do Châu lão tiên sinh đưa cho. Vị lão tiên sinh ấy là người Chiết Giang, ngang vai vế với ông nội tôi. Tôi mới hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi, vị lão tiên sinh ấy đã sáu mươi tám, sáu mươi chín tuổi, tôi quen biết cụ là do bạn bè giới thiệu. Cụ là một Phật giáo đồ kiền thành, là đệ tử của Ấn Quang đại sư, là bạn học của lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, là sư huynh, sư đệ. Thuở đó, tôi còn rất trẻ, cụ rất thích tôi, tặng cho tôi một quyển Liễu Phàm Tứ Huấn để xem, tôi đọc xong rất cảm động. Những tật xấu của tiên sinh Liễu Phàm thuở trẻ, tôi xét thấy chính mình đều có đủ. Không chỉ đã có lỗi mà còn chẳng có lỗi nào chịu thua sút! Tiên sinh còn có một ưu điểm mà so với ông ta, tôi vẫn chẳng có. Do vậy, tôi đọc một hơi gần như là hơn một tháng, đại khái chừng hai tháng, tôi đọc tới ba mươi lần. Khi tôi đọc là đọc nguyên văn, chẳng có chú giải, cảm xúc rất sâu, mới biết cả một đời người đều [bị chi phối bởi] mạng, chẳng có nửa điểm do con người quyết định. Tiên sinh Viên Liễu Phàm được một thầy tướng số là Khổng tiên sinh đoán sẵn số mạng, vận hạn mỗi năm trong suốt hai mươi năm chẳng sai sót mảy may. Ông ta là người đọc sách, hàng năm đi thi, thứ hạng đỗ đạt đúng như đã đoán định. Tú Tài thuở ấy được hưởng bổng lộc của quốc gia, quốc gia nuôi quý vị, quý vị chẳng cần làm gì mà vẫn sống được, ngõ hầu quý vị chuyên tâm học hành. Hàng năm, quốc gia cấp cho ông ta bao nhiêu đó gạo, thuở ấy dùng gạo tẻ, có đến mấy chục thạch gạo, đủ cho ông ta sống. [Khổng tiên sinh tiên đoán] chẳng sai tí nào, nên ông ta tin tưởng, khăng khăng một mực tin tưởng vận mạng, vọng niệm gì cũng chẳng có. Vì sao? Vọng niệm vô dụng, vậy thì cần gì phải dấy vọng niệm?

Có một lần, ông ta đến núi Thê Hà thăm thiền sư Vân Cốc, nơi này nay là núi Thê Hà, Nam Kinh, cùng thiền sư Vân Cốc hai người ngồi tại Thiền đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, thỉnh giáo Viên tiên sinh: “Ông dùng công phu gì vậy? Một người ngồi ba ngày ba đêm trong Thiền đường, chẳng khởi một niệm, chẳng dễ dàng! Tiên sinh Liễu Phàm thưa: “Con chẳng có công phu gì, chỉ là vận mạng đã được người khác đoán sẵn. Hai mươi năm qua, mỗi năm đi thi, thứ hạng đỗ đạt, bổng lộc quốc gia cấp phát mỗi năm chẳng sai mảy may. Con còn nghĩ tưởng gì nữa?” Thiền sư Vân Cốc nghe xong ha hả cười to: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là một kẻ phàm phu”. Được hỏi tới, tiên sinh Liễu Phàm cũng rất kinh ngạc: “Vì sao con là phàm phu?” Thiền sư Vân Cốc phân tích: “Phàm phu chẳng thể nào không có vọng niệm, lẽ đâu chẳng thể có vận mạng? Đều có vận mạng, chỉ vì kẻ bình phàm vẫn suy nghĩ lung tung, chẳng biết vận mạng của chính mình. Bất quá ông rất may mắn, ông biết vận mạng của chính mình nên không nghĩ tới. Đó chẳng phải là công phu, nên ông vẫn là một phàm nhân. Chẳng phải là nhập định, nhập định có thể chế phục vọng niệm. Ông chẳng khởi vọng niệm không do công phu định lực!” Sư dạy ông ta: “Vận mạng có thể thay đổi!” Câu nói ấy khiến tiên sinh Liễu Phàm nẩy sanh hứng thú, có thể thay đổi vận mạng ư? Đúng vậy! Cách thay đổi như thế nào? Sư dạy ông ta sám hối, đoạn ác, tu thiện, trong sách Tứ Huấn đã viết rất cặn kẽ. Sư bảo ông ta: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”.* Trong mạng ông ta chẳng có công danh, cũng có thể nói là học hành chỉ đậu Tú Tài mà thôi. Nếu đi thi Cử Nhân hoặc Tiến Sĩ sẽ chẳng có phần, trong mạng chẳng có mà! Trong mạng chẳng có con cái, thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, cả đời quan tước cao nhất là làm huyện trưởng một huyện bé tí ở Tứ Xuyên. Đó là vận mạng do Khổng tiên sinh đã tiên đoán cho ông ta.

Thiền sư Vân Cốc giúp ông ta, đưa cho ông ta Công Quá Cách. Công Quá Cách là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, nương theo Thái Thượng Cảm Ứng Thiên hòng khéo tu tập. Trong Cảm Ứng Thiên giảng “nhân lành quả lành, nhân ác báo ác”, tổng cộng giảng một trăm chín mươi lăm điều. Hằng ngày phản tỉnh, hễ có lỗi phải sửa đổi. Mỗi ngày chính mình kiểm điểm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chính mình. Ông ta thật sự làm, phát tâm muốn làm ba ngàn chuyện tốt, ba ngàn chuyện tốt lợi ích đại chúng, lợi ích xã hội, mười năm mới làm viên mãn. Tâm vừa phát, năm thứ hai đi thi, thứ hạng đổi khác. Năm thứ hai đi thi, Khổng tiên sinh đoán ông Viên sẽ đậu hạng ba, ông Viên đậu hạng nhất, ngay lập tức chẳng đúng! Ông ta biết thiền sư Vân Cốc dạy cách [sửa đổi vận mạng ấy] ấy là thật, chẳng giả. Ông ta cầu công danh, đi thi vài lần, thật sự thi đỗ. Trong mạng chẳng đỗ Cử Nhân, nhưng đỗ được. Mạng không có Tiến Sĩ vẫn đậu. Không có con cái, ông ta cầu Phật, cầu Bồ Tát, thật sự sanh được một đứa con ngoan ngoãn, làm quan cũng to, làm đến chức Tri Huyện huyện Bảo Trì, trực tiếp thuộc quyền quản trị của hoàng đế. Thọ mạng chẳng cầu sống lâu, tự nhiên tăng thọ, sống đến bảy mươi bốn tuổi. Quý vị thấy đó, vốn là thọ năm mươi ba tuổi, nhưng sống đến bảy mươi bốn tuổi, sống lâu hơn hai mươi năm. Do vậy, chính mình có thể làm chủ sanh tử, chẳng vì chính mình. Ta có thọ mạng dài hơn một chút, sẽ làm thay cho xã hội, làm thay cho những người khổ nạn nhiều chuyện hơn, vì đại chúng phục vụ, thọ mạng của quý vị chẳng còn là của chính quý vị nữa! Thọ mạng của chính quý vị có hạn độ, sau đó thì sao? Sau đó, quý vị vì người khác, vì thành tựu đạo nghiệp, thành tựu đạo nghiệp nhằm phổ độ chúng sanh, nên thọ mạng kéo dài, đạo lý là như vậy đó! Phước báo do chính mình tu, cộng thêm phước báo của chúng sanh, [thọ mạng] tự nhiên kéo dài, nhất là đối với Đại Thừa Phật pháp, thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch: Chẳng có sanh tử! Chuyện sanh tử giống như quần áo chúng ta mặc đã dơ bẩn bèn thay một bộ quần áo mới, cởi ra. Xác thân này quá già, thời gian sử dụng đã quá lâu, sử dụng chẳng thuận tiện cho lắm, bèn đổi lấy cái mới, chuyện là như vậy đó! Vì thế, sanh tử chẳng có mảy may thống khổ gì, thay đổi thân thể để quay lại tiếp tục học tập. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Vì thế, người thật sự hiểu rõ thân thể, ngày càng thay đổi tốt đẹp hơn: Đời này là thân người, đời sau đổi thành thân trời, thân chư thiên tốt hơn thân thể này rất nhiều, càng thay đổi càng tốt đẹp hơn. Nếu là một kẻ mê hoặc, trong Phật pháp gọi [kẻ ấy] là “người ngu si”, chẳng biết điều này, tham sống, sợ chết, lại còn tạo tác cả đống tội nghiệt. Do vậy, thân thể càng thay đổi càng tệ! Đời này mang thân người, đời sau đổi làm thân súc sanh, như vậy là kém cỏi quá nhiều. Thân súc sanh lại đổi thành thân ngạ quỷ, chẳng phải là càng đổi càng tệ hơn ư? Do vậy, người thông minh liễu giải chân tướng sự thật này, học Phật bèn có thể đối phó được!

Tôi chịu ảnh hưởng rất lớn từ Liễu Phàm Tứ Huấn. Một đời này, mạng tôi kém hơn mạng tiên sinh Liễu Phàm rất nhiều, nay có thể vượt trỗi ông ta, là vì trong đời này gặp gỡ Phật pháp, [những gì tôi có là] do tu từ Phật pháp, chứ không phải là trong mạng đã có. Trong mạng tôi không có của cải, nay muốn làm một ít việc, cần bao nhiêu tiền sẽ có người đưa đến. Chuyện lạ lùng là tôi cũng chẳng phải hỏi xin tiền ai, cũng chẳng hóa duyên, quyên mộ người khác, cứ tự nhiên mà có. Về thông minh, trí huệ thì giảng kinh năm mươi hai năm, mỗi năm một khác. Có những vị đồng học lâu năm đã nghe tôi giảng kinh trong quá khứ, quý vị biết tôi giảng kinh cảnh giới mỗi năm một khác. Về thọ mạng, tuổi thọ của tôi chỉ là bốn mươi lăm tuổi. Lúc bốn mươi lăm tuổi, đúng là bị bệnh một trận. Tôi trước nay chưa từng bị bệnh, chưa nằm nhà thương, cả đời này chưa nằm bệnh viện. Lần ngã bệnh ấy, tôi biết rõ thọ mạng đã tới, chẳng tìm thầy thuốc, cũng chẳng cần uống thuốc. Bác sĩ chỉ có thể chữa bệnh, chẳng chữa được mạng. Mạng đã tới, tìm bác sĩ vô dụng! Do vậy, tôi niệm Phật cầu vãng sanh, niệm một tháng bèn lành bệnh. Đó là Phật, Bồ Tát gia hộ. Nếu tôi mất lúc bốn mươi lăm tuổi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Quý vị thấy hiện nay tôi tám mươi bốn tuổi, gần như sống lâu hơn bốn mươi năm. Tiên sinh Liễu Phàm chỉ sống lâu hơn [tuổi thọ đã định] hai mươi năm, tuổi thọ tôi tăng gấp đôi ông ta. Sau bốn mươi năm ấy, nếu hiện thời tôi vãng sanh, đại khái có thể là thượng bối vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tăng lên không ít, không có thời gian sẽ chẳng được! Vì vậy, phải dùng thọ mạng để làm gì? Dùng để tăng cao cảnh giới của chính mình, đó là có ý nghĩa, chứ không phải để hưởng thụ trên thế gian. Hưởng thụ là trật mất rồi, thọ mạng đã bị lãng phí. Hãy nên không ngừng nghiêm túc học tập để nâng cao cảnh giới của chính mình, tăng tấn phẩm vị vãng sanh của chính mình trong thế giới Cực Lạc. Chúng tôi cảm tạ Phật, Bồ Tát ban cho tôi thọ mạng, thọ mạng để làm gì? Thọ mạng của tôi để đến làm chuyện này!

Vì vậy, tuổi tác đã cao, đọc kinh, niệm Phật, giảng kinh vui sướng chẳng mệt, những chuyện khác hoàn toàn buông xuống, chẳng có nữa! Cuộc sống tùy ngộ nhi an, tùy duyên sống qua ngày, quý vị nói xem có tự tại lắm hay không? Thứ gì cũng không có, nhưng thứ gì cũng đều chẳng thiếu thốn, đó là phước báo thật sự. Quý vị thứ gì cũng đều có, thứ gì cũng đều bận tâm. Quý vị nghĩ xem: Nếu quý vị có nhà để ở, có phải quan tâm nhà cửa hay không? Tôi thì ngay cả nhà ở cũng chẳng có, thứ gì cũng đều chẳng phải bận lòng! Không có nhà để ở, nhưng mỗi ngày đều có căn nhà tốt đẹp để ở, nhà của người khác thì chính người ấy phải lo toan mọi lẽ! Tôi không có xe, quý vị thấy tôi ra khỏi cửa đều có xe để ngồi, xe chẳng phải của tôi, tôi cũng chẳng phải chăm sóc, yên tâm lên đường! Còn có nhiều người như thế kiếm tôi mời tôi đi giảng kinh thì tôi phải đi, nhiều năm như thế, tôi đã đi khắp thế giới. Trên đường lữ hành, trên thân tôi chẳng có tiền, máy bay bao nhiêu tiền một vé tôi không biết, toàn là do người ta mua sẵn gởi cho, chẳng bận tâm tí nào! Nếu quý vị có tiền, tự mình mua vé, rất phiền! Lại còn phải xếp hàng, quý vị nói xem có phiền lắm hay không? Vì thế, học Phật là hết thảy đều buông xuống, thật sự đắc tự tại!

4) Thứ tư là Thiên Ma, Thiên Ma là cảnh giới bên ngoài. Ba loại trước đều là chính mình: Phiền não là chính mình, Ngũ Ấm là bản thân, sanh tử cũng thuộc về chính mình. Bên ngoài đến quấy nhiễu đều gọi là Thiên Ma, thuộc về hoàn cảnh bên ngoài. Bên trong là phiền não, tham, sân, si mạn, nghi. Bên ngoài là gì? Bên ngoài là Ngũ Dục, tức tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê. Những thứ đó ở bên ngoài, là ngoại ma đến cám dỗ, mê hoặc quý vị. Nếu quý vị có trí huệ có thể khống chế phiền não, phiền não chẳng khởi tác dụng, quý vị đã hàng ma! Vì thế, *“dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán”* (dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán), quý vị có công phu định lực sẽ không bị quyến rũ, mê hoặc. Quý vị có trí huệ, trí huệ có thể thấy rõ ràng, tà - chánh phân minh, xa lìa tà ác, gần gũi Phật, Bồ Tát. Người thế gian hưởng lạc, quý vị thấy họ hưởng thụ loại lạc nào? Phiền Não, Ngũ Ấm Ma và Thiên Ma hợp lại, họ hưởng loại lạc ấy. Phía sau niềm vui ấy có nỗi khổ, nên nói là nỗi khổ *“cực lạc sanh bi”* (vui quá hóa buồn). Không chỉ có khổ, mà còn có tai nạn. Tai nạn nhỏ là thân tâm nhiễm bệnh, hủy hoại sức khỏe, tai nạn lớn thì hậu hoạn vô cùng. Có nên tiếp cận những thứ ấy hay không? Đã nhận biết rõ ràng, minh bạch bốn loại đại ma ấy rồi, chúng ta biết chúng nó tồn tại. Chúng lại còn ở cạnh chúng ta, thời thời khắc khắc chẳng rời khỏi! Chỉ cần quý vị thiếu cẩn thận, sẽ rơi vào ma chưởng (bàn tay ma, ý nói bị ma khống chế). Thời thời khắc khắc hãy đề cao cảnh giác, chẳng để cho chúng nó quấy nhiễu. Chúng chẳng thể quấy nhiễu quý vị, sẽ biến thành hộ pháp, lại có thể giúp đỡ quý vị, đó là chuyện tốt đẹp. Giúp đỡ quý vị thì chúng ta có thể làm bạn với họ, có thể cảm hóa họ, đối với cảnh giới bên ngoài giúp họ quay đầu là bờ, giúp kẻ ấy chuyển tà thành chánh, chuyển ác thành lành, chuyển mê thành ngộ, đó là chuyện tốt đẹp. Quan trọng nhất là chính mình phải là Chánh, hạnh phải chánh thì quý vị mới có thể cảm hóa người khác, tự hành rồi thì sau đấy mới có thể hóa độ người khác.

Chúng ta đọc lời lão cư sĩ nói trong phần sau: *“Kim kinh sở hàng phục giả chỉ thiên ma”* (nay loại ma được hàng phục trong kinh này là thiên ma), trong bốn thứ ma, đặc biệt nói đến thiên ma. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đối phó với thiên ma ra sao? *“Như Bà Sa Luận vân”* (như luận Tỳ Bà Sa[[13]](#footnote-14)[2] nói), đây là một bộ luận trong kinh điển nhà Phật, trong luận ấy đoạn như thế này, trích lục: *“Bồ Tát tích cư Bồ Đề thụ hạ, sơ dạ, ma nữ lai tương mỵ loạn, trung dạ, ma quân tổng lai bức não, tu du giác sát tức nhập Từ Định, linh ma binh chúng tồi bại đọa lạc”* (Thuở trước Bồ Tát ở dưới cội Bồ Đề, đầu đêm, ma nữ đến quyến rũ nhiễu loạn, giữa đêm ma quân ùa đến bức bách não hại, trong khoảnh khắc, Bồ Tát nhận biết liền nhập Từ Định, khiến cho quân ma tan vỡ, thất bại, đọa lạc). Trong luận ấy cũng là trích dẫn kinh văn, trong tám tướng thành đạo của Phật có ghi chép điều này. Đức Phật vừa mới thành đạo, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đã thành Phật, khi ấy, ma đến gây rối, ma hiện thành gì? Hiện thân người nữ đến cám dỗ, mê hoặc Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật nhập định chẳng bị bọn họ quấy nhiễu. Những kẻ ấy đều do Ma Vương sai đến. Cách thức này không dùng được vì Thích Ca Mâu Ni Phật không quan tâm, lại tiến thêm bước nữa, sai ma quân, lũ yêu ma quỷ quái đến bức bách, gia hại Ngài. Nói đúng ra là muốn làm tổn thương, làm hại Ngài, muốn lấy mạng Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật lại nhập Định, trong Định, những đao, thương, côn, gậy đều ùa tới công kích Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi đao thương sắp chạm đến Phật, Phật liền có một đóa sen ngăn đỡ đao thương, ma chẳng có cách nào tổn hại đức Thế Tôn, do vậy, rút lui. Đối với cửa ải hàng ma này, ma dùng các thứ phương pháp để cám dỗ, mê hoặc, quý vị phải chịu được khảo nghiệm. Ma đầu hàng, cũng biến thành hộ pháp.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Hựu Tây Vực Ký vân”* (lại nữa, sách Tây Vực Ký chép), đây là bút ký Tây Du của Huyền Trang đại sư. Ngài sang Ấn Độ thỉnh kinh, trong nhật ký của Ngài có một đoạn như thế này: *“Tập chư thần chúng, tề chỉnh ma quân, trị binh chấn lữ, tương hiếp Bồ Tát”* (Nhóm các thần chúng, tề chỉnh ma quân, sắp bày quân ngũ, kéo đến bức bách Bồ Tát). Nói rõ sự hàng ma, nói khá tỉ mỉ: Ma vương triệu tập các quỷ thần, những loài ma quân ấy đều nghe lệnh Ma Vương toan đến đối phó Bồ Tát. Bồ Tát trải qua việc này mới thành đạo. Đây là khảo nghiệm. Để thành Phật, Bồ Tát, cuối cùng còn phải trải qua cửa ải này, phải trải qua năm cửa ải tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, mỗi cửa ải đều phải vượt qua, chẳng bị cám dỗ, mê hoặc, có thể chịu đựng sự khảo nghiệm. Ma vương Ba Tuần làm các chuyện này để uy hiếp Bồ Tát, *“Bồ Tát ư thị nhập Đại Từ Định”* (ngay khi đó, Bồ Tát nhập Đại Từ Định), giống như *“nhập Đại Từ Định”* đã nói trong phần trên. *“Phàm quyết binh trượng”* (phàm các binh khí của bọn chúng), tức là những thứ binh khí và vũ khí do bọn họ xách đến, thảy đều biến thành hoa sen. Toàn bộ đao, thương, côn, bổng chúng cầm trên tay đều biến thành hoa sen. Ma thấy vậy, kinh hãi, bỏ chạy, rút lui. *“Dĩ thượng câu biểu Bồ Tát Định lực”* (những điều trên đây đều biểu thị Định lực của Bồ Tát), Định có thể hàng ma, Huệ có thể cảm hóa ma. *“Hựu Trí Độ Luận vân: Bồ Tát trí huệ lực cố, đại phá ma quân, tắc hiển Bồ Tát Huệ lực”* (Lại nữa, Trí Độ Luận viết: “Do sức trí huệ của Bồ Tát nên đại phá ma quân, hiển thị Huệ Lực của Bồ Tát”), quý vị thấy Định Lực và Huệ Lực [đều được vận dụng]. *“Thị cố kinh vân: ‘Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán’. Oán chỉ oán gia”* (Vì thế, kinh nói: “Dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán”. “Oán” chỉ oán gia), nay chúng ta nói là “oán thân trái chủ”, chúng ta phải học điều này. Nay chúng ta bắt đầu học Phật, những điều gây chướng ngại cho chúng ta rất nhiều, chúng ta muốn đến đây nghe kinh, nhưng bạn thân của quý vị gọi điện thoại hẹn sẵn, khiến cơ hội của quý vị bị phá hoại. Đó là gì? Ma chướng đạo. Kẻ ấy do lòng tốt mời quý vị đi chơi, [tức là ma] ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, ở quanh ta. Hôm nay quý vị muốn định tâm, muốn niệm Phật, tính lạy Phật thì có người đến tìm quý vị, quý vị biết đó là ma đến quấy nhiễu. Khi ấy, quý vị tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, hay tùy thuận ý nghĩ của ma đi theo họ? Lúc ấy do chính quý vị chọn lựa. Chọn lựa đạo nghiệp thì trong tương lai quý vị có thành tựu. Quý vị chọn lựa thù tạc, đi theo ma, đạo nghiệp sẽ bị hủy mất. Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, Phật luôn giúp chúng ta, ma cũng luôn nhiễu loạn chúng ta, năm mươi, năm mươi! Mấu chốt thành bại chẳng tại Phật, cũng chẳng do ma, mà do chính mình quyết định. Nếu chính mình có thể kiên trì, một phương hướng, một mục tiêu, chẳng có ai không thành tựu. Nếu phương hướng của quý vị quá nhiều, mục tiêu quá nhiều, chắc chắn quý vị chẳng thể thành tựu. Không thể thành tựu thì chắc chắn vẫn luân hồi trong lục đạo. Phải thấy rõ luân hồi trong lục đạo rất khổ, khổ chẳng thể nói nổi. Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, chẳng còn muốn luân hồi nữa. Thời gian trong lục đạo rất dài, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã chịu lắm nỗi khổ sở oan uổng dường ấy. Bao nhiêu đồng tham đạo hữu đều đã thành Bồ Tát, thành Phật, nhưng chúng ta vẫn luân hồi trong lục đạo, chính mình phải gánh lấy trách nhiệm ấy.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác”* (đắc pháp vi diệu, thành Chánh Giác cao tột). *“Hàng ma”* là chẳng còn bị trong ngoài quấy nhiễu, đạo nghiệp của quý vị thành tựu, do vậy, đã thành Phật. *“Thử nhị cú thị đệ lục tướng, thành đạo chi nghĩa. Vi diệu giả, Duy Ma Kinh viết: Vi diệu thị Bồ Đề, chư pháp nan tri cố”* (Hai câu này nói lên ý nghĩa của tướng thứ sáu tức thành đạo. “Vi diệu” là như kinh Duy Ma đã nói: “Vi diệu là Bồ Đề, do các pháp khó biết”). *“Vi diệu”* là gì? Vi diệu là Bồ Đề. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại Giác, đại triệt đại ngộ là vi diệu. *“Bồ Đề giả, Phật chi tri kiến, diệc tức Thật Tế Lý Thể, đương nhân tự tánh”* (Bồ Đề là tri kiến của Phật, cũng chính là Thật Tế Lý Thể, là tự tánh của đương nhân). Giảng rất rõ ràng, “vi diệu” là gì? Minh tâm kiến tánh, đó là vi diệu. Trong Hoàn Nguyên Quán, nó được gọi là *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”.* Quý vị đã chứng đắc, tìm được cội nguồn của vũ trụ và nhân sinh, đó là viên thành Phật đạo trong Phật pháp. Tốt đẹp ở chỗ nào? Những chỗ tốt đẹp quá nhiều, chỉ cần tìm được điều này, quý vị hoàn toàn đạt được trọn khắp pháp giới hư không giới. Giống như đối với hình tròn, quý vị đã tìm được cái tâm của nó, bất cứ điểm nào trên vòng tròn cũng đều dẫn thẳng đến cái tâm, quý vị hoàn toàn tìm được. Giống như đức Phật đã giảng trong kinh, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, tánh tướng như trong kinh giáo đã nói (tánh thể của vạn pháp trong vũ trụ, hiện tướng), Lý, Sự, nhân quả, chẳng sót một pháp nào. Hễ đạt được điều này (Bồ Đề), sẽ đạt được hết thảy, trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị chẳng khác gì chư Phật Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Phật, và A Di Đà Phật. Quý vị đã thành tựu, thành tựu viên mãn!

Tri kiến của Phật là như trong kinh Pháp Hoa đã nói *“nhập Phật tri kiến”*, Phật tri Phật kiến, nói đơn giản là *“không gì chẳng biết, không gì chẳng thấy”*. Quý vị chính mắt thấy. Vì sao? Quý vị ở trong đại định, thành Phật là vĩnh viễn ở trong Định Huệ, đi, đứng, ngồi nằm đều trong Định. Định ở đây không chỉ là ngồi khoanh chân nhìn vào vách mới là Định. Đó là lúc mới học, học tu Định. Sau khi tu Định thành công, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều ở trong Định. Vì sao? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới Lục Trần bên ngoài, quý vị chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, có phải là Định hay chăng? Làm mọi việc như vậy, giúp đỡ vô lượng vô biên chúng sanh khổ nạn, nhưng chính người ấy ở trong Định, có cần phải xuất Định để làm mọi việc hay không? Chẳng cần! Chẳng xuất hay nhập Định, hoàn toàn ở trong Định. Chúng ta phải liễu giải điều này. Nhập Định có thể thấy, xuất Định bèn có thể làm việc, đó là Tiểu Định, [là Định của] Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, chứ Đại Thừa Bồ Tát không như vậy. Từ kinh Địa Tạng chúng ta thấy mẹ cô Quang Mục đã mất, cô biết mẹ lúc còn sống tạo tội nghiệp rất nặng, chắc chắn đọa ác đạo, bèn cúng dường A La Hán, cầu A La Hán giúp đỡ, nhìn xem mẹ cô đang ở nơi đâu. A La Hán phải nhập Định, nhập Định trông thấy, khi xuất Định, bảo cho cô ta biết tình hình. Tiểu Thừa có xuất nhập, nhưng Pháp Thân Bồ Tát chẳng xuất nhập, do đã kiến tánh. A La Hán chưa kiến tánh, đối với ba tầng chướng ngại chỉ đoạn một tầng, tức là chẳng chấp trước, nhưng vẫn còn phân biệt, còn có khởi tâm động niệm. Pháp Thân Bồ Tát khởi tâm động niệm cũng đã đoạn, nên chẳng xuất nhập Định, thật sự đắc đại tự tại.

Thật Tế Lý Thể: Câu này có một thuật ngữ tương đương trong Triết Học hiện đại là “bản thể của vũ trụ vạn hữu”, bản thể là gì? Có thể sanh ra muôn hình tượng trong vũ trụ, nó cũng là tự tánh, chính là tự tánh. Danh từ Phật pháp là tự tánh, danh từ Triết Học là bản thể, cổ nhân Trung Quốc gọi nó là bổn tánh, [những danh từ ấy] nhằm chỉ điều này, bổn tánh bổn thiện (bổn tánh vốn lành). Dùng Phật pháp để giải thích thì *“bổn thiện”* có nghĩa là Thật Tế Lý Thể, là Phật tri Phật kiến, như vậy thì mới gọi là *“bổn thiện”.* Dùng Phật pháp để giải thích học thuật truyền thống của Trung Quốc, nâng cao nó lên, nâng cao tới cảnh giới viên mãn!

*“Kinh vân: Phi thị ngữ ngôn, phân biệt chi sở năng tri. Cố vân vi diệu nan tri”* (Kinh nói: Chẳng phải là do ngôn ngữ, phân biệt mà có thể biết được, nên nói là “vi diệu, khó biết”). Chuyện này ngôn ngữ chẳng thể diễn tả được, chẳng gán cho nó danh từ, thuật ngữ nào được, chỉ có chứng mới biết. Chỉ cần quý vị buông khởi tâm động niệm xuống, nó sẽ hiện tiền, quý vị sẽ biết. Quý vị tuy biết, vẫn chẳng thể diễn tả được, trong giáo pháp Đại Thừa có một câu tỷ dụ: *“Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri”* (như người uống nước, lạnh nóng tự biết). Một người uống một chén nước, quý vị hỏi người ấy nước có nóng hay không? Nói không được! Cầm nhiệt kế để đo cũng đo không ra, ắt phải do chính quý vị uống thì mới biết rõ! Vì sao? Mỗi người cảm giác khác nhau, tôi uống thấy độ ấm rất hợp, nhưng có thể là người khác uống bèn cảm thấy nóng quá, một người khác nữa cảm thấy quá lạnh, mỗi cá nhân cảm giác khác nhau, làm sao có thể nói được? Đó là hàm nghĩa trong hai chữ Vi Diệu, *“vi diệu nan tri”*. *“Dữ vi diệu thị Bồ Đề dã”* (và “vi diệu là Bồ Đề”): Bồ Đề là Chánh Giác, *“đương nhân Chánh Giác”* tức là Chánh Giác của chính mình. Chánh Giác của tôi thì quý vị làm sao có thể biết được? Chánh Giác của quý vị, kẻ khác cũng chẳng biết. Chỉ có người công phu cao hơn quý vị mới biết, hoặc kẻ có công phu ngang bằng quý vị là biết. A La Hán biết A La Hán, chẳng biết Bồ Tát; Bồ Tát biết Bồ Tát, mà cũng biết A La Hán. Biết [cảnh giới] của người thấp hơn vị ấy, *“vi diệu”* mang ý nghĩa này.

Trong Tịnh Ảnh Sớ có nói: *“Lý thị diệu pháp, do đắc thử pháp, cố thành Chánh Giác”* (Lý là diệu pháp, do đắc pháp ấy, nên thành Chánh Giác). Lý cũng là Thể, nó là diệu pháp, hết thảy diệu pháp do nó mà có. Nếu quý vị hiểu rõ Lý Thể ấy, đã thấy, bèn thành Chánh Giác. Lý Thể viên mãn là tự tánh viên mãn, Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc [Lý Thể]. Thanh Văn, Duyên Giác chứng đắc một phần Lý Thể, chẳng viên mãn. Nói chung, chưa viên mãn sẽ không ra khỏi mười pháp giới, tuy đã vượt thoát lục đạo, nhưng chưa thể vượt khỏi mười pháp giới. Nếu chứng đắc viên mãn, sẽ vượt thoát mười pháp giới. Lý được nói ở đây chỉ Thật Tế Lý Thể. Thật Tế Lý Thể là tự tánh. Minh tâm kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh, *“thành Chánh Giác”* là thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lý này nếu nói hạn cuộc, chẳng viên mãn, thì đó là Chánh Giác được chứng bởi A La Hán. Cái được chứng đắc bởi A La Hán, bởi Bồ Tát, hay bởi Phật đều là một Lý Thể, nhưng có cạn hay sâu khác nhau. A La Hán chứng nhập nông cạn, Bồ Tát chứng nhập sâu, Phật chứng đắc rốt ráo viên mãn, thảy đều là nói về tự tánh. *“Hựu Trường A Hàm Kinh viết: Như Lai đại trí, vi diệu độc tôn”* (Lại nữa, kinh Trường A Hàm nói: “Như Lai đại trí, vi diệu độc tôn”), A Hàm là kinh Tiểu Thừa. Lời tán thán này có lý, quả thật A La Hán xưng tán Bồ Tát như thế. *“Độc tôn”* ở đây là “chỉ có thành Phật thì mới có thể chứng đắc”. Đối với những địa vị kém hơn Phật quả, cũng có nghĩa là từ bậc Đẳng Giác trở xuống, vẫn rành rành là kém hơn Phật!

*“Tổng thượng nhi ngôn”* (tổng hợp những điều trên đây để nói), đây là nói tóm lại, tổng kết rất nhiều những điều do các vị tổ sư đại đức đã nói như trên đây thì *“đắc vi diệu pháp, tức khế Thế Tôn chi Phật trí, nhập Thật Tướng chi diệu lý, chứng chánh chân chi Bồ Đề. Cố thành Chánh Giác. Chánh Giác giả, Như Lai chi Thật Trí. Cố thành Phật viết thành Chánh Giác”* (“đắc vi diệu pháp” là khế nhập Phật trí của đức Thế Tôn, nhập diệu lý Thật Tướng, chứng Bồ Đề chánh chân. Vì thế, thành Chánh Giác. Chánh Giác là Thật Trí của Như Lai. Do vậy, “thành Phật” được gọi là “thành Chánh Giác”). Cách giảng này cũng rất hay, *“khế Thế Tôn chi Phật trí”*, điều được chứng đắc bởi Thích Ca Mâu Ni Phật và hết thảy chư Phật là một, không hai, đấy là *“nhập Thật Tướng chi diệu lý”.* Hai chữ Thật Tướng chỉ chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ. Thật là chân thật, diệu lý về chân tướng. Chân tướng do đâu mà có? Vì sao có chân tướng? Lý Thể của chân tướng được gọi là Diệu, nó là tự tánh. Công năng và đức dụng trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn, không có cách nào tưởng tượng, gì cũng chẳng có, nhưng nó chẳng thiếu thứ gì, diệu ở chỗ này! Chúng ta hãy suy nghĩ, khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, Ngài đã miêu tả Bồ Đề chân chánh, diệu lý Thật Tướng có hình dạng như thế nào? Ngài nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”.* Nói theo cách bây giờ, *“nào ngờ tự tánh”* là chẳng nghĩ tự tánh vốn là thanh tịnh. Có bị nhiễm bẩn hay không? Chẳng có! Hiện thời, tự tánh của chúng ta có bị nhiễm bẩn hay không? Chẳng có! Chắc chắn chẳng bị nhiễm bẩn! Đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục đều chẳng bị nhiễm bẩn, đúng là thanh tịnh, là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Không chỉ chẳng bị nhiễm bẩn, mà còn chẳng có sanh diệt, bất sanh, bất diệt!

*“Bổn tự cụ túc”* (vốn tự trọn đủ), *“cụ túc”* là gì? Trí huệ, đức năng, tướng hảo, cũng là trọn đủ hết thảy các pháp, vì sao? Hết thảy các pháp đều do tự tánh biến hiện, có thể hiện hết thảy các pháp. Kinh Hoa Nghiêm nói đến thế giới Hoa Tạng, phẩm Thế Giới Thành Tựu có nói *“vô lượng vô biên chư Phật sát độ”*. Trong chư Phật sát độ (các cõi nước của chư Phật) có cõi là tịnh độ, có cõi là uế độ. Uế độ giống như địa cầu của chúng ta, trạng huống đại khái giống nhau, thiên biến vạn hóa, trước nay chưa từng ngưng dứt. Tổng chỉ huy, vạch ra sách lược chung của những biến hóa ấy là ai? Thưa quý vị, ý niệm, tức là ý niệm của chúng ta. Chư Phật Như Lai thị hiện trong lục đạo, như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ vào ba ngàn năm trước, thị hiện tám tướng thành đạo, người vạch ra sách lược chung, tổng chỉ huy vẫn là chính chúng ta. Ngài là *“tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), diệu mà! Sách Hoàn Nguyên Quán gọi chuyện này là *“xuất sanh vô tận”*, gọi nó là “diệu lý”, pháp được gọi là “diệu pháp”. Đối với chữ Diệu này, diệu ở chỗ nào? Chẳng thể nói là nó có, mà cũng chẳng thể nói là nó không có. Đó là Diệu. Quý vị nói “nó là có” thì bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được. Quý vị bảo “nó là không”, nó lại thật sự hiện tướng. Tướng là huyễn tướng, Lý là lý Không. Lý chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, sáu căn của chúng ta đều chẳng tiếp xúc được. Quý vị nhìn chẳng thấy, mà cũng chẳng nghe thấu, nghĩ cũng chẳng ra, sáu căn không có cách nào tiếp xúc. Nó tồn tại, chẳng phải là không tồn tại, điều này được gọi là Diệu. Lý diệu, Sự diệu, Tướng cũng diệu. Khi nào có thể thấy chân tướng? Khế nhập bèn thấy. Chưa khế nhập sẽ chẳng nhìn thấy. Khế nhập phải có công phu Định Huệ. Chưa có Định Huệ thật sâu thì đến khi nào sẽ định? Định do chúng ta tu tương ứng với tự tánh vốn định. Cổ đại đức nói *“tánh, tu bất nhị”*, tánh định là tự tánh vốn định. Huệ Năng đại sư nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động”*, đó là tánh định. Nay tâm chúng ta loạn, vọng niệm quá nhiều, buông vọng niệm xuống như thế nào? Chúng ta tu Định, tu tương ứng với tự tánh vốn định, Thật Tướng của các pháp hiện tiền, hoàn toàn thấy rõ rệt. Khi ấy sẽ gọi là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, người học Phật phải đặt vững mục tiêu ở nơi đây. Nay chúng ta ở trong thế gian này, tưởng tượng chẳng được, đức Phật dạy chúng ta một phương pháp: Trước hết, hãy về thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc theo A Di Đà Phật, vấn đề ấy sẽ được giải quyết, chúng ta bèn có thể chứng đắc. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

# Tập 106

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi sáu, xem từ dòng thứ nhất, coi từ chữ Chánh Giác trong dòng thứ nhất.

*“Chánh Giác giả, Như Lai chi Thật Trí, cố thành Phật viết thành Chánh Giác. Tối Chánh Giác giả, sùng hiển Phật giác chi vô thượng viên mãn cứu cánh”* (Chánh Giác là Thật Trí của Như Lai, vì thế, thành Phật được gọi là “thành Chánh Giác”. Tối Chánh Giác: Đề cao, hiển thị sự giác ngộ của Phật là vô thượng viên mãn rốt ráo). Đoạn này về tướng thứ sáu (tức “thành đạo”) trong tám tướng thành đạo, kinh văn chỉ có hai câu: *“Đắc vi diệu pháp, thành Tối Chánh Giác”*, đoạn này nhằm giải thích Tối Chánh Giác là gì. Trong phần trước, tôi có nói lão cư sĩ Niệm Tổ đã trích dẫn kinh luận nhằm giải thích từ ngữ *“đắc vi diệu pháp”* là *“khế Thế Tôn chi Phật trí”*, tức là khế nhập [Phật trí của đức Thế Tôn], *“nhập Thật Tướng chi diệu lý”* là thành Chánh Giác. Nay lại giải thích, *“Chánh Giác giả, Như Lai chi Thật Trí”* (Chánh Giác là Thật Trí của Như Lai). [Hễ nói] Như Lai thì quá nửa là nói về tự tánh, là tự tánh của đương nhân. Trong kinh Phật thường nói *“đương nhân”* thì *“đương nhân”* (當人) là chính mình, *“đương xứ”* (當處) là ở ngay nơi đây, cho nên gọi là *“đương hạ”* (當下: ngay nơi đây, ngay trong lúc này). Trong tự tánh của chính chúng ta vốn sẵn có trí huệ chân thật, trí huệ ấy chẳng giả. Trí huệ chân thật vĩnh viễn chẳng mất đi, vĩnh viễn tồn tại. Không chỉ trí huệ là như thế, mà đức năng cũng là như thế, tướng hảo cũng là như thế, chẳng có một pháp nào không như vậy, pháp nào cũng đều là như vậy, vì hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh, đều do tự tánh biến hiện. Ở đây, cổ đại đức có một tỷ dụ, sánh ví tự tánh như vàng, vàng ròng, sánh ví vạn pháp như các món vật làm bằng vàng, dùng vàng ròng làm thành các dụng cụ. Thí dụ như phổ biến nhất là đồ trang sức, nhẫn, xuyến, vòng đeo cổ, những món trang sức ấy, lắm thứ kiểu dáng, chẳng có cùng tận. Năm xưa tôi ở Mỹ, chúng tôi có một vị đồng tu là cư sĩ Trần Đại Xuyên kinh doanh đồ trang sức. Ông ta làm đồ trang sức giả, tức là [đồ bằng] vàng mạ, chẳng phải là vàng ròng, làm vô cùng xinh đẹp, lại vừa rẻ. Hàng bán hết sức chạy, bán khắp cả thế giới. Có lần, ông ta dẫn tôi đến thăm phòng trưng bày, phòng trưng bày ấy to gần gấp đôi studio của chúng ta, những sản phẩm trong ấy ước chừng gần hai vạn loại, quý vị đến xem, đẹp đẽ khôn xiết, thật xinh đẹp! Người ngoại quốc rất thích những món ấy, chúng hết sức đẹp đẽ, trông còn đẹp hơn đồ thật. Mất đi cũng chẳng đáng giá mấy. Một món đắt nhất cũng không hơn mười mấy đồng, đại khái chẳng thể nào mắc hơn hai mươi đồng. Quý vị thấy giá thành rất thấp, rất đẹp, ai đến cũng mua vài món, có thể thường thay đổi để đeo. Quý vị thấy làm ra mấy vạn thứ, hình dạng khác nhau, chúng được gọi là *“khí”* (器:vật dụng)*.* Tất cả hết thảy các món trang sức có chất liệu đều là hoàng kim, nó là vàng mạ. Cổ đức dùng tỷ dụ này, sánh ví *“dĩ kim tác khí, khí khí giai kim”* (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng), *“vàng”* ấy chính là Thật Trí của Như Lai được nói đến ở đây. Chỉ cần quý vị chứng đắc, tìm được trí huệ chân thật trong tự tánh, tác dụng sẽ vô cùng.

Do vậy, Phật được gọi là Tối Chánh Giác, Tối Chánh Giác *“sùng hiển”*, Sùng (崇) là sùng thượng (đề cao), tôn sùng, Hiển (顯) là hiển thị, *“Phật giác chi vô thượng viên mãn cứu cánh”* (sự giác ngộ của Phật vô thượng viên mãn rốt ráo). Ba hình dung từ này hay lắm! Vô Thượng là chẳng có gì cao hơn, nó có thể sanh ra vạn pháp. Viên Mãn là chẳng có mảy may khuyết hãm nào. Cứu Cánh là đạt tới chỗ tột bậc. Đây là nói về trí huệ hiện tiền, đức năng cũng là vô thượng viên mãn rốt ráo, tướng hảo cũng như thế. Cũng có thể nói là chẳng có pháp nào không phải là vô thượng viên mãn rốt ráo. Chỗ như vậy ở nơi đâu? Tây Phương Cực Lạc thế giới là như vậy, thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật được nói trong kinh Hoa Nghiêm cũng là như vậy, báo độ của hết thảy chư Phật đều là như vậy. Vì sao? Có thể tiến nhập báo độ của Như Lai là ai? Đều là những người tu hành đã đạt địa vị, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống. Do vậy, thế gian ấy là một thế gian bình đẳng, chẳng có cao, thấp. Vì sao? Ai nấy đều đạt đến vô thượng viên mãn rốt ráo. Chẳng phải ở trong cảnh giới ấy, quý vị sẽ chẳng thể tiến vào, thế giới ấy ở ngay trước mặt mà quý vị cũng chẳng nhìn thấy. Các nhà khoa học hiện thời đang nói đến các chiều không gian khác nhau. Chúng có tồn tại trước mặt chúng ta hay không? Ở ngay trước mặt chúng ta! Về căn bản là hiện tiền, chẳng hề rời khỏi, ở ngay đó, nhưng chúng ta chẳng thấy. Giống như chúng ta xem TV, quý vị thấy [những hình ảnh] đều ở trong màn hình này, đang tồn tại. Ở đây (Úc) thì tôi không biết, chứ ở Mỹ có hơn một trăm băng tần TV, đều hiện diện trong một màn hình. Quý vị chẳng mở đúng băng tần, chẳng thể nói nó không có. Nhà Phật nói *“ẩn - hiển”*, nó ẩn chẳng hiển vì quý vị chẳng bắt đúng băng tần. Sau khi ấn nút đúng băng tần, nó bèn hiển hiện, hiển chứ không ẩn. Khi ẩn, quý vị chẳng thể nói là nó không có; khi hiện, quý vị chẳng thể nói là nó có, đó là Diệu! Chẳng phải có, chẳng phải không, đó là Diệu. Trong kinh Phật, chữ Diệu thường được dùng để chỉ ý nghĩa này. Duyên đầy đủ bèn hiện, duyên chẳng đủ bèn chẳng hiện. Trong chân tánh, ở đây [chân tánh được] gọi là Thật Trí, trí huệ chân thật chẳng hiện, giống như chúng ta nhìn vào màn hình TV, chẳng nhấn đúng băng tần, cái gì cũng chẳng có, nhưng hễ gặp duyên, nó có thể hiện tướng, có thể sanh ra vạn pháp. Không chỉ có thể sanh ra vạn pháp, sách Hoàn Nguyên Quán còn cho biết nó *“xuất sanh vô tận”*, biến hóa vô cùng, những điều này đều là thật. Vì sao nó biến hóa vô cùng? Vì nó vô thượng viên mãn rốt ráo!

Cảnh giới này không phải chỉ riêng mình Thích Ca Mâu Ni Phật mới có, cũng chẳng phải là một số vị như A Di Đà Phật và Tỳ Lô Giá Na Phật riêng có, chẳng phải vậy. Đức Phật bảo chúng ta: Hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới đều có, chỉ vì hiện thời quý vị đang mê chẳng giác, mê mất tự tánh, nên cảnh giới thù thắng khôn sánh chẳng hiện ra. Duyên ấy là gì? Nay chúng ta gọi duyên là nghiệp. Chúng ta hãy suy nghĩ, đại chúng trong xã hội hiện thời đang tạo nghiệp gì? Vì tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, bất hiếu với cha mẹ, bất kính tôn trưởng, kiêu căng, ngã mạn, tạo những nghiệp ấy. Những nghiệp ấy là nghiệp bất thiện. Vì sao hiện thời trên địa cầu có lắm tai nạn như thế? Do nghiệp bất thiện biến hiện. Những điều ấy đều thuộc loại viên mãn rốt ráo, nó có thể biến, tùy duyên biến, [tức là] thuận theo duyên mà biến hiện. Tùy thuận duyên gì vậy? Tùy thuận duyên của hết thảy chúng sanh, chẳng tùy thuộc bản thân Phật, Bồ Tát. Nếu là tùy thuận bản thân Phật, Bồ Tát thì hiện tướng gì cũng không có. Điều đó giống như gì? [Giống như] chúng ta nhìn vào màn hình TV, trong ấy thứ gì cũng đều chẳng có. Đó là duyên của chư Phật Như Lai. Vì sao các Ngài không hiện? Vì các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, chư vị nghĩ xem: Há có phân biệt, chấp trước? Các Ngài thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước; do vậy, các Ngài hiện Thường Tịch Quang, một bầu quang minh. Trong đó, chẳng có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, giống như chúng ta nhìn vào màn bạc, trên màn bạc thứ gì cũng đều chẳng có, hiện những tướng ấy.

Chư Phật Như Lai hiện tướng, kinh giảng rất rõ ràng: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), quý vị thấy *“tùy tâm ứng lượng”*,chẳng phải là tùy thuận cái tâm của chính mình, mà thuận theo tâm của chúng sanh. Tâm địa ngục hiện tướng địa ngục, địa ngục là tâm gì? Sân hận, sân khuể bèn hiện tướng địa ngục. Đối với tướng ngạ quỷ thì tâm ngạ quỷ hiện tướng ngạ quỷ, ngạ quỷ là gì? Tham lam, tham lam chẳng chán, đó là ngạ quỷ. Tâm súc sanh là ngu si. Do vậy, tham, sân, si hiện ba ác đạo. Nhân đạo là gì? Nhân đạo là Thập Thiện, Ngũ Giới. Tại Trung Quốc, tổ tiên dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường là nhân đạo. Hiện thời, làm người khổ quá! Vì sao? Họ chẳng phải là người, con người hiện thời còn khổ hơn ngạ quỷ, vì sao? Đã mất cái tâm người rồi! Tâm người là gì? Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đó là tâm người. Tổ tiên dạy chúng ta bốn khoa mục ấy, chúng ta phải tìm lại chúng, đó là xã hội phước báo nhân thiên, người trong thế gian này thật sự có phước. Kinh còn dạy chúng ta tu phước, quý vị chẳng tu phước, lấy đâu ra phước báo? Tạo tội mà mong có được phước báo, chẳng có lẽ ấy! Chẳng có đạo lý ấy! Chịu tội chính là bị tai nạn, tai nạn cá nhân là bệnh tật, quả báo của biệt nghiệp và cộng nghiệp chính là thiên tai, nhân họa.

Xã hội hiện thời đầy dẫy thiên tai, nhân họa, vì sao? Người sống trên địa cầu này vứt bỏ thiện nghiệp, chẳng còn học theo điều lành, chẳng biết tu phước, chẳng biết tu đức. Vì thế, xã hội lâm vào tình trạng bình trị hay loạn lạc đều là các phản ứng đối với tâm hạnh và nghiệp cảm của cư dân hiện tiền, chứ chẳng phải là gì khác. Hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật này, trông thấy khá nhiều điềm báo bất tường, chúng ta lập tức giác ngộ, lập tức quay đầu, tai nạn sẽ từ từ hóa giải. Nếu chính mình chẳng thừa nhận lầm lỗi của chính mình, chẳng biết sám hối, chẳng biết quay đầu, vẫn thuận theo tập khí phiền não của chính mình để tiếp tục làm thì sẽ bị hủy diệt, chính mình bị hủy diệt, xã hội cũng bị hủy diệt, địa cầu cũng hủy diệt, quý vị làm chuyện như thế đó. Những vị đại thánh đại hiền của các sắc dân khác nhau và các tôn giáo bất đồng nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta hãy thoát ly biển khổ, đạt tới cuộc sống thật sự hạnh phúc mỹ mãn như thế nào, đó là giáo dục tôn giáo. Văn tự Trung Quốc giải thích hai chữ “tôn giáo” rất hay. Chữ Tôn có ba ý nghĩa, thứ nhất là chủ yếu, thứ hai là trọng yếu, thứ ba là tôn sùng, tôn trọng, đề cao, tôn sùng. Giáo là giáo dục, giáo học. Quý vị thấy hai chữ Tôn Giáo gộp lại rất tuyệt diệu, trong thế gian này, [tôn giáo là] điều nhân dân cần thiết, là giáo dục trọng yếu nhất, là sự giáo học chánh yếu nhất, là sự giáo hóa đáng tôn sùng nhất, đó là hai chữ Tôn Giáo được giải thích theo Hán văn. Trong mười mấy năm gần đây, chúng tôi tiếp xúc khá nhiều tôn giáo trên thế giới, đem định nghĩa này của Trung Quốc về tôn giáo nói với mọi người, người nghe chẳng có ai không hoan hỷ, chẳng có tôn giáo nào phản đối cách nói ấy. Nghe xong rất hoan hỷ, bởi tôn giáo vốn có ý nghĩa ấy. Đó là gì? Giáo dục tôn giáo là nhu cầu tất yếu của người thế gian. Quý vị có nền giáo dục ấy sẽ có hạnh phúc, có sự mỹ mãn, có hòa hài, có hòa bình. Không có nền giáo dục ấy, xã hội động loạn chẳng biết đến mức nào! Tổ tiên chúng ta tạo ra chữ viết, hàm nghĩa trong các từ vựng (vocabulary) được dùng hết sức sâu xa, [đúng là] văn tự trí huệ, câu chữ trí huệ. Chúng ta phải cảm ân tổ tiên, chớ nên khinh dễ, khinh dễ sẽ có tội với tổ tiên, là đại bất hiếu! Bởi lẽ, đấy là trí huệ chân thật vô thượng viên mãn rốt ráo của Như Lai.

*“Như Thích Ca Phổ viết: Đắc vô thượng chánh chân chi đạo, vi Tối Chánh Giác”* (như sách Thích Ca Phổ có nói: “Đắc đạo vô thượng chánh chân là Tối Chánh Giác”). Trong Thích Ca Phổ có một câu nói như thế, có thể dùng câu ấy để giải thích ý nghĩa bao hàm trong từ ngữ Tối Chánh Giác. *“Hội Sớ viết: Giác chi trung vi tối cực”* (Sách Hội Sớ giảng [Tối Chánh Giác] là “sự giác ngộ tột bậc”), vì A La Hán đã giác ngộ, nhưng là vừa mới bắt đầu giác ngộ, A La Hán là như vậy. Giác ngộ có lợi ích gì? Bất giác có gì chẳng tốt? Bất giác sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị sống sống chết chết trong lục đạo luân hồi, vĩnh viễn chẳng thể gián đoạn, thân thể này đã diệt lại đi tìm một cái thân khác, vĩnh viễn ở trong lục đạo. Trong lục đạo, được làm thân người, hay được làm thân chư thiên, cơ hội ấy chẳng nhiều, rất ít. Phải làm thân ngạ quỷ, thân súc sanh, thân địa ngục trong lục đạo, cơ hội ấy quá nhiều! Nghĩ tới điều này, quý vị sẽ hiểu. Do vậy, đức Phật tỷ dụ lục đạo là biển khổ. Câu *“biển khổ vô biên”* hình dung lục đạo luân hồi chẳng có ngằn hạn, nên nói là *“biển khổ vô biên”.* Chúng ta hãy suy nghĩ, chẳng cần nói đến năm đường kia, trong nhân đạo hiện thời, hãy nhìn xem con người hiện thời đang sống cuộc đời gì, có thật sự sung sướng hay chăng? Tôi thấy nhiều vị lãnh đạo quốc gia, tôi cũng từng thấy những phú ông có tài sản ức vạn, nhưng họ chẳng sung sướng! Vì sao tôi biết? Mỗi tối đi ngủ, họ phải uống thuốc ngủ, chẳng có thuốc ngủ sẽ không thể ngủ được! Chẳng có cà-phê đậm đặc, tinh thần sẽ uể oải. Do vậy, tôi hiểu, địa vị rất cao, có nhiều của cải, vẫn chẳng sung sướng, họ vẫn khổ sở. Phật pháp giúp họ lìa khổ được vui. Nếu họ thật sự chịu học, thật sự tin tưởng, thật sự có thể nghe hiểu, y giáo tu hành, sẽ lìa khổ được vui! Lìa khổ được vui là cả đời hạnh phúc mỹ mãn, chẳng liên can đến địa vị cao hay thấp, nghèo giàu, sang hèn! Cả cuộc đời của loài người chúng ta trong thế gian này là để theo đuổi hạnh phúc mỹ mãn hay là để theo đuổi phú quý? Phú quý mà chẳng sung sướng thì chẳng thà nghèo hèn mà sung sướng. Kẻ tại gia như Nhan Hồi, là môn đệ được Khổng phu tử tán thán nhất, cuộc sống của ông ta hết sức bần hàn, thiếu thốn, nhưng là người sung sướng nhất trong các đồng học. Trong các vị xuất gia, Bố Đại hòa thượng chẳng có một thứ gì, Ngài đã xuất gia, thứ gì cũng đều buông xuống, kể cả đạo tràng cũng không có, đi khắp nơi quải đơn, chính mình chẳng có đạo tràng, vui sướng khôn sánh, suốt ngày từ sáng đến tối cười hề hà. Đó là các tấm gương trong giới xuất gia và tại gia, chẳng liên can gì đến phú quý hay nghèo hèn, đắc đại tự tại, được sung sướng to lớn, đắc đại viên mãn. Nhờ vào đâu? Họ nhờ vào đạo, đắc đạo! Đắc đạo là gì? Giác ngộ, hiểu rõ, chẳng còn là kẻ hồ đồ nữa. Vạn sự vạn vật trong vũ trụ họ đều thông đạt, hiểu rõ, lẽ đâu chẳng vui sướng? Triệt để buông xuống, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, chẳng nhiễm mảy trần, lẽ nào chẳng vui sướng?

Vì vậy, *“đắc vô thượng chánh chân chi đạo”* nhưsách Thích Ca Phổ đã nói chính là minh tâm kiến tánh. Trong Tịnh Độ Tông, dùng phương pháp Niệm Phật cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy. Đạt tới cảnh giới ấy thì Tịnh Độ Tông dùng thuật ngữ “lý nhất tâm bất loạn”. Đắc lý nhất tâm bất loạn là thành Phật, quý vị đắc đạo vô thượng chánh chân, đó là lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn bằng với A La Hán, lý nhất tâm bất loạn là đã thành Phật. Kế đó, chúng ta lại thấy lão cư sĩ trích dẫn một câu nói từ sách Hội Sớ, sách Hội Sớ giảng: *“Giác chi trung vi tối cực”* (sự giác ngộ tột bậc). A La Hán vừa mới bắt đầu giác ngộ, Bồ Tát tuy giác ngộ, nhưng chưa đạt tới tối cực, Phật đã đạt tới tối cực, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. *“Cố vân thành Tối Chánh Giác. Thành Tối Chánh Giác tức cứu cánh thành Phật”* (nên nói là “thành Tối Chánh Giác”. Thành Tối Chánh Giác chính là rốt ráo thành Phật). Đây là nói đến tướng “thành đạo” trong tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật, chính mình đã tu hành viên mãn.

Sau khi viên mãn bèn làm gì? Sau khi chính mình đã viên mãn, phải giúp người khác viên mãn, phải giáo hóa chúng sanh. Vì thế, đoạn tiếp theo là: *“Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân”* (trời người nương về, ngưỡng mộ, xin chuyển pháp luân), đó là hóa độ chúng sanh, tức là tướng thứ bảy trong tám tướng thành đạo, tướng thứ bảy là *“chuyển pháp luân”.* Chúng ta học Phật, nói thật ra, đời người gặp gỡ duyên phận thù thắng như vậy, học Phật là đúng, chẳng học Phật bèn sai mất rồi. Học Phật cũng phải lấy *“thành Tối Chánh Giác”* làm mục tiêu học tập. Trong một đời này, chúng ta có thể đạt được Tối Chánh Giác hay không? Khó lắm! Nói thật ra, chẳng làm được! Chúng ta có thể đoạn tập khí phiền não hay không? Kiến Tư phiền não còn chưa thể đoạn, huống hồ Trần Sa, huống gì Vô Minh? Nhưng quý vị phải biết: Chẳng đoạn được những thứ ấy là không được! Nghĩ đến lục đạo, nhất định trước hết phải nghĩ đến tam đồ, tam đồ quá khổ, quá đáng sợ. Chúng ta chẳng dễ gì thoát khỏi tam đồ để được làm thân người. Chẳng tiêu trừ tội nghiệp trong tam đồ sẽ không thể thoát khỏi, giống như phạm tội bị xử phạt giam cầm trong tù ngục. Kỳ hạn xử phạt chưa mãn thì quý vị chẳng thoát ra được! Thời hạn bị xử phạt trong tam đồ đã mãn, thoát ra, vào nhân đạo, đã thoát ra nhưng chẳng khéo học, lại làm chuyện xấu, sau khi chết lại trở vào tam đồ. Trong kinh Địa Tạng, các quỷ vương đã nói tới chuyện này. Quý vị thấy đó, vừa mới thả quý vị ra, cớ sao quý vị bèn quay lại ngay? Quỷ vương chê cười quý vị. Sau khi thoát ra, chớ nên lộn lại, quý vị bèn thành công. Người nào chẳng còn quay lại nữa? Sau khi thoát ra, gặp gỡ Phật pháp, tu hành chứng quả, người ấy sẽ chẳng quay lại. Chứng quả vị như thế nào? Tối thiểu là quả vị Tu Đà Hoàn. Thật sự chứng đắc Tu Đà Hoàn sẽ không quay lại tam ác đạo, vĩnh viễn sẽ không đọa vào nữa. Trong kinh, đức Phật đã dạy rất nhiều lần: Tuy Tu Đà Hoàn chưa thoát luân hồi, vẫn ở trong lục đạo, nhưng Ngài sanh trong cõi trời hoặc nhân gian, ở trong hai nơi ấy, chẳng đọa tam ác đạo. Lại còn qua lại chỉ tối đa là bảy lần trong cõi trời hoặc nhân gian, sau bảy lần sẽ vượt thoát lục đạo. Không chỉ vĩnh viễn chẳng đọa tam ác đạo, mà còn vĩnh viễn chẳng trở lại lục đạo, kể như là thật sự thành tựu.

Nói thật ra, chúng ta hiện thời ngay cả Tiểu Quả Tu Đà Hoàn còn chẳng có cách nào đạt được. Nếu nói là cắn chặt răng nghiêm túc tu hành thì sẽ có thể đạt được, chẳng phải là không đạt được! Thật sự có thể buông Ngã Chấp xuống, chẳng còn chấp trước thân là ta, đã thấy thấu suốt, buông đối lập xuống, đối với người, đối với sự, đối với vật chẳng có ý niệm đối lập, buông thành kiến xuống, buông hết thảy kiến giải sai lầm xuống, đọc kinh nhuần nhuyễn, biến đạo lý trong kinh Phật thành tư tưởng và kiến giải của chính chúng ta, đó là chính xác, chẳng có vấn đề gì! Chẳng cần niệm quá nhiều, một bộ kinh Vô Lượng Thọ là đủ rồi. Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, đủ rồi, sẽ có thể chứng đắc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín Bồ Tát như kinh Hoa Nghiêm đã nói, là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Sau khi chứng đắc sẽ chẳng bị thoái chuyển, đó là Vị Bất Thoái. Nếu gặp pháp môn Tịnh Độ, quý vị rất may mắn, vì sao? Gặp pháp môn này, quý vị có thể thành Phật trong một đời, chẳng phải là thành Tu Đà Hoàn, mà ngay lập tức vượt qua năm mươi địa vị, có thể thành Phật trong một đời, còn hành những thứ gì khác trong thế gian nữa ư? Thảy đều buông xuống, nhất tâm nhất ý đọc kinh, niệm Phật, chẳng cần phải mất một thời gian rất dài, quý vị có thể biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh. Tự tại vãng sanh, dẫu còn thọ mạng trong thế gian này, ta chẳng cần, ra đi sớm, có năng lực ấy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, chẳng tuyệt diệu ư? Chuyện may mắn như thế mọi người đều gặp gỡ, tùy thuộc ai có thể nắm được vận may này thì sẽ thành công. Bỏ lỡ sẽ rất đáng tiếc, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, hy hữu khó gặp! Do vậy, thành Tối Chánh Giác là thành Phật rốt ráo.

Chúng ta đọc hai câu kế tiếp: *“Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân”.* Chỉ có đức hạnh và trí huệ của chính mình đã thành tựu, quý vị mới có thể cảm trời, người quy ngưỡng. Quy (歸) là quy y. Nói cách khác, họ đến bái quý vị làm thầy, nương vào sự giáo huấn của quý vị để tu hành, đó là *“quy ngưỡng”* (歸仰). Thỉnh chuyển pháp luân: Chuyển pháp luân là truyền pháp. Vì sao không nói Truyền, mà dùng chữ Chuyển? Lần lượt truyền pháp, Phật truyền cho quý vị, quý vị lại truyền cho người khác, từng người truyền cho nhau, càng truyền càng nhiều, càng truyền càng lâu, chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian này, đạo lý ở chỗ này. Chúng ta đọc lời chú giải của lão cư sĩ: *“Kỵ dĩ hạ chư cú”* (cùng với các câu dưới đó), phần kinh văn kế tiếp rất dài, đều nói về tướng thứ bảy, tức tướng thứ bảy trong tám tướng thành đạo. Tướng thứ bảy là chuyển pháp luân, hãy ghi nhớ, [chuyển pháp luân là] lần lượt truyền pháp. *“Thiên nhân”* có nghĩa là cõi trời và nhân gian, chúng ta giải thích như vậy càng dễ hiểu. Ở đây, cụ Hoàng giải thích: *“Thiên đạo trung nhân”* (người sống trong cõi trời) được gọi là *“thiên nhân”*, tức là chư thiên. Thiên thượng nhân gian, chúng ta gộp cả nhân gian vào đó. *“Quy giả quy kính, Ngưỡng giả khâm ngưỡng”* (Quy là quy kính, Ngưỡng là khâm phục, ngưỡng mộ). Bồ Tát đã thành Phật, lời chú giải của lão cư sĩ chẳng phải là thiếu đạo lý! Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật, người thế gian chẳng biết, chỉ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội cây Tất Bát La. Phàm nhân thấy người ấy đang tịnh tọa, người tu hành tịnh tọa thì họ đi qua cũng chẳng để ý đến. Nếu không có ai thỉnh pháp, đức Phật sẽ diệt độ. Phàm phu chẳng nhận biết, làm sao có thể đến thỉnh pháp cho được? Chư thiên biết, chư thiên nơi nào? Cõi trời Đệ Tứ Thiền, tức chư thiên trong Ngũ Bất Hoàn Thiên thấy biết, họ được gọi là Tịnh Cư Thiên. Kinh Phật gọi Tịnh Cư Thiên là Ngũ Bất Hoàn Thiên. Họ trông thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật dưới cội Bồ Đề, vội vã giáng xuống, biến thành hình dạng của người thế gian, quỳ gối trước đức Phật Thích Ca, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh chuyển pháp luân. Phật Thích Ca có người đến khải thỉnh, do có người đến thỉnh nên nhận lời, chẳng nhập diệt. Vì thế, câu *“thỉnh chuyển pháp luân”* ở đây là thỉnh pháp. Chư thiên trời Tịnh Cư giúp chúng ta thỉnh pháp.

Vì vậy, ta có thể biết: Thỉnh pháp liên quan tới pháp vận của Phật pháp hưng hay suy. Có người thỉnh pháp, pháp vận của Phật sẽ hưng vượng. Phật chẳng phan duyên, chư vị phải liễu giải đạo lý này. Phật sẽ chẳng đến tìm quý vị. Chẳng có ai thỉnh pháp, đức Phật sẽ rời khỏi thế gian này, lìa khỏi nhân gian. Vì thế, có thể thỉnh pháp hay không sẽ có liên quan đến sự hưng suy của Phật pháp. Ngày nay, Phật pháp đã mấp mé bên bờ vực tồn vong, chẳng ai biết thỉnh pháp, Phật pháp sẽ thật sự biến mất trên thế gian này, cho nên chúng ta phải biết thỉnh. Thỉnh ai? Xem trong số những người trẻ tuổi, những ai ta biết rõ là người thật sự có đạo tâm, chân thật tu trì, thật sự giác ngộ, chúng ta phải thỉnh người ấy! Người khác chẳng thỉnh vì chẳng nhận biết, chúng ta nhận biết, có thể nào chẳng thỉnh hay không? Hiện thời người ấy là tại gia cư sĩ, ta thấy chính xác người ấy có thể hưng vượng Phật giáo bèn thỉnh cầu người ấy xuất gia, thỉnh cầu người ấy chuyển pháp luân. Chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, chúng sanh mới thật sự có thể tai chướng tiêu tan, có phước, tai nạn tiêu trừ, phước báo hiện tiền, đó là chuyện tốt, là chuyện tốt lành bậc nhất trong thiên hạ, chớ nên không biết. Ngàn vạn phần chớ nên ganh ghét, chướng ngại. Nếu ganh ghét, chướng ngại, chắc chắn sẽ là quả báo trong địa ngục A Tỳ, tuyệt đối chẳng phải là chỗ khác! Chắc chắn quý vị sẽ đọa trong địa ngục A Tỳ. Nếu tâm thái của quý vị chuyển biến, chuyển biến một trăm tám mươi độ, thỉnh Phật trụ thế, công đức ấy còn gì tuyệt diệu bằng? Cứu vớt Phật giáo, cứu vớt xã hội, cứu vớt địa cầu. Tích lũy công đức to tát dường ấy, nếu quý vị mong hưởng thụ phước báo nhân gian, hãy nghĩ xem đó là phước báo gì? Quý vị hưởng phước báo đế vương trong nhân gian. Ngôi vị đế vương ấy nếu truyền cho con cháu sẽ truyền được bao nhiêu đời? Tối thiểu là truyền được một ngàn năm, phước báo quá to! Đúng là ngàn năm thịnh trị, quý vị tích lũy công đức to tát dường ấy. Duyên phận hy hữu khó gặp như thế, đến nơi đâu để tìm được? Sau khi gặp gỡ lại tu phước báo to như thế, chẳng tuyệt diệu ư? Nhưng nếu quý vị có huệ nhãn, sẽ có thể thấy rõ ràng. Nếu chẳng muốn làm quốc vương trên thế gian, quý vị có phước báo to lớn ngần ấy, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đi làm Phật, sẽ thành Phật. Công đức ấy quá lớn, chẳng có bất cứ công đức nào có thể sánh bằng!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, trong Trí Độ Luận có nói: *“Kim thị Thích Ca Văn Phật đắc đạo hậu, ngũ thập thất nhật tịch bất thuyết pháp”* (Nay đức Thích Ca Văn Phật sau khi đắc đạo, trong năm mươi bảy ngày yên lặng chẳng thuyết pháp). Sau khi thành đạo, đức Phật ngồi dưới cội cây to năm mươi bảy ngày, chẳng nói câu nào. *“Tự ngôn, ngã pháp thậm thâm, nan giải, nan tri, nhất thiết chúng sanh phược trước thế pháp, vô năng giải giả”* (tự nhủ: “Pháp của ta quá sâu, khó hiểu, khó biết, hết thảy chúng sanh bị trói buộc bởi pháp thế gian, không ai có thể hiểu được!”). Đối với người thế gian, *“phược”* (縛) là giống như quý vị bị dây thừng trói chặt, chẳng thể động đậy, *“trước”* (著) là chấp tướng, hai chữ này đều là tên gọi khác của phiền não. Tập khí phiền não quá sâu, mê mà bất giác, nên quý vị nghe chẳng hiểu lời Phật giảng, nghe mà chẳng có hứng thú. *“Bất như mặc nhiên nhập Niết Bàn lạc”* (chẳng thà lặng lẽ nhập trong niềm vui Niết Bàn), đây là lúc chẳng có ai thỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Bát Niết Bàn. *“Thị thời chư Bồ Tát cập Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương, chư thiên, hợp chưởng kính lễ, thỉnh Phật vị chư chúng sanh sơ chuyển pháp luân. Phật thời mặc nhiên thọ thỉnh, đáo Ba La Nại Lộc lâm trung chuyển pháp luân”* (lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát và Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương, chư thiên, chắp tay kính lễ, thỉnh Phật hãy vì chúng sanh mà chuyển pháp luân lần đầu tiên. Khi đó, đức Phật im lặng nhận lời thỉnh, đến rừng Lộc Uyển trong thành Ba La Nại chuyển pháp luân), đó là giáo hóa năm vị tỳ-kheo. Trong Đại Trí Độ Luận có ghi câu chuyện như vậy. Thật ra, đức Phật ở trong Định, giảng kinh Hoa Nghiêm mười bốn ngày, cũng có kinh nói là hai mươi mốt ngày, trong Định giảng kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi bảy ngày thì sau khi đã giảng xong kinh Hoa Nghiêm, chẳng có ai đến khải thỉnh, đức Phật ngồi dưới cội cây suốt năm mươi bảy ngày, trừ ba lần bảy là hai mươi mốt ngày ra, tối đa là đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi mốt ngày, thời gian còn lại là chờ đợi, người thế gian mê hoặc, điên đảo, chẳng hay, chẳng biết, chờ đợi trời, người. Chư Bồ Tát trông thấy, người Hoa gọi Thích Đề Hoàn Nhân là Ngọc Hoàng Đại Đế, vị này cũng trông thấy, Đại Phạm Thiên Vương cũng thấy, kế đó là chư thiên, chư thiên cõi trời Tịnh Cư cũng thấy. Trong Thích Ca Phổ chép thiên chúng Tịnh Cư đến thỉnh pháp. Lúc đó, Thích Ca Mâu Ni Phật chấp thuận, im lặng là chấp thuận, chẳng cần phải nói. Nếu chẳng chấp thuận sẽ phải nói, không nói tức là chấp thuận, Ngài đến Lộc Dã Uyển, *“Ba La Nại Lộc lâm trung”* chính là Lộc Dã Uyển, giáo hóa năm tỳ-kheo. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, bắt đầu giáo hóa chúng sanh từ nơi đây. *“Hựu Pháp Hoa kinh vân”* (lại nữa, kinh Pháp Hoa nói), lão cư sĩ trích dẫn kinh luận rất nhiều, nên chúng ta đọc bản chú giải này cũng giống như đọc hơn một trăm bộ kinh luận. Đây là chuyện tốt đẹp vô cùng hiếm có, khó gặp, [cụ trích dẫn] tổng cộng một trăm chín mươi ba bộ kinh luận. Tiếp theo đó là: *“Hựu Pháp Hoa kinh vân: Nhĩ thời, chư Phạm Vương, cập chư thiên Đế Thích, hộ thế tứ thiên vương, cập Đại Tự Tại Thiên, tịnh chư dư thiên chúng, quyến thuộc bách thiên vạn, cung kính hợp chưởng lễ, thỉnh ngã chuyển pháp luân”* (Lại nữa, kinh Pháp Hoa nói: “Lúc bấy giờ, các Phạm Vương và chư thiên, Đế Thích, bốn vị thiên vương hộ thế và Đại Tự Tại Thiên, cùng các thiên chúng, quyến thuộc trăm ngàn vạn người, cung kính chắp tay lễ, thỉnh ta chuyển pháp luân”). Trong kinh Pháp Hoa, chính đức Phật tự nói, thuở Ngài thành đạo, loài người chẳng biết, phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy, nhưng chư thiên trông thấy. Cho nên các thiên vương trong hai mươi tám tầng trời, trừ Vô Sắc Giới Thiên ra, mười tám tầng trời thuộc Sắc Giới và sáu tầng trời thuộc Dục Giới, đều dẫn quyến thuộc của chính mình và đại chúng tới khải thỉnh.

*“Pháp luân”*,lại giải thích chữ Pháp Luân*, “Pháp, chỉ Phật giáo pháp. diễn thuyết Phật chi giáo pháp, xưng vi chuyển pháp luân”* (Pháp: Chỉ giáo pháp của đức Phật. Diễn nói giáo pháp của Phật thì gọi là “chuyển pháp luân”). Chúng ta hiểu rất rõ ý nghĩa của “chuyển pháp luân”. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, thân hành, ngôn giáo nêu gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh, đó gọi là *“chuyển pháp luân”.* Chuyển (轉) là chuyển động, Pháp (法) là thân hành, ngôn giáo, Luân (輪) tượng trưng sự viên mãn, tượng trưng cho sự rốt ráo. Tiếp đó, lại giải thích chữ Luân: *“Luân giả, Chuyển Luân Thánh Vương chi luân bảo, hồi chuyển tứ thiên hạ, triển tồi chư oán địch. Cố dĩ thí dụ Phật chi giáo pháp, diệc lưu chuyển nhất thiết chúng sanh giới, phá trừ chư phiền não”* (Luân là luân bảo (bánh xe báu) của Chuyển Luân Thánh Vương, xoay chuyển khắp tứ thiên hạ, nghiền nát các oán địch. Vì thế, dùng nó để sánh ví giáo pháp của Phật cũng lưu chuyển trong hết thảy chúng sanh giới, phá trừ các phiền não). Luân là gì? Hiện thời, đại khái là trong nửa thế kỷ này, trong quá khứ cũng có, nhưng chẳng rõ rệt, trong nửa thế kỷ này thì vô cùng rõ rệt, thường nghe nói có người từ ngoài vũ trụ đến địa cầu chúng ta. Công cụ giao thông của họ là gì? Đĩa bay! Đĩa bay chẳng phải là Luân ư? Nó tròn trĩnh, đó là công cụ giao thông của họ. Khoa học kỹ thuật phát triển hơn chúng ta, nay chúng ta chế tạo máy bay nhưng chẳng có cách nào bay ra ngoài vũ trụ. Quý vị thấy công cụ giao thông của họ tròn xoe, các nhà khoa học bảo hình tròn thích hợp nhất để phi hành. Tất cả hết thảy tinh cầu cũng đều là hình tròn, tốc độ phi hành trong vũ trụ cũng hết sức nhanh chóng. Vì thế, tôi cảm thấy Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương như kinh đã nói đại khái là đĩa bay! Chẳng phải là nhà vua đích thân đến, mà vua sai những binh lính cấp thấp đến các tinh cầu để tuần tra một lượt, xem xét tình hình. Vì sao? Đây là khu vực cai trị của vua, phải thường xuyên phái người đến đây tuần tra đôi chút. Vua thuộc về loài người, chẳng phải là thiên đạo. Nếu là thiên đạo, sẽ chẳng cần đến công cụ giao thông. Chư thiên có thần thông, chẳng cần tới công cụ giao thông. Chuyển Luân Thánh Vương vẫn thuộc về nhân đạo, trong nhân đạo chẳng có cách nào đột phá các chiều không gian và thời gian nên nhất định phải có công cụ giao thông. Do đó, đĩa bay từ tinh cầu khác bay đến, chắc chắn thuộc về nhân đạo. Tôi học Phật nhiều năm như vậy, trong khi giảng kinh mới thấu hiểu [điều này].

*“Hồi chuyển tứ thiên hạ”* (xoay chuyển trong tứ thiên hạ), tứ thiên hạ đều thuộc khu vực quản hạt của Chuyển Luân Thánh Vương. Trong kinh nói Chuyển Luân Thánh Vương có bốn loại, đẳng cấp khác nhau. Kinh Phật nói [bốn loại ấy] là Kim Luân Thánh Vương, Ngân Luân Thánh Vương, Đồng Luân Thánh Vương, và Thiết Luân Thánh Vương. Thiết Luân Thánh Vương nhỏ nhất, cai quản một thiên hạ trong tứ thiên hạ, cai quản một phương. Tứ Thiên Hạ là Đông, Nam, Tây, Bắc, Thiết Luân Thánh Vương cai quản một phương. Đồng Luân Vương cai quản một nửa tứ thiên hạ, tức là cai quản hai phương. Ngân Luân Vương cai quản ba phương. Kim Luân Vương cai quản trọn hết. Đó là bốn loại Chuyển Luân Thánh Vương. Vật báu của Chuyển Luân Thánh Vương là công cụ giao thông, các công cụ giao thông thuộc về nhà vua, nay chúng ta gọi là “không quân”, cũng thuộc loại vũ khí. Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương là vũ khí, Luân Bảo có thể đến các nơi thuộc phạm vi của nhà vua, nhưng chẳng thể tới những nơi chẳng thuộc vào phạm vi của ông ta. Chỗ nào vua có thể tới bèn thuộc vào phạm vi của ông ta. Câu tiếp theo khiến cho chúng ta hiểu Luân Bảo là vũ khí: *“Triển tồi chư oán địch”* (nghiền nát các oán địch), đó là vũ khí của ông ta. Dùng nó để tỷ dụ giáo pháp của đức Phật. Hiện thời chúng ta gọi giáo pháp của đức Phật là giáo dục của Phật Đà, mọi người bèn dễ hiểu. Giáo dục Phật Đà lưu chuyển trong hết thảy chúng sanh giới, giúp cho hết thảy chúng sanh đoạn phiền não, khai trí huệ. Do vậy, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp ví như Chuyển Luân Thánh Vương đang chỉ huy, đang huy động Luân Bảo để tuần thị (tuần tra, xem xét) tứ thiên hạ. Tứ thiên hạ là mỗi tinh cầu. Ở đây, nếu dựa theo cách nói của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta coi một đơn vị thế giới là một hệ Ngân Hà, phạm vi thống lãnh, quản hạt của Kim Luân Thánh Vương là một hệ Ngân Hà. Khu vực quản trị của vị Luân vương nhỏ nhất, tức Thiết Luân Vương, cai quản một phần tư hệ Ngân Hà. Như vậy là công cụ giao thông của ông ta rất lợi hại, có thể trong một khoảng thời gian rất ngắn đã tuần tra trọn hết, quay về, hiểu rõ rệt tình hình. Loài người chúng ta trên địa cầu hiện nay làm càn, làm quấy, họ (các vị Chuyển Luân Thánh Vương) điều tra rõ ràng, gây ra tai nạn cho chúng ta. Điều này rất có thể là như vậy! Con người chẳng học điều tốt lành, không học điều thiện, có khả năng này! Nếu tâm chúng ta biến thành thiện, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, Luân Vương sẽ ban thưởng, tặng thưởng chúng ta, chẳng đến trừng phạt. Nêu ra cách nhìn này để mọi người tham khảo!

*“Pháp Hoa Văn Cú vân”* (sách Pháp Hoa Văn Cú nói), đây là trước tác của Trí Giả đại sư, là chú giải kinh Pháp Hoa, *“chuyển Phật tâm trung hóa tha chi pháp, độ nhập tha tâm, danh Chuyển Pháp Luân”* (chuyển pháp hóa độ người khác từ trong tâm Phật vào tâm người khác nên gọi là Chuyển Pháp Luân). Trí Giả đại sư nói: Chuyển phương pháp giáo hóa chúng sanh, kể cả lý luận từ trong tâm Phật. Đây là dạy người khác, nếu kẻ ấy có thể tin, có thể hiểu, có thể thật sự thấu hiểu, biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, đó là thật sự *“độ nhập tha tâm”* (đưa vào tâm người khác), người thọ giáo đạt được lợi ích chân thật. Đó là *“chuyển pháp luân”.* Vì thế, giáo pháp của đức Phật được chia thành bốn giai đoạn là tín, giải, hành, chứng. Khi quý vị chẳng tin tưởng, bèn giúp cho quý vị sanh khởi lòng tin. Trong xã hội quá khứ, tại Trung Quốc, kể cả người ngoại quốc nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, không ai chẳng bội phục cổ nhân Trung Quốc, đều khẳng định người Hoa có trí huệ rất cao. Mấy ngàn năm qua, một quốc gia to như thế, dân cư đông đúc như thế, nhiều sắc tộc như vậy, có thể sống hòa thuận với nhau, đối đãi bình đẳng, điều này chẳng dễ dàng! Dựa vào đâu? Dựa vào giáo dục của thánh hiền. Đặc biệt là sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, quả thật là đã nâng cao văn hóa bản địa lên một mức độ rộng lớn, giải quyết rất nhiều vấn đề nan giải, cống hiến rất lớn đối với xã hội. Vì thế, trên thế giới hiện thời, tuy người tín ngưỡng Phật giáo chẳng nhiều lắm, ít hơn Cơ Đốc Giáo và Y Tư Lan Giáo, nhưng các tôn giáo khác đều tôn trọng Phật giáo, chúng ta thấy được [điều này]. Vì sao? Trong kinh điển [nhà Phật] có đạo lý, những đạo lý ấy có thể thật sự giúp chúng ta giải quyết vấn đề. Phật pháp ở trong thế gian này, nêu gương, giúp đỡ hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, đó là giáo học của Phật pháp, dạy điều gì? Dạy con người lìa khổ được vui. Khổ - vui là quả báo, hiện thời chúng sanh đang chịu khổ, đang mắc nạn, chẳng dễ sống! Nếu Phật pháp được thực hành rộng rãi, khôi phục như thời cổ, tự viện am đường thời cổ giảng kinh, giáo học, là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Từ xưa tới nay, đế vương trực tiếp chưởng quản nền giáo dục ấy, cao tăng đại đức đều được phong làm Quốc Sư, giúp xã hội an định, giúp thế giới hòa hài. Thâu hẹp phạm vi thì Phật pháp có thể giúp cho hết thảy chúng sanh thân tâm thanh tịnh, khỏe mạnh, sống lâu, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an tường, hòa bình, quốc thái dân an, quý vị có thể nói Phật pháp chẳng có cống hiến gì hay sao? Do vậy, lịch đại đế vương đều quy y Tam Bảo, chẳng có ai không nghiêm túc học tập. Đại khái những kẻ chẳng nghiêm túc học tập là các đời đế vương cuối cùng [trong mỗi triều đại], do họ chẳng nghiêm túc học tập nên quốc gia bị diệt vong trong tay họ. Từ lịch sử Trung Quốc, quý vị thấy rõ ràng, minh bạch chuyện như vậy.

Chúng ta lại xem phần trích dẫn kế tiếp: *“Gia Tường sư vân: Tự ngã chí bỉ, cố xưng vi Chuyển”* (Ngài Gia Tường nói: “Từ ta đưa tới người khác nên gọi là Chuyển”). *“Ta”* ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bảo, Bỉ (kẻ khác) là người tiếp nhận, kẻ thọ giáo học và hiểu. Đức Phật truyền cho mọi người, mọi người đều học, thấu hiểu; do vậy, Chuyển mang ý nghĩa dạy bảo và truyền lại. *“Hựu, Thám Huyền Ký giải pháp luân viết”* (Lại nữa, sách Thám Huyền Ký giải thích chữ Pháp Luân như sau), Thám Huyền Ký là chú giải kinh Hoa Nghiêm, do tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm là Hiền Thủ quốc sư soạn. Ngài là thầy của ngài Thanh Lương, đã giải thích chữ Pháp Luân như sau: *“Pháp thị quỹ trì nghĩa”* (Pháp có nghĩa là giữ cho đúng với khuôn khổ). Quỹ (軌) là quỹ đạo, nay chúng ta nói là nguyên lý, nguyên tắc, Trì (持) là bảo trì (gìn giữ), ắt phải tuân thủ những nguyên lý, nguyên tắc ấy, chẳng thể vi phạm. Hễ vi phạm, quý vị sẽ bị phiền phức. Những nguyên lý, nguyên tắc ấy giống như gì? Giống như chân lý, quý vị chẳng thể vi phạm, nên gọi là Quỹ Đạo (đường lối, khuôn khổ nhất định). *“Thông hữu tứ nghĩa, vị giáo, lý, hành, quả”* (Nói chung, có bốn nghĩa là giáo, lý, hành, quả). Giáo là giáo học, nói theo hiện thời, chú trọng sách giáo khoa. Kinh bổn này là Giáo, tức sách giáo khoa. Trong sách giáo khoa có Lý, tức là có đạo lý. Nếu chẳng có Lý, sẽ chẳng có Hành, chẳng có Quả, Giáo ấy chẳng phải là chánh giáo, đương nhiên càng chẳng thể nói là thánh giáo được! Trong thánh giáo, nội dung nhất định gồm có Lý, Hành, Quả, đó là nội dung của nó. Vì thế, nó có đạo lý trong ấy, đạo lý ấy nay được gọi là triết học và khoa học. Thật sự có! Không chỉ có, mà còn là rốt ráo viên mãn, điều này rất khó có. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói là triết học cao cấp. Hành là phương pháp, những đạo lý này được áp dụng như thế nào trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, đó là Hành. Lý nếu chẳng thể hành sẽ biến thành huyền học, làm chẳng được thì chẳng đạt được lợi ích chân thật. Đạt được lợi ích chân thật thì phải hành. Tiếp đó, Quả là quả báo, quả báo thù thắng khôn sánh, [chẳng hạn như] tôi vừa mới nói, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, quả báo ấy mở rộng thành xã hội hòa hài, thiên hạ thái bình, quả báo như vậy đó! Đối với sự tu hành chứng quả của quý vị mà nói, quý vị thành A La Hán, chứng đắc Bồ Tát, chứng đắc quả vị Phật, đó là Pháp. Do vậy, Pháp có giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp, có bốn loại ấy, giảng rất tỉ mỉ.

*“Luân thị sở thành”* (Luân là cái được hoàn thành [bởi pháp]), Luân tượng trưng cho sự thành tựu, thành tựu viên mãn. Nó cũng có bốn ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất là viên mãn, *“dĩ ly khuyết giảm cố”* (do lìa khuyết giảm), chẳng có khuyết giảm, nó là viên mãn. Luân (輪) là bánh xe. Bánh xe thời cổ là bánh xe ngựa. Cụ Hoàng nêu lên tỷ dụ này, nó có hình tròn. Hình tròn tượng trưng cho viên mãn. Nói theo hình tròn trong Hình Học hiện thời, nó có viên chu (circumference, chu vi đường tròn, độ dài đường tròn) và viên tâm (tâm hình tròn). Đó là hình tròn theo Hình Học hiện thời. Do vậy, Phật pháp dùng hình tròn làm tiêu chí (logo), ý nghĩa này rất sâu! Đường tròn là có, là động, tâm hình tròn là không, trống không. Trong Hình Học, chẳng tìm được một điểm, nhưng “điểm” có hay không? Khẳng định là có. “Điểm” có hình dạng như thế nào? Không có hình tướng, nó là một khái niệm trừu tượng [[14]](#footnote-15)[3], thật sự có, nhưng thứ gì cũng chẳng có, điều này tuyệt lắm! Vì thế, đức Phật dùng pháp luân làm biểu hiệu, làm tiêu chí, sử dụng ý nghĩa ấy, chỉ có hình vẽ ấy mới có thể biểu thị [ý nghĩa] “Không và Có bất nhị”. Nó biểu trưng ý nghĩa viên mãn.

2) Ý nghĩa thứ hai là *“cụ đức”* (trọn đủ các đức). Bánh xe có trục, tức là có tâm, chúng ta gọi nó là *“cốc lộc”* (轂轆: trục bánh xe, tâm bánh xe). Nó có căm xe, căm xe phát xuất từ chính giữa bánh xe. Bánh xe có rất nhiều căm tõe ra, những cái đó được gọi là *“bức”* (輻: căm xe). Bên ngoài, võng (輞: vành bánh xe) là phần bao quanh, bọc ngoài bánh xe là vành bánh xe. Đó là ý nghĩa *“cụ đức”. “Cụ đức”* có nghĩa là chẳng thiếu thứ gì. *“Tất giai cụ cố”* (do thảy đều có), thứ gì cũng trọn đủ thì hình tướng bánh xe mới viên mãn.

3) Thứ ba là *“hữu dụng, tồi triển Hoặc chướng cố”* (do có công dụng nghiền nát Hoặc chướng), áp dụng vào Phật pháp thì Phật pháp có thể nghiền nát, trừ sạch mê hoặc, nghiệp chướng. Dùng Phật pháp để giúp chúng sanh đoạn phiền não, khai trí huệ, bỏ mê hoặc, bỏ phiền não, chướng ngại, mang ý nghĩa này.

4) Thứ tư, *“chuyển động chi nghĩa”* (nghĩa là chuyển động). Trong thế gian hiện thời, toàn thể khoa học đều phải cậy vào bánh xe chuyển động. Nếu bánh xe không xoay chuyển, cái gì cũng chẳng có. Tác dụng lớn nhất của bánh xe là chuyển động. *“Vị tùng thử hướng bỉ, tức tùng Phật chí chúng sanh, diệc tùng bỉ hướng thử, tức tùng chúng sanh chí Phật quả”* (ý nói từ đây hướng đến kia, tức là từ Phật đến chúng sanh, mà cũng từ kia hướng đến đây, tức là từ chúng sanh hướng đến Phật). Đó là chuyển động. Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta có thể tín, giải, hành, chứng, đến cuối cùng, chúng ta thành Phật. Ngài dạy chúng ta là Ngài đến với chúng ta ở nơi đây, sau khi chúng ta thành Phật là chúng ta trở về chốn Phật ngự, chúng sanh và Phật bất nhị. Hai câu này là *“thỉnh pháp”*, tức thỉnh chuyển pháp luân.

Chúng ta lại xem hai câu kế đó, *“thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian”* (thường dùng pháp âm, giác ngộ các thế gian). Bắt đầu từ câu này, *“tùng thử cú hạ”* (từ câu này trở đi) mãi cho đến trước câu *“ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ”* (trong hàng trung hạ căn, thị hiện diệt độ) đều là tướng thứ bảy, tức tướng chuyển pháp luân, đều nói về điều này. Mãi cho đến cuối phẩm toàn là nói về những hình tích giáo hóa chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật trong suốt một đời trên thế gian này. Câu này, tức câu *“thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian”*, là nói tổng quát. Đối với *“pháp âm”*, chúng ta hãy nhớ lời giải thích của Hiền Thủ quốc sư, bao gồm giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp, đó là nói theo giáo pháp Đại Thừa. Nói nhiều cách mấy vẫn chẳng ra ngoài bốn loại lớn ấy. Giới thiệu A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới với chúng ta, đó là quả pháp, mong sao chúng ta sau khi hiểu rõ sẽ thật sự tu hành chứng quả, sự giáo học của đức Phật mới coi như viên mãn, mới thật sự được kể là đã đạt đến mục đích. Hai câu này là cương yếu tổng quát trong giáo học, chúng ta hãy đọc lời giải thích kế đó. *“Pháp âm giả, quảng chỉ Như Lai giáo pháp, bất cục hạn ư ngôn ngữ, thanh âm”* (pháp âm, nói theo nghĩa rộng là giáo pháp của Như Lai, chẳng hạn cuộc trong ngôn ngữ hay thanh âm), vì nhất cử nhất động của đức Phật đều là thuyết pháp, khiến cho người khác khai ngộ.

Ở đây nói rất hay, *“cái Thế Tôn thuyết pháp, nãi trần thuyết, sát thuyết, xí nhiên thuyết, vô gián thuyết, thuyết thời thuyết, mặc thời diệc thuyết. Bất đản hữu tình thuyết, vô tình diệc thuyết. Cố bất nghi dĩ pháp âm hạn ư Thế Tôn chi ngôn giáo dã”* (bởi lẽ, đức Thế Tôn thuyết pháp chính là vi trần nói, cõi nước nói, nói hừng hực, nói chẳng gián đoạn, lúc nói bèn là nói, mà khi im lặng cũng là nói. Không chỉ là hữu tình nói, mà vô tình cũng nói. Vì vậy, chớ nên hạn cuộc pháp âm trong vòng ngôn giáo của đức Thế Tôn). Phải hiểu ý nghĩa này. Trong quá khứ, chúng tôi học tập những câu kinh văn như thế này rất hoang mang, thường nghĩ *“trần thuyết, sát thuyết”* đều là tỷ dụ, chúng tôi luôn hiểu như vậy. Hiện thời, chúng tôi đã hiểu rõ, đối tượng giáo học của đức Thế Tôn không chỉ là nhân gian. Tuy đức Phật thị hiện trong nhân gian, phạm vi giáo học của Ngài vẫn là khắp pháp giới hư không giới. Trần là thứ nhỏ bé nhất. Nay chúng ta biết một vi trần theo như kinh Hoa Nghiêm đã dạy, trong một vi trần có tin tức của khắp pháp giới hư không giới. Nó giống một đài thâu phát, có thể phát ra tin tức, và cũng có thể thâu thập tin tức trong các vi trần thuộc khắp pháp giới hư không giới, giống như mạng lưới điện tử, *“trần thuyết”* là như vậy đó! Lợi ích loài chúng sanh nào? Trong một vi trần có thế giới, thế giới ấy chẳng hai, chẳng khác đại thế giới bên ngoài của chúng ta. Trong thế giới ấy có Phật, có Bồ Tát, có hết thảy chúng sanh. Đối với một vi trần, một lỗ chân lông của Phật, đem các tin tức truyền vào đó, chúng sanh trong thế giới ở trong một vi trần sau khi tiếp nhận cũng có thể khai ngộ, cũng có thể thành Phật, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vi trần nhỏ nhất, cõi nước lớn nhất, nay chúng ta nói tới *“trần”* là nói thế giới vi mô, *“sát”* (cõi nước) là thế giới vĩ mô. Các nhà vật lý học hiện thời phát triển theo hai hướng, một là chuyên nghiên cứu vật lý vũ trụ, hai là nghiên cứu cái nhỏ nhất tức là vi trần, tức Lượng Tử Lực Học. Phát triển theo hai cực này, đều có thành tựu khá đáng kể. Nay chúng tôi mới hiểu “trần thuyết” và “sát thuyết” như trong kinh Phật nói là chuyện như thế nào!

*“Xí nhiên thuyết”*: Đức Phật rất nhiệt tâm, rất từ bi, chẳng hề mệt mỏi. Kinh Hoa Nghiêm nói *“vô hữu bì yếm”* (chẳng hề mệt nhọc, chán ngán), chẳng chán ngán, chẳng mỏi mệt. Chỉ cốt sao giúp cho chúng sanh giác ngộ, chúng sanh giác ngộ bèn lìa khổ, khổ do mê hoặc mà có. Đã giác ngộ sẽ không mê nữa, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ lẫn tạo tác đều chánh đáng, bèn lìa khổ, chẳng có tai nạn nữa. Hết thảy các pháp đúng là sanh từ tâm tưởng, chuyện này chỉ có đức Phật hiểu rõ ràng, rành rẽ. Nếu chúng ta chẳng huân tập nhiều năm như thế, cũng rất khó tiếp nhận. Hiện tại, càng khó có là các nhà khoa học đã chứng tỏ thế giới vĩ mô như trong kinh Phật đã nói (trọn khắp pháp giới hư không giới) và thế giới vi mô (Lượng Tử Lực Học) đều được chứng tỏ là thật, chẳng giả. Đối với chúng ta, chuyện này hết sức đáng hoan hỷ.

*“Vô gián thuyết”*: Đức Phật thuyết pháp chẳng gián đoạn. Khi Ngài ngủ, có thuyết hay không? Thuyết! Thuyết bằng cách nào? Khi ngủ, trong kinh đức Phật đã dạy, nơi chánh báo của chúng ta, một sợi lông, hoặc cái nhỏ nhất [trong chánh báo] là tế bào, mỗi tế bào hoặc một sợi lông lan truyền tin tức ấy khắp pháp giới. Sách Hoàn Nguyên Quán nói sự dao động của một vi trần hoặc của một sợi lông sẽ trọn khắp pháp giới, xuất sanh vô tận, hàm chứa Có và Không. Lẽ nào chẳng nói? Có khi nào ngưng nghỉ? Chưa hề ngưng nghỉ. Vì thế, chẳng hạn cuộc nơi ngôn ngữ.

*“Thuyết thời thuyết”*: Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, đó là khi nói năng, Ngài bèn thuyết pháp.

*“Mặc thời diệc thuyết”* [nghĩa là] khi không nói thì Ngài vẫn đang thuyết pháp. Đối tượng chẳng phải là chúng ta, đối tượng nghe pháp thuộc chiều không gian khác nhau, cũng có thể nói là từ nhỏ như thế giới trong một vi trần, cho đến lớn như các cõi Phật trong mười phương. Trong thực tại, giống như chúng ta hiện thời, nay chúng ta đang học tập kinh giáo, người nghe tại giảng đường chẳng nhiều, chúng ta lợi dụng mạng Internet để cùng lúc phát ra, người trên cả thế giới chỉ cần có máy computer, biết địa chỉ trang web của chúng ta, bèn đều có thể tiếp nhận, đạo lý là như vậy đó. Thích Ca Mâu Ni Phật trần thuyết, sát thuyết, chúng sanh thuộc thế giới trong một vi trần đều nhận được, các thế giới trong các cõi Phật cũng nhận được, khắp pháp giới hư không giới chẳng có chỗ nào không nhận được.

*“Bất đản hữu tình thuyết, vô tình diệc thuyết”* (không chỉ hữu tình nói mà vô tình cũng nói), chúng ta vừa nói tới điều này. Vì sao? Xứng tánh, Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, tự nhiên phát huy. Trong vi trần có nói hay không? Nói! Ai nói? Trong đó có Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng có A Di Đà Phật, vô lượng vô biên chư Phật đều ở trong một vi trần, các Ngài thuyết pháp chẳng gián đoạn. Ai có thể nghe? Kẻ có duyên sẽ nghe, Phật pháp chẳng lìa khỏi nhân duyên. Giống như thế giới vĩ mô và thế giới vi mô, người như thế nào sẽ có duyên? Người tâm thanh tịnh sẽ có duyên, người tâm bình đẳng sẽ có duyên. Nếu người ấy khai ngộ, minh tâm kiến tánh, duyên thật sự trọn đủ. Trong trạng huống ấy, chẳng cần thời gian rất dài, đối với các phương pháp do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói, người ấy sẽ viên mãn trong khoảng sát-na. Chúng ta có lý do để tin tưởng, chẳng hoài nghi điều này.

Tiếp đó, lại giải thích chữ Thế Gian: *“Giác chư thế gian”* là đối tượng, *“thường dĩ pháp âm”* là Phật. Phật giáo hóa chúng sanh, *“giác chư thế gian*” là nói tới đối tượng. *“Thế gian giả, La Thập đại sư viết: Thế gian giả, tam giới dã”* (“Thế gian”: La Thập đại sư giảng: “Thế gian là tam giới”). Nói tới tam giới thì rất gần, Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, nói thực tại là lục đạo; vì thế, tam giới lục đạo thường được nói gộp chung lại. Từ Dục Giới Thiên trở xuống, Dục Giới có sáu tầng trời, phía dưới là nhân đạo, dưới nhân đạo là súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo, địa ngục đạo, đều thuộc về Dục Giới. Chúng sanh ở trong đó có quá nhiều dục vọng. Dục vọng là phiền não, là cội nguồn tạo tác hết thảy tội nghiệp. Lên cao hơn là Sắc Giới Thiên. Sắc Giới Thiên có hình sắc, nhưng chẳng có dục vọng; vì thế, rõ ràng là họ thanh tịnh hơn chúng ta, dục vọng đối với sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê đều không có. Họ vẫn có tham, sân, si mạn, nghi, có những thứ ấy, nhưng rất nhẹ ít, hoàn toàn chưa đoạn, nhưng đã buông toàn bộ hoàn cảnh bên ngoài xuống, nên tâm họ thanh tịnh. Kế đó, sách còn viết: *“Tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới dã”* (tức là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), chính là tam giới.

*“Thế Tôn thọ thỉnh hậu”* (Đức Thế Tôn sau khi được thỉnh), chúng ta phải hiểu người thỉnh pháp là những người thuộc thiên đạo, có địa vị cao cả trong thiên đạo, chẳng phải là thiên chúng bình phàm! Họ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, nên đến thỉnh pháp. Vậy thì chúng ta biết thời gian Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp cho họ sẽ lâu dài, thời gian thuyết pháp cho nhân gian chúng ta ít ỏi, chắc chắn là như vậy! Người ta là người khải thỉnh, đương nhiên chiếu cố nhiều hơn một tí, chúng ta giống như nghe ké, vì chẳng khải thỉnh. Chúng ta hưởng phước của chư thiên, họ khải thỉnh, chúng ta hưởng lây; đạo lý là như vậy. Vì thế, *“quảng diễn nhất đại: Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên chư pháp”* (rộng diễn các pháp Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên trong một đời giáo hóa của đức Phật). Một câu này đại diện hết thảy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chúng ta không dễ gì lãnh hội, phạm vi quá rộng lớn. Quý vị nghĩ xem: Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo chúng tôi, theo vũ trụ quan Phật giáo, một đơn vị thế giới là một hệ Ngân Hà, đó là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới hợp thành một tinh hệ, gọi là tiểu thiên thế giới. Tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ Ngân Hà. Lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới; lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Phạm vi to như thế là giáo khu của một vị Phật, tức là khu vực giáo hóa của Ngài. Tính ra là bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức hệ Ngân Hà, đó là giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật, to dường ấy. Ngài thuyết pháp ở bất cứ chỗ nào, giống như hiện thời chúng ta dùng vô tuyến điện để phát sóng, toàn cầu đều có thể thu được. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, toàn thể đại thiên thế giới, toàn bộ chúng sanh trong mười ức hệ Ngân Hà đều thu được. Có thể hay không? Có thể! Trong quá khứ, chúng ta nghe như vậy bèn hoài nghi, khoa học hiện tại đã chứng tỏ, sách Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư đã giảng rõ ràng, tốc độ ấy rất lớn, chẳng phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ vô tuyến điện [mà hòng sánh được], những tốc độ ấy quá nhỏ!

Sách Hoàn Nguyên Quán cho biết, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, toàn bộ đều là hiện tượng dao động. Chỉ cần sự dao động ấy vừa động, sẽ trọn khắp pháp giới hư không giới. Ba thứ dao động thì thứ nhất là trọn khắp pháp giới. Vừa mới động, tin tức bèn truyền đạt trọn khắp pháp giới. Vẫn chưa phải là lớn, vẫn là rất nhỏ, giáo khu của một vị Phật chỉ là mười ức hệ Ngân Hà. Có phải chỉ là mười ức hệ Ngân Hà hay chăng? Không chỉ như vậy. Hệ Ngân Hà là giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trừ giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật ra, khắp pháp giới hư không giới đều thu được. Giống như chúng tôi dạy học nơi đây, trung tâm này là phạm vi của chúng tôi, giống như tam thiên đại thiên thế giới của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chúng ta dùng Internet, trừ khu vực này của chính mình ra, quý vị đều có thể nhìn, đều có thể thu được, toàn thể địa cầu cũng đều có thể thu được. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, các cõi Phật trong tam giới khắp mười phương thảy đều chịu ân. Rộng diễn giáo pháp trong một đời đức Phật như giáo pháp Đại Thừa, giáo pháp Tiểu Thừa, Quyền Giáo (giáo pháp phương tiện thiện xảo), Thật giáo (giáo pháp minh tâm kiến tánh), Thiên giáo (偏教: giáo pháp có cục hạn, cục bộ), Viên giáo là [giáo pháp] viên mãn. Mấy chữ này tượng trưng cho pháp luân viên mãn được nói bởi chư Phật Như Lai. Mục đích ở chỗ nào? *“Giác tỉnh tam thế nhất thiết chúng sanh”* (giác ngộ, thức tỉnh hết thảy chúng sanh trong ba đời), nhằm mục đích giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh tỉnh mộng, quý vị đang nằm mộng trong tam giới. Tam giới là lục đạo, lục đạo là tam giới; do vậy, phạm vi của tam giới to cỡ nào? Mười ức hệ Ngân Hà!

*“Cố viết: Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian. Thử thị chuyển pháp luân chi tổng tướng”* (Nên nói: “Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian”. Đây là tổng tướng chuyển pháp luân). Từ đây trở đi, tức là từ câu *“phá phiền não thành”* trở đi là biệt tướng của chuyển pháp luân. Hai câu này (tức câu *“thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian”*) là nói tổng quát. Nếu có người hỏi chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng gì? Quý vị có thể dùng bốn chữ này để trả lời: *“Giác chư thế gian”*, chẳng sai tí nào! Ngài giúp cho hết thảy thế gian giác ngộ. Cũng có thể nói Thích Ca Mâu Ni Phật giảng giải suốt đời nhằm dạy chúng ta làm thế nào lìa khổ được vui. Nói cách này, mọi người rất dễ hiểu: [Đức Phật thuyết pháp cả đời nhằm] dạy chúng ta làm thế nào để lìa khổ được vui. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có, lạc do đâu mà có? Lạc do giác mà có. Chỉ cần quý vị phá mê, giác ngộ, sẽ lìa khổ, được vui, thật sự đạt được. Do vậy, khổ - vui trọn chẳng liên quan đến nghèo giàu, sang hèn. Kẻ nghèo hèn sống cả đời sung sướng, quý vị thấy kẻ ấy hạnh phúc lắm, viên mãn lắm. Đó là Phật pháp, quý vị học Phật, vì sao phải học Phật? Do ta muốn vui sướng nên mới học Phật. Đều là thật, chẳng giả tí nào! Hôm nay đã hết thời gian rồi, buổi học này chúng ta học tới đây!

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 53 hết**

# Tập 107

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi bảy, dòng thứ sáu từ dưới đếm lên, xem từ câu *“phá phiền não thành”.*

*“Phá phiền não thành (kiến Đường dịch).* *Phiền não giả, tham, sân, si đẳng, phiền tâm, não thân, cố danh phiền não”* (“Phá phiền não thành” (câu này trích từ bản Đường dịch). Phiền não là phiền tâm, não thân, nên gọi là “phiền não”)*.* Trước hết,giới thiệu đơn giản danh từ “phiền não”. Vì sao gọi nó là “phiền não”? Nó khiến cho tâm quý vị phiền muộn, khiến cho thân quý vị khổ não, nên gọi là “phiền não”. Tham, sân, si là cội rễ của phiền não, vô lượng vô biên phiền não đều sanh từ chỗ này. Trong Phật pháp, ba cội rễ ấy được gọi là Tam Độc Phiền Não, đúng là bẩm sanh. Tiếp theo đó, sách viết: *“Hựu tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ”* (lại nữa, tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ), những thứ này được gọi chung là *“mười loại phiền não”*. Mười loại phiền não này còn gọi là Kiến Tư phiền não. *“Thiên Thai Tông dĩ Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh Tam Hoặc xưng vi tam phiền não”* (Thiên Thai Tông gọi Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh Tam Hoặc là ba phiền não). Các phiền não này được quy nạp lại thành ba loại lớn: Thứ nhất là Kiến Tư. Kiến Tư là mười loại phiền não đã nói trên đây, mười thứ phiền não ấy được gọi là Kiến Tư phiền não. [Hai loại kia là] Trần Sa và Vô Minh, trong phần trước, chúng ta cũng thường nhắc tới [hai loại này]. Tham là tham ái, Sân là sân khuể, [Si là] ngu si, [Mạn là] ngạo mạn, [Nghi là] hoài nghi. Hoài nghi ở đây chẳng phải là hoài nghi thông thường, mà là nghi ngờ Phật pháp, tức là hoài nghi thánh giáo, hoài nghi giáo huấn của thánh nhân. Đó là phiền não nghiêm trọng.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói đến khởi nguyên của vũ trụ, đây là một vấn đề căn bản trong Phật pháp, triết học và khoa học. Mãi cho đến hiện thời, khoa học và triết học vẫn chưa thể hiểu rõ ràng, minh bạch vấn đề này. Trong mấy năm gần đây nhất, do Lượng Tử Lực Học xuất hiện, chuyện này đã có cách giải thích mới mẻ. Họ tìm ra cách giải thích mới, cách giải thích mới mẻ ấy hết sức gần với kinh Phật. Nói theo Phật pháp, kinh Đại Thừa thường nói: *“Nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh”* (do một niệm bất giác bèn có vô minh), từ vô minh biến hiện A Lại Da. Chân tâm là tự tánh. Tự tánh là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm; Vọng do đâu mà có? Đương nhiên chẳng thể rời Chân; rời khỏi Chân há có hư vọng? Giống như chúng ta đứng dưới ánh nắng bèn có bóng, cái bóng ấy là hư vọng. Bóng do đâu mà có? Do thân người mà có. Nếu chẳng có thân người, lấy đâu ra bóng? Chúng ta sánh ví thân người như tự tánh, bóng là A Lại Da. Tự tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, thứ gì cũng đều chẳng phải, trong Tịnh Tông gọi là Thường Tịch Quang. Đồng học Tịnh Tông đều biết Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Bốn cõi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, và Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư tương đương với lục đạo luân hồi nơi này, cõi Phương Tiện Hữu Dư tương đương với bốn thánh pháp giới trong thế giới của chúng ta. Đối với Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cõi Thật Báo giống nhau, cõi Thường Tịch Quang cũng giống nhau. Thường Tịch Quang là bản thể, không đâu chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện hữu, nó là Lý Thể của vạn sự vạn vật trong vũ trụ.

Vọng tâm xuất hiện, A Lại Da xuất hiện. A Lại Da có ba tánh chất. Phật pháp gọi [ba tánh chất ấy] là ba tế tướng, hết sức vi tế, rất khó thấy. Nói theo giáo pháp Đại Thừa, Bát Địa Bồ Tát mới thấy [ba tế tướng ấy]. Đây là nói đến công phu định lực, phải đạt đến mức độ sâu như Bát Địa, tức là đại định rất sâu mới thấy được! Trên Bát Địa còn có Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, và Diệu Giác; do vậy, trong hàng Bồ Tát, kể cả [địa vị] Phật, trong bốn mươi hai địa vị thì năm địa vị tột đỉnh sẽ có thể thấy [ba tế tướng ấy], đương nhiên [những tế tướng ấy] chẳng phải là giả. Một người trông thấy, chưa chắc đã là thật, nhưng chỉ cần chứng đắc từ Bát Địa trở lên, quý vị đều thấy, [tức là những tế tướng ấy] chẳng phải là giả! Do vậy, [cảnh giới] trong Thiền Định là cảnh giới Hiện Lượng, nó có ba tánh chất gì? Nó bao quát [các đặc tánh sau đây], nếu dùng danh từ hiện thời để nói, nó có năng lượng, có hiện tượng vật chất, và hiện tượng thông tin. Thông tin là hiện tượng tinh thần, chúng ta thường nói tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó có hiện tượng ấy. Những hiện tượng ấy do đâu mà có? Đều là vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh, trong tự tánh sẵn có. Bất quá là bị mê. Tự tánh bị mê bèn gọi là A Lại Da, A Lại Da khiến cho những hiện tượng ấy bị biến chất. Trong tự tánh có trí huệ, có đức năng, có tướng hảo, hễ một thứ bị mê, toàn bộ sẽ bị biến đổi, trí huệ biến thành phiền não, ở đây chúng ta nói là Kiến Tư phiền não. Nói theo tông Thiên Thai, phạm vi sẽ to lớn, Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh hoàn toàn là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh bị biến chất, biến thành những thứ ấy. Đức năng biến thành tạo nghiệp, khởi tâm động niệm, tạo tác hết thảy nhiễm, tịnh, thiện, ác, cội nguồn của chúng là đức năng trong tự tánh. Lục đạo, mười pháp giới vốn là tướng hảo trong tự tánh, toàn bộ đã bị biến chất, nên trong kinh đức Phật thường nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Đức Phật lại thường dạy chúng ta, điều này được nói trong kinh Hoa Nghiêm, vũ trụ và vạn pháp được hình thành như thế nào? *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Cái có thể hiện, có thể sanh là tâm chúng ta; nó có thể biến, sanh ra vô lượng vô biên biến hóa, đó là thức của chúng ta khởi tác dụng. Thức là gì? Phân biệt, chấp trước! Phân biệt, chấp trước bèn sanh ra biến hóa. Chẳng có phân biệt, chấp trước, nó bèn hiện tướng, chẳng nẩy sanh biến hóa, nó có thể hiện ra. Vì thế, cõi Thật Báo Trang Nghiêm là do tâm hiện, trong ấy chẳng có biến hóa vì chẳng có phân biệt, chấp trước.

Phiền não là chuyện như thế đó. Do vậy, tuy phiền não vô lượng, vô biên, Phật, Bồ Tát quy nạp chúng thành mười loại lớn, gọi là mười phiền não. Tông Thiên Thai gọi mười phiền não ấy là Kiến Tư phiền não, [nói chi tiết thì] “tham, sân, si mạn, nghi” là cách nghĩ sai lầm, nên gọi là Tư (思: suy nghĩ), tức Tư Phiền Não. Năm thứ Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Giới Thủ Kiến là cách nhìn sai lầm, [đó là Kiến phiền não]. Đối với mọi chuyện quý vị đã nhìn sai rồi, đó là cách nhìn sai lầm, hợp với cách nghĩ sai lầm trong phần trước, sẽ gồm trọn tất cả những sai lầm, chẳng có gì lọt ra ngoài được! Trần Sa cũng là phiền não, vì sao? Quý vị chưa thể liễu giải chân tướng của nó. Đây là gì? Quá nửa là nói về các hiện tượng vũ trụ. Đối với những gặp gỡ trong đời chúng ta, Lý, Sự, nhân, quả quá phức tạp, quá nhiều, chẳng thể biết rõ số lượng, nên dùng Trần Sa làm tỷ dụ, [sánh ví các phiền não ấy] giống như bụi đất, giống như cát bụi, quá nhiều, chẳng thể biết rõ số, nên gọi là Trần Sa phiền não. Vô Minh: Minh (明) là hiểu rõ. Đối với vạn sự vạn vật trong vũ trụ, quý vị chẳng hiểu rõ: Thể của chúng là gì, hiện hình tượng gì, nhân quả là gì, những gì là Sự, những thứ nào là Lý, đều chẳng hiểu rõ ràng! Do đó, mê hoặc, đấy cũng là phiền não. [Phiền não] gồm ba loại lớn, tức Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Trong kinh Hoa Nghiêm, Kiến Tư phiền não được gọi là chấp trước, Trần Sa phiền não được gọi là phân biệt, Vô Minh phiền não được gọi là vọng tưởng. Vì lẽ đó, “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước” như kinh Hoa Nghiêm nói có cùng một ý nghĩa [với ba loại đại phiền não] trong tông Thiên Thai; danh xưng khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Vô minh là khởi tâm động niệm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, trí huệ hiện tiền. Khởi tâm động niệm thì trí huệ chẳng còn, biến thành vô minh phiền não. Cổ đại đức cũng dùng tỷ dụ trong kinh, kinh sánh ví chân tâm như nước. Một ao nước, nước [trong ấy] rất sạch, chẳng có nhiễm ô, thanh tịnh. Nước chẳng nổi sóng, gió lặng, mặt nước giống như một tấm gương, chiếu soi cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ. Đó là gì? Đó là Minh, minh tâm. Nếu là động thì hễ động bèn cuộn sóng, nếu gió nổi lên, nước bèn sanh ra sóng. Nếu nước nổi sóng, sẽ chẳng soi rõ rệt cảnh giới bên ngoài. Chân tâm cũng giống như vậy, nên tâm chẳng thể động. Tâm hễ động bèn mê, tâm biến thành A Lại Da. Chẳng động thì A Lại Da khôi phục thành chân tâm. Vì thế, Pháp Tướng Tông nói A Lại Da là “nửa chân, nửa vọng, nửa thật, nửa giả”, đúng vậy! [A Lại Da] xác thực có tánh chất ấy. Làm thế nào để gạt bỏ cái phân nửa hư vọng để khôi phục thuần chân thì sẽ thành Phật.

Đại Trí Độ Luận nói: *“Phiền não giả, năng linh tâm phiền, năng tác não cố”* (Phiền não là cái có thể làm tâm phiền muộn, có thể khiến cho [thân] khổ não). Ý nghĩa chẳng khác phần trên cho mấy. Những điều này đều là cách giải thích trong kinh luận [đối với chữ “phiền não”] trong câu *“phá phiền não thành”.* *“Thành giả, thành bảo”* (“Thành” là thành lũy), tức là công sự phòng ngự thời cổ. *“Thành bảo”* (城堡): Sánh ví phiền não kiên cố giống như thành lũy, rất khó buông xuống, rất khó công phá, phàm phu chúng ta chẳng có cách nào. *“Phật diễn diệu pháp, tồi phá chúng sanh thân tâm trung phiền não chi bảo lũy, cố viết phá phiền não thành”* (đức Phật diễn diệu pháp, phá nát thành lũy phiền não trong thân tâm của chúng sanh, nên nói là “phá phiền não thành”). Đây là giải thích đại ý của câu kinh văn này. Ở đây, chẳng nói *“Phật thuyết diệu pháp”*, mà dùng chữ Diễn; Diễn (演) là biểu diễn, đức Phật làm cho chúng ta xem, chuyện này thuộc về thân giáo. Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học vô cùng thành công, chúng ta phải nghiêm túc học tập những chỗ như thế này. Tại Trung Quốc, Khổng Mạnh giáo học thành công, gây ảnh hưởng trong hai ngàn năm trăm năm cho đến tận ngày nay. Phật Thích Ca giáo dục thành công, chiếu theo cách ghi chép trong lịch sử Trung Quốc, Ngài đã gây ảnh hưởng suốt ba ngàn năm, sau này vẫn còn có người chịu ảnh hưởng của Ngài. Đức Phật tự nói pháp vận của Ngài là một vạn hai ngàn năm. Nói theo cách hiện thời, sự giáo học thuở đức Phật tại thế đã ảnh hưởng đến con người trên địa cầu trong suốt một vạn hai ngàn năm, thời gian dài như thế đó. Vì sao Ngài dạy thành công như vậy? Ngài làm được [những điều Ngài đã dạy] trước tiên. Ngài dạy chúng ta *“phá phiền não thành”*, chính Ngài đã phá trước! Chính Ngài chẳng đoạn phiền não thì làm sao có thể giúp chúng ta đoạn phiền não? Phàm những gì đã nói trong kinh, Ngài đều làm được toàn bộ. Những gì Ngài chẳng làm được, Ngài chẳng bao giờ nói. Vì thế, giáo học mới có thể thành công.

Mấy năm trước, năm 2005, chúng tôi mở trường dạy thí nghiệm tại trấn Thang Trì, huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc, nhằm thí nghiệm có thể thực hiện văn hóa truyền thống tại tiểu trấn ấy hay không. Chúng tôi triệu tập một nhóm giáo viên, số lượng chẳng đông, ba mươi mấy vị. Tôi trò chuyện với các giáo viên về vấn đề này: Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật, Khổng Tử, Mạnh Tử giáo học có thành tựu thù thắng như thế? Quan sát cẩn thận, [sẽ thấy]: Người ta trước hết phải làm được, đã làm được rồi mới dạy người khác; đó là thánh nhân. Hễ đã nói bèn chắc chắn có thể làm được, đó là hiền nhân. Nếu chỉ nói, chứ chính mình không thể làm được, ta gọi kẻ đó là phường gạt người. Gạt người thì làm sao có thể thành tựu cho được? Tôi cổ vũ, khích lệ các giáo viên phải học theo thánh nhân, phải hướng theo Khổng Tử, hướng theo Thích Ca Mâu Ni Phật, mong bằng được các Ngài, chúng ta cũng thành thật, thật sự thực hiện giống hệt như các Ngài thì sẽ giáo dục thành công. Ba mươi mấy vị giáo viên ấy vô cùng đáng quý, đúng là họ thật sự làm, đúng là đại thánh, đại hiền. Do đã làm, nên thấy hiệu quả rất nhanh. Cư dân trong tiểu trấn ấy sanh khởi biến hóa, gần như là chuyển biến một trăm tám mươi độ, khiến cho chúng tôi thật sự tin tưởng *“nhân chi sơ, tánh bổn thiện”* (con người thoạt đầu tánh vốn lành). Thật sự hiểu rõ: Con người rất dễ dạy! [Con người có những thói hư tật xấu] là vì chẳng có ai dạy. Nếu có người dạy, sẽ rất dễ dạy; hễ được dạy bèn quay đầu, lương tâm hiển hiện, mà cũng chẳng còn làm những chuyện sai trái đáng hổ thẹn, sẽ thâu được hiệu quả tốt đẹp. Đó là *“lấy thân làm gương”* thì mới thật sự giúp chúng sanh đoạn phiền não, tăng trưởng trí huệ.

Câu kế tiếp là *“hoại chư dục tiệm”* (phá hư các hào dục vọng), Dục ở đây là dục vọng. *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Ái dục chi tâm, thâm nhi nan việt, cố thuyết vi Tiệm, giáo đoạn linh hoại”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Tâm ái dục sâu thẳm, khó vượt, nên nói là Hào, dạy bảo khiến cho đoạn hoại [cái tâm ái dục ấy]”). Chúng ta đọc tiếp đoạn kế đó: *“Chân Giải viết: Hoại chư dục tiệm giả, xả dục tâm. Ái dục thị chư khổ chi bổn. Dục lưu thâm quảng, chúng sanh phiêu nịch chi nhi nan độ, thuyết dĩ vi Tiệm”* (Sách Chân Giải giảng: “Hoại các hào dục là bỏ dục tâm. Ái dục là cội rễ của các sự khổ. Dòng dục sâu rộng, chúng sanh chìm đắm, khó thể vượt qua, nên nói là Hào”). Tiệm (塹) là gì? Dưới đó là chú giải: *“Nhiễu thành trường thủy khanh dã”* (mương nước dài bọc quanh thành), người Hoa gọi nó là Hộ Thành Hà (con sông bảo vệ thành), bảo vệ thành lũy. Phía ngoài thành lũy đào một ngòi nước dài; trước kia, để ngăn ngừa địch nhân tấn công thành thì [Hào] là một tuyến chướng ngại. Đây là nói tỷ dụ, sánh ví dục vọng như Hộ Thành Hà, rất khó công phá! *“Ái dục chi tâm, thâm nhi nan việt”* (tâm ái dục sâu thẳm, khó vượt), lòng tham ái của con người là phiền não bẩm sanh, chẳng cần phải học. Chúng ta hãy chú tâm quan sát, quý vị thấy trẻ thơ ba, bốn tháng tuổi. Nếu có hai đứa trẻ ở cùng một chỗ, quý vị đặt một miếng đường ở đó, sẽ thấy hai đứa trẻ tranh đoạt. Do từ chỗ này, quý vị nhận thấy trẻ thơ bé bỏng dường ấy, chẳng có ai dạy mà đã có tâm tham, tâm ghen ghét, ta có thể thấy được ái dục. Vì thế, Phật pháp gọi nó là *“câu sanh phiền não”* (phiền não bẩm sanh). Nếu chẳng biết ngăn ngừa phiền não ấy, dạy dỗ đàng hoàng, cứ để mặc cho nó tăng trưởng tập khí, sau này sẽ bị phiền phức. Đúng là chuyện gì nó cũng đều có thể làm được! Đó là gì? Tập tánh. Cổ nhân Trung Quốc đúng là có trí huệ, bắt đầu dạy dỗ từ thuở bé, khiến cho trẻ thật sự lý giải đúng, sai, thiện, ác. Ái chẳng đoạn được, mà trong một đời người cũng chẳng thể thiếu nó, nhưng phải có chừng mực, phải có hạn chế, phải dạy điều này! Hợp tình hợp lý thì chấp nhận, phải có hạn độ nhất định, chẳng thể vượt qua. Tổ tiên giáo học bằng Lễ, Lễ là tiết độ (chừng mực, hạn lượng), có chừng mực nhất định, quý vị chẳng thể vượt qua. Hễ vượt qua là trật rồi, phạm lỗi rồi; do vậy, lấy Lễ làm tiêu chuẩn. Trong Phật pháp bèn dùng giới luật làm tiêu chuẩn, quý vị phải giữ giới, phải giữ lễ.

Đệ Tử Quy nói về những quy củ do cổ thánh tiên hiền chế định, những quy củ ấy chẳng phải do họ sáng tạo, mà cũng chẳng do họ phát minh, hoàn toàn là thuận theo Tánh Đức để chế định, giúp chúng ta trong một đời này trở về sự chất phác, chân thật, trong Phật pháp, điều này được gọi là *“vọng tận, hoàn nguyên”.* Vì thế, mục đích chủ yếu của nền giáo dục Trung Quốc là ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết. Quy chân, hoặc hoàn nguyên là đạt đến gì? Đạt đến [địa vị] thánh nhân. Người Trung Quốc nói “thánh nhân”, còn trong sự giáo hóa của đức Phật thì gọi là Phật Đà. Trong phần trước, tôi đã giảng rất nhiều về Chân, Thật Trí của Như Lai, Chân Như, bổn tánh đều là nói về chuyện này. Sách Hoàn Nguyên Quán đã gọi nó bằng một danh từ rất hay, *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”.* Danh từ dài hơn một chút, nhưng ý nghĩa vô cùng hay, rất rõ ràng, rất minh bạch. Tự tánh, “viên” là viên mãn, giống như Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ đã nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ”*, *“trọn đủ”* có nghĩa là viên mãn, đó là ý nghĩa của Viên. Minh là trí huệ, vô lượng trí huệ, vô lượng tướng hảo. Tướng hảo cũng thuộc vào Viên, đức năng và tướng hảo đều dùng một chữ Viên làm đại biểu, còn trí huệ dùng chữ Minh làm đại biểu. Quý vị thấy Viên Minh Thể chính là bản thể của vạn sự vạn vật. Do vậy, danh từ này rất hay. Trở về bản thể là đúng. Trong Triết Học nói đến bản thể, bản thể của vũ trụ vạn hữu. Tập khí phiền não, nhất là tham, sân, si, là những thứ bẩm sanh. Khi đã mê, Tánh Đức biến thành tham, sân, si. Chớ nên tăng trưởng những thứ ấy, vì tăng trưởng sẽ mâu thuẫn với bổn tánh, trái nghịch bổn tánh. Bổn tánh là thiện, còn nó (tham, sân, si...) là bất thiện. Tuy đã mê, bất thiện, chẳng thể lìa khỏi bổn tánh quá xa, vẫn nhất định là chuyện thuộc trong phạm vi của nó (bổn tánh), chẳng thể thoát khỏi. Sau khi chúng tôi học Phật, bèn hiểu rõ cổ thánh tiên hiền đều là chư Phật, Bồ Tát tái lai, các Ngài đã thật sự thành Phật từ bao kiếp xa xôi trước, nên các Ngài hiểu rất rõ ràng. Các Ngài vì chúng ta mà chế ra lễ nhạc, dạy chúng ta phải tuân thủ, dẫu một đời này chưa thể khai ngộ, chưa thể trở về tự tánh, nhưng cũng có thể sống một đời hạnh phúc mỹ mãn, đó là chuyện tốt đẹp!

Tổ tiên đã quy nạp lại, nên chỉ dạy chúng ta mười hai chuyện, rất dễ nhớ! Dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chớ nên vượt khỏi phạm vi ấy. Mười hai chữ là *“hiếu, đễ, trung, tín [lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình]”*, [nghĩa là] đối cha mẹ phải biết tận hiếu, đối với anh em, người trên phải biết tận hết lòng đễ (cung kính, tôn trọng, hòa hợp, nhường nhịn), đối với quốc gia và nhân dân phải biết tận trung, đối với hết thảy mọi người phải biết giữ chữ tín, chớ nên lừa gạt. Hiếu, đễ, trung, tín! Đãi người, tiếp vật phải biết lễ phép. Lễ vô cùng quan trọng, chớ nên xem thường! Nếu quý vị xem thường lễ, xã hội sẽ động loạn, gia đình bất hòa. Vì thế, cổ nhân hết sức coi trọng lễ. Trong một gia đình, cha con, vợ chồng, anh em, mỗi người đều phải tuân thủ lễ, một nhà hòa thuận, gia hòa vạn sự hưng. Trong xã hội, ai nấy đều hiểu lễ, xã hội an tường, hòa hợp, xã hội an định, hòa hài, lễ rất trọng yếu! “Nghĩa” (義) là đạo nghĩa. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác phải hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đó là Nghĩa. Liêm (廉) là liêm khiết, chẳng lấy của cải vượt ngoài bổn phận, chẳng chiếm đoạt chút tiện nghi nào của người khác, đều gọi là Liêm. *“Tri sỉ”* (biết hổ thẹn), đức hạnh của chúng ta thua kém người khác, sỉ nhục! Học thuật không bằng người, đó là chuyện thứ yếu, quan trọng nhất là đức hạnh. Dẫu nghèo hèn đến mấy, nhưng có đức, có đạo, vẫn được người trong xã hội tôn kính, ngay cả người đời sau cũng thường nhắc tới, sanh lòng tôn kính sâu xa. Chúng ta hãy nghĩ xem, Khổng Tử, Nhan Hồi, hai ngàn năm trăm năm sau, khi nghe [nhắc tới] danh hiệu của họ, [người trong thế gian] vẫn sanh lòng kính ngưỡng. Thuở sinh tiền, họ nghèo túng, cũng chẳng có địa vị gì trong xã hội, có thể gọi là “kẻ nghèo hèn”, nhưng họ có đạo đức, đấy là điều trọng yếu! Bốn chữ sau cùng là *“nhân, ái, hòa, bình”*, Nhân (仁) là *“thôi kỷ cập nhân”* (suy từ mình mà nghĩ đến người khác), nghĩ đến chính mình bèn nghĩ thay cho người khác. *“Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”* (điều gì chính mình không muốn, chớ gây cho người khác). Người có lòng nhân yêu thương con người. Yêu thương con người bèn chẳng hại người. Cuối cùng là hòa bình, xử sự hòa thuận, đối đãi bình đẳng. Quý vị thấy tổ tiên chỉ dạy chúng ta mười hai chữ. Làm được mười hai chữ ấy, thiên hạ thái bình, xã hội hòa hài, đời người hạnh phúc mỹ mãn là do mười hai chữ ấy. Mười hai chữ ấy là Tánh Đức, là tiêu chuẩn do tổ tiên ban cho chúng ta.

Trong Phật pháp, đức Phật dạy chúng ta Thập Thiện Nghiệp Đạo, có ý nghĩa rất gần gũi với [mười hai chữ] của tổ tiên Trung Quốc. Chẳng sát sanh là Nhân, nhân ái. Không chỉ chẳng thể giết người, mà đối với tất cả hết thảy động vật đều phải yêu thương. Người đời thượng cổ ăn thịt. Quý vị thấy trong lịch sử Trung Quốc, được ghi chép sớm nhất là Phục Hy Thị, Phục (伏) là hàng phục, Hy (羲) là gì? Dã thú. Thời cổ, thứ gì cũng chẳng có, làm thế nào để duy trì cuộc sống? Săn bắn! Người và thú đấu tranh. Năm trăm năm sau, Thần Nông Thị (神農氏) xuất hiện, đề xướng trồng trọt. Do vậy, Trung Quốc mấy ngàn năm qua do nghề nông mà lập quốc, nên nông dân có địa vị rất cao. Xưa kia, xã hội Trung Quốc gồm bốn giai cấp là sĩ, nông, công, thương, địa vị cao nhất trong xã hội là người đọc sách. Người đọc sách có sự tu dưỡng đạo đức, có trí huệ của cổ thánh tiên hiền. Vì vậy, thời cổ có một câu nói như thế này: *“Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao”* (muôn loài đều thấp kém, riêng người đọc sách cao) nhằm cổ vũ, khích lệ con người hãy hiếu học, học theo thánh hiền. *“Độc thư chí tại thánh hiền”* (đọc sách với ý muốn kế tục thánh hiền), chẳng phải là nói ta học hành nhằm mai sau đạt được công danh, phú quý, chẳng phải vậy! Không nhằm mục tiêu đó, mà mục tiêu đặt nơi thánh hiền, học theo thánh nhân, học theo hiền nhân. Gương mẫu, mô phạm thánh hiền là Khổng Tử, Mạnh Tử, lấy các Ngài làm đại biểu. Hai vị này suốt đời làm thầy, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện viên mãn nhất, chúng ta phải nhận biết điều này: Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, Ngài là người, chúng ta phải nhận biết Ngài rõ ràng! Ngài mang thân phận gì? Chức nghiệp là thầy. Quý vị nhìn vào tám tướng thành đạo của Ngài bèn hiểu: Sau khi khai ngộ, đức Phật suốt đời giáo học. Ba mươi tuổi khai ngộ bèn bắt đầu giáo học, bảy mươi chín tuổi viên tịch, kinh thường chép: *“Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm”*. Cả đời Ngài dạy học bốn mươi chín năm, mang chức nghiệp giáo sư. Lại còn chẳng nhận học phí, chẳng lấy đồng nào, lòng dạ rộng lớn. Học trò chẳng phân biệt quốc gia, sắc tộc, chẳng phân biệt tín ngưỡng, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng cầm giữ. Thích Ca Mâu Ni Phật là người như vậy, phải nhận biết Ngài rõ ràng! Bản thân Ngài, quý vị thấy trước khi giáo học, Ngài tu khổ hạnh mười hai năm, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi ra ngoài tầm sư phỏng đạo. Học xong mười hai năm, sau đấy, dưới cội Bồ Đề, ban đêm nhìn sao Mai, đại triệt đại ngộ. Sự nghiệp của bậc thánh hiền là gì? Dạy học.

Trong xã hội Trung Quốc thuở trước, có hai hạng người rất thanh bần, nhưng đặc biệt được mọi người trong xã hội tôn kính:

1) Thứ nhất là người dạy học, dạy học là sự nghiệp thánh hiền. Trong các nghề nghiệp thuở ấy, quý vị làm nghề gì? Đắc ý về phương diện nào? Người dạy học được gọi là Phu Tử (夫子): “Ta làm Phu Tử”. [Ta gọi Khổng Tử là] Khổng phu tử thì “phu tử” là thầy. Ngài theo đuổi nghề nghiệp phu tử, được mọi người trong xã hội tôn kính. Người dạy học cũng giống như Khổng Tử, nhận một chút học phí. Học phí chẳng có tiêu chuẩn. Nếu định giá cả, sẽ thành buôn bán, chẳng còn là bậc thánh hiền nữa! Vì thế, người dạy học sống bằng cách nào? Cậy vào phụ huynh học sinh giúp đỡ. Một năm ba dịp lễ tết, tại Trung Quốc là tiết Đoan Ngọ [[15]](#footnote-16)[1], Trung Thu, tết Nguyên Đán, phụ huynh học sinh biếu thầy một ít lương thực. Tùy ý! Có nhiều thì biếu thầy nhiều một chút; gia cảnh bần hàn thì biếu ít một chút. Thật sự [cuộc sống của thầy giáo] rất khó khăn, thầy còn phải giúp đỡ học trò, còn phải giúp cho gia đình học trò sinh sống. Điều ấy đáng cho mọi người tôn kính. Thầy là người lưu truyền thánh đạo, chẳng phải là lái buôn! Do vậy, thường là cuộc sống khá kham khổ, người ta thường gọi [thầy giáo] là *“cùng tú tài”* (窮秀才: chàng tú tài túng quẫn), chúng ta phải biết điều này.

2) Hạng người thứ hai được tôn kính là thầy lang. Thầy lang tại Trung Quốc từ thời cổ cho đến thời đầu Dân Quốc, đại khái cho đến năm Dân Quốc 20, 30, chỗ nào cũng đều có thể gặp thầy lang. Thầy lang chữa bệnh cho người khác chẳng nói giá tiền, chẳng nói đến chi phí chữa trị. Chữa lành bệnh thì quý vị tặng thầy lang một ít lễ vật. Khi biếu tặng là tùy ý, chẳng phải là thầy đòi bao nhiêu, chẳng phải vậy. Thầy lang toàn tâm toàn lực cứu người. Chữa bệnh mà ra giá thì chẳng phải là đã biến thành con buôn rồi ư?

Thầy lang chẳng phải là lái buôn, mà là cứu người, cứu thân mạng con người. Phu tử, tức những vị dạy học nhằm cứu huệ mạng của người ta. Trong ấy, quá nửa là nghĩa vụ, cả đời là nghĩa vụ. Thích Ca Mâu Ni Phật càng lại là một người làm công tác thiện nguyện tiêu chuẩn, cơm ăn mỗi ngày đều xin từ bên ngoài, nên học trò muốn cúng dường thầy một đồng, thầy đều chẳng nhận. Trong xã hội, hai hạng người ấy được sùng kính, hễ nói tới họ, không ai chẳng nẩy sanh lòng tôn kính!

Hiện thời đã biến chất mất rồi. Bác sĩ ra giá, đã biến thành con buôn. Trong nhà trường, thầy giáo chẳng sốt sắng dạy, ngấm ngầm mở lớp dạy thêm. Trong buổi học chánh thức ở trường, thầy chỉ dạy một nửa, nửa kia chẳng dạy, giữ lại để dạy trong lớp dạy thêm. Không đi học thêm, không được! Học thêm thì phải thâu học phí, nên thầy cũng biến thành lái buôn! Xưa kia, Trung Quốc có sĩ, nông, công, thương, nay sĩ, công, nông đều chẳng còn nữa! Chỉ có thương nhân, toàn là thương nhân! [Toàn là] thương nhân sẽ phiền phức lớn, Thương (商) là gì? Thương là chuyên nói tới của cải, đây là thứ ham muốn to lớn của con người, người ta ắt phải tranh giành. Khởi tâm động niệm đều là tổn người, lợi mình, xã hội ấy làm sao có thể hòa hài cho được? Lẽ nào xã hội ấy chẳng động loạn? Do vậy, đọc sách nhiều, đọc những trước tác của cổ nhân, rồi nhìn lại xã hội hiện tại, quý vị sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ gốc bệnh ở nơi đâu, mà cũng hiểu rõ phải dùng phương pháp gì để cứu vãn. Chẳng phải là không thể cứu! Có thể cứu, nhưng phải nghe lời thì mới được. Nếu có thể buông xuống dục vọng của chính mình thì mới có thể cứu. Không thể buông xuống dục vọng, xã hội sẽ chẳng có cách cứu; đến cuối cùng, chính mình và xã hội *“đồng quy ư tận”* (cùng chết sạch). Hiện thời, người phương Tây nói đến ngày tàn của thế giới, đó chính là *“đồng quy ư tận”.* Dường như hiện thời các điềm báo đã xuất hiện. Từ các phương tiện thông tin, chúng ta thấy các xã hội trên toàn thế giới động loạn, địa cầu xảy ra tai nạn liên tiếp, nơi nào cũng có. Những hiện tượng như vậy chưa từng thấy trong lịch sử toàn thế giới! Đó là trời cao đã cảnh cáo chúng ta: Nếu vẫn chẳng quay đầu, sau đấy sẽ là tận thế. Thật sự quay đầu, sửa lỗi, đổi mới, sẽ được cứu, chẳng phải là không có cách cứu. Kinh Phật thường nói *“tướng chuyển theo tâm, cảnh chuyển theo tâm”*, cảnh giới cũng chuyển theo tâm, chủ tể là ý niệm của chúng ta. Ý niệm của chúng ta đoan chánh bèn tương ứng với Tánh Đức, hòa hài xuất hiện. Nếu ý niệm của chúng ta là tà tri tà kiến, tai nạn hiện tiền, chuyện là như vậy đó!

Do vậy, [nói đến tướng chuyển pháp luân của] đức Phật ở đây, câu cuối cùng rất trọng yếu, *“giáo đoạn linh hoại”*, [tức là] dạy chúng ta hãy đoạn ái dục, dạy chúng ta hãy buông ái dục xuống, đừng nên vì chính mình, mà hãy vì xã hội, vì quốc gia, vì thế giới, vì hết thảy chúng sanh khổ nạn, đó là “hành Bồ Tát đạo”. Quý vị chẳng còn là phàm phu, mà là từ phàm phu tăng tấn thành Bồ Tát. Vì sao? Ở đây, đã cho chúng ta biết sách Chân Giải giảng như sau: *“Ái dục thị chư khổ chi bổn”* (ái dục là cội rễ của các nỗi khổ). Một đời người, hoặc là đời đời, kiếp kiếp, căn nguyên tạo tác hết thảy tội nghiệp đều nhằm thỏa ái dục. Ái là tham, Dục là danh từ chung để chỉ “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”. Tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi, phiền phức bèn xảy đến. Lòng tham khôn cùng, chẳng đáng sợ ư? Chúng ta nhìn thấy trong xã hội hiện thời, dòng sông ái dục sâu rộng, nhiễm bệnh quá sâu, truyền nhiễm quá rộng. Một người nêu gương, những kẻ khác đều học theo, mọi người trên toàn thế giới đều biến thành phường tham lam, khi ấy, phải làm như thế nào? Luân lý chẳng còn nữa, đạo đức cũng chẳng có, nhân quả cũng chẳng có một ai tin tưởng, pháp luật cũng chẳng quản được, chánh quyền quốc gia cũng chẳng quản được. Nếu tới nông nỗi ấy thì sẽ như trong tôn giáo nói: *“Thượng Đế phải nhúng tay”.* Thật ra, chẳng phải là Thượng Đế nhúng tay, cuộc sống của Thượng Đế sung sướng lắm, ông ta quan tâm đến chuyện thế gian để làm gì? Thật sự chẳng phải là Thượng Đế nhúng tay, mà là gì? Thiên nhiên muốn trả đũa, thật đấy! Hiện thời, chúng ta mặc sức tham lam, cưỡng đoạt tài nguyên của địa cầu, có lỗi với địa cầu, địa cầu ắt sẽ ra tay trả đũa, đó là thiên tai, tai nạn gì cũng đều xảy ra. Động đất xảy đến, sóng thần xảy đến, bão tố xảy đến, khí hậu biến hóa dị thường, đó là địa cầu trả đũa quý vị, nghĩa là gì? Quý vị đã làm quá lố! Thật sự vì cuộc sống thì nó chẳng trách quý vị. Quý vị muốn kiếm sống, vỡ hoang một cuộc đất, trồng một ít lương thực, đất đai chẳng trách quý vị, vì sao? Đó là chuyện cần nên làm! Nếu quý vị vì dục vọng của chính mình, muốn giàu to, dẫn đến những hành động phá hoại hoàn cảnh sinh thái tự nhiên, sẽ bị phiền phức to lớn, thiên địa quỷ thần chẳng dung quý vị. Chớ nên cho rằng chẳng có, có thật đấy! Cây có thần cây, hoa cỏ có thần hoa cỏ, núi có thần núi, sông có hà bá, đất đai có thổ địa công, thật sự có, chẳng giả tí nào! Quý vị mặc tình tước đoạt tài nguyên của họ, họ chẳng có chỗ thưa gởi, sẽ báo thù! Chân tướng sự thật trong đó đã được kinh Phật giảng rất rõ ràng: *“Tướng do tâm sanh, cảnh do tâm chuyển”*. Chúng ta dùng tâm thái tốt đẹp để đối xử với người, với sự, với thiên địa vạn vật thì thiên địa vạn vật sẽ đối xử tốt đẹp với chúng ta. Chúng ta dùng dục vọng, ác niệm để đối xử với chúng, chúng sẽ trả đũa vô cùng tàn khốc!

*“Chúng sanh phiêu nịch nhi nan độ”* (chúng sanh chìm đắm, khó thể vượt qua), tỷ dụ như cái hào. Tiếp theo đó là lời giải thích đơn giản: *“Tiệm, nhiễu thành trường thủy khanh dã”* (Tiệm là hào nước dài bao quanh thành), tức là Hộ Thành Hà. *“Phật pháp kiếm, tiệt dục tiệm, linh tán hoại dã”* (Gươm Phật pháp chặt dứt hào dục, khiến cho nó tan hoại). Gươm là tỷ dụ, tỷ dụ Phật pháp giống như một thanh bảo kiếm, có thể chặt đứt Dục. Đây là nói rõ, đức Phật giảng cho chúng ta những đạo lý, quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt, sẽ tự nhiên chịu buông xuống, biết Dục chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Trái nghịch tự tánh là tạo nghiệt, tội lỗi rất sâu, vì sao cứ muốn làm? Cũng như trong phần trước chúng tôi đã nói, chuyện vi phạm Tánh Đức chẳng có một tí lợi ích nào đối với chúng ta! Y học của Trung Quốc cũng nói rất hay, *“thương thân, bại đức”* (tổn thương thân thể, bại hoại đức hạnh). Dục vọng quá nhiều, thân thể của chính mình sẽ bị thương tổn, thân thể quý vị sẽ lắm bệnh. Người lắm bệnh rất khổ, hiện thời chẳng có thuốc nào chữa lành, vì sao? Lòng người bất thiện, thuốc tốt cũng biến thành xấu, bị biến chất rồi. Quý vị hãy nghĩ xem, vì sao nó bị biến chất? Con người hiện thời dùng thuốc độc để nhiễm độc đại địa, dược vật sanh trưởng trên đất. Quý vị nhiễm độc đại địa, đại địa sanh trưởng ngũ cốc, các thứ lương thực, những dược thảo sanh trưởng đều dính chất độc, chỉ có một con đường chết, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Quý vị thấy hiện tại trồng trọt dùng thuốc sát trùng, dùng phân bón hóa học. Thuốc sát trùng và phân bón hóa học là chất độc hại đối với đất. Thâu hoạch mùa đầu cũng khá, rất tốt. Mùa thứ hai, thứ ba trở đi, chẳng có thâu hoạch, đất chẳng sanh trưởng thứ gì. Đến khi ấy bèn làm sao? Nguy cơ thiếu lương thực hiện tiền. Nguy cơ thiếu lương thực do đâu mà có? Tự làm, tự chịu, chớ nên dùng những thứ hóa học ấy để nhiễm độc đất đai. Sử dụng phương thức canh tác bằng sức người cổ truyền, thực vật sẽ lành mạnh nhất. Cổ nhân tế trời đất, núi sông, quỷ thần, vì sao? Báo ân. Con người hiện thời nghĩ chuyện ấy là mê tín, [chê bai] cổ nhân mê tín, thiếu trí huệ, chẳng hiểu khoa học, hiện thời họ tin tưởng khoa học, há có quỷ thần! Cổ nhân mê tín, nhưng cuộc sống tốt đẹp. Người hiện thời chẳng mê tín, nhưng hứng chịu tai nạn mỗi ngày. Ai đúng, ai sai, chúng ta phải lắng lòng quan sát, đừng nên “người khác nói sao, ta hùa theo như vậy”. Nếu hùa theo là đã sai mất rồi! Hãy lắng lòng quan sát, cách làm của cổ nhân có lý! [Quý vị khăng khăng] “chẳng có quỷ thần”, nhưng hiện thời quỷ thần đã ở bên cạnh quý vị, quý vị có tin hay không? Quý vị thấy tại Trung Quốc và ngoại quốc, bao nhiêu kẻ bị [quỷ thần] dựa thân. Tôi giảng kinh mỗi nơi đều gặp những kẻ bị dựa thân. Dựa thân chẳng phải là họ giả vờ, mà đúng là có linh quỷ dựa thân. Nếu quý vị trông thấy, chẳng thể không tin tưởng, không thể giả vờ được. Thiên địa quỷ thần đều đến dựa thân, tôi đều thấy cả rồi! Chúng tôi trông thấy cũng chẳng thể nói, hễ nói thì sao? Nói ra tức là chúng tôi cũng mê tín. Tôi hiểu rất rõ, rất minh bạch, tôi biết: Tuân thủ giáo huấn cổ nhân chắc chắn là chánh xác, chúng ta thua xa cổ nhân. Trong giới khoa học gia, quý vị thấy nhiều nhà khoa học là tín đồ tôn giáo kiền thành, họ cũng là mê tín hay sao? Họ chẳng mê tín, còn chúng ta thật sự biến thành mê tín, chớ nên không biết những chân tướng sự thật này!

Câu kế tiếp: *“Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch”* (gột rửa nhơ bẩn, rõ ràng, trắng sạch), nói đến các nguyên lý và nguyên tắc giáo hóa chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật. *“Hợp Tán viết: Kiến ái phiền não, thí như cấu ô, Không Huệ năng trừ, diệc như tẩy trạc. Trừ tà hiển chánh, cố viết hiển minh. Dĩ hộ pháp thành, cố viết thanh bạch. Siêu chư hủy báng, cố viết thanh bạch”* (Sách Hợp Tán giảng: “Phiền não kiến ái ví như nhơ bẩn, Không Huệ có thể trừ khử, cũng giống như gột rửa. Trừ tà hiển chánh nên nói là ‘hiển minh’. Do bảo vệ pháp thành nên gọi là ‘thanh bạch’. Vượt khỏi các sự hủy báng, nên nói là thanh bạch”). Trong lời chú giải này, sách Hợp Tán nói *“kiến ái phiền não”* thì Kiến là Kiến Hoặc, [bao gồm] Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, và Giới Thủ. Ái là tham ái, là cội gốc của phiền não. Cội rễ của cội gốc ấy chính là Ngã Kiến, hễ có ta bèn có tư tâm (tâm riêng tư). Do vậy, Phật pháp, đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp nói Vô Ngã. Vô Ngã là chân tướng sự thật. Chấp trước thân này là Ngã, sai rồi! Trong giáo pháp Đại Thừa có Chân Ngã, nhưng chúng ta chẳng biết có Chân Ngã. Vì vậy, trong kinh Phật, định nghĩa đơn giản thì Ngã có hai ý nghĩa: Ý nghĩa thứ nhất là chủ tể, ý nghĩa thứ hai là tự tại. Chúng ta hãy suy nghĩ, chúng ta coi thân này là Ngã thì ta có thể làm chủ cái thân này hay không? Có thể tự tại hay không? Nếu thật sự có thể làm chủ tể thì phải nên vĩnh viễn thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử; sanh còn chấp nhận được, chứ lão và bệnh chẳng cần! Có được hay không? Chẳng làm được! Ngày càng già yếu hơn, quý vị không thể làm chủ. Nếu nói tâm là Ngã thì [dựa trên] cách nói của các triết gia ngoại quốc, họ biết thân chẳng phải là Ngã. Gì là Ngã? *“Ta tư duy, nên ta tồn tại”*, ta có thể suy nghĩ thì đó chính là Ngã. Như vậy thì thử hỏi, cái Ngã suy tưởng ấy có tự tại hay không? Chẳng tự tại! Lấy định nghĩa trong Phật pháp làm tiêu chuẩn, Ngã ấy là giả!

Nhưng trong kinh Phật có nói Chân Ngã. Chân Ngã quả thật có thể làm chủ, đắc đại tự tại. Có thể làm chủ là gì? Chẳng sanh, chẳng diệt. Ngã là gì? Tự tánh là Ngã, tự tánh chẳng sanh, chẳng diệt, tự tánh có thể sanh ra vạn pháp. Người học Phật theo đuổi điều gì? Tìm lại Chân Ngã. Thân thể thật sự là gì? Pháp Thân, Pháp Thân là Chân Ngã. Pháp Thân là gì? Khắp pháp giới hư không giới là Pháp Thân. Khi nào quý vị có thể thừa nhận vạn pháp trong vũ trụ là Pháp Thân của ta, kinh Phật nói như vậy, vì sao chúng là Pháp Thân của quý vị? Chúng là do tự tánh của quý vị biến hiện. Cái có thể biến chính là bổn tánh của chính mình. Sở biến (cái được biến) là vạn sự vạn vật. Toàn thể vũ trụ đều do tự tánh của chính quý vị biến hiện. Giống như nằm mộng, lúc một người đang nằm mộng, nếu quý vị bỗng giác ngộ “giấc mộng này do ý thức của ta biến hiện”, những gì trong mộng là ta? Toàn thể mộng cảnh là ta, mộng cảnh do ý niệm của ta biến hiện, do vọng niệm biến hiện. Toàn thể mộng cảnh là ta. Trong mộng cảnh có thân thể của chính mình, thân thể người khác cũng do ta biến, đều là ta. Trong Phật pháp nói là “chứng đắc Pháp Thân”, quý vị thật sự khẳng định, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, bèn đắc tự tại. Thân thể này đã diệt, thân thể kia chẳng diệt, giống như tế bào trên thân thể chúng ta thay cũ, đổi mới, mỗi ngày thời thời khắc khắc đều có tế bào chết đi, tế bào mới sanh bổ sung. Chẳng có sanh tử, đó là thật! Tất cả hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể, lẽ nào chẳng yêu thương, che chở? Làm sao có thể tổn thương, làm hại được? Há có đạo lý như thế! Đó là người giác ngộ. Kẻ chưa giác ngộ có thiên kiến, chấp trước, thứ gì cũng đều vì vọng niệm mà suy nghĩ, vì cái thân thể hư giả này mà suy nghĩ, vì vọng tâm, vì tấm thân hư giả mà tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, tương lai vào trong địa ngục gánh chịu quả báo, làm chuyện ngốc nghếch như vậy. Kinh Phật thường nói đó là ngu si.

*“Thí như cấu ô”*, nhiễm ô. Dùng gì để có thể giúp quý vị gột sạch cấu ô? Không Huệ, đức Phật dạy chúng ta điều này. Trí huệ! Trí huệ chẳng rời Không. Hễ đã Không, bèn có trí huệ. Nếu là Có thì trí huệ chẳng còn nữa, phiền não xảy đến. Quý vị muốn đoạn phiền não, phải buông xuống, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị thấy Ngài suốt đời thị hiện cho chúng ta thấy. Cả đời Ngài, tất cả tài sản là *“tam y nhất bát”*, tức là ba tấm y, một cái bát. Đó là toàn bộ tài sản của Ngài. Trừ những món ấy ra, thứ gì cũng chẳng có, chúng ta phải biết điều này. Mỗi ngày đi ra ngoài khất thực, còn mang theo một dụng cụ phòng thân là tích trượng. Phía sau chúng tôi có bày tích trượng. Tích trượng là thứ để phòng thân khi ra ngoài khất thực, đến thôn trang của người ta, chó của họ xông đến cắn quý vị, tích trượng ấy dùng để đuổi chó. Đến trước cửa nhà người ta khất thực, chẳng thể gõ cửa, gõ cửa quá vô lễ, làm cách nào? Rung tích trượng, tích trượng rung lên sẽ vang ra tiếng. Quý vị hãy nhìn cách chế tạo tích trượng, hễ rung lên bèn vang ra tiếng. Người bên trong nghe tiếng biết là có người xuất gia đến khất thực, sẽ mở cửa tặng cho quý vị một chút cơm hay thức ăn. Do vậy, đi ra ngoài khất thực, nhất định phải cầm theo [tích trượng]. Chỗ nào cũng nghĩ thay cho người khác, chớ nên nhiễu loạn sự thanh tĩnh của người ta. Qua đêm dưới gốc cây, ngồi xếp bằng dưới cội cây to, đắp ba y trên thân, giống như đắp mền. Do thuở ấy, khu vực du hành của đức Thế Tôn là lưu vực sông Hằng, thuộc vùng nhiệt đới, nên không cần có quần áo dày, ba y là đủ rồi. Làm cho chúng ta thấy, thứ gì cũng đều buông xuống, đắc đại tự tại, thân tâm thanh tịnh, trí huệ sung mãn. Sự nghiệp cả đời là giáo học, trừ giáo học ra, chẳng có sự nghiệp nào khác. Giáo học vĩnh viễn chẳng gián đoạn, trong phần trước, chúng tôi đã nói theo cương lãnh tổng quát. Đối tượng giáo học vô lượng vô biên, phàm phu chúng ta chẳng nhìn thấy. Phàm phu chỉ thấy loài người, là đồng loại, chứ chẳng thấy mười phương Bồ Tát, chư thiên, chẳng nhìn thấy những vị thiên thần ấy, quỷ thần cũng chẳng nhìn thấy. Họ có thể thấy Phật, mà đức Phật cũng trông thấy họ. Đức Phật cũng không ngừng giáo hóa, giúp đỡ họ, nên Phật, Bồ Tát giáo học chưa hề gián đoạn. Không Huệ có thể trừ [phiền não], giống hệt như *“tẩy trạc”* (gột sạch).

*“Trừ tà hiển chánh”*, điều này được gọi là *“hiển minh”*, tức là *“hiển minh thanh bạch”*. *“Chánh”* là điều chính mình sẵn có, cổ nhân Trung Quốc gọi nó là *“bổn tánh bổn thiện”*. Ở đây, Thiện được gọi là Chánh, tập tánh bất thiện [nên gọi] là Tà. Hiệu quả giáo dục chính là câu này, giúp chúng ta xa lìa tà tư, tà hạnh, hiển lộ chánh niệm, chánh hạnh của chính mình, nên gọi là *“hiển minh”. “Dĩ hộ pháp thành”* (do hộ trì thành pháp), pháp ở đây là pháp của chính mình. Pháp của chính mình gọi là Phật pháp, chư vị phải biết điều này. Vì sao? Pháp là điều vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh, nhưng chúng ta mê mất, nên Thích Ca Mâu Ni Phật phải nêu gương, lại còn phải giảng giải cho chúng ta nghe, [khiến cho] pháp trong tâm tánh của chính chúng ta bèn hiển lộ. Đạo lý là như vậy. Chẳng có cách nào trao pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật cho chúng ta, ắt phải là pháp trong tự tánh của chúng ta. Do Thích Ca Mâu Ni Phật dẫn dắt, pháp trong tự tánh của chúng ta bèn được khai hiển. Đó là đúng. Vì vậy, quý vị tu hành thành Phật, đức Phật có công lao gì đối với quý vị hay không? Đức Phật dẫn dắt quý vị, còn sự thành tựu của quý vị vẫn là bổn phận của chính mình, Phật, Bồ Tát chẳng kể công. Nhưng chúng ta phải cám ơn các Ngài đã khuyên dụ, hướng dẫn. Nếu các Ngài chẳng khuyên dụ, hướng dẫn, chúng ta vĩnh viễn mê hoặc, điên đảo, chỗ tốt đẹp của các Ngài đối với chúng ta chính là chỗ này: Dẫn dắt chúng ta, khiến cho chúng ta giác ngộ chính mình và các Ngài vốn chẳng khác nhau. Các Ngài có thể buông phiền não xuống, ta chỉ cần buông phiền não xuống, sẽ giống hệt các Ngài. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh toàn bộ đều hiện ra, chẳng phải do từ bên ngoài mà đạt được, chẳng phải do Phật, Bồ Tát ban cho chúng ta, chẳng phải vậy, nhất định phải hiểu tự tánh vốn tự trọn đủ. Do đó, gọi là *“hộ pháp thành”* (gìn giữ pháp thành), bản thân chúng ta phải biết bảo vệ, đó là *“thanh bạch”. “Siêu chư hủy báng, cố viết thanh bạch”* (vượt khỏi các thứ hủy báng, nên nói là thanh bạch). Tất cả hết thảy hủy báng đều là giả, đều chẳng thật. Chúng ta làm sai thì mới có hủy báng. Nay chúng ta tư tưởng thuần chánh, kiến giải thuần chánh, ngôn hạnh thuần chánh, hết thảy hủy báng đều chẳng còn nữa, nên gọi là *“thanh bạch”.*

*“Văn trung pháp thành”* (chữ “pháp thành” trong kinh văn) là tỷ dụ*, “chỉ Trí Đoạn chi quả”* (chỉ cái quả của Trí Đoạn), Đoạn là phán đoán, Trí là trí huệ, [Trí Đoạn là] quả báo do sự phán đoán của trí huệ, dùng chữ Thành để làm tỷ dụ. Sách Hợp Tán cũng giảng theo cách như vậy. *“Trí Đoạn chi quả, vị pháp thành”* (quả của Trí Đoạn, gọi là Pháp Thành), nêu ra tỷ dụ này. *“Gia Tường Sớ viết: Khiển trừ mê cấu, cố vân tẩy trạc. Vô tướng chi giải, thị vô lậu minh, cố vân thanh bạch”* (Gia Tường Sớ giảng: “Trừ khử mê cấu (bụi nhơ do mê hoặc), nên gọi là ‘gột rửa’. Hiểu vô tướng, đó là vô lậu minh, nên nói là thanh bạch”). Giải thích kiểu này cũng hết sức hay, ngài Gia Tường giải thích theo cách này dễ hiểu. *“Khiển trừ mê cấu”* (trừ khử mê cấu), Mê (迷) là mê hoặc, chẳng biết chân tướng sự thật. Cấu (垢) là nhiễm ô, tức là các thứ tập khí phiền não, nhất định phải buông những thứ ấy xuống. Buông mê xuống, trí huệ hiện tiền; buông phiền não xuống, đức tướng hiện tiền. Bởi lẽ, chúng là hai mặt của cùng một Thể, nên dùng *“tẩy trạc”* làm tỷ dụ. *“Vô tướng chi giải”* (thấu hiểu vô tướng): Dạy quý vị hãy thật sự liễu giải chân tướng của vạn vật trong vũ trụ giống như đối với thông tin do các nhà Lượng Tử Vật Lý Học đã phát biểu trong thời gian gần đây, chúng tôi thấy vậy bèn dùng những thông tin ấy để giải thích Phật pháp, rất hữu ích cho kẻ sơ học như chúng ta. Họ đã phát hiện vật chất là gì? Tất cả vật chất đều do một loại vật chất cơ bản hợp thành, nó được gọi bằng danh từ khoa học là “hạt cơ bản”. Hiện nay họ lại phát hiện hạt cơ bản vẫn còn quá lớn, còn có thể phân tích nó càng nhỏ hơn, càng vi tế hơn, gọi là “lượng tử”, đó có phải là “cực vi vi” như kinh Phật đã nói hay không? Lượng Tử là vật chất cơ sở, vật chất căn bản, tất cả hết thảy vật chất đều là do nó hợp thành. Thứ ấy là gì? Họ phát hiện nó chính là ý niệm, tức là ý niệm của con người, rất nhiều ý niệm biến thành vật chất. Do đó, vật chất sanh từ tâm tưởng, chẳng có ý niệm sẽ chẳng có vật chất. Vì thế, họ nói [vật chất] là một huyễn tướng của ý niệm tích lũy liên tục, họ phát biểu: Về căn bản, trong vũ trụ chẳng có vật chất tồn tại. Bởi lẽ, hiện tượng vật chất giống như huyễn giác của chúng ta, họ đã tìm được căn nguyên. Cách nói ấy cũng rất gần với Phật pháp, Phật pháp cũng nói như vậy. Quý vị xem kinh Kim Cang [là bản kinh] mọi người thường đọc, trong kinh Kim Cang có nói: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*. Phát hiện của các nhà Lượng Tử Lực Học chứng tỏ lời ấy là thật, chẳng giả. *“Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, chúng ta ngu si ngỡ những thứ ấy là thật, niệm niệm chẳng bỏ, muốn thỏa mãn dục vọng của chính mình, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Do đó, chúng ta hứng chịu quả báo, phải nhận biết rõ ràng, đó gọi là “tự làm, tự chịu”, chứ thật ra, về căn bản, chúng chẳng có!

Họ đã phát hiện, thật sự phát hiện ba tế tướng của A Lại Da, họ gọi [ba tế tướng ấy] là vật chất, thông tin và năng lượng, danh xưng khác với ba tế tướng của A Lại Da, nhưng nói về cùng một chuyện. [Tế tướng] thứ nhất của A Lại Da là Nghiệp Tướng, khoa học gọi Nghiệp Tướng là năng lượng. [Thứ hai là] Chuyển Tướng, họ gọi Chuyển Tướng là thông tin, tức là ý niệm, là niệm. Thứ ba là Cảnh Giới Tướng, họ gọi nó là vật chất. Chẳng dễ dàng! Vì lẽ đó, đối với khoa học, tôi tin tưởng sau dăm ba năm nữa, các phát hiện của Lượng Tử Lực Học sẽ biến thành những lý luận khiến cho khắp tất cả những kẻ tầm thường như chúng ta đều có thể tin tưởng, sẽ có ích to lớn đối với Phật pháp, khiến cho mọi người sẽ quay lại xem xét Phật pháp, Phật pháp chẳng phải là mê tín! Phật pháp là khoa học, các nhà khoa học sẽ tìm tòi này nọ từ Phật pháp. Họ phát hiện ba tế tướng, nhưng do đâu mà có ba tế tướng họ chẳng biết, còn kinh Đại Thừa thì có [giải thích rõ ràng]. Những người ấy rất thông minh, nếu họ tiếp xúc kinh giáo Đại Thừa, chắc chắn cảnh giới sẽ được nâng cao với một mức độ lớn, có thể giảng các hiện tượng trong vũ trụ rõ ràng hơn, minh bạch hơn, rốt cuộc những hiện tượng ấy là như thế nào, uốn nắn rất nhiều cách nhìn của chúng ta, uốn nắn rất nhiều hành vi sai lầm của chúng ta. Chỉ cần chẳng phạm lỗi lầm, thế giới Cực Lạc hiện tiền, thiên quốc trong tôn giáo bèn ở ngay trước mắt chúng ta, Thượng Đế cũng sẽ xuất hiện trong nhân gian. Đều là do tâm chúng ta bất thiện, nên họ xa lìa chúng ta, khiến cho chúng ta chịu khổ mắc nạn ở nơi đây. Nguyên nhân chủ yếu là do chúng ta chẳng biết chân tướng sự thật chút nào, hoàn toàn bị tập khí vọng tưởng, phiền não làm chủ, cho nên gặp phải tình cảnh như hiện thời!

Do vậy, vô tướng là thật. Vô tướng là nói theo Thể, nó có hiện tướng hay không? Có! Quý vị cũng chẳng thể không thừa nhận. Vì thế, sau vô tướng có một câu: *“Vô tướng, vô bất tướng”.* Vô tướng là Không, vô bất tướng (chẳng phải là không có tướng) là Có; Không là Thể, Có là hiện tướng. Hiện tướng bèn có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng quý vị chẳng thể đạt được [các tướng ấy]. Nếu quý vị nói “ta có được”, tức là sai mất rồi, quý vị chẳng thể có được. Vì sao chẳng có được? Nó là trống không, về căn bản là chẳng có. Bởi vậy, nếu các nhà khoa học thật sự phát hiện hiện tượng vật chất là do ý niệm tích lũy, về căn bản [vật chất] là giả thì đối với hiện tượng vật chất, chúng ta chẳng còn khởi tâm tham. Giống như chúng ta xem TV, chúng ta có thể thưởng thức những hình ảnh trong màn hình, nhưng có nắm được những thứ trong TV hay chăng? Chẳng nắm được! Quý vị sẽ chẳng dấy tâm tham đối với những thứ ở trong TV: “Cái này ta cũng muốn, cái kia ta cũng muốn”, sẽ không dấy lên ý niệm ấy. Vì sao? Quý vị biết chúng là giả. Nếu chúng ta thấy rõ ràng, minh bạch chân tướng của thế giới này, Bồ Tát đạo cũng rất dễ đạt được, sẽ nâng cao cảnh giới của chúng ta lên một mức to lớn, siêu phàm nhập thánh. Như vậy thì hiện tượng là có, tuy có, nhưng chẳng phải là có trong Có - Không, mà là Không trong *“bất không chi không”*. Như vậy thì mới được coi là thật sự nhận biết. “Không” chẳng phải là chẳng có gì, Không là *“bất không chi không”.* Nó có thể hiện tướng, đó gọi là Vô Lậu Minh, Minh là trí huệ. Vô Lậu: Lậu là tên gọi khác của phiền não, cũng có thể nói [Vô Lậu] là mê cấu đều chẳng còn, chân trí huệ hiện tiền, đó là *“thanh bạch”.* Chữ Thanh Tịnh trong tựa đề bản kinh [Vô Lượng Thọ] mang ý nghĩa này.

*“Hựu Chân Giải viết: Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch, thị chú vũ đức”* (Lại nữa, sách Chân Giải giảng: “Gột sạch dơ bẩn, tỏ rõ sự trắng sạch là nói về phẩm đức của sự tuôn mưa”). *“Chú vũ”* (澍雨) là đổ mưa. Vì sao? Nước mưa có thể gột rửa sạch những thứ dơ bẩn. Tiếp theo đó, sách viết: *“Vũ hữu năng tẩy vật cấu ô”* (nước có năng lực rửa sạch vật bẩn thỉu), nó có thể rửa sạch. *“Năng hiển thanh bạch Thể chi đức”* (có phẩm đức tỏ rõ cái Thể trắng sạch), chỉ cần đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hoặc như chúng ta nói là “buông xuống” thì Tánh Đức trong tự tánh bèn hiện tiền. Tự tánh là thanh tịnh, Huệ Năng đại sư đã nói rất hay. Chúng tôi tin tưởng hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn đã chứng minh cho Ngài. Nếu không, sẽ chẳng truyền y bát cho đại sư. Ngài đã thưa trình bằng hai mươi chữ, Nhẫn hòa thượng trao y bát cho Sư, truyền cho Sư tức là đã chứng minh lời Sư nói là đúng, chẳng nói sai tí nào! Câu đầu tiên Sư nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*, tự tánh của chúng ta thanh tịnh, trong sạch, chưa hề bị nhiễm ô. Cái gì bị nhiễm ô? A Lại Da bị nhiễm ô. A Lại Da có thể bị nhiễm ô, chứ tự tánh chưa hề bị nhiễm ô. Vì sao tự tánh của chúng ta chẳng hiển lộ? Đã mê, nên tuy có, mà không biết, tập khí phiền não nắm quyền làm chủ, hỏng rồi, lục đạo phàm phu ở trong tình trạng này! Vì lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này nhằm dạy chúng ta chân tướng sự thật, chúng ta đã hiểu rõ, buông tập khí phiền não xuống, Tánh Đức hiện tiền. Vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, đó là thật. Vốn tự trọn đủ, vốn chẳng dao động, có thể sanh ra vạn pháp, đó mới là chính mình thật sự, là Chân Ngã. Vì sao? Đã là chủ tể, thật sự đạt được đại tự tại. Vì thế, hãy tìm lại Chân Ngã, ai nấy đều có Chân Ngã, nhưng chính quý vị phải chịu đi tìm!

*“Như Lai pháp luân tẩy trạc trần lao cấu ô, khai hiển bổn hữu tịnh thể dã”* (Pháp luân của Như Lai gột rửa dơ bẩn, tỏ lộ tịnh thể vốn có). Đây là nói về chúng ta trong hiện tiền, chúng ta phải cậy vào giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, “pháp luân của Như Lai” là giáo dục của Phật Đà, chúng ta nhìn như vậy bèn hiểu: Phải cậy vào giáo dục của Phật Đà giúp đỡ chúng ta gột rửa sạch sẽ những tập khí phiền não ấy, khiến cho sự thanh tịnh mà chúng ta vốn có sẽ được hiển lộ. *“Dĩ thượng Gia Tường, Chân Giải lưỡng sớ trung, thanh bạch chi giải, ưu ư Hợp Tán”* (Cách giải thích chữ “thanh bạch” trong hai bộ sớ Gia Tường và Chân Giải như trên đây hay hơn cách giải thích trong Hợp Tán). Giảng hay hơn Hợp Tán, nhưng Hoàng lão cư sĩ đều tập hợp trọn hết những cách giải thích ấy ở đây. Trong bản chú giải này, cụ đã trích dẫn một trăm chín mươi ba thứ kinh luận, nên chúng ta đều được đọc. *“Tổng thượng chư giải, cố tri thanh bạch giả, Trí Đoạn chi quả dã, vô lậu chi minh dã, bổn hữu tịnh thể dã”* (tổng hợp những cách giải thích trên đây, ta biết thanh bạch là quả của Trí Đoạn, là vô lậu minh, là tịnh thể vốn có). Ba câu này có cùng một ý nghĩa. Thanh bạch phải có trí huệ và quả đoạn thì thanh bạch mới có thể hiện tiền, vì sao? Có trí huệ, có quả đoạn, sẽ chẳng mê hoặc! Những tập khí phiền não ấy thảy đều vứt bỏ, chẳng phải là thanh bạch hiện tiền ư? Vì thế, thanh bạch là trí huệ vô lậu, *“vô lậu chi minh”* là trí huệ vô lậu. Trí huệ chẳng xen tạp tập khí phiền não bèn gọi là *“vô lậu chi minh”*. “Tịnh thể vốn có” là như Huệ Năng đại sư đã nói *“vốn tự thanh tịnh”.*

*“Nhược dung thông Thiền môn”* (nếu dung thông với Thiền môn), [nghĩa là] dùng cảnh giới trong Thiền Tông để giải thích, *“tắc tẩy trạc cấu ô”* (thì gột rửa dơ bẩn) được Thiền môn gọi là *“huýnh thoát Căn Trần”* (vượt thoát Căn Trần). *“Thoát”* là thoát lìa, Căn là gì? Sáu căn, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, còn một căn nữa là ý. Trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, những thứ ấy đều là nhiễm ô. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là nhiễm ô bên trong; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là nhiễm ô bên ngoài. Nay thì trong là buông Căn xuống, ngoài là buông xuống sáu trần, há có thể chẳng thanh tịnh ư? Tự tánh hiện tiền, vì tự tánh vốn thanh tịnh. Câu đầu tiên của Huệ Năng đại sư là *“vốn tự thanh tịnh”*, thanh tịnh viên minh thể hiện tiền, *“huýnh thoát Căn Trần”*, huýnh (迥) là xa lìa, thoát (脫) là vượt khỏi. *“Hiển minh thanh bạch thị linh quang độc diệu”* (tỏ rõ sự trắng sạch là linh quang riêng chiếu rạng ngời ). Đây là hai câu trong Thiền Tông: *“Huýnh thoát Căn Trần, linh quang độc diệu”.* Trong Thiền Tông nói đến cảnh giới này, người minh tâm kiến tánh đạt tới cảnh giới ấy. Linh quang (靈光) là trí huệ, khi ấy, bất luận là căn thân hay cảnh giới bên ngoài, không gì chẳng phải là trí huệ viên mãn hiện tiền, nên gọi là *“linh quang độc diệu”*, đó là nói theo Thiền Tông. Tiếp theo đó, *“hội quy Tịnh Tông”* (quy vào Tịnh Tông), Tịnh Độ sẽ nói như thế nào? Tịnh Độ nói *“đô nhiếp lục căn, thị tẩy trạc cấu ô”* (nhiếp trọn sáu căn chính là “gột rửa dơ bẩn”). Nhiếp (攝) là thâu nhiếp (收攝: thu tóm), thâu hồi sáu căn lại. Mắt nhìn ra bên ngoài, thấy sắc tướng bên ngoài; nay mắt chẳng nhìn ra ngoài nữa, mà nhìn vào trong, trong là gì? Trong là tự tánh, tánh, tướng, thâu hồi tướng lại để nhìn vào tánh, đã kiến tánh! Nơi mắt thì gọi là tánh Thấy, chẳng gọi là Căn. Tánh Thấy thấy sắc tánh, nơi tai thì tánh Nghe nghe thanh tánh. Lưỡi ăn thứ này nọ thì tánh Nếm sẽ nếm Vị Tánh, đó gọi là minh tâm kiến tánh. *“Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”* (xoay cái nghe lại để nghe nơi tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng). Quán Thế Âm Bồ Tát tu hành chứng quả dùng phương pháp này, tức là *“phản văn văn tự tánh”* (xoay cái Nghe lại để nghe nơi tánh Nghe), điều này được nói trong kinh Lăng Nghiêm. Trong Tịnh Tông, quý vị thấy: Nhiếp trọn sáu căn thì *“tịnh niệm tương kế, tự đắc tâm khai, thị hiển minh thanh bạch. Cái nhất thanh Phật hiệu, nhất thanh tâm, niệm Phật tức thị Thỉ Giác hợp Bổn”* (tịnh niệm tiếp nối, tự được tâm khai chính là hiển lộ sự trắng sạch. Bởi lẽ, một tiếng Phật hiệu là một tiếng tâm, niệm Phật chính là Thỉ Giác hợp với Bổn Giác). Thỉ Giác là bắt đầu giác ngộ, tương ứng với Bổn Giác. Đem hai câu kinh này phối hợp với cách nói trong Tịnh Độ, hay ghép vào cách nói trong nhà Thiền, đều nói thông suốt. Một thứ thông, hết thảy đều thông suốt. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

# Tập 108

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi tám, dòng thứ hai đếm từ dưới lên, xem từ câu *“điều chúng sanh, tuyên diệu lý”*, chúng ta hãy đọc đoạn văn này.

*“Điều chúng sanh, tuyên diệu lý. Điều giả, hòa dã. Chúng sanh giả, nhất thiết hữu tình dã. Tuyên giả, thị dã. Diệu lý giả, Thật Tướng chi Lý Thể, diệc tức Pháp Hoa Phật chi tri kiến dã. Khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, nãi tuyên diệu lý dã”* (“Điều chúng sanh, tuyên diệu lý”: “Điều” là điều hòa. “Chúng sanh” là hết thảy các hữu tình. “Tuyên” là chỉ dạy. “Diệu lý” là Thật Tướng Lý Thể, mà cũng chính là “tri kiến của Phật” trong kinh Pháp Hoa. Khai tri kiến của Phật, chỉ bày tri kiến của Phật, chính là “tuyên diệu lý”). Chúng ta xem đoạn này, đoạn này thuộc về hạnh môn thù thắng của Phổ Hiền. Đoạn trước giảng về phá mê khai ngộ, vô cùng trọng yếu. Nếu chúng ta mê chẳng giác, chư Phật, Bồ Tát dẫu từ bi cũng chẳng giúp được. Do vậy, đặt phá mê khai ngộ lên trước, rồi sau đấy mới dạy chúng ta lìa khổ được vui như thế nào. Kinh giáo được xếp theo thứ tự thuận như thế đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn, khiến cho chúng ta nghĩ trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Phật độ kẻ hữu duyên”.* Kẻ hữu duyên là ai? Kẻ có thể tín, giải, hành, chứng, đó là kẻ hữu duyên. Điều kiện thứ nhất đối với kẻ hữu duyên là kẻ ấy có trí huệ, có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh. Thiếu điều kiện này sẽ không được. Thiếu điều kiện này thì Phật xuất hiện, Bồ Tát xuất hiện, kẻ ấy chẳng tin tưởng. Phật, Bồ Tát vì kẻ ấy thị hiện, diễn nói, kẻ ấy nghe nhưng chẳng hiểu, đúng là vô duyên, nên chư Phật, Bồ Tát dẫu từ bi vẫn chẳng thể gia hộ. Trọn đủ điều kiện trên đây, giác chứ chẳng mê, hễ tiếp nhận kinh văn này sẽ bèn bi và trí cứu khổ. Bồ Tát giúp chúng ta lìa khổ được vui, thứ nhất là tâm đại bi, tâm từ bi thúc đẩy. Tâm từ bi ấy lưu lộ từ tự tánh, nó là Tánh Đức. Chỉ cần kiến tánh, nó sẽ tự nhiên lưu lộ. Lòng từ bi ấy chẳng có điều kiện, nên kinh thường nói *“vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi”.* Từ là giúp kẻ khác được vui, Bi là giúp người khác lìa khổ, đều chẳng có điều kiện. *“Vô duyên”* là vô điều kiện, hãy nên làm theo cách như vậy, giống như lòng yêu thương, che chở của cha mẹ đối với con cái chẳng có điều kiện. Chư Phật, Bồ Tát sau khi minh tâm kiến tánh, biết hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể. Đã là một Thể, đương nhiên chẳng có điều kiện gì để nói, nên gọi là Đồng Thể Đại Bi. Chúng ta có thể tin, hiểu, hành theo lời các Ngài đã nói.

*“Điều chúng sanh”*: Điều (調) là điều hòa (調和). Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng rất coi trọng chữ Hòa này*, “hòa vi quý”* (hòa thuận là đáng quý). Hết thảy chúng sanh sống trên cuộc đất này, cùng sống trên quả địa cầu này, nếu bất hòa sẽ có tai nạn, thiên tai lẫn nhân họa đều xảy ra. Bí quyết mầu nhiệm nhất để hóa giải những tai nạn ấy là Hòa; do vậy, Hòa là quý. Con người hòa hợp, chiến tranh chẳng có, tai họa do con người gây ra chẳng có. Nếu con người hòa hợp, núi, sông, đại địa, cây cối, hoa cỏ đều hòa hợp, thiên tai chẳng có. Nếu bất hòa, phiền phức gì cũng đều xuất hiện; do vậy, phải điều hòa. Chúng sanh, ở đây nói là *“hết thảy hữu tình chúng sanh”*, [bởi lẽ], trong hết thảy chúng sanh, hữu tình trọng yếu nhất, vì sao? Hữu tình có thể nẩy sanh biến hóa, [khiến cho] vô tình chúng sanh bị biến hóa theo. Chúng (vô tình chúng sanh) chẳng chủ động, không thể chủ động, mà thuận theo hữu tình chúng sanh. Hữu tình chúng sanh tâm thái thiện lương, vô tình chúng sanh cũng thiện lương theo. Nay chúng ta gọi “hữu tình chúng sanh” là “động vật”, trong các động vật, con người lanh lợi nhất. Con người sở dĩ khác với hết thảy động vật là vì con người có thể hiểu lý, thông suốt đạo lý, con người biết sống tùy thuận quy luật thiên nhiên. Con người là như thế đó, tùy thuận thiên nhiên là tùy thuận Pháp Tánh, đó là thiện lương.

Chúng ta thấy người thật sự giác ngộ là ai? Người sống trong Nhất Chân pháp giới, ai nấy đều giác ngộ, chẳng phải là giác ngộ bình phàm, mà là bậc đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh như trong giáo pháp Đại Thừa đã nói, người như vậy đó! Vì thế, những người ấy mới là hòa hài đúng tiêu chuẩn. Vì sao? Chẳng có chính mình, phá trừ Ngã Chấp, như trong kinh Kim Cang đã nói *“vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*, họ ở trong cảnh giới ấy. Không chỉ lìa khỏi hết thảy huyễn tướng, chẳng còn chấp trước nữa, chẳng phân biệt, mà ngay cả ý niệm cũng chẳng có nữa. Nửa sau kinh Kim Cang nói *“vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến”.* Kiến (見) là ý niệm, chẳng có ý niệm thì đương nhiên là một bầu hòa hài, người Trung Quốc nói là “một bầu hòa khí”, [điều này] được thấy trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Cõi Thật Báo ở chỗ nào? Trong giáo lý Nhất Thừa, đức Phật đã giảng lời chân thật là *“đương hạ, đương xứ”* (ngay lập tức, ngay tại nơi đây). Một mai cư dân trên địa cầu giác ngộ, ý niệm vừa chuyển, nơi đây sẽ là Thật Báo Trang Nghiêm, nơi đây là Nhất Chân pháp giới. Vì sao? Chúng tôi đã tuyên giảng nguyên lý và nguyên tắc nhiều lần: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Tư tưởng của chúng ta cong vẹo, lầm lỗi, nên hết thảy các tai nạn hiện tiền. Nếu tư tưởng thiện lương, thuần chánh, hết thảy các tai nạn đều chẳng có. Vì vậy, tai nạn chẳng phải là thật, trong nhãn quan của chư Phật, Bồ Tát, chúng là hư huyễn, chẳng thật sự tồn tại. Đây là nói rõ về sự trọng yếu của Hòa.

Do vậy, nay chúng ta là phàm phu, học Phật là bước khởi đầu, học bắt đầu từ đâu? Học từ Hòa. Người khác và ta bất hòa, chúng ta phải hòa thuận với kẻ ấy thì mới là đường lối để giải quyết vấn đề. Người khác và ta bất hòa, nếu ta và kẻ ấy đối kháng, vấn đề sẽ nghiêm trọng, kết thành oán cừu. Sau khi đã kết oán cừu, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, đúng là khổ chẳng kham nói nổi. Đau khổ chẳng phải chỉ là một phía, đôi bên đều đau khổ, cần gì phải vậy! Chúng ta có thể nhịn thì đôi bên đều có lợi, ta cũng chẳng có phiền não, quý vị cũng chẳng có tai hại, đúng là đôi bên cùng thắng! Vì vậy, cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta chớ nên xung đột với người khác, chỗ nào cũng đều phải học nhường nhịn. Cổ nhân dạy “bị thua thiệt là phước”, người bị thua thiệt chẳng sao cả, kẻ bị thua thiệt chẳng bị thiệt thòi, kẻ chiếm tiện nghi bị tai nạn, nên thật sự chẳng chiếm được tiện nghi, mà người bị thua thiệt thật sự chiếm được tiện nghi, đạo lý này rất sâu. Trong kinh, đức Phật thường nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta phải luôn nhường nhịn, chớ nên tranh chấp với kẻ khác, biển rộng, trời cao, bất luận đến chỗ nào cũng đều tự tại, vì sao chẳng chịu nhường? Kẻ ấy muốn quả địa cầu này, chúng ta nhường cho kẻ ấy, nhường cho hắn, trong vũ trụ tinh cầu quá nhiều, tìm một chỗ khác thù thắng hơn địa cầu để đến đó ở, chắc chắn là có. Vì sao? Vì quý vị nhường, nhường là Tánh Đức, do tương ứng với Tánh Đức, nên quý vị đến nơi đâu cũng là nơi tốt đẹp. Tranh được chẳng phải là chuyện tốt, dẫu quý vị hoàn toàn đạt được, nhưng sau đó chẳng ngã bệnh thì cũng bị tai nạn, cuộc đời vẫn là chẳng dễ sống! Cổ thánh tiên hiền, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta chánh đạo, chúng ta chớ nên chẳng cảm ân, chớ nên chẳng y giáo phụng hành. Tuyên (宣) là Thị (示), Tuyên là tuyên dương (宣揚), dùng phương pháp gì để tuyên dương? Nêu gương cho chúng ta nhìn vào, chúng ta phải học hiểu.

Một đời này, rất nhiều đồng học theo tôi, [quan sát sẽ] thấy tôi nhường ba lần. Tại Đài Loan, chúng tôi có một đạo tràng nhỏ, chẳng lớn, có kẻ muốn, tôi bèn tặng cho kẻ ấy. Chúng tôi đến Tân Gia Ba; tại Mỹ cũng có đạo tràng, cũng có người muốn, tặng cho kẻ ấy, hễ muốn thì tặng cho kẻ ấy. Ở Tân Gia Ba ba năm, đồng tu các nơi giúp chúng tôi mua một căn chung cư, đại khái hơn một ngàn vạn, có người mong chúng tôi rời khỏi Tân Gia Ba. Chúng tôi rời khỏi, cũng tặng luôn, hoan hỷ. Chúng tôi di dân đến Úc Châu, đến Úc Châu sung sướng. Đất ở Úc rất rẻ, chẳng đắt giá, người ở Úc quá ít, đất đai rất rộng. Chúng tôi càng nhường càng thù thắng, càng nhường càng tự tại, càng nhường càng sung sướng. Tổ tiên, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta nhường nhịn, trong ấy có niềm vui khôn cùng, chẳng ai biết, quý vị có thể y giáo phụng hành, sẽ nếm được [niềm vui ấy]. Có thể nhường thì mới có thể sống hòa thuận với hết thảy chúng sanh. Quý vị chẳng thể nhường thì hòa thuận là giả, chẳng thật, nhất định phải có thể nhường nhịn. Thuở ban đầu, ít nhiều vẫn còn có một chút tình chấp, phải nhẫn, thật sự nhường vài lần thì sẽ chẳng phải là cắn răng nhường, mà sẽ là vui vẻ nhường, nhường rất vui sướng! Người khác chiếm hữu, tuy họ chiếm hữu mà chúng ta còn cảm ơn người ấy, vì sao cảm ơn? Chính mình có thể nhường, cảnh giới được nâng cao, đức hạnh tăng tấn, trí huệ cũng tăng trưởng, lẽ nào chẳng thể không cảm ơn? Đồng thời, phải mong cho người ấy chiếm hữu, người ấy đã vì chúng ta thị hiện, thị hiện có chánh diện và phản diện. Chánh diện thì chúng ta phải đảnh lễ, phải cung kính, cúng dường. Kẻ ấy chiếm cứ các tài vật đó để hoằng pháp lợi sanh, làm tốt hơn chúng ta, há lẽ nào chúng ta có thể chẳng nhường? Hễ nhường bèn có đức lớn. Nếu là phản diện, kẻ ấy chẳng làm chuyện hoằng pháp lợi sanh, mà làm chuyện cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, kẻ ấy đã diễn xuất nghiệp nhân quả báo cho chúng ta xem, chúng ta cũng phải cảm ơn. Giống như kẻ ấy diễn tuồng, diễn vai phản diện rất thật. Do nghiệp hạnh bất thiện, sau này tất nhiên là quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đối với chúng ta, đối với hết thảy đại chúng trong xã hội, đó là gì? Lên lớp, dạy một bài học về nhân quả báo ứng, hãy chú tâm quan sát bèn hiểu rõ, sẽ ngưng dứt hết thảy những ý niệm bất thiện trong tâm chúng ta, chẳng dám làm nữa! Giống như thuở đức Phật tại thế, Đề Bà Đạt Đa đã nhiều lần biểu diễn, đều là Bồ Tát, đó là đại thiện tri thức, biểu diễn vai phản diện cho chúng ta xem. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn vai chánh diện cho chúng ta xem, chúng ta có thể nói Đề Bà Đạt Đa chẳng phải là Phật, Bồ Tát ư?

Vì thế, hãy nhìn thấu suốt sự lý, để đạt được một kết luận: “Ai nấy đều là người tốt, chuyện gì cũng đều là chuyện tốt”. Hết thảy nghiệp nhân, quả báo thiện ác đều trong một niệm của chính mình. Tâm hạnh của chúng ta chánh đáng, chẳng có điều gì bất chánh, thì những gì yêu ma quỷ quái biểu hiện trước mặt chúng ta đều là chánh pháp. Nếu trong tâm chúng ta tà vạy, biểu hiện của mười phương chư Phật Như Lai cũng là tà. Đó là gì? Chính là *“hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, ý niệm của chính mình làm chủ tể hết thảy. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: *“Cảnh duyên chẳng tốt, xấu”*, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự. Trong hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất đều chẳng có gì tuyệt đối đúng, sai, tà, chánh, chẳng có! Đúng, sai, tà, chánh là do ý niệm của chính mình. Ý niệm của chính mình chánh đáng thì không có gì chẳng chánh, tà cũng là chánh. Ý niệm của chính mình bất chánh, chánh cũng biến thành tà, phải hiểu đạo lý này. Sau khi hiểu rõ, chính mình mới biết: Từ tu nhân cho đến chứng quả hoàn toàn do chính mình chịu trách nhiệm, chẳng liên quan đến người khác. Đó là đại căn bản trong bi trí cứu khổ của Phật, Bồ Tát. Thông qua sự giáo học này, chúng ta thật sự thấu hiểu, quý vị mới có thể thật sự lìa khổ được vui, vĩnh viễn lìa khổ, vĩnh viễn được vui. Trong hoàn cảnh nào, quý vị cũng đều vui sướng, đều tự tại. Điều này được gọi là *“diệu lý”*, chớ nên không hiểu lý này.

Diệu lý là gì? Thật Tướng Lý Thể, là tự tánh, trí huệ chân thật và đức hạnh chân thật trong tự tánh, mà cũng là *“Phật chi tri kiến”* được nói trong kinh Pháp Hoa. *“Tự tánh bổn thiện”* như tổ tiên người Hoa đã nói là cùng một chuyện, cùng một cảnh giới với *“Phật chi tri kiến”*. Ta đọc Tam Tự Kinh thấy có câu: *“Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”* (con người thoạt đầu tánh vốn lành), phải biết điều này! Thật sự nhận biết, thật sự tham thấu triệt, đối với kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác trong thế gian, quý vị trọn chẳng trách móc kẻ ấy, biết vì sao kẻ ấy làm những chuyện xấu xa đó, hiểu rõ ràng, minh bạch. Kẻ ấy đang diễn tuồng ở đó! Trên sân khấu, kẻ ấy diễn vai xấu, diễn vai phản diện, diễn vô cùng khéo, là diễn viên hạng nhất! Diễn vai chánh diện như Thích Ca Mâu Ni Phật, Khổng Tử, Mạnh Tử, là diễn viên hạng nhất; mà diễn vai phản diện cũng là diễn viên hạng nhất. Quý vị có thể nhìn như vậy, tâm sẽ hết sức an bình, thanh tĩnh, chẳng dấy sóng gió. Từ chánh diện lẫn phản diện đều đạt được lợi ích; chẳng có phản diện thì làm sao có thể nổi bật điều thiện của chánh diện? Chẳng có điều thiện nơi chánh diện, làm sao có thể nổi bật cái ác của phản diện? Đạo lý là như vậy đó! Lục đạo luân hồi, mười pháp giới được cô đọng, biểu diễn mấy phút trên sân khấu cho quý vị xem. Từ chỗ này, quý vị bèn khai ngộ, biết tu hành ra sao, biết tự độ, độ người như thế nào, chính mình lìa khổ được vui như thế nào, giúp hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui ra sao!

Tri kiến của Phật là lý, tức diệu lý. *“Khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến”* có nghĩa là “tuyên dương” [tri kiến của Phật]. Chữ Tuyên ở đây mang ý nghĩa tuyên dương diệu lý, tức là biểu diễn, tỏ lộ đạo lý áo diệu, cao sâu ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thực hiện cho chúng ta thấy. Dòng họ Thích Ca gặp một phen tai nạn vô cùng thê thảm, đau đớn. Vua Lưu Ly dẫn quân tiêu diệt bộ tộc Thích Ca, tức là bộ tộc của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong cuộc chiến ấy, quốc gia tiêu diệt, Thích Ca Mâu Ni Phật có biết hay không? Biết rõ ràng, minh bạch, nhưng đức Phật có cách nào cứu vãn cơn tai nạn ấy hay không? Ngài chẳng có cách nào! Trong kinh giáo đã nói rõ “tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”, [đức Phật đã] thực hiện câu nói ấy cho chúng ta thấy. Đức Phật có năng lực, có trí huệ, có năng lực là có thần thông, nhưng do nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, sức mạnh của tâm niệm chẳng thể nghĩ bàn, ba sức mạnh ấy bằng nhau. Vua Lưu Ly tiêu diệt dòng họ Thích Ca, nếu Thích Ca Mâu Ni Phật có trình độ [hiểu biết hạn hẹp] giống như chúng ta, dễ lắm, Ngài phát động mười sáu vị đại quốc vương tổ chức liên quân đến cứu dòng họ Thích Ca, có được hay không? Được chứ! Mười sáu vị đại quốc vương đều là đệ tử quy y của Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Phật yêu cầu họ tổ chức liên quân dễ dàng, mọi người sẽ nghe lời. Đức Phật chẳng làm như vậy, do nguyên nhân nào? Đức Phật biết nguyên do của cơn tai nạn này, nó là oan oan tương báo, ngăn trở một đời này, tương lai sẽ còn thê thảm, nặng nề hơn, nên để cho nó báo ứng, báo ứng xong sẽ hết chuyện!

Khởi nguyên của cơn tai nạn này là gì? Khởi nguyên từ nhiều đời nhiều kiếp trước, chẳng phải là một đời này, mà do nghiệp nhân đã tạo trong đời quá khứ. [Thuở ấy], bộ tộc Thích Ca là ngư dân đánh cá tại ven biển, trong thôn ấy có một cái ao nuôi cá. Có một hôm, tộc trưởng hạ lệnh sai thôn dân tháo cạn nước ao, bủa lưới bắt sạch cá trong ao. Trong ao ấy có hai loại cá, cá cũng có vua, chúng nó có tổ chức. Hai con ngư vương cảm thấy người trong thôn trang ấy rất đáng giận: “Giết sạch chúng ta, chẳng chừa con nào!” Trong tâm oán hận, nhất định phải trả thù. Đời này, họ sanh làm người, người dân trong thôn đánh cá là dòng họ Thích Ca, cá bị giết trong ao chính là bộ tộc của vua Lưu Ly. Họ đến báo cừu, trong quá khứ các vị đã làm cho họ bị diệt tộc, nay người ta cũng muốn đến tiêu diệt quý vị, oan oan tương báo, chẳng có cách nào tránh khỏi tai nạn ấy. Do Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu rõ ràng, minh bạch, đành chỉ ứa lệ nhìn, chẳng nói một câu nào, khuyên mọi người hãy trốn tránh tai nạn, có thể trốn thì hãy tận hết sức trốn đi, vì chẳng có sức chống đỡ. Một nhóm trốn thoát, trốn sang Tây Tạng, vì họ vượt qua núi Hỷ Mã Lạp Nhã thì bên kia núi là Tây Tạng. Một phần dòng họ Thích Ca trốn sang bên đó. Bộ tộc Thích Ca nghe lời người trong nhà khuyến cáo, trốn sang vùng Hậu Tạng. Sau khi đã trốn đến Hậu Tạng bèn định cư ở Hậu Tạng, chẳng quay về nữa. Vì thế, hậu duệ của gia tộc Thích Ca Mâu Ni Phật sống tại vùng Hậu Tạng của Trung Quốc. Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe câu chuyện này. [Qua chuyện này, đức Phật] đã biểu diễn cho chúng ta thấy oan oan tương báo, oán hận không thể hóa giải thì đời đời kiếp kiếp đều có trả thù.

Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu ra phương cách nhường nhịn: Quý vị muốn quốc gia của chúng tôi, muốn đoạt lãnh thổ này, ta bèn trao cho quý vị, bỏ chạy, đào tẩu, một bộ phận không chịu bỏ chạy đều bị họ giết. Định nghiệp chẳng thể chuyển; do vậy, sát nghiệp thật đáng sợ! Giết người phải đền mạng, giết các động vật vẫn phải đền mạng. Đời sau, những động vật ấy đã chịu hết nghiệp báo và tội báo, lại sanh vào nhân gian. Nói theo Phật pháp, hết thảy hữu tình chúng sanh đều là bất tử. Chết là thân thể chết, [chết] chỉ là thay đổi thân thể mà thôi! Linh hồn bất tử, linh tánh bất tử. Quý vị kết oán cừu với kẻ ấy, chỉ cần kẻ ấy nhớ mãi không quên, phiền phức khôn xiết! Vậy thì cần gì phải kết oán cừu với kẻ khác? Cổ nhân Trung Quốc nói *“bị thua thiệt là có phước”.* Chấp nhận bị thua thiệt, chẳng kết oán cừu với kẻ khác. Quý vị muốn đoạt tài vật, sản nghiệp của ta, ta đều trao hết, đều nhường cho quý vị, mọi chuyện tốt đẹp, chẳng kết oán! Chẳng có mảy may ý niệm oán hận, bèn hóa giải [mọi oán kết], đó là cách làm trí huệ. Thuở ấy, Phật Thích Ca đã nêu gương cho chúng ta thấy, dòng họ Thích Ca và vua Lưu Ly Vương biểu diễn, chúng ta thấy Phật Thích Ca xử trí chuyện ấy ra sao, chúng ta phải học theo. Vì trong một đời này, những chuyện oan oan tương báo của chúng ta cũng rất nhiều. Đã tạo trong đời quá khứ, hoặc bất tri bất giác tạo trong đời này, hễ gặp cảnh giới hiện tiền bèn nhường, hoan hỷ nhường, ta vui vẻ, đối phương cũng vui vẻ. Vậy thì chẳng phải là chúng ta bị thua thiệt to lớn ư? Chẳng bị thua thiệt! Kẻ ấy cũng chẳng chiếm tiện nghi, mà ta cũng không bị thua thiệt. Trong mạng ta đã có, có vứt bỏ, cũng chẳng vứt bỏ được. Nhường chỗ này, lại đạt được ở chỗ khác, lại còn đạt được thù thắng hơn những gì đã nhường, càng nhường càng thù thắng, càng nhường càng nhiều. Điều này chẳng phải là giả, trong Phật pháp nói bố thí là tuân theo đạo lý này, càng thí càng nhiều. Thí tài được của cải, thí pháp được thông minh, trí huệ, thí vô úy được khỏe mạnh, sống lâu. Chỉ cần quý vị chịu nhường, chắc chắn chẳng bị thiệt thòi. Do vậy, quý vị hãy suy nghĩ, sau khi thua thiệt là gì? Là phước, như vậy là chẳng bị thua thiệt! Phía sau thua thiệt chẳng phải là họa, mà là phước, chịu thiệt thòi to lớn sẽ được đại phước, chịu thiệt thòi ít sẽ được phước nhỏ. Phía sau [thiệt thòi] là phước. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, sau đấy mới nói với quý vị một câu: “Người chịu thua thiệt là kẻ có phước”, quý vị bèn tin tưởng. Quý vị đã tin tưởng bèn chấp nhận thua thiệt, chịu nhường. Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát rất từ bi, nêu gương cho chúng ta thấy, chính chúng ta sẽ vận dụng đúng pháp. Trong kinh đã có tấm gương ấy, chúng ta gặp phải [cảnh ngộ đòi hỏi phải nhường nhịn] bèn nhường, thật sự học theo. Thật sự học theo thì sẽ thật sự hữu hiệu. Những năm xưa kia có người hoài nghi, về sau thấy chúng tôi càng nhường càng thù thắng, họ tin tưởng, chẳng còn hoài nghi nữa. Chớ nên có tâm chiếm tiện nghi. Do tâm chiếm tiện nghi mà quý vị đạt được là vì trong mạng quý vị có, nhưng quý vị dùng thủ đoạn phi pháp, bất chánh, thiếu đức, dùng thủ đoạn như thế để đoạt được thì sẽ gặp tai họa, chẳng ngã bệnh thì cũng mắc tai nạn, những thứ ấy sẽ dính cứng quý vị. Vì thế, đoạn ác tu thiện là chân lý, là thiên kinh địa nghĩa, chớ nên không tin tưởng, chớ nên không y giáo phụng hành. Thật sự mong trong một đời này cuộc sống hạnh phúc viên mãn, chắc chắn chẳng thể trái phạm giáo huấn của thánh nhân, chắc chắn là thánh hiền cao minh hơn chúng ta, đức hạnh và trí huệ của chúng ta chẳng bằng họ. Do vậy, phải biết thật thà nghe lời, học tập họ. Đó là đúng.

Chúng ta lại xem tiếp. Câu tiếp theo là: *“Linh nhất thiết hữu tình, ngộ Phật tri kiến, nhập Phật tri kiến, nãi điều chúng sanh dã”* (khiến cho hết thảy hữu tình ngộ tri kiến của Phật, nhập tri kiến của Phật, đó là “điều chúng sanh”). Cảnh giới này rất cao, ngộ Phật tri kiến là Bồ Tát, đã giác ngộ. Nhập Phật tri kiến là thành Phật. Đức Phật dạy bảo chúng ta nhằm mục đích này, hy vọng chúng ta tăng tấn đến cảnh giới Bồ Tát. Quý vị đã khai ngộ, hiểu rõ ràng, từ cảnh giới ấy lại nâng lên cao hơn, đối xử với hết thảy sự vật chẳng khác chư Phật Như Lai, có phương pháp thực hiện giống như chư Phật, Bồ Tát. Tiếp theo đó là một tỷ dụ để chúng ta hiểu ý nghĩa thuyết pháp của đức Phật. *“Điều hòa cầm huyền, dĩ phát chánh âm”* (điều chỉnh dây đàn đúng mực, khiến cho nó phát ra âm thanh chánh xác). Vào thời cổ, đàn Cầm (琴)[[16]](#footnote-17)[2] của Trung Quốc là loại đàn khảy gồm có năm dây, có loại bảy dây, phải chỉnh dây đàn cho đúng thì âm sắc mới đẹp đẽ. Dây quá căng sẽ bị đứt, dây quá chùng chẳng phát ra tiếng, nhất định phải lên dây đàn cho vừa phải, đúng mực, âm thanh đúng cao độ sẽ phát ra. Dùng chuyện này để tỷ dụ tâm tình của chúng sanh, nó cũng cần phải được điều hòa. Phải điều hòa đạt đến Trung Đạo, chớ quá lố, mà cũng đừng nên chưa tới mức thì âm sắc mới đẹp đẽ. Vì thế, *“linh khế Trung Đạo”* (khiến cho khế nhập Trung Đạo). Chư vị thấy trong kiến trúc Phật giáo, đối với tự viện am đường, quý vị bước vào cửa chùa, kiến trúc đầu tiên là Thiên Vương Điện, sẽ thấy Tứ Đại Thiên Vương và Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát tuyên thị từ bi ở nơi đó, dùng hình tượng Bố Đại hòa thượng [để tôn thờ Di Lặc Bồ Tát], khiến cho quý vị vừa vào cửa liền trông thấy. Người học Phật suốt ngày từ sáng đến tối phải giống như Di Lặc Bồ Tát, cười toe toét, vui sướng khôn sánh. Bất luận trong hoàn cảnh nào, bất luận gặp người lành hay kẻ ác đều hoan hỷ, đều dùng nét mặt tươi cười tiếp đón, Ngài đã dạy cho chúng ta một bài học. Quý vị thấy Đông Phương Trì Quốc thiên vương, trên tay cầm đàn tỳ bà. Tỳ bà là nhạc khí sử dụng dây, tượng trưng ý nghĩa gì? Biểu thị Trung Đạo, điều hòa. Dây đàn tỳ bà bị chùng sẽ không vang ra tiếng, dây quá căng sẽ đứt. Nhất định phải chỉnh dây vừa phải, chẳng quá căng, mà cũng chẳng quá lơi, nó tượng trưng Trung Đạo. Quý vị thấy danh hiệu của Ngài là Hộ Quốc, dùng gì để hộ quốc? Dùng Trung Đạo. Phải biết mở rộng ý nghĩa này, và thu nhỏ phạm vi của hộ quốc, nhỏ đến mức là một thân, tức là hộ trì bản thân. Hộ pháp trước hết là hộ trì chính mình, tư tưởng và ngôn hạnh của chính mình phải hợp với Trung Đạo. Cổ nhân Trung Quốc nói [Trung Đạo] là đạo Trung Dung.

Quý vị thấy Tứ Thư, tức bộ Tứ Thư do Châu Hy biên soạn, biên soạn rất hay, biến thành một bộ sách nhất định phải đọc của người Hoa. Bộ sách ấy do Châu Hy biên soạn. Cuốn đầu tiên là Trung Dung, Trung Dung là tuyên diệu lý. Đại Học là giảng về phương pháp, diệu lý ấy được vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, đó là phương pháp. Đại Học là phương pháp, Luận Ngữ và Mạnh Tử là biểu diễn. Vì thế, chúng tôi thấy Tứ Thư được biên tập theo quan điểm hết sức giống như kinh Hoa Nghiêm, thuở ấy, tôi thường nghĩ, có phải là Châu phu tử đã được kinh Hoa Nghiêm gợi cảm hứng, nên đã biên tập một bộ sách hay như thế? Rất có thể, vì sao? Ông ta tiếp xúc Phật pháp tiếp xúc quá nhiều, nhiều vị cao tăng đại đức thuở ấy đều là bằng hữu. Kinh Hoa Nghiêm có lý luận, có phương pháp, năm mươi ba lần tham học ở cuối kinh là biểu diễn. Tứ Thư được tạo thành trên quan điểm giống như thế. Trung Dung là lý luận, Đại Học là phương pháp, Khổng Tử biểu diễn, quý vị thấy Ngài đã thực hiện trong cuộc sống hằng ngày. Đạo lý của Trung Dung và phương pháp của Đại Học đã được Ngài thực hiện toàn bộ, Mạnh Tử cũng thực hiện được. Khổng Tử đại diện cho các bậc thánh nhân, Mạnh Tử đại diện cho các hiền nhân. Thánh hiền đều có thể thực hiện các lý luận và phương pháp ấy. Thực hiện phương pháp ấy nơi tự thân, thân tâm khỏe mạnh, há chẳng vui sao? “Vui” là gì? Sung sướng! Trong Phật pháp gọi là “pháp hỷ sung mãn”, người ấy được thọ dụng, nhà người ấy hạnh phúc mỹ mãn. Một cá nhân đã thi hành, chắc chắn gia đình người ấy sẽ thi hành; gia đình thi hành thì gia đình mỹ mãn. Cả nhà người ấy thi hành, nhà người ấy ở trong một thôn trang nhỏ, khu vực đó nhất định được người ấy cảm hóa. Mọi nhà đều làm như vậy, khu vực ấy hòa hài, nơi ấy thái bình. Do vậy, người ấy đúng là *“thân tu, gia tề, quốc trị, thiên hạ bình”*, sanh ra hiệu quả to tát dường ấy! Cảnh giới Hoa Nghiêm trong Phật pháp to lớn, không chỉ là địa cầu, mà còn ảnh hưởng khắp pháp giới hư không giới, hoàn toàn thực hiện đạo lý, phương pháp sống, phương pháp *“xử chúng”* (cư xử với đại chúng) do đức Phật đã ngộ trong kinh Hoa Nghiêm, thực hiện đạo lý và các phương pháp ấy. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử là làm cho chúng ta thấy, quý vị thấy Ngài thực hiện trong các nhóm người [khác biệt]. Năm mươi ba lần tham học là vận dụng trong các nhóm người khác biệt, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, tín ngưỡng khác nhau, tôn giáo khác nhau, văn hóa khác biệt, vì sao có thể đối xử tốt đẹp dường ấy?

Bởi lẽ đó, tôi coi Tứ Thư là Tiểu Hoa Nghiêm Kinh. Tôi thường đọc bộ sách ấy, nghĩ Châu phu tử đã lấy cảm hứng từ kinh Hoa Nghiêm để biên tập thành một tác phẩm như vậy, thật sự hữu dụng. Thuở sanh tiền, Triệu Phổ là Tể Tướng của Triệu Khuông Dận. Triệu Khuông Dận là Tống Thái Tổ, là hoàng đế khai quốc nhà Tống. Triệu Phổ nói với Triệu Khuông Dận, ông ta dùng nửa bộ Luận Ngữ giúp Triệu Khuông Dận bình định thiên hạ, thống nhất Trung Quốc, nửa bộ Luận Ngữ thôi! Triệu Khuông Dận hết sức hiếu thuận, mẹ nhà vua bảo vua đừng truyền ngôi vị hoàng đế cho con mà nên truyền cho em, nhà vua nghe lời. Sau khi vua chết, ngôi vua được truyền cho em trai là Tống Thái Tông (Triệu Khuông Nghĩa, còn gọi là Triệu Quang Nghĩa). [Triệu Phổ tâu với] Thái Tông: *“Thần dùng nửa bộ Luận Ngữ giúp bệ hạ trị vì thiên hạ”.* Rất có lý, hai câu ấy là danh ngôn. Bởi lẽ, giáo huấn của thánh nhân là trí huệ chân thật, trọn chẳng phải là hàng phàm phu bình phàm mà hòng sánh bằng. Bất luận tu thân, dưỡng tánh, trị gia, trị quốc, hòa hài thế giới, đều phải coi trọng Trung Đạo, có thể sử dụng Trung Đạo sẽ chẳng thái quá, mà cũng chẳng bất cập, đạt đến vừa phải, đúng mực, trong Phật pháp gọi điều đó là *“phương tiện thiện xảo”.* Phương tiện thiện xảo là đạt đến đúng mức.

Kế đó là: *“Tịnh Độ pháp môn, thị Phật tri kiến. Trì danh niệm Phật, tức thung dung Trung Đạo”* (pháp môn Tịnh Độ là tri kiến của Phật. Trì danh niệm Phật chính là thong dong Trung Đạo). Mấy câu này nói hết sức hay, vì sao? Pháp môn Tịnh Độ do A Di Đà Phật kiến lập, A Di Đà Phật chẳng phải vì chính mình mà kiến lập, trong phần sau chúng ta sẽ đọc đến [phần nói về nguyên do]. Trong bộ kinh này có lịch sử của thế giới Cực Lạc, giảng rõ thế giới Cực Lạc được kiến lập như thế nào? Kiến lập nhằm mục đích giúp đỡ lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật. Lục đạo chúng sanh quá khổ, vượt thoát lục đạo quá khó, Ngài dùng phương tiện thiện xảo kiến lập một thế giới mới mẻ như thế. Thế giới Cực Lạc là mới được kiến lập, vì từ khi kiến lập cho đến nay, nói theo phương diện thời gian thì chỉ có mười kiếp. Trong thời gian và không gian vô tận, mười kiếp rất ư ngắn ngủi, nó là một thế giới còn mới toanh! Mục đích nhằm giúp đỡ các chúng sanh trong lục đạo chẳng có cách nào đoạn trừ tập khí phiền não, cũng có thể nói là đức Phật đã kiến tạo một hoàn cảnh tu học vô cùng lý tưởng nhằm tiếp dẫn mọi người về nơi ấy cộng tu. A Di Đà Phật đích thân chỉ dạy, hướng dẫn, Ngài là một vị thầy ở bên ấy. Ở bên đó, không chỉ chẳng thấy tất cả các thứ chướng ngại cám dỗ, mê hoặc chúng ta, mà còn chẳng nghe tới [tên gọi của những thứ chướng ngại ấy], hoàn cảnh tốt đẹp lắm! Tuy trong A Lại Da của chính chúng ta có chủng tử bất thiện, nhưng bên ấy chẳng có duyên bất thiện, nhân mà chẳng có duyên sẽ chẳng thể hiện hành, chẳng khởi tác dụng! Do vậy, cõi ấy là một hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất, đức Phật đã dùng thời gian trọn năm kiếp để tạo thành. Tạo thành như thế nào? Nay chúng ta hiểu rõ, nhất là gần đây lại được các nhà Lượng Tử Lực Học chứng thực, xác thực là có thể tạo thành. Trong thời gian năm kiếp, đức Phật dùng nguyện lực tạo thành cõi ấy.

Các nhà khoa học hiện thời cho biết vật chất là chuyện như thế nào? Vật chất do đâu mà có? Vật chất là huyễn tướng sanh bởi ý niệm tích lũy liên tục. Chúng ta thấy kinh Vô Lượng Thọ nói về lịch sử thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật do nguyện lực của bốn mươi tám nguyện, nguyện lực chẳng phải là niệm lực hay sao? Ngài tham phỏng hai trăm mười ức cõi, *“hai trăm mười ức”* là biểu thị pháp, chẳng phải là một con số, mà là tất cả các cõi Phật trong khắp pháp giới hư không giới Ngài đều đã đến thăm, chọn lấy ưu điểm, loại bỏ khuyết điểm. Vì vậy, thế giới của Ngài tổng hợp toàn vẹn những điểm tốt đẹp trong các thế giới của hết thảy chư Phật. Những điều bất thiện trong hết thảy các thế giới chư Phật đều chẳng có, mọi điều tốt đẹp đều có; thế giới ấy là như vậy đó. Chư Phật tán thán, chư Phật hoan hỷ, chẳng có một vị Phật nào không khuyên các hữu tình chúng sanh trong khu vực giáo hóa của chính mình, đều dạy họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến nơi ấy, thành tựu nhanh chóng, thành Phật trong một đời. Tu hành ở nơi khác, thời gian rất dài, nhưng đến chỗ đức Phật ấy rất nhanh chóng; đạo lý là như thế đó. Vì thế, nói pháp môn Tịnh Độ là tri kiến của Phật, câu này nói rất hay! Trì danh niệm Phật là thong dong Trung Đạo, chúng ta tu Trung Đạo như thế nào? Buông vạn duyên xuống, nhất tâm niệm Phật, là tu Trung Đạo. Tới thế giới Cực Lạc là một thế giới Trung Đạo, là một đạo tràng Trung Đạo. Đoạn này giải thích một điều kiện trọng yếu phải hội đủ hòng lìa khổ được vui: Quý vị phải hiểu rõ lý, phải tuân thủ Trung Đạo, đó là trí huệ.

Có trí huệ, không thể chẳng có phước báo. Người thế tục mong cầu phước báo, Phật, Bồ Tát cũng chẳng phản đối. Hai câu tiếp theo nhằm dạy chúng ta tu phước như thế nào? *“Trữ công đức, thị phước điền”* (trữ công đức, chỉ dạy phước điền), hai câu này dạy chúng ta tu phước. *“Trữ”* (貯) là tích chứa, tích trữ, tom góp. Quý vị phải tích đức, chỉ dạy chúng ta về phước điền. Phước điền là gì? Ở đây cũng giải thích rất hay! *“Phước điền giả, phù thế gian chủng đạo chi điền, xưng vi đạo điền, dĩ chi vi dụ”* (Phước điền: Phàm ruộng trồng lúa trong thế gian được gọi là “ruộng lúa”, lấy điều này làm tỷ dụ), đây là tỷ dụ: *“Vị chúng sanh thực phước chi sở”* (là chỗ để chúng sanh gieo phước), đó gọi là *“phước điền”.* Phước phải gieo, gieo bèn gọi là Tu. Nếu là kẻ chẳng biết gieo phước, phước do đâu mà có? Đồng học Tịnh Tông chúng ta nhất định phải hiểu, quyết định chớ nên mê tín, mê tín là sai lầm. Quý vị thấy khá nhiều kẻ vô tri bước vào chùa miếu đốt hương, nghe nói đốt một nén hương giá tiền rất cao, đó là mê tín. Đốt hương để cầu gì? Cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, ban phước cho kẻ ấy! [Nếu nghĩ như vậy thì khác nào đã coi] Phật, Bồ Tát là tham quan ô lại, vì sao? Quý vị đặt điều kiện với các Ngài. Quý vị xem nhé! “Bồ Tát, Ngài phù hộ tôi phát tài, hôm nay tôi kiếm được một trăm vạn, sẽ đem một vạn đồng đến cúng dường Ngài”. Quý vị thấy đó, rất khôn ngoan, ta kiếm được một trăm vạn, ta sẽ đem một vạn đồng biếu cho Ngài, hoàn toàn coi Phật, Bồ Tát như tham quan ô lại, làm sao quý vị có thể cầu phước cho được? Quý vị tạo tội nghiệp ở nơi đó, đã khởi tâm động niệm sai quấy mất rồi! Sao lại hủy nhục Phật, Bồ Tát đến mức ấy? Cho là Phật, Bồ Tát cũng tham tài giống như quý vị! Nếu Phật, Bồ Tát có bản lãnh ấy thì cần quý vị làm quái gì? Vì sao các Ngài chẳng cần một trăm vạn, lại mong một vạn đồng của quý vị? Các Ngài cầm luôn một trăm vạn, chẳng cho quý vị một vạn, há có Phật, Bồ Tát dại dột dường ấy ư? Do tâm thái của chúng ta đã hoàn toàn sai trật, nên luôn là mê tín. Chúng ta cúng dường Phật, Bồ Tát, lễ kính Phật, Bồ Tát, nhằm tỏ bày lòng tôn trọng của chúng ta đối với các Ngài, yêu mến, trân trọng, có cầu khẩn các Ngài điều gì hay không? Chớ nên cầu khẩn mảy may nào! Vì sao? Đó là giả, tục ngữ nói: *“Nê Bồ Tát quá hà, tự thân nan bảo”* (Bồ Tát bằng đất sét qua sông, chính mình khó giữ được), làm sao các Ngài có thể phù hộ quý vị cho được?

Thật sự có thể gia hộ quý vị là biểu thị pháp, quý vị vừa nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, bèn nghĩ ta phải nên học những gì, hiểu đạo lý ấy. Ta trông thấy tượng A Di Đà Phật, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, danh hiệu có ý nghĩa, quý vị quay lại quán tưởng ý nghĩa ấy, bèn đạt được lợi ích. A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác, ta lạy A Di Đà Phật, tôn kính A Di Đà Phật, phải học theo Vô Lượng Giác của A Di Đà Phật, thứ gì ta cũng đều giác chứ không mê, tức là ta đã đạt được lợi ích do A Di Đà Phật ban cho. Ta chẳng nghe danh hiệu Ngài, chẳng thấy hình tượng Ngài, sẽ quên khuấy chuyện này; do vậy, những điều ấy nhằm nhắc nhở ta, mang ý nghĩa như thế đó. Lạy Quán Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát biểu thị lòng đại từ đại bi. Trông thấy Quán Âm Bồ Tát, nghe danh hiệu Quán Âm Bồ Tát, ta liền biết phải đãi người, tiếp vật bằng đại từ đại bi, đó là Bồ Tát gia hộ ta, chứ không phải là Ngài gia hộ quý vị thăng quan phát tài. Thế nhưng ta dùng tâm đại từ bi đãi người tiếp vật, lẽ đâu chẳng phát tài? Há chẳng thể thăng quan? Chắc chắn! Quý vị là người có thiện tâm, quý vị tích đức, tích lũy công đức, sẽ đạt được quả báo ấy, đạo lý là như thế đó. Ngàn vạn phần chớ nên làm chuyện mê tín! Làm chuyện mê tín không chỉ chẳng có phước, mà còn tạo tội nghiệp!

Quý vị thấy các ngôi chùa miếu có cung điện tráng lệ, xa hoa, tạc tượng Phật, Bồ Tát thành kim thân để thờ phụng trong ấy, quý vị đều chẳng biết thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, trên đầu chẳng có nhà cửa. Ngài sống một cuộc đời như thế, chúng ta phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch Ngài sống vô cùng đơn giản, có một túp lều tranh nhỏ tí là đủ rồi! Tâm Phật là vì hết thảy chúng sanh *“điều chúng sanh, tuyên diệu lý”*,làm chuyện ấy! Chúng ta thật sự nghe hiểu rõ ràng những lời lão nhân gia đã giảng, nghe thông hiểu, y giáo phụng hành, đó là “chân cúng dường”. Do vậy, chẳng biết là trong kinh điển đã nói bao nhiêu lượt, dùng bảy báu [tràn ngập] đại thiên thế giới để cúng dường, vẫn chẳng bằng vì người khác diễn nói bốn câu kệ. Đối với bốn câu kệ trong kinh Phật, “diễn” là ta làm được, biểu diễn cho người khác thấy, ta giảng cho người khác nghe, công đức ấy vượt trỗi sự cúng dường bằng bảy báu đầy ắp khắp đại thiên thế giới. Chẳng biết lời này đã được nói bao nhiêu lần, nhưng chúng ta đều quên sạch sành sanh, vẫn tạc đắp kim thân, dựng chùa to miếu lớn, ngỡ là có phước, tưởng chính mình có công đức, sai mất rồi! Thuở trước, Lương Võ Đế đã vì Phật pháp kiến tạo bốn trăm tám mươi tòa tự miếu, cúng dường mười mấy vạn người xuất gia, đến gặp Đạt Ma Tổ Sư, khoe khoang công đức. Vua bảo Đạt Ma Tổ Sư: “Ngài xem trẫm làm những chuyện ấy, công đức có to hay không?” Đạt Ma Tổ Sư nói một câu thật thà, bảo nhà vua: “Trọn chẳng có công đức gì!” Ngay lập tức nhà vua cụt hứng, đúng như câu nói: *“Thoại bất đầu cơ bán cú đa”* (nói chuyện chẳng hợp ý, nửa câu đã cảm thấy quá nhiều), bèn sai tiễn khách, sau đấy chẳng gặp mặt nữa. Đạt Ma Tổ Sư nói lời thật, chẳng phải là lời giả, nhưng nhà vua nghe chẳng hiểu. Cách tu của nhà vua nhằm đạt được phước báo nhân thiên, chẳng dính líu gì đến công đức. Công đức có thể giúp quý vị liễu sanh tử, thoát tam giới, tu phước chỉ là phước báo trong nhân gian cho đời sau hoặc đời kế tiếp mà thôi, chớ nên không biết điều này. Vì lẽ đó, đức Phật đã vì chúng ta thị hiện, biểu diễn tích trữ công đức như thế nào.

*“Hiện”* (現) là thị hiện, nêu gương, tiếp nhận tứ chúng đồng tu cúng dường, đó là cúng dường bằng vật chất, điều này gọi là Thị (示: chỉ bày). Quả báo của kẻ ấy là *“sanh thế gian phước thiện, như điền sanh vật, cố vân phước điền”* (sanh ra phước thiện thế gian, như ruộng sanh ra sản vật, nên gọi là phước điền). Do Tam Bảo là phước điền, chúng ta dùng tài vật cúng Phật, cúng Pháp, cúng Tăng, nhưng quý vị phải hiểu: Đối tượng ta cúng dường phải là phước thật sự thì mới được! Hiện nay, Phật, Pháp, Tăng đều có thứ giả, có kẻ giả mạo, quý vị phải nhận biết rõ ràng. Nếu quý vị cúng dường thứ giả, giả là như thế nào? Kẻ giả danh ấy phá hoại Phật pháp, tối thiểu là kẻ ấy phá hoại hình tượng Phật pháp, phá hoại hình tượng của Phật giáo, nhưng quý vị vẫn cúng dường kẻ ấy, tức là quý vị tạo tội nghiệp, chẳng phải là tu phước, mà là đang tu ác báo! Điều này rất đáng sợ! Tam Bảo chân chánh thì thuở đức Phật tại thế thuần chân vô vọng, [đó là] chánh pháp của Phật, Tượng Pháp còn giống chánh pháp, hiện thời là thuở Mạt Pháp. Mạt Pháp bao lâu? Mạt Pháp đã một ngàn năm rồi; trong một vạn năm của thời Mạt Pháp, hãy còn chín ngàn năm sau nữa. Nói theo cổ đại đức Trung Quốc, năm nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, cũng có nghĩa là thời Mạt Pháp đã trải qua một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, thời kỳ Mạt Pháp đã dần dần suy rồi!

Tôi học Phật, Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, dặn dò tôi hãy học Thích Ca Mâu Ni Phật. Những cuốn sách đầu tiên Ngài dạy tôi đọc là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí. Lão nhân gia nói: “Anh muốn học Phật thì trước hết phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, anh sẽ chẳng bị lạc đường”. Sau khi đọc các sách ấy, tôi mới biết hành trạng suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật: Ngài xuất thân vương tộc, cha là quốc vương, mười chín tuổi bỏ ngôi vua, bỏ đời sống phú quý trong hoàng gia, đi ra ngoài học đạo, đi tham học. Học suốt mười hai năm, ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ bèn giáo học, giảng kinh giáo học, bảy mươi chín tuổi nhập diệt. Ngài giảng kinh giáo học bốn mươi chín năm, thọ bảy mươi chín tuổi. Ngài mất lúc bảy mươi chín tuổi. Vì vậy, trong kinh thường nói: *“Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm”*. Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời vì chúng ta thị hiện tấm gương này, suốt đời chẳng kiến lập đạo tràng, quanh năm ở dưới gốc cây, đêm nghỉ dưới cội cây. Cả đời là cuộc sống du hóa, chẳng ở chỗ nào nhất định. Hôm nay ở nơi đây, ngày mai sang phương khác, sống cuộc đời du hóa, chẳng định cư. Cho thấy Ngài thật sự triệt để buông xuống, thứ gì cũng chẳng cần, chỉ có một mục đích là mong mỏi chúng sanh đều giác ngộ, hy vọng chúng sanh đều lìa khổ, hy vọng chúng sanh đều được vui. Suốt đời đức Phật là một mục tiêu và một nguyện vọng như thế, trừ điều ấy ra, chẳng mong cầu gì cả!

Lão giáo sư Phương Đông Mỹ đã bảo tôi, tôi học Triết với thầy, thầy dạy: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”.* Lúc đó, tôi mới sửa đổi những quan niệm sai lầm về tôn giáo trong quá khứ. Tiếp xúc Phật pháp, thầy lại bảo tôi: *“Hiện thời, triết học trong kinh Phật chẳng ở nơi chùa miếu”.* Tôi hỏi: “Ở nơi đâu ạ?” *“Trong kinh điển. Anh muốn học Phật, phải học từ kinh điển”.* Trong quá khứ, chùa miếu thật sự tượng trưng cho Phật pháp, những người xuất gia trong chùa miếu đều có đức hạnh, có học vấn, thật sự là những vị lỗi lạc; nhưng hiện thời, người xuất gia chẳng học, không còn học tập kinh điển nữa. Chúng ta học Phật thì phải học từ kinh điển. Lời chỉ dạy ấy hết sức trọng yếu. Nếu thầy không nói trước như vậy, tôi đến chùa miếu quan sát, vừa nhìn liền thấy chẳng đúng, sẽ hoài nghi thầy. Do vậy, chỉ dạy ấy hết sức chánh xác. Vì lẽ đó, nay chúng ta muốn gieo phước điền, phải thật sự biết phước điền ở chỗ nào. Chúng ta thấy trong thế gian có rất nhiều kẻ đói nghèo, bệnh tật, họ mê chứ chẳng giác, chúng ta phải giúp đỡ họ. Đó là gieo phước điền, cứu khổ, cứu nạn. Cúng dường vật chất là tích một chút phước đức, nhưng điều trọng yếu nhất chớ nên quên là phải giúp cho người khác giác ngộ. Chúng ta tặng kẻ ấy một ít vật chất, kẻ ấy rất vui vẻ, rất cảm ơn. Do rất cảm kích, kẻ ấy sẽ rất dụng tâm, ngồi xuống nghe quý vị nói mấy câu. Quý vị phải nói với kẻ ấy, tối thiểu phải cho kẻ ấy biết “vì sao chúng ta khổ như thế, khổ là do tạo tác nghiệp bất thiện cảm vời, chúng ta làm thế nào để thoát ly nghèo khổ” thì chúng ta sẽ thật sự tu tập, tích lũy phước đức.

Thí dụ như chúng ta chẳng có tiền, là kẻ cùng khổ, khi ấy tôi cũng thị hiện như thế. Thuở trẻ, tôi rất nghèo túng, cuộc sống của chính mình vô cùng gian nan. Chương Gia đại sư thấy tình cảnh ấy, biết tôi trong đời quá khứ chẳng tu phước, đời này đáng phải hứng chịu khổ sở, bèn dạy tôi tu tài bố thí. Tôi thưa cùng thầy: “Cuộc sống của con cũng rất khó khăn, con lấy đâu ra tiền để bố thí?” Thầy hỏi tôi: “Một cắc có hay không?” “Dạ, một cắc thì được! Vẫn còn được” “Một đồng có được hay không?” “Một đồng miễn cưỡng thì vẫn còn được!” “Anh phải có tâm bố thí. Hãy bắt đầu bố thí từ một cắc, một đồng, anh phải thật sự làm”. Tôi rất nghe lời, vì tuổi thầy ngang với ông nội tôi, rất thương yêu bọn trẻ chúng tôi. Chúng tôi rất cảm ơn, nghe lời, bắt đầu bố thí bằng một hai cắc. Thí một hai cắc theo cách nào? Thuở ấy chúng tôi đến chùa, trước kia chẳng đặt chân đến chùa, [nay] đến chùa miếu để làm gì? Tìm kinh sách để đọc. Vì chẳng thể mua kinh sách ngoài chợ, chỉ có trong chùa miếu là có, nên đến chùa miếu để tìm kinh sách đọc. Trong chùa miếu có in kinh, họ cầm một danh sách đi quyên tiền, chẳng câu nệ bao nhiêu, một hai cắc cũng được. Chúng tôi có thể bỏ ra đôi chút, lại còn có phóng sanh, trong chùa miếu thường làm chuyện này. Có cứu tế, mọi người quyên ra một chút tiền, chúng tôi tùy hỷ một hai cắc, hoặc một đồng, chút ít như thế. Thường xuyên làm, thường là hễ gặp dịp bèn thật sự phát tâm làm. Làm ba bốn năm bèn thật sự hữu hiệu, thâu nhập nhiều hơn, có nhiều bèn làm nhiều hơn!

Phật pháp nói chuyện này là *“càng thí, càng nhiều”*; càng nhiều càng phải thí, chớ nên tích trữ, tích cóp của cải, đạo bị chôn vùi. Vì lẽ đó, “tài” được gọi là *“thông hóa”* (hàng hóa lưu thông), giống như nước chảy, bên kia chảy ra, bên này rót vào, bên kia chẳng thông thì bên này cũng chẳng thể rót vào. Do đó, cổ nhân gọi nó là “thông hóa”. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, có bao nhiêu bèn thí bấy nhiêu, càng thí càng nhiều. Đúng như Khổng phu tử đã nói: *“Thất thập tùy tâm sở dục, bất du củ”* (bảy mươi tuổi bèn thuận theo lòng muốn, chẳng vượt khỏi quy củ). Khổng phu tử đạt đến cảnh giới ấy. Tôi lúc bảy mươi tuổi cũng chẳng sai biệt cho mấy! Khi bảy mươi tuổi, gần như tâm tưởng sự thành, muốn làm chuyện gì cũng đều thành công, muốn bao nhiêu tiền thì chẳng biết do đâu mà có, làm xong chuyện thì món tiền ấy cũng [vừa khít] chẳng nhiều, chẳng ít, tâm tưởng sự thành! Quý vị nói xem có tự tại lắm hay không! Chân lý Phật giáo, không chỉ là đạo lý, mà còn là chân lý, chỉ cần quý vị thực hiện, nhất định có hiệu quả, đúng là *“có cầu ắt có ứng”.* Đúng như Chương Gia trước kia đã dạy chúng tôi: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng* (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). “Khi anh có cầu, nhưng chẳng có cảm ứng thì chẳng phải là không ứng, mà là do chính anh có nghiệp chướng. Nếu anh tiêu trừ nghiệp chướng, cảm ứng sẽ hiện tiền”, thầy dạy như vậy. Tiêu trừ nghiệp chướng ra sao? Thầy dạy hãy sám hối, sám hối chẳng phải là đối trước Phật, Bồ Tát hối lỗi, chẳng phải vậy. Thầy nói đó là hình thức, phải thật sự hối lỗi. Hình thức không trọng yếu, thực chất là trọng yếu, thực chất là gì? Thực chất là không tái phạm lầm lỗi, sau này chẳng làm nữa. Biết bản thân sai quấy, sau này chẳng còn phạm lỗi giống như vậy nữa. Đó là “chân sám hối”, sẽ hữu dụng, có thể giúp cho quý vị hễ cầu ắt ứng. Nếu sám hối trên hình thức, khóc ròng, ứa lệ sám hối, nhưng ngày mai vẫn làm như vậy; đó là giả, vô ích, chẳng thể có cảm ứng. Vì vậy, chúng ta hiểu: Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức! Thật sự sám hối là sau này không tái phạm. Phạm lỗi chỉ có một lần, chớ nên lặp lại thì mới có thể thành tựu đức hạnh của chính mình, mới có thể khôi phục sự thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là chân tâm của chúng ta, quả đức là trí huệ, vô lượng thọ, trang nghiêm, [những điều ấy] đều ở trong tựa đề kinh này.

Tiếp theo, *“Chân Giải viết: Phước điền giả, cúng dường Như Lai, sở thí tuy thiểu, hoạch phước hoằng đa”* (Sách Chân Giải giảng: “Phước điền là cúng dường Như Lai, tuy bố thí ít mà đạt được phước rộng nhiều”). Tự tánh thanh tịnh, bình đẳng, giác của Như Lai, cũng chính là như chúng ta thường nói *“cúng dường Tam Bảo”.* Ở đây chẳng dùng chữ Tam Bảo, mà nói là Như Lai, Như Lai là Tánh Đức. Tuy bố thí ít, được phước rất lớn, quý vị đạt được đại phước báo. Chúng tôi thấy trong Liễu Phàm Tứ Huấn có một câu chuyện nhỏ, có một cô bé sanh ra ở nông thôn, gia đình hết sức khốn khó. Có một hôm, cô đến chùa, trên người chỉ có hai đồng, xưa kia là hai đồng tiền đúc bằng đồng. Tâm cô chân thành, cung kính, đem hai đồng ấy cúng dường Tam Bảo. Hòa thượng trụ trì ngôi chùa ấy thấy cô rất kiền thành, bèn hồi hướng cầu phước cho cô. Cô bé ấy rời đi, về sau được tuyển vào hậu cung, làm phi tử của hoàng đế, tức là hoàng phi. Trải qua rất nhiều năm, nhớ tới năm xưa đến chùa ấy cúng dường hai đồng tiền, lần này báo ơn Phật, cô ta có phước báo to như thế, làm hoàng phi, bèn mang một ngàn lượng hoàng kim đến chùa cúng dường Tam Bảo. Cúng dường xong xuôi, lão hòa thượng vẫn còn sống. Lão hòa thượng sai một đồ đệ hồi hướng cho cô. Hoàng phi rất bực bội: “Mười mấy năm trước, ta cúng dường hai đồng ở nơi đây, lão hòa thượng đích thân hồi hướng cho ta. Nay ta mang nhiều vàng bạc, của cải đến cúng dường như vậy, cớ sao ông ta chỉ sai một đồ đệ [hồi hướng qua loa] cho xong chuyện?” Vì thế, bà ta chất vấn lão hòa thượng. Lão hòa thượng bảo bà ta: “Trong quá khứ, khi còn bé, bà cúng hai đồng ấy với tấm lòng chân thành nên mới có địa vị như ngày nay, mới làm hoàng phi. Hiện thời, tuy mang nhiều thứ đến cúng dường như thế, nhưng phước báo chẳng bằng lần trước, phước báo của bà rất nhỏ!” Quý vị thấy tâm ngạo mạn, chẳng có chút khiêm hư, khiêm đức nào! Bà ta vẫn còn khá lắm, vẫn còn có thể tiếp nhận, nên mới thật sự sám hối tạ tội. Do vậy, bố thí được phước báo nhiều hay ít, chẳng do vật phẩm cúng thí nhiều hay ít, mà do tâm chân thành, cung kính của quý vị. Thuở ấy, chân thành, cung kính, trong tâm chẳng mong cầu gì, nên được phước báo to dường ấy. Vì thế, đối với chuyện cúng dường Tam Bảo, chúng ta cần phải biết [như vậy].

Hiện thời, chúng ta cúng dường Như Lai như thế nào? Hiện tại cúng dường, nếu bảo là dựng chùa thì quý vị dựng một ngàn ngôi chùa, chẳng bằng bồi dưỡng một pháp sư giảng kinh! Người có thể hoằng đạo, chẳng phải là đạo có thể hoằng người. Thấy những vị pháp sư tuổi trẻ mới xuất gia, thật sự có đạo tâm, quý vị phải phát tâm chăm sóc người ấy; trong tương lai người ấy thành tựu, quý vị có phước báo to lớn, chẳng thể nghĩ bàn! Tôi suốt đời cảm kích Hàn Quán Trưởng, bà ta hộ trì tôi ba mươi năm. Không được bà ta chăm sóc ba mươi năm, tôi chẳng có thành tựu như hiện thời. Không được bà ta chăm sóc ba mươi năm, chắc là tôi đã hoàn tục. Vì thuở ấy, tôi bị ép đi theo hai con đường: Chẳng hoàn tục thì phải theo đuổi kinh sám. Trong chùa miếu không cần pháp sư giảng kinh, chúng tôi tìm một chỗ để ở cũng tìm không ra, họ không cho quý vị quải đơn! Nếu chúng tôi vứt bỏ chuyện giảng kinh để làm kinh sám Phật sự, mỗi đạo tràng đều hoan nghênh. Ngày nay là thời đại như vậy. Do vậy, chúng ta biết: Nếu thật sự có một nơi nho nhỏ, chẳng cần quá lớn, một cái lều tranh nhỏ là được rồi, càng đơn giản càng hay, có thể dưỡng đạo tâm. Cuộc sống vật chất quá tốt đẹp, đạo tâm chẳng còn nữa. Đức Phật dạy chúng ta, *“lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy”*, không thể trì giới, chẳng thể chịu khổ, làm sao kẻ ấy có thành tựu cho được!

Thật sự chịu khổ, có thể trì giới, có thể y giáo phụng hành, nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh giáo học. Ngài tham học mười hai năm, quảng học đa văn, nhằm nêu gương cho những kẻ mà hiện thời chúng ta gọi là “thành phần trí thức”. Thật sự thâm nhập kinh tạng, chỉ cần một bộ kinh. Một kinh thông, hết thảy kinh thông. Nếu quý vị dùi mài chẳng bỏ một bộ kinh, đổ công sức trên dưới mười năm, sẽ thành tựu. Quý vị nói một bộ kinh Vô Lượng Thọ này, nếu quý vị đọc và giảng mười năm. Sau mười năm, quý vị chính là Vô Lượng Thọ Phật sống trong thế gian này, công đức to lớn! So với kiến tạo một trăm ngôi chùa hay kiến tạo một ngàn ngôi chùa, công đức vẫn to lớn hơn, vì Phật giáo đã được kế thừa. Có chùa mà chẳng có đạo, chẳng thể hưng thịnh giáo pháp. Vì vậy, hiện thời có đạo tràng, tôi luôn kính khuyên mọi người: Đối với những người trẻ tuổi, thấy họ thật sự có thiện căn, biết nghe lời, phải khuyên kẻ ấy dạy học. Cơ sở học tập rất đơn giản, trước hết hãy dành ra một năm để hoàn thành ba cội rễ của Nho, Thích, Đạo, vun quén cội rễ vững vàng, tức là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp nhất định phải làm được, đấy là lấy giới làm thầy. Quý vị chẳng làm được những thứ ấy sẽ vô dụng, giả trất! Dẫu có học vấn, mà chẳng có đức hạnh, chẳng thể làm thầy người khác được!

Vun quén ba cội rễ ấy, [nghiên cứu, tu tập] một bộ kinh. Hiện nay rất thuận tiện, nếu quý vị muốn nghe kinh, chúng ta thâu thành đĩa CD/DVD, quý vị nghe đi nghe lại bộ đĩa ấy, đừng nên thay đổi, suốt mười năm nghe một bộ kinh. Hiện thời, mỗi buổi giảng của chúng tôi là hai giờ đồng hồ, quý vị mỗi ngày nghe một buổi giảng, nghe năm lần là mười tiếng. Quý vị lấy bộ đĩa CD này, mỗi đĩa là hai tiếng đồng hồ, nghe xong một lần, lại nghe lần thứ hai, lại nghe lần thứ ba, nghe năm lần, mỗi ngày mười tiếng, thời gian còn lại là niệm Phật. Một ngày mười tiếng, quý vị nghe suốt mười năm bèn thông suốt. Chúng tôi thường nói là nghe ba bốn năm, quý vị sẽ đắc Niệm Phật tam-muội; sáu, bảy năm quý vị có thể khai ngộ. Tới lúc đó, quý vị đã thông suốt một bộ kinh này, hết thảy các kinh, các kinh chưa học qua, quý vị vừa mở ra xem đều hiểu. Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông, tốn thời gian mười năm bèn thành tựu. Mười năm ấy rất khổ sở, nhưng quý vị phải thật sự chịu khổ. Chẳng thể chịu khổ mười năm thì thôi rồi! Tâm vô nhị dụng, nhất tâm nhất ý chuyên dồn công sức nơi một bộ kinh, ai nấy đều có thành tựu. Ai là nhân tài? Ai cũng đều là nhân tài, chỉ cần chịu vun bồi vững bền ba căn cội, chịu bỏ công sức mười năm thâm nhập một môn nơi kinh Vô Lượng Thọ.

Lần này tôi cũng do thấy tai nạn rất nhiều, Phật pháp suy vi, tôn giáo sa sút, bèn tạm ngừng giảng kinh Hoa Nghiêm một năm để giảng bộ kinh này cặn kẽ một lượt, hòng dành cho những người thật sự muốn học [có tài liệu để] tham khảo. Thật sự muốn học, chẳng cần phải theo tôi, thân cận tôi vô dụng! Quý vị lấy bộ đĩa này, sẽ hữu dụng. Tôi dạy quý vị phương pháp này, quý vị thật sự chịu làm theo, sau mười năm sẽ vượt trỗi người khác. Cổ nhân Trung Quốc đã nói: *“Thập tải hàn song, nhất cử thành danh”* (mười năm quạnh quẽ, thi đậu bèn thành danh), chẳng có ai không thành tựu. Mười năm có thể thành tựu mấy vị pháp sư giảng kinh chân thật, đúng lý, đúng pháp, công đức ấy chẳng biết to lớn cỡ nào! Công đức ấy chẳng khác gì cúng dường A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật, chớ nên không biết điều này. Nhân tài là bậc nhất. Nếu chẳng có nhân tài thì thứ gì cũng đều là giả, phải biết điều này! Thật sự cúng dường nhân tài, tốn kém vô cùng ít ỏi, vì sao? Người ấy chịu khổ, chẳng cần rất nhiều cúng dường vật chất, chỉ cần một hoàn cảnh an định là có thể thành tựu. Chính mình gắng học, tôi tin tưởng người ấy học ba năm đã có thể giảng. Khi có thể giảng là đối nội, chẳng cần đối ngoại, náu mình ẩn tích. Chớ nên cầu nổi tiếng, hễ có tiếng tăm sẽ có phiền phức, thôi rồi! Chắc chắn quý vị đã sa sẩy, đọa lạc rồi. Sau mười năm hãy đối ngoại, trong vòng mười năm chẳng được phép đối ngoại. [Giảng cho] mấy đồng tham đạo hữu trong nhà, một hai người, ba người cũng được. Đó gọi là thật sự bồi dưỡng nhân tài.

Chúng tôi nói đến cúng dường Như Lai, bố thí tuy ít, được phước rộng nhiều. Kế đó là tỷ dụ, *“do như lương điền, sở chủng tuy thiểu, thâu thật thậm đa”* (Giống như ruộng tốt, tuy trồng ít mà thâu hoạch được thật nhiều hạt). Đúng là có ý nghĩa ấy! Quý vị có thể đạt được phước báo rất lớn, người như thế phát cái tâm ấy, chính là người tiếp nối huệ mạng Phật, thật sự giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Trong Bồ Tát Bổn Hạnh Kinh có hai câu: *“Sở dĩ Phật vi phước điền, trữ vô thượng công đức cố”* (sở dĩ Phật là phước điền, vì Ngài chất chứa công đức vô thượng). Vì thế, ta biết: Kẻ không tin Phật thì làm sao tu phước được? Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã dạy một câu: *“Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”.* Quý vị chẳng học Phật, làm sao có thể hưởng thụ cao nhất? Những câu này chúng ta phải thường ghi nhớ.

*“Dĩ thượng chư thích”*, tức là các lời giải thích trên đây, *“giai dữ kim kinh tương khế”* (đều khế hợp bộ kinh này), tương ứng với những điều được nói trong bộ kinh này. *“Hựu Câu Xá Luận hữu tứ phước điền”*, [nghĩa là: Lại nữa], Câu Xá Luận nói có bốn loại phước điền:

- Thứ nhất là *“thú điền, súc sanh”.* Chẳng tổn hại súc sanh, yêu thương súc sanh. Đó là gieo phước, [tức là gieo phước đối với] ác đạo.

- Loại thứ hai là *“khổ điền, bần cùng khốn khổ chi nhân”* (khổ điền, tức người nghèo túng, khốn khổ), phải phát tâm chiếu cố họ.

- Thứ ba là *“ân điền”*, ân điền là cha mẹ. Phải hiếu dưỡng cha mẹ.

- Thứ tư là *“đức điền”*, *“đức điền”* là thầy. *“Tam thừa chi hiền thánh”* (hiền thánh trong tam thừa), Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát. Những vị này đều đang giáo hóa chúng sanh trong thế gian, đều mang thân phận thầy. Đó là nói phước điền theo nghĩa rộng.

Trong Đệ Tử Quy có nói: *“Phàm thị nhân, giai tu ái”* (hễ là người đều phải thương yêu). Yêu thương con người là phước, hại người là tội, quyết định chớ nên hại người. Không chỉ chớ nên hại người, mà cũng đừng nên hại vật. Quý vị thấy quý vị ngược đãi súc sanh là tội, hiện thời do tạo tội quá ư nặng nề, nên thế giới mới có lắm tai nạn dường ấy. Quý vị thấy súc sanh bị đối đãi ra sao? Súc sanh có thể nào chẳng báo thù ư? Trước kia, nhà nông nuôi gia súc, chẳng hạn như nuôi một con gà, chăm sóc, yêu thương nó, đến khi nào mới giết? Ít nhất là từ nửa năm cho đến mười tháng, nó thật sự trưởng thành. Hiện nay, một con gà, chúng ta đến trại nuôi gà mà xem, con gà được sanh ngay trong lồng, suốt đời nó chẳng hề được chạy tung tăng trên mặt đất, cả đời giống như bị giam trong lao ngục, nó mang tâm tình gì? Một mảy tự do cũng chẳng có! Hằng ngày cho nó ăn, dùng đèn chiếu sáng, nó không thể ngủ, hòng vỗ béo nó. Vỗ béo bao lâu thì có thể đem bán? Hai tuần! Hai tuần đã vỗ béo xong. Nó ăn gì? Ăn các thực phẩm hóa học để thúc nó béo nhanh, thịt như vậy có thể ăn vào hay không? Sau khi quý vị ăn vào, sẽ bị bệnh. Đó là đối xử với động vật quá thiếu nhân đạo! Nuôi một con lợn, hai tháng đã bán được. Trước kia, nông dân nuôi lợn phải mất một năm, nuôi lợn đến tháng Chạp mới bán, vào dịp Tết mới giết. Nay quý vị thấy đó, lợn là hai tháng, gà, vịt là hai tuần, ngược đãi động vật, lẽ nào quý vị chẳng có lỗi đối với chúng? Vì thế, tâm tình chúng nó chẳng tốt, tham, sân, si rất nặng, nên chúng có chất độc, trong thịt của chúng có chất độc. Sau khi quý vị ăn vào, sẽ mắc phải các chứng bệnh kỳ quái, tức là chúng báo thù quý vị, chớ nên không biết điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 54 hết**

Tập 109Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm hai mươi chín, dòng thứ bảy, xem từ câu cuối cùng: *“Hựu Câu Xá Luận hữu tứ phước điền”*, (lại nữa, Câu Xá Luận nói có bốn loại phước điền), xem từ chỗ này.

*“Nhất, thú điền, súc sanh dã”* (Một là thú điền, tức súc sanh). *“Trữ công đức, thị phước điền”*,câu kinh văn này chỉ dạy chúng ta phải tu phước. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói *“phước điền tâm chủng”* (vun trồng cái tâm phước điền), chúng ta nhất định phải giữ thiện tâm, phải có thiện ý đối đãi hết thảy hữu tình chúng sanh. Nếu chúng ta có thể đối đãi súc sanh bằng lòng thương yêu, che chở, đương nhiên sẽ chẳng thể hại người. Do vậy, trong bốn loại phước điền, Câu Xá Luận xếp súc sanh đầu tiên rất hữu lý. Chẳng hạn như đối với muỗi, trùng, kiến mà chúng ta đều yêu thương, che chở, chẳng tổn hại chúng nó, đương nhiên sẽ chẳng gây tổn thương cho những loài động vật lớn, đó là đạo lý nhất định. Tiểu động vật mà quý vị đều yêu thương, che chở, sẽ chẳng làm hại loài to hơn, càng chẳng thể tổn thương, làm hại loài người. Dụng ý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết.

Thứ hai là *“khổ điền”*: Thấy kẻ bần cùng, khốn khổ, chúng ta nhất định phải tận tâm tận lực giúp đỡ họ. Chưa đủ sức, người khác bần cùng, khốn khổ, ta cũng bần cùng, khốn khổ, ta chẳng thể giúp kẻ ấy về tài lực thì cũng nên tụng kinh, niệm Phật hồi hướng, cầu phước cho kẻ ấy hòng giúp đỡ kẻ ấy. Nếu có duyên phận có thể tiếp xúc với họ, phải giảng rõ ràng, minh bạch những đạo lý sau đây: Vì sao một đời này chúng ta gặp cảnh bần cùng, khốn khổ? Đó là quả báo. Quả nhất định phải có nhân, chúng ta thật sự có thể tìm ra cái nhân, tiêu trừ từ cái nhân, quả báo sẽ được thay đổi tốt đẹp hơn. Trong các kinh điển giảng về nhân quả, những chuyện này được giảng rất tỉ mỉ, rất rõ ràng. Kinh phổ biến nhất mà chúng ta đều có thể xem là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo Gia, trong ấy đã nêu ra thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo, tổng cộng một trăm chín mươi lăm điều. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ một trăm chín mươi lăm điều ấy, đều có thể thực hiện được, trong một đời này, chúng ta sẽ thật sự lìa khổ được vui. Chúng ta hãy đối chiếu những khổ nhân đã nói trong ấy với những khổ báo [trong hiện thời] của chúng ta, sẽ tìm được cái nhân để sửa đổi nó. Chẳng có cách nào sửa đổi quả, vì nó đã chín muồi, nhưng có thể thay đổi nhân. Nếu ta không tạo cái nhân ấy, cái quả ấy sẽ dần dần chẳng còn hiện tiền nữa. Chúng ta mong có quả báo tốt đẹp, nhất định phải tạo nhân tốt đẹp.

Thời cổ, giáo dục chẳng phát triển như hiện thời, tôi nói lời này cũng phạm khuyết điểm, vì sao? Thời cổ thật sự có giáo dục! Tuy hiện thời, trường học rất nhiều, nhưng chẳng phải là giáo dục, chẳng giống như giáo dục vào thuở xưa tại Trung Quốc. Vào thời cổ, trường học ở Trung Quốc là giáo dục, tốt đẹp mọi lẽ, dạy quý vị làm người như thế nào, làm một người tốt ra sao. Đó là giáo dục. Mục đích giáo học trong giáo dục truyền thống của Trung Quốc chính là ba cương lãnh đã được giảng rất minh xác, rất rõ ràng trong sách Đại Học, mục đích giáo dục là đâu? Ở trong *“minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện”*, đó là mục đích giáo dục thuở trước. Nói đơn giản hơn một chút, dùng một chữ để nêu rõ thì sẽ là như Tam Tự Kinh đã nói: *“Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”*, mục đích giáo dục là khiến cho chúng ta trở về bổn thiện; đấy là mục đích giáo dục của Trung Quốc trước kia. Hiện thời, chẳng thể tìm được một nền giáo dục như vậy, chẳng còn nữa! Giáo dục hiện thời là [chú trọng rèn luyện] kỹ thuật, kỹ năng, giúp quý vị kiếm được một việc làm trong xã hội hòng mưu sinh, lấy đó làm mục đích. Nói cách khác, nhằm mục đích kiếm lợi, ích kỷ, lấy kiếm lợi làm mục đích, hoàn toàn tương phản thời cổ. Người xưa đọc sách *“chí tại thánh hiền”* (chí mong thành thánh, thành hiền), vì sao ta đọc sách? Ta mong làm thánh nhân hay làm hiền nhân, thánh hiền là trở về bổn thiện. Mục đích học hành khác nhau.

Mưu sinh trong xã hội chẳng trọng yếu! [Cổ nhân quan niệm] “trời đã sanh ra ta, đương nhiên ta sẽ có cái ăn, chẳng bị chết đói, làm người mới là quan trọng”. Quý vị thấy hiện thời, trong xã hội hiện tại, những người trẻ tuổi biết làm việc, chứ không biết làm người. Giáo dục thời cổ là vừa biết làm người vừa biết làm việc. Vì sao? Trước hết, dạy quý vị làm người rồi mới dạy quý vị làm việc. Làm người chẳng xong, chẳng cần nói tới làm việc nữa! Từ Luận Ngữ, quý vị thấy Khổng lão phu tử dạy học trò những gì? Thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba mới là chánh sự, *“chánh sự”* (政事) là khả năng làm việc. Trong tương lai, quý vị muốn theo đuổi một nghề nghiệp nào, sau khi học xong, quý vị có thể kiếm sống. Đức hạnh và ngôn ngữ được xếp trước, cuối cùng mới là văn học, văn học là nghệ thuật, nhằm nâng cao phẩm chất cuộc sống của chính mình. Đó là chuyện cuối cùng. Người hiện thời gọi điều này là *“giá trị quan”* (cách nhận định giá trị), thời cổ chẳng có danh từ này. Giáo học thời cổ theo giá trị quan nào? Giá trị quan của thánh hiền, giá trị quan của quân tử. Hiện thời điên đảo, người hiện tại chỉ cần học sao cho có khả năng kiếm tiền là được rồi, chẳng cần học làm người, nên xã hội rối loạn. Xã hội vừa loạn, địa cầu liền bị bệnh. Quý vị thấy chánh báo của chúng ta xuất hiện vấn đề, y báo bèn trục trặc theo! Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Hoàn cảnh sống chẳng tách rời địa cầu, trong một hai năm qua, các thứ tai biến trên địa cầu chưa hề thấy trong lịch sử quá khứ. Có người hỏi vì sao biến thành nông nỗi này? Trong kinh Phật đã có câu trả lời: *“Y báo chuyển theo chánh báo”.* Câu trả lời ấy của đức Phật hay quá, đã làm sáng tỏ mọi nghi vấn, lo âu của quý vị. Vì sao biến thành nông nỗi ấy? [Y báo] chuyển theo chánh báo của quý vị, chánh báo là gì? Ý niệm. Ý niệm của chúng ta bất thiện, chẳng biết tu phước, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, không gì chẳng phải là tội, giống như kinh Địa Tạng đã dạy. Chúng ta tạo những gì thì sẽ hứng chịu những thứ ấy, chớ nên không biết điều này! Không chỉ Nho, Thích, Đạo tại Trung Quốc giảng đạo lý này, chúng ta quan sát cẩn thận, gần như trong kinh điển của các đại tôn giáo trên thế giới đều giảng điều này. Thiện tâm, thiện hạnh sẽ có thiện báo, tâm hạnh bất thiện sẽ mắc ác báo. Đối với cá nhân, [ác báo] nhỏ là thân thể chúng ta nhiễm bệnh, bị bệnh khổ, đó là nhỏ; [ác báo] lớn sẽ biến thành tai nạn. Nếu đại đa số người trong xã hội tạo tác bất thiện, vấn đề sẽ nghiêm trọng. Kẻ tạo tác bất thiện rất đông, người thật sự hành thiện gần như tìm không ra, vấn đề bèn nghiêm trọng.

Hiện thời, các nhà khoa học đã đưa ra một thông tin, cho biết họ đã phát hiện một số chân tướng trong vũ trụ hiện tại. Chúng tôi đang mong sẽ có cách chứng thực. Nếu [những thông tin ấy] là thật, sẽ đem lại hy vọng rất lớn cho chúng ta. Các nhà Lượng Tử Lực Học phát hiện, theo phát hiện mới nhất [của họ] thì những thứ được chúng ta gọi là “vật chất” chẳng phải là vật chất thật sự. Bản chất của vật chất là gì? Họ phát hiện bản chất của vật chất là ý niệm của con người, chúng là huyễn tướng do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra. Thông tin này hay lắm. Nếu thông tin này là thật, chúng ta sẽ có thể hóa giải các tai nạn trên địa cầu. Vì sao? Chúng do ý niệm biến ra! Chúng ta biết điều này giống như kinh Phật đã dạy, vì sao y báo xảy ra chuyện? Do ý niệm của chúng ta bất hảo, bất thiện. Trong Phật pháp, thiện và ác có tiêu chuẩn rất rõ ràng! Thập Ác là bất thiện, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham lam, sân hận, ngu si, mười điều ấy là bất thiện. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tương ứng với mười điều ấy, đối với chính mình mà nói, luận theo Trung Y, nếu quý vị tương ứng với mười điều ấy, Trung Y bảo quý vị đã làm hại thân thể, tổn hoại đức hạnh của chính mình, thương thân, bại đức! Nếu ngược lại, có thể tương ứng với Thập Thiện, tức là chẳng trộm cắp, chẳng sát sanh, quyết định chẳng có ý niệm tổn thương, gây hại cho hết thảy chúng sanh. Không chỉ là chẳng tổn thương, gây hại động vật, mà còn phải yêu thương, che chở chúng. Thực vật, hoa, cỏ, cây cối đều phải yêu thương, che chở chúng. Núi, sông, đại địa cũng đều phải yêu thương, che chở. Phật môn dạy đối tượng từ bi của chúng ta là mười phương cõi nước, hiện thời, điều này được gọi là *“thế giới vĩ mô”*, khắp pháp giới hư không giới chúng ta đều phải yêu thương, che chở. Câu kế tiếp nói tới *“vi trần pháp giới”*, các nhà Lượng Tử Lực Học gọi chúng là *“thế giới vi mô”*, phải dùng kính hiển vi cao cấp để quan sát hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Quý vị thấy từ thế giới vĩ mô đến thế giới vi mô, chẳng có gì không yêu thương, che chở. Thập Thiện trọn khắp pháp giới hư không giới, thật sự đối đãi hết thảy chúng sanh bằng từ bi, thật sự là thiện ý.

Chẳng trộm cắp: Phải hành “chẳng trộm cắp” đến mức quyết định chẳng có ý niệm chiếm tiện nghi của người khác. Hễ nghĩ muốn chiếm tiện nghi một chút, đó là cái tâm trộm cắp. Tuy quý vị chưa có hành vi trộm cắp, nhưng đã có tâm trộm cắp, chẳng tốt! Chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, có thể làm được hay không? Dùng cái tâm chân thành để đãi người, tiếp vật. Chẳng nói đôi chiều. Nói đôi chiều là khêu động đúng - sai, tội ấy rất nặng. Nói thêu dệt (ỷ ngữ) là hoa ngôn xảo ngữ (ăn nói bóng bảy, ngọt ngào giả dối), có ý niệm lừa gạt người khác, đó là sai quấy! Ác khẩu là thốt lời thô lỗ, khiến cho người khác nghe xong cảm thấy khó chịu. Đừng nên có những điều này! Không tham, không sân, không si; muốn làm được những điều này đôi chút, phải thật sự hiểu nhân quả. Người thật sự liễu giải đạo lý nhân quả, sẽ tự nhiên có thể ước thúc chính mình. Sức mạnh ấy to hơn luân lý, đạo đức và pháp luật. Nếu chẳng tin nhân quả, sẽ như cổ nhân đã nói: Trong các tình huống “danh cao, lợi trọng” sẽ biết rõ mà cố phạm, vẫn phạm sai quấy, tạo tội nghiệp. Thật vậy, từ lịch sử chúng ta đã thấy, mà trong thế giới hiện tiền, chúng ta còn thấy nhiều hơn nữa! Chúng tôi ở Tân Gia Ba, ngụ tại khách sạn, ông chủ khách sạn đã bảo chúng tôi: Nhân viên phục vụ của họ không ổn định. Do nguyên nhân nào? Tân Gia Ba mở sòng bạc. Sòng bạc tuyển người phục vụ, tìm những người làm trong khách sạn, trả tiền lương cho họ cao hơn một hai trăm đồng, họ bèn bỏ đi hết. Chẳng phải là lợi ích rất lớn! Cho quý vị một chút lợi lộc nhỏ nhặt, quý vị liền bỏ đi, giữa người và người chẳng có đạo nghĩa, chẳng có tình cảm, chỉ mong cầu lợi lộc, còn gì đáng sợ hơn? Chư vị hãy suy nghĩ kỹ lưỡng, người như vậy có lòng ái quốc hay không? Mắt kẻ ấy chỉ thấy lợi lộc, địch nhân cho hắn một chút tiền, kẻ ấy liền làm Hán gian, sẽ gây tổn hại cho quốc gia của chính mình, kẻ ấy ham tiền mà! Gần đây nhất, chúng ta thấy những chuyện này phổ biến nhất, trong xã hội này, con người chẳng có đạo nghĩa. Người thật sự có đạo nghĩa thì nhân công và chủ nhân một lòng, có nghĩa khí. Xí nghiệp của chủ nhân sắp phải đóng cửa, nhân viên chẳng bỏ đi, không nỡ lòng nhìn chủ nhân gặp nạn, chẳng cần tiền công vẫn làm việc tại đó. Vào thời cổ, thường thấy chuyện như thế trong xã hội, khiến cho người khác phải bội phục những nhân công ấy. Nhân viên đối với chủ là tri ân, báo ân.

Thời cổ, nhà kẻ phú quý thuê người hầu, nhà ấy suy bại, người hầu đều chẳng bỏ đi, vì sao? Có cảm tình, có nghĩa khí, chiếu cố đến cùng. Hiện thời, trên thế giới này, chẳng có người như vậy! Nói *“kiến lợi vong nghĩa”* (thấy lợi quên mất nghĩa) vẫn còn dễ nghe lắm! Về căn bản, kẻ ấy chẳng có nghĩa, lấy gì để vong nghĩa? Kẻ ấy chỉ biết có lợi, chẳng biết đến nghĩa! Vì thế, luân lý chẳng còn, về căn bản là không biết, bất hiếu với cha mẹ, chẳng có tâm kính yêu cha mẹ. Trách móc cha mẹ: “Cha mẹ chẳng kiếm được nhiều hơn một chút để cho con”, thậm chí sát hại cha mẹ, xã hội hiện thời là như vậy đó! Bất kính tôn trưởng là hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện thời! Nguyên nhân khiến cho xã hội động loạn cũng là do đã dạy dỗ sai lầm. Dạy dỗ thế hệ kế tiếp thì trước tiên phải bắt đầu từ luân lý, đạo đức, điều này trọng yếu lắm; nhưng hiện thời, quý vị muốn dùng luân lý, đạo đức để dạy thế hệ kế tục nhất định sẽ gặp khó khăn. Vì sao? Toàn thể xã hội chẳng có, một mình nhà quý vị nói đến luân lý, đạo đức, trẻ nhỏ của quý vị ra khỏi cửa, những thứ ấy (luân lý, đạo đức) là những thứ đã cổ lỗ, không dùng được, trẻ có thể tin tưởng hay chăng? Nó có thể tiếp nhận hay chăng? Quý vị nói với người già bảy tám mươi tuổi thì được, họ sẽ gật đầu, có lý lắm! Nhưng quý vị nói với kẻ trẻ tuổi, họ lắc đầu, chẳng tin tưởng. Do vậy, trong xã hội hiện thực, chẳng có luân lý, đạo đức, nhân quả, mà cũng chẳng có pháp luật. Pháp luật quản trị người tốt, kẻ xấu tìm tòi những kẽ hở trong pháp luật, nên pháp luật biến thành bảo vệ kẻ xấu. Đối với xã hội hiện tiền, trước kia, Mao Chủ Tịch đã nói là *“vô pháp, vô thiên”*, đúng là như vậy. Vô pháp vô thiên đến tình trạng ấy thì trời cao phải can thiệp, vẫn phải xen vào, chẳng thể mặc kệ được! “Trời” ở đây là thiên nhiên, thiên nhiên đem lại bệnh tật, tai nạn cho quý vị. Những bệnh tật và tai nạn ấy đều do bản thân quý vị tự làm, tự chịu, chẳng phải do ai khác giáng xuống quý vị!

Chúng ta sát hại các chúng sanh, trong Phật pháp đã nói tới lục đạo luân hồi, [thật ra], chuyện này vốn chẳng phải do Phật pháp nói, mà do Bà La Môn của Ấn Độ cổ xưa đã nói, kinh Phật đồng ý với cách nói đó: *“Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân”* (người chết làm dê, dê chết làm người). Quý vị giết con dê này, ăn thịt nó, dê chết đi, đầu thai, lại sanh trong nhân gian, làm người. Nó đã chịu hết tội nghiệp làm súc sanh, lại quay về nhân gian. Người sát hại hết thảy chúng sanh, sau khi chết bèn biến thành súc sanh, người đã chết biến thành dê. Đời này, quý vị ăn nó, đời sau nó ăn quý vị, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, phiền toái quá! Vì vậy, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, đối với những loài tiểu động vật, trông thấy chúng nó phải sanh tâm thương xót. Vì sao chúng nó phải đầu thai như thế? Trong quá khứ, lúc làm người đã tạo tội nghiệp quá nặng. Nếu sát hại sanh mạng quá nhiều, sẽ hứng chịu quả báo như thế nào? Kinh dạy, như con phù du trên mặt nước, tức là loài trùng nhỏ chạy loăng quăng trên mặt nước! Loài tiểu trùng ấy thọ mạng rất ngắn, chỉ có mấy giờ, chết rồi lại đầu thai, mỗi ngày đều phải sanh tử vài lượt, chẳng biết đến đời nào mới xong! Quý vị sát hại bao nhiêu chúng sanh thì quý vị phải sanh tử bấy nhiêu lượt, mới hòng trả hết nợ! Điều này vẫn chưa thể coi là trả xong nợ, mà là tội nghiệp của quý vị tiêu tan. Sau khi tội nghiệp tiêu tan thì mới trả nợ xong. Kinh dạy: Quý vị ăn kẻ khác nửa cân, phải đền trả kẻ ấy tám lạng. Trả nợ mà! Nợ mạng thì phải đền mạng. Thiếu tiền thì phải đền tiền. Quý vị nói xem có khổ lắm hay không? Mê hoặc, điên đảo, chẳng có trí huệ, làm chuyện ngu ngốc như thế, chớ nên làm!

Khi bất hạnh gặp những tai nạn ấy xảy đến, chúng ta tuy chẳng có tội mà bị chết trong tai nạn. Tai nạn xảy ra, người tốt lẫn kẻ ác cùng chết sạch, có người thấy vậy chẳng phục: “Vì sao người ấy (người tốt) mắc tai nạn ấy? Gã kia là kẻ xấu, chết là đáng!” Luôn suy nghĩ theo kiểu ấy. Thật ra, đó là xử sự theo tình cảm, chẳng biết chân tướng. Chân tướng là gì? Cùng nhau gặp nạn là cộng nghiệp, nhưng sau khi đã chết, sẽ đến những nơi khác nhau! Người niệm Phật gặp nạn qua đời, bèn đến thế giới Cực Lạc, đó là chuyện tốt đẹp, chẳng phải là chuyện xấu. Kẻ chẳng học Phật, nhưng suốt đời hành thiện tích đức, bị chết trong tai nạn, bèn sanh lên trời. Người tu thiện tích phước ít hơn một chút bèn quay lại nhân gian, lại đi đầu thai, sanh trong gia đình phú quý của nhân gian, nhất định sẽ tốt đẹp hơn đời này, chẳng phải là chuyện tốt đẹp ư? Kẻ tạo tác ác nghiệp sanh trong tam ác đạo, rất công bằng! Thật sự thấy rõ ràng, minh bạch, quý vị mới thật sự tin tưởng nghiệp nhân quả báo chẳng sai sót mảy may!

Vì lẽ đó, chúng ta nói đến Thú Điền, tức là đối với hết thảy chúng sanh, hết thảy súc sanh, cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa, đều phải dùng tâm từ bi để đối đãi. Khổ Điền là gặp kẻ bần cùng, chúng ta toàn tâm toàn lực giúp đỡ, trọng yếu nhất là phải dạy bảo người ấy. Nghèo khổ về mặt vật chất chẳng kể là nghèo khổ thật sự, nghèo khổ thật sự là gì? Chẳng có trí huệ, chẳng có văn hóa, đó là nghèo khổ thật sự. Chưa từng tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, kẻ ấy vô tri, đó là nghèo khổ thật sự! Kẻ có cuộc sống vật chất khốn khổ, nếu tiếp nhận giáo dục của thánh hiền sẽ chẳng khổ, sẽ rất sung sướng. Nếu kẻ ấy học Phật, sẽ càng vui sướng hơn. Kẻ ấy có mong mỏi cuộc sống vật chất được cải thiện hay không? Chẳng mong mỏi, vì sao? Ta sống rất vui sướng, cần gì phải tìm phiền phức! Người thật sự học Phật, nhất định nghe theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Người ấy sẽ hết sức tuân thủ giáo huấn của đức Phật, thực hiện Đệ Tử Quy, thực hiện Cảm Ứng Thiên, thực hiện Thập Thiện Đạo, thảy đều làm được. Dẫu phải làm kẻ ăn mày, người ấy vẫn rất sung sướng, chẳng mong mỏi cải thiện cuộc sống. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao? Người ấy chẳng có dục vọng. Càng học Phật càng thâm nhập, dục vọng bèn giảm xuống, giảm đến mức chẳng còn dục vọng, có thể giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, đó là cuộc sống của kẻ ăn mày!

Năm xưa, khi tôi mới xuất gia, thọ giới, Giới hòa thượng (vị hòa thượng truyền giới) của chúng tôi là lão pháp sư Đạo Nguyên. Khi thọ giới, Ngài có kể một câu chuyện, chuyện thật, chẳng giả. Ở quê Ngài, hình như Ngài là người vùng Dương Châu, trong thời ấy, lúc Ngài còn bé, có một người ăn mày, quanh năm xin ăn bên ngoài. Buổi tối ở trong một ngôi miếu hoang, hoặc bất cứ chỗ nào có thể đánh một giấc là được rồi. Ban ngày đi khắp nơi du sơn ngoạn thủy, tới chỗ nào xin được một bát cơm lót dạ, người ấy rất vui sướng. Con cái của người ấy làm ăn phát đạt, nên rất nhiều người chửi bới họ: “Cái đồ bất hiếu! Coi bọn ngươi giàu có như vậy, khá giả như thế, sao lại để cho cha phải đi ăn mày?” Đứa con ấy cũng rất mất thể diện, sai rất nhiều người đi khắp nơi kiếm cha về, xếp đặt chu đáo để cha ở yên trong nhà hòng phụng dưỡng. Cha anh ta chẳng quen với cuộc sống ấy, ước chừng ở trong nhà hơn một tháng, thấy người nhà canh chừng lơi lỏng một chút liền trốn mất, lại đi xin ăn. Người khác hỏi ông ta vì sao? Vui sướng! Đó chẳng phải là người tầm thường. Quả thật, xin ăn thật là tốt, tấm thân thứ gì cũng chẳng có, cũng không sợ cường đạo cướp bóc, cũng chẳng sợ kẻ cắp vặt trộm cắp, ông ta thứ gì cũng chẳng có. Mỗi ngày du sơn ngoạn thủy, quý vị thấy [đối với ông ta] có cái ăn, có chỗ nghỉ ngơi [là được rồi], thật tự tại! Lão hòa thượng kể cho chúng tôi nghe câu chuyện này. Cuộc sống thật sự hạnh phúc mỹ mãn là cuộc sống sung sướng, không nhất định phải có tiền, cũng không nhất định phải có địa vị. Lão pháp sư nói người ăn mày ấy thật sự hiểu nhân sinh, thật sự hiểu hạnh phúc mỹ mãn. Ông ta có cơ hội, con cái phát tài lớn, ông ta có thể hưởng một chút phước, nhưng không cần. Ông ta nói đó chẳng phải là phước, mà là khổ, chẳng phải là niềm sung sướng. Thân thể vẫn còn khỏe mạnh, quý vị thấy ông ta mỗi ngày du sơn ngoạn thủy thật vui sướng, tìm mấy người ăn mày làm bạn, lẽ nào chẳng vui sướng?

Vì thế, truyền đạo quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Giúp cho người ta một chút vật chất, tặng cho họ một chút, nhưng truyền đạo cho người ấy quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Phật pháp thật sự lợi ích chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, đó là đúng. Nhất định phải chỉ dạy họ diệt trừ cội rễ bần cùng, dẫu bần cùng, trắng tay đến mấy, vẫn phải biết bố thí. Thật sự chẳng có tiền để bố thí, thì hãy làm công quả trong các đạo tràng như của chúng ta, đó là tài bố thí, được gọi là Nội Tài Bố Thí. Ta đến làm công quả, chẳng cần đến tiền, phục vụ đạo tràng, dùng thân thể của chính mình để bố thí; đó là Nội Tài. Nội Tài bố thí còn đạt được quả báo nhiều hơn Ngoại Tài. Ngoại Tài là quý vị bỏ tiền, dùng vật chất, tiền bạc để cúng dường, nhưng chẳng đích thân đến phục vụ. Vì thế, chúng ta hiểu, suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật có tài bố thí hay không? Có, Ngài dùng thân thể, thời gian và trí huệ của chính mình để giáo hóa chúng sanh hằng ngày, đó là Tài Bố Thí. Bao nhiêu người được lợi ích! Sau khi học trò học thành tài, bèn hoằng dương rộng rãi, rạng rỡ sự nghiệp lợi ích chúng sanh của thầy, lần lượt giáo hóa. Người đã giác ngộ bèn bằng lòng đi theo con đường ấy. Chúng tôi chẳng nhận biết, tức là chẳng mảy may nhận biết Phật giáo, thuở trẻ, nếu quý vị bảo tôi đi xuất gia, bảo tôi làm chuyện này, tôi thà chết chẳng chịu làm, lẽ đâu có thể làm chuyện như thế được? Cả một đời này tôi chẳng nghĩ sẽ làm chuyện như thế!

Tôi theo học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, phần cuối cùng trong Triết Học Khái Luận là “triết học trong kinh Phật”, tôi mới thật sự có nhận thức mới mẻ về Phật giáo, mới thật sự liễu giải Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Nhưng hiện thời, Phật giáo đã biến thành tôn giáo, nó xác thực chẳng phải là tôn giáo, mà là giáo dục. Thầy dạy tôi, kinh điển nhà Phật là triết học cao cấp. Tôi nhập môn từ chỗ ấy, học suốt năm mươi chín năm, sang năm là tròn một giáp tý (sáu mươi năm), càng học càng hoan hỷ. Gặp gỡ Chương Gia đại sư, lúc đó tôi một thân trơ trọi ở Đài Loan, chẳng có bất cứ vướng mắc gì. Thầy khuyên tôi xuất gia, dạy tôi hãy học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Thầy hết sức yêu thương tôi, chúng tôi hết sức tôn kính thầy, tiếp nhận ý thầy, nghe lời, đi theo con đường này. Con đường này là nối tiếp huệ mạng của Phật, hiến thân giúp cho chánh pháp trụ thế lâu dài, là chuyện tốt đẹp, là sự nghiệp to lớn, là chuyện tốt lành. Đi theo con đường này năm mươi chín năm, cũng chẳng phải là thuận buồm xuôi gió, thử thách cũng rất nhiều, nhưng vui sướng khôn sánh, dẫu gặp phải thử thách, vẫn rất sung sướng. Vì sao? Hiểu rõ ràng, rành rẽ nghiệp nhân quả báo, hiểu rõ rệt vì sao mỗi lần có thử thách. Hằng ngày giảng kinh, hằng ngày đọc tụng, năm mươi chín năm chẳng hề gián đoạn. Quý vị nói xem có vui sướng, hạnh phúc lắm hay không? Chúng tôi sử dụng Internet [để hoằng pháp] khoảng chừng mười lăm năm, sử dụng Internet khá sớm, sử dụng [truyền hình] vệ tinh cũng đã tám năm rồi, từ ngày Nguyên Đán năm 2003 bắt đầu sử dụng vệ tinh. Những công cụ này phát huy tác dụng rất lớn, vì chúng tôi giảng kinh và học tập tại nơi đây, đồng thời phát sóng, toàn cầu có thể thấy và thu được. Giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Phật độ kẻ hữu duyên”*, những ai hữu duyên? Những người mở TV chọn đúng băng tần này đều là người hữu duyên. Họ dùng computer kiếm được địa chỉ trang nhà của chúng ta, đó là người hữu duyên. Người tiếp sóng, xem chương trình rất nhiều. Do vậy, giúp đỡ hết thảy chúng sanh, nghèo, giàu, sang, hèn, đều phải giúp đỡ họ.

*“Ân điền”* là cha mẹ. Trong Phật pháp còn có hộ pháp. Hộ pháp có ân với chúng ta. Nếu chẳng có nhiều người hộ trì như thế, chẳng có đông người giúp đỡ ngần ấy, chúng ta phát triển hết sức khó khăn. Phật pháp có thể truyền thừa hay không, chánh pháp có thể trụ thế lâu dài hay không, mấu chốt chẳng do ta, vì ta chẳng có cách nào, mà ở nơi đâu? Nơi hộ pháp. Do vậy, công đức của người hộ pháp lớn hơn công đức của người hoằng pháp. Người hoằng pháp giống như giáo viên trong trường học, hộ pháp là hiệu trưởng. Ông ta tạo lập một đạo tràng ở đây, nếu chẳng mời quý vị, quý vị sẽ chẳng có cơ hội đến đây dạy học. Do ông ta bằng lòng mời quý vị đến, nên quý vị có thể dạy một thời gian ở nơi đây, dạy một hai môn, đó là ân đức của họ. Mọi người nghe pháp ở nơi này, đạt được lợi ích nơi Phật pháp, là nhờ ai mà đạt được? Nhờ hộ pháp tạo lợi ích, phải biết điều này. Người xuất gia là Trụ Trì tự miếu, người tại gia là các vị cư sĩ chủ trì đạo tràng, như ở Mã Lai có nhiều vị hội trưởng Tịnh Tông Học Hội, Phật pháp có thể hưng vượng hay không ở nơi ấy là trách nhiệm của họ. Họ có kiến thức, liễu giải Phật pháp hưng hay suy, bồi dưỡng pháp sư giảng kinh, lễ thỉnh pháp sư giảng kinh đến đó giáo học hay giảng kinh, công đức thuộc về họ. Giống như quản lý trường học, điều hành trường học rất khá, chánh phủ khen thưởng thì sẽ khen thưởng ai? Khen thưởng hiệu trưởng, chẳng khen thưởng giáo viên. Trường học hoạt động lôi thôi, phải bị trừng phạt thì hiệu trưởng bị trừng phạt, cũng chẳng phải là giáo viên. Do vậy, những người giảng kinh, bất luận xuất gia hay tại gia, đều có thân phận là giáo viên, phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Không ai mời mọc, thì làm như thế nào? Nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập Bát Niết Bàn, đã đi rồi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng còn ở trong thế giới này nữa. Do không ai cầu thỉnh, nên Ngài đã đi rồi. Có người cầu thỉnh tức là hữu duyên, trụ thêm mấy năm nữa, chẳng trở ngại. Chẳng có duyên bèn lập tức ra đi, chẳng lưu luyến thế giới này. Người làm giáo viên tự tại dường ấy, có nơi nào cần đến đó dạy hòng giúp đỡ chúng sanh khổ nạn thì đại từ đại bi [đến đó giáo hóa]. Chẳng có chỗ nào để dạy bèn ra đi, vãng sanh thế giới Cực Lạc hòng thân cận A Di Đà Phật, bản lãnh sâu xa. Vì thế, biết ân, báo ân, những vị hộ pháp đều có ân đức, giống như cha mẹ, phải tôn trọng họ!

Thứ tư là *“đức điền”*, đức điền là Tam Bảo, *“tam thừa hiền thánh”*. Bất luận A La Hán, hay Bích Chi Phật, hoặc là Bồ Tát, bất luận tại gia hay xuất gia, đại đa số là người chủ trì đạo tràng. Vì lẽ đó, Phật pháp có thể hưng vượng, xã hội có thể an định, quốc gia có thể vững bền dài lâu, thế giới có thể hòa bình, tam thừa thánh hiền có cống hiến to lớn, họ là những vị phụ trách đạo tràng. Điều thứ nhất là họ có thể lễ thỉnh những vị đại đức hữu tu hữu học, bất luận tại gia hay xuất gia, mời các vị ấy đến nơi ấy giảng kinh, giáo học, đó là chuyện thuộc về bổn phận của họ. Đồng thời, nếu những người ấy còn có thể tiến thêm bước nữa, chẳng phải chỉ là cần dạy học, mà còn muốn bồi dưỡng nhân tài kế tục, công đức của những người ấy sẽ thật to lớn, thật sự cứu vãn Phật giáo. Như vậy có cần mở trường học hay không? Không nhất định. Thật sự phát hiện người tuổi trẻ chịu học hỏi, nhất định trước hết phải vun bồi tốt đẹp ba căn bản, tức là cũng giống như Khổng lão phu tử, dạy dỗ đức hạnh trước hết. Quý vị thật sự có thể thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên. Đệ Tử Quy gồm một trăm mười ba điều, Cảm Ứng Thiên là một trăm chín mươi lăm điều, quý vị đều có thể làm được, sau đấy sẽ thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo rất dễ dàng. Nếu là xuất gia, phải hành mười giới trong Sa Di Luật Nghi, hai mươi bốn môn oai nghi cũng phải thực hiện, nhưng chẳng có khó khăn gì, do trước đó, quý vị đã có căn bản đức hạnh tốt đẹp. Sau khi đức hạnh đã có căn bản, quý vị có thể chọn lựa một bộ kinh, thâm nhập một môn, thật sự có người hộ trì khiến cho quý vị thân tâm yên ổn, chẳng có ưu lự. Cúng dường quý vị áo, cơm, chỗ ở là được rồi, quý vị có chỗ cư trú an định, áo cơm được chiếu cố rất chu đáo là được rồi, chính mình hằng ngày dụng công. Một người tu hành thì một căn phòng nhỏ là được rồi.

Trong quá khứ, Hàn quán trưởng chiếu cố tôi. Tôi ở trong một căn phòng nhỏ tại nhà bà ta, ở nhà bà ta suốt mười bảy năm, chẳng dễ dàng! Mỗi ngày, chuyện của tôi là đọc kinh, giảng kinh. Cơ sở giảng kinh và thính chúng đều do bà ta thay tôi lo liệu, vì tôi tuổi trẻ, vừa mới ra giảng kinh, ai nhận biết quý vị? Ai đến nghe quý vị giảng? Vì thế, Hàn quán trưởng đi khắp nơi lo liệu, mời mọc các bạn bè, đạo hữu của bà [đến nghe], có khi là mười mấy người, có lúc hai mươi mấy người. Sau này, khi tôi giảng kinh thông thường gần như là năm, sáu mươi người nghe, chẳng gián đoạn. Mỗi tối giảng từ một tiếng đến một tiếng rưỡi, thông thường đa số là một tiếng rưỡi. Buổi tối giảng một tiếng rưỡi, thời gian ban ngày tôi dùng để đọc kinh, niệm Phật. Quý vị thấy đó là một tấm gương tốt đẹp, một vị cư sĩ, trong nhà tương đối khá giả, có nhiều phòng bèn dành ra [một phòng], quý vị chiếu cố một người, có thể chiếu cố mười năm thì người [xuất gia] ấy bèn thành công. Tôi ở trong nhà Hàn quán trưởng mười bảy năm. Về sau, thính chúng đông hơn, mọi người bỏ ra một ít tiền, mua một giảng đường. Giảng đường ấy gần như to bằng cái studio này. Mua một giảng đường như thế, chẳng cần mượn giảng đường nữa. Chính mình có một giảng đường như vậy, chúng tôi có nhiều thời gian giảng kinh hơn. Buổi sáng giảng, buổi chiều giảng, buổi tối giảng, vui sướng chẳng mệt. Giảng các kinh khác nhau, nên mỗi ngày giảng ba lần, thính chúng trong ba lần khác nhau, giống như mở lớp vậy, quý vị có thể dành ra thời gian đến nghe. Tôi đã từng có lúc giảng nhiều nhất, mỗi tuần giảng năm sáu loại [kinh luận khác nhau]. Tôi giảng kinh là do học với thầy Lý ở Đài Trung. Hiện thời, bồi dưỡng người giảng kinh thuận tiện rất nhiều. Tôi giảng kinh nhiều năm như thế, lưu lại băng ghi hình, ghi âm, đại khái là từ một vạn năm ngàn giờ trở lên, chẳng ít hơn một vạn năm ngàn giờ. Chủng loại cũng rất nhiều, chỉ cần chọn trong đó một thứ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, thật sự có thể khổ học một loại trong mười năm, quý vị sẽ thành công. Lúc đó, người ấy xuất gia sẽ là đại pháp sư, tại gia cũng là đại cư sĩ. Người thật sự có tâm bồi dưỡng một, hai người [như vậy], công đức vô lượng vô biên, đó là chân thật. Bất quá, người như vậy cũng rất khó tìm, ai chịu buông xuống muôn duyên, bỏ ra mười năm quạnh quẽ, sau đấy mới thi đỗ thành danh? Bởi vậy, phương pháp thì có, mà cũng hoàn toàn chẳng khó khăn, nhưng khó tìm người! Thật sự tìm được, hy sinh phụng hiến, vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì kế thừa gia nghiệp của Như Lai. Đó là phước điền hiểu theo nghĩa rộng, thật sự tu phước.

Trong phần trước, *“điều chúng sanh, tuyên diệu lý”* là giúp người khác giác ngộ. Sau khi giác ngộ, sẽ dạy người ấy tích công đức, tu phước điền. Có trí huệ, có phước báo, sau đấy phải cứu khổ, cứu nạn, chẳng phải là quý vị hưởng phước mà là cứu khổ, cứu nạn. *“Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ”* (dùng các pháp dược, cứu chữa ba nỗi khổ), đó là độ chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn chẳng hề hưởng phước, hưởng lạc, chẳng có! Quý vị thấy trong Phật môn từ xưa đến nay, những vị cao tăng đại đức có hưởng phước hay không? Đối với các Ngài, giáo học là hưởng phước. Dẫu địa vị cao tới đâu đi nữa, trước kia, làm đến Quốc Sư, hoàng đế tôn vị ấy làm thầy, [nên gọi là] Quốc Sư, cuộc sống vẫn rất đơn giản, chẳng hề thay đổi. Những vị tu hành ấy quá nửa là ăn giữa Ngọ, rất nhiều! Cuộc sống hết sức đơn giản, vì sao? Nêu gương cho người khác, mảy may ngạo mạn đều chẳng có! Chẳng phải là địa vị rất cao, bèn ngự cao chót vót, chẳng phải vậy, vẫn tiếp xúc với người nghèo khổ y như cũ, [những vị hành xử như vậy] rất nhiều, đấy là đức hạnh. Đối với bậc đại quan, nói theo cách bây giờ là những người thuộc tầng lớp cao trong xã hội, tiếp xúc họ bèn dùng trí huệ giúp họ cai trị quốc gia, qua lại với người bần cùng để giúp họ lìa khổ được vui, bình đẳng giáo hóa. Đối với tam thừa hiền thánh, tam giáo, cửu lưu, hoàn toàn bình đẳng, các Ngài chẳng có phân biệt và chấp trước.

Vì vậy, tiếp đó là lời chú giải như sau: *“Chư Phật độ sanh, ứng bệnh dữ dược”* (chư Phật độ chúng sanh, cho thuốc phù hợp chứng bệnh), giống như thầy thuốc chữa bệnh. Người ấy mắc bệnh gì, cần dùng thuốc gì để chữa trị, bèn cho thuốc đúng với căn bệnh. *“Dược dụ Như Lai diệu pháp, bệnh dụ chúng sanh tật khổ”* (thuốc ví như diệu pháp của Như Lai, bệnh ví như chúng sanh đau khổ). Thưa cùng quý vị, trong hiện thời, diệu pháp của Như Lai có thể chữa trị xã hội. Tuy tất cả hết thảy mọi người mắc bệnh khác nhau, nhưng thuốc một vị có thể giải quyết, đó là *“phổ thế giáo dục”* (giáo dục trọn khắp cõi đời). Phổ (普) là phổ biến, Thế (世) là thế giới, trọn khắp người đời phải nên tiếp nhận sự giáo dục ấy, tức là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Vì sao? Những nỗi phiền phức xuất hiện trên cả thế giới hiện thời đều vì thiếu những thứ giáo dục ấy. Vào thời cổ thì có, tại Trung Quốc có, mà ở ngoại quốc, các thứ giáo dục tôn giáo cũng được, đều có thể đạt hiệu quả. Hiện thời, tại Trung Quốc, nền giáo dục ấy không được chú trọng, coi thường, bỏ sót, ngoại quốc thì đang dần dần theo đuổi, đề cao khoa học, người tin tưởng tôn giáo ngày càng ít ỏi. Xã hội tôn sùng dục vọng, lợi lộc, nhiều nhân sĩ tôn giáo cũng bị dục vọng, lợi lộc nuốt chửng, đó là hiện tượng thấy rõ trước mắt. Họ cũng tranh danh trục lợi, gạt giáo dục tôn giáo sang một bên, chẳng còn học tập nữa. Đó là nhân tố khiến cho xã hội hiện tiền động loạn, mà cũng là nguyên nhân khiến cho địa cầu đổi khác. Nay chúng ta cứu vãn xã hội, cứu vớt địa cầu, phải tìm lại những thứ ấy, khuyên dạy mọi người hãy khéo làm người, [nguyên nhân] toàn là do trong chuyện làm người đã xuất hiện vấn đề, liên lụy y báo là địa cầu của chúng ta cũng xuất hiện vấn đề.

Tại Trung Quốc là giáo dục Nho, Thích, Đạo, tại ngoại quốc là giáo dục tôn giáo, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề này. Nhưng trong hiện thời, bất luận tại Trung Quốc hay ngoại quốc, bậc đại đức thật sự quá ít, chúng ta hãy nên biết tôn trọng và bồi dưỡng như thế nào. Đây là một chuyện khó khăn, hãy nên ghi nhớ chuyện này trong lòng, hễ gặp duyên phận, có người như vậy, chúng ta phải quan tâm, chiếu cố, giúp đỡ, thành tựu người ấy. Vì thế, trong hiện tại, nếu chẳng có thầy chỉ dạy, nhưng thật sự có người như vậy, vun bồi vững vàng ba hoặc bốn căn cội, đó là cơ sở, nhất định yêu cầu người ấy phải làm được. Làm một năm! Chưa làm tròn một năm, sẽ chẳng hộ trì người ấy, mời người ấy đi chỗ khác! Nếu trong một năm, [người ấy] thật sự làm được, chúng ta càng thêm lễ kính, đốc thúc người ấy. Phương pháp đốc thúc rất đơn giản: “Mỗi ngày hãy giảng cho chúng tôi nghe một tiếng rưỡi”, giảng cho ai nghe? Giảng cho quý vị nghe, chẳng cần có ai khác. Hoặc là người nhà của quý vị, cách mấy tuần họp lại, giảng cho quý vị nghe. Hằng ngày buộc người ấy phải học, mỗi ngày buộc người ấy phải giảng. Học mười năm, giảng mười năm, chẳng phải là đã thành tựu hay sao? Sau mười năm, sẽ đem người ấy giới thiệu với bên ngoài, tìm giảng đường để công khai giảng diễn bên ngoài, nhưng chưa đầy mười năm sẽ chẳng giảng bên ngoài. Đó là huấn luyện gì? Huấn luyện Nhẫn Nhục Ba La Mật cho người ấy. Người ấy dẫu có thông hiểu vẫn phải nhẫn nại mười năm. Nếu người ấy chẳng thể chịu đựng, đi ra ngoài giảng, giảng cũng khá lắm, kẻ cung kính người ấy đông đảo, kẻ cúng dường đông đúc, người ấy sẽ bị sảy chân, biến chất! Lại sa vào danh lợi, tức là chúng ta đã sai rồi! Do vậy, phải quan sát người ấy, thật sự có thể chịu khổ, thật sự có cảm giác gánh vác sứ mạng thì mới có thể thành tựu.

Như kinh Niết Bàn đã dạy: *“Độ chúng sanh cố, vị thuyết vô thượng vi diệu pháp dược”* (vì độ chúng sanh mà giảng cho họ các pháp dược vô thượng vi diệu). Nói theo cách hiện thời, Độ (度) là giúp chúng sanh, góp sức cho chúng sanh. Chúng sanh có khổ, bị nạn, chúng ta phải giúp họ, tức là giới thiệu cho họ diệu pháp vô thượng rất sâu. Vô thượng vi diệu pháp dược là gì? Chính là bộ kinh này, bộ kinh này là vô thượng vi diệu pháp được đúng tiêu chuẩn. Như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Bát Nhã đều là đại kinh đại luận vô thượng vi diệu, có người chỉ dạy thì chẳng có vấn đề gì, có thể học tập, nhưng nếu chẳng có ai chỉ dạy, sẽ hết sức khó khăn. Không ai chỉ dạy thì chúng ta làm như thế nào? Chúng ta chọn bộ kinh này, kinh này được lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập tốt đẹp, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải cặn kẽ, tạo thuận tiện cho chúng ta. Hai vị ấy đều là người cận đại; do đó, chúng tôi phát tâm giảng bản Chú Giải của lão cư sĩ một lượt, coi như tôi báo ân cụ. Lúc cụ tại thế, chúng tôi là bạn già, hằng năm tôi sang Bắc Kinh đôi ba lượt để thăm cụ. Cụ khuất bóng, bạn già ở Bắc Kinh chẳng còn nữa, nên tôi không sang đó. Thuở trước, tôi siêng năng, lẹ làng sang đó, vì lẽ nào? Do có vị lão hữu ấy, chí đồng đạo hợp. Hoằng dương bản hội tập này, tức bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, tại hải ngoại một mình tôi, trong nước là một mình cụ Hoàng. Trong ngoài nước cũng chẳng có kẻ thứ hai giảng bộ kinh này, chúng tôi được gặp gỡ, đúng là khó có! Ở Mỹ, chúng tôi mới liên lạc với nhau. Cụ ở Mỹ một tháng, chúng tôi mới [có cơ hội] quen biết. Sau này, cụ chẳng tiện xuất ngoại, còn chúng tôi trở về Trung Quốc thăm viếng khá thuận tiện, nên tôi thường đến thăm cụ. Cụ viết bộ chú giải này chẳng đơn giản, hy vọng bộ kinh này và bản chú giải này có thể lưu truyền đến chín ngàn năm sau trong thời Mạt Pháp. Trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp, các đồng học Tịnh Tông sẽ nương theo pháp môn này mà đắc độ, chúng ta có thể tin tưởng, có lòng tin như vậy. Lần này, do gặp phải tai nạn nhiều ngần ấy, tôi ngưng giảng kinh Hoa Nghiêm. Giảng viên mãn bộ kinh này, tôi lại giảng tiếp kinh Hoa Nghiêm, hy vọng bộ Diễn Nghĩa này sớm có ngày được lưu thông. Diễn Nghĩa là chú giải của chú giải. Năm xưa, tôi có soạn một bản khoa phán cho bản hội tập này. Bản ấy là phần khoa hội và mi chú của kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, lời mi chú do lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam chú giải. Thuở ấy, lão cư sĩ Triệu Phác Sơ còn sống, cụ là đồng hương của tôi [[17]](#footnote-18)[1], và cũng là bậc trưởng bối, đối xử với tôi vô cùng tốt. Vì thế, mỗi lần sang Bắc Kinh, chúng tôi nhất định đều gặp nhau. Những vị lão nhân này đều đã khuất, tôi cũng trở nên đặc biệt cô đơn. Sau khi soạn xong Khoa Phán, tôi tặng cho cụ Triệu Phác Sơ một bản, cụ trông thấy vô cùng hoan hỷ, bảo: *“Bản này hay lắm, một bản hội tập hay như thế, có Khoa Phán hoàn chỉnh như thế, lại còn có bản chú giải của cụ Niệm Tổ, người học tập sau này quá thuận tiện”.* Vô thượng vi diệu pháp dược chính là nói đến bộ kinh này và bản chú giải này!

Tiếp đó, lại giảng về Tam Khổ: *“Tam Khổ giả, nhất, Khổ Khổ, do khổ sự chi thành, nhi sanh khổ não giả”* (Tam Khổ: Một là Khổ Khổ, do chuyện khổ tạo thành, bèn sanh khổ não). Đối với chuyện khổ, trong kinh đức Phật dạy Bát Khổ, trước hết là bốn thứ Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Sanh, Lão, Bệnh, Tử mỗi cá nhân đều chẳng thể tránh được, nhưng chúng ta quên hết Sanh Khổ. Khi quý vị được sanh ra, khổ lắm, mẹ sanh quý vị ra. Nếu chúng ta đã quên hết thì cũng chẳng có cách nào thấu hiểu, nhưng quý vị có thể chú tâm quan sát trẻ nhỏ sanh ra là như thế nào? Sanh ra bèn đau khổ. Vì sao trẻ nhỏ khóc? Khổ! Khổ quá nên nó mới khóc, quý vị thấy có đứa trẻ nào sanh ra bèn cười ha hả hay không? [Nếu cười], tức là nó chẳng khổ, đã vui sướng rồi! Quý vị biết lúc sanh ra, trong kinh Phật đã nói: *“Như phong đao giải thể”* (như bị đao gió xẻ thân). Khi nó rời khỏi thân mẹ, thân thể nó da thịt non nớt, cảm thấy gió thổi vào giống như bị đao cắt. Do đó, nó khổ sở, đau khổ, từ từ mới thích ứng. Đó là Sanh Khổ. Lão Khổ, quý vị vẫn chưa già, nhưng thấy người già, mắt đã quáng, tai đã lãng, làm gì cũng chẳng thuận tiện. Nếu chẳng có ai chăm sóc, quý vị biết người ấy tuổi già đáng thương lắm. Tôi hết sức quan tâm chuyện này, tôi đến khá nhiều nơi trên các quốc gia, mỗi khi đến một nơi nào, điều thứ nhất tôi muốn thấy là sự nghiệp phước lợi dành cho người già ở nơi ấy. Tôi đến tham quan sự nghiệp phước lợi dành cho người già của họ, tức là viện dưỡng lão. Có những quốc gia khá lắm, quốc gia nuôi dưỡng người già, nước Mỹ đứng đầu về chuyện này. Xưa kia, Mỹ có tiền, là giàu nhất trên toàn thế giới. Họ nêu gương, cũng có không ít quốc gia học theo. Hiện thời, Mỹ đã nghèo, sự nghiệp phước lợi người già là một gánh rất nặng đối với họ, nhưng họ cũng chẳng thể phế trừ. Nếu phế trừ, dân chúng sẽ không bỏ phiếu cho họ nữa, không có ai dám phế trừ, nên chuyện này vẫn tiếp tục kéo dài.

Theo như tôi thấy, Úc Châu thực hiện sự nghiệp phước lợi cho người già tốt nhất trên cả thế giới. Chủ yếu là vì đất Úc Châu quá to, đất đai chẳng đắt đỏ, cho nên dưỡng lão tại Úc quả thật giống như sống trong công viên. Những quốc gia khác trên thế giới chẳng thể sánh bằng hoàn cảnh vật chất ấy. Vì sao? Đất đai chẳng đắt đỏ, mua đất rất dễ dàng, các thiết bị vô cùng tốt đẹp. Thuế tại Úc rất nặng, nhưng chính phủ chăm sóc dân chúng rất chu đáo, thật sự làm được việc. Nhưng điều thiếu sót là cuộc sống tinh thần, đời sống tinh thần của người già rất đáng thương. Xem kỹ những người già, tán chuyện gẫu với họ, họ hết sức hoan hỷ, [do thường là] không có ai nói chuyện phiếm với họ. Nhất là sống tại đó, các sắc dân khác biệt, quốc tịch khác nhau, ngôn ngữ văn hóa, thói quen ẩm thực đều khác nhau, nên rất khổ não. Sau khi chúng tôi thấy vậy, bèn suy nghĩ: Trong viện dưỡng lão, từ viện trưởng cho đến tất cả nhân viên dưới quyền, nếu đều có thể tiếp nhận văn hóa và giáo dục hiếu đạo của Trung Quốc, đối đãi với những cụ già ấy như cha mẹ của chính mình, có tâm hiếu kính, thì do công đức đã tích tập của nhóm người ấy, trong tương lai, ai nấy đều sanh về thiên đường, tích lũy công đức to lớn mà! Người bình phàm tu phước chẳng dễ dàng, nhưng phục vụ tại viện dưỡng lão, tu phước rất dễ dàng, coi người già như cha mẹ của chính mình, dùng tâm hiếu kính để đối đãi. Những nhân viên ở đấy đều được huấn luyện, đều đã trúng tuyển khảo hạch, chăm sóc các cụ già chu đáo, nhưng chẳng có tâm hiếu thuận, coi đó như là công chuyện phải làm, chẳng có ý vị tình người, thiếu sót điều này!

Khi xưa, ông Lục Khắc Văn (Kevin Michael Rudd) [[18]](#footnote-19)[2] được bầu làm Thủ Tướng Úc, tôi đề nghị, sự quen biết giữa ông ta và tôi cũng khá, những nhân viên trong viện dưỡng lão nhất định phải thực hiện hiếu đạo. Ông ta cổ vũ tôi điều hành một viện dưỡng lão để làm mẫu, làm gương. Sau khi tiến hành tốt đẹp, sẽ phổ biến trên toàn quốc, đó là biện pháp tốt đẹp. Hiện thời, làm bất cứ chuyện gì, nói theo người Trung Quốc, nêu gương rất quan trọng. Chúng ta thường nói “nêu gương rất quan trọng”, quý vị làm cho người ta thật sự trông thấy, họ liễu giải chuyện ấy tốt đẹp, phải nên làm theo cách thức như vậy. Nhất là đem giáo dục nhân quả nói với họ, họ thật sự thông hiểu, sẽ là tu đại phước báo. Người học Phật chăm sóc người già, tương lai sẽ thành Phật, quyết định vãng sanh. Người tín ngưỡng tôn giáo chắc chắn sẽ sanh lên thiên đường. Đối với người chẳng có tín ngưỡng tôn giáo, quý vị chăm sóc người già là vô úy bố thí, bản thân quý vị sẽ đạt quả báo gì? Khỏe mạnh, sống lâu. Tu ba thứ bố thí nơi đó đều dễ dàng! Quý vị phục vụ họ là Nội Tài Bố Thí. Quý vị thường chuyện trò với họ, thường bầu bạn với họ, đó là Vô Úy Bố Thí và Pháp Bố Thí. Quý vị khiến cho tâm lý họ vui vẻ, chẳng cảm thấy cô đơn, [cảm thấy] viện dưỡng lão ấy giống như gia đình của chính mình, các nhân viên, người phục vụ trẻ tuổi như vậy đều giống như con cái hoặc cháu chắt của chính mình, họ sẽ vui sướng lắm! Phước báo ấy to nhiều! Vì thế, mở viện dưỡng lão là sự nghiệp gì? Sự nghiệp của Phật, Bồ Tát. Mở viện dưỡng lão là sự nghiệp vô thượng phước điền. Chỉ cần điều hành tốt đẹp một viện dưỡng lão, quý vị có thể tạo ảnh hưởng rất nhiều, thậm chí trong tương lai mở rộng đến toàn thế giới. Người tiến hành sự nghiệp như vậy là thần thánh, Phật, Bồ Tát. Quý vị chẳng thể nói: “Các cụ! Tôi chăm nom quý vị ăn cơm, thay quần áo, chăm lo cuộc sống hằng ngày của các cụ [là được rồi]”, chưa đủ! Quý vị phải biết trong tâm họ đau khổ lắm! Vì trong viện dưỡng lão, nói cách khác, cứ mỗi tuần thường có một hai cụ già qua đời, bị khiêng đi, họ trông thấy bèn cảm nhận như thế nào? Chờ đợi ở đấy, chờ có ngày sẽ đến lượt họ. Ngồi ăn để chờ chết, quý vị thấy cái cảm giác ấy khó chịu lắm! Chúng ta trông thấy tê tái cõi lòng, thật sự muốn giúp họ. Khi ông Lục Khắc Văn làm Thủ Tướng, đã thúc giục tôi tiến hành ngay lập tức, hiện thời ông ta đã xuống chức, tôi cũng chẳng muốn làm nữa! Chánh phủ phải có tâm, phải có cái tâm ấy, khi thật sự làm, chánh phủ phải khen thưởng. Hễ làm tốt, có thể phát động toàn quốc, có thể phát động cả thế giới, khiến cho người già trên cả thế giới đều được chăm nom rất tốt đẹp. Quý vị nói xem công đức ấy to nhiều ngần nào? Vì thế, đầu tiên, trọng yếu nhất là từ viện trưởng cho đến nhân viên viện dưỡng lão, tất cả mọi người đều phải tiếp nhận giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, đặc biệt là giáo dục nhân quả. Họ hiểu nhân quả, sẽ có thể toàn tâm toàn lực dốc sức, biết đó là cái nhân tốt, trong tương lai sẽ kết thành cái quả tốt đẹp, quả ấy tốt đẹp chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị đến chỗ nào để tìm được cơ hội gieo phước điền như vậy? Viện dưỡng lão là phước điền, là phước điền thật sự. Chúng ta đến thăm nơi phước điền tốt đẹp như thế, đáng tiếc là họ chẳng biết gieo phước. Mỗi ngày đều ở đó mà chẳng biết gieo phước. Hiếu kính người già là gieo phước, nhưng họ chẳng biết điều ấy, thật đáng tiếc!

Nói đến sanh lão bệnh tử khổ, không ai có thể tránh được! Trừ những điều này ra, còn có *“oán tăng hội khổ”* (khổ vì oán ghét mà phải gặp gỡ). Trong hoàn cảnh nhân sự, quý vị gặp kẻ oan gia đối đầu, trông chẳng vừa mắt, chẳng muốn gặp hắn, nhưng hằng ngày đều phải chạm mặt, quý vị nói có phiền phức hay không? Học hành trong nhà trường, đứa bạn ta không ưa mà thầy cứ hết lần này tới lần khác xếp nó ngồi chung một chỗ, ngồi cùng một bàn, oán tăng hội đấy! Kẻ ta ưa thích thường phải xa cách, đó là *“ái biệt ly”*, kẻ yêu thích chẳng thể ở cùng một chỗ. Loại thứ ba là *“cầu bất đắc”*, tức là trong tâm chúng ta mong cầu, ham muốn, nhưng làm chẳng được, [đó là] nỗi khổ Cầu Bất Đắc. Ba loại lớn này, hiện thời mỗi cá nhân đều chẳng có cách nào tránh thoát. Loại cuối cùng là *“Ngũ Ấm xí thịnh khổ”*, chẳng phải là bên ngoài, mà là trong tâm. Ngũ Ấm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của chúng ta. Nói theo cách bây giờ, chính là nhục thể và tinh thần của chúng ta chịu đựng nỗi khổ gì? Phiền não, ưu lự, vướng mắc, những thứ ấy. *“Xí thịnh”* (熾盛) là giống như lửa cháy rất mãnh liệt, niềm vui của quý vị lấy đâu ra? Vì thế, chúng được gọi là Khổ Khổ. Trong Phật pháp nói *“bát khổ giao tiên”* (tám nỗi khổ chen nhau nung nấu) là nói đến Khổ Khổ.

Loại thứ hai là Hoại Khổ. Phật pháp đem ba loại khổ này phối hợp với tam giới. Trong Dục Giới, ba loại khổ ấy đều có, [tức là] Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ thảy đều có. Nếu quý vị đắc Thiền Định, do đắc Thiền Định sẽ sanh vào Sắc Giới Thiên. Trong Sắc Giới Thiên chẳng có Khổ Khổ, họ chẳng có tám nỗi khổ như đã nói trong phần trước. Hễ có dục thì tám nỗi khổ ấy đều có. Chẳng có dục, tám nỗi khổ ấy chẳng còn. Dục Giới [Thiên] cao hơn chúng ta. Sanh vào Dục Giới Thiên chẳng phải là đầu thai, mà là hóa sanh, nên chẳng có nỗi khổ não về thân tình. Họ hóa sanh, tức biến hóa. Sắc Giới có mười tám tầng trời thuộc về Tứ Thiền, chẳng có tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, chẳng có những điều ấy, nên chư thiên Sắc Giới chẳng ngủ nghê, tinh thần vĩnh viễn sung mãn, chẳng bị mệt mỏi. Cõi trời ấy tốt đẹp, chứ Dục Giới Thiên chưa được! Dục Giới Thiên vẫn có dục vọng, nhưng nó gồm sáu tầng trời. Càng lên cao, dục vọng càng nhẹ mỏng. Tứ Vương Thiên gần như chẳng khác gì nhân gian chúng ta, tuy lợt lạt hơn chúng ta đôi chút, nhưng chẳng lợt lạt nhiều lắm! Đao Lợi Thiên và chúng ta chênh lệch rất lớn, như chúng ta thấy, họ dục vọng cũng rất ít, tâm cũng dần dần thanh tịnh, càng lên cao càng lợt lạt, nhưng họ có Hoại Khổ. Hoại Khổ là gì? Họ có thọ mạng, khi thọ mạng đã hết, vẫn phải chết. Thọ mạng rất dài, tuy rất dài vẫn có ngày kết thúc. Khi thọ mạng đã hết, họ vẫn phải chết, lúc chết nỗi khổ mới hiện tiền, khổ não hiện tiền. Một người lúc chết bèn cảm thấy khổ não chẳng phải là chuyện tốt, vì sao? Kẻ ấy sẽ đọa lạc xuống dưới. Lúc lâm chung, tâm thanh tịnh, chẳng có cảm thụ khổ hay sướng, sẽ tiến cao hơn, sẽ thăng lên, chẳng đọa lạc, đó là công phu tu trì. Nếu người thuộc Sắc Giới Thiên có công phu Thiền Định sâu, sẽ tiến lên không ngừng. Sắc Giới có mười tám tầng trời, dần dần tiến cao hơn, đó là chuyện tốt. Nhưng nếu lúc hết thọ mạng, đối với hoàn cảnh cư trụ và sinh hoạt vẫn còn lưu luyến, sẽ bị phiền phức to, vị trời ấy sẽ đọa lạc, sẽ thọ sanh trong tầng thấp hơn, chẳng thể sanh lên cao hơn. Đó là có Hoại Khổ. Loại thứ ba là Hành Khổ, có nghĩa là đổi dời. Vì thế, Sắc Giới có hai loại khổ. Đổi dời là gì? Chẳng thể ngừng được, Hành là chẳng dừng được!

Đến Vô Sắc Giới Thiên, chẳng có Hoại Khổ vì Vô Sắc Giới chẳng có thân thể. Sắc Giới có Sắc, chẳng có Dục. Vô Sắc Giới ngay cả thân thể cũng chẳng có, chẳng cần đến thân thể. Lục đạo đều là phàm phu, chúng ta có thể gọi [chư thiên trong Vô Sắc Giới] là “phàm phu cao cấp”, phàm phu cao cấp chẳng cần tới thân thể. Vào thời cổ, tại Trung Quốc, từ hơn hai ngàn năm trước, quan niệm này đã được Lão Tử nhắc tới. Quý vị đọc Đạo Đức Kinh sẽ thấy Lão Tử đã nói như thế này: *“Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân”* (ta có mối lo nghĩ to lớn vì ta có thân). Ngài nói chính mình có nỗi ưu tư rất lớn, nỗi ưu tư ấy là gì? Ta có thân thể, chẳng có thân thể sẽ tốt lắm! Quan niệm ấy của Lão Tử là quan niệm của Vô Sắc Giới, chẳng có thân thể thật tốt, có thân người sẽ có nhiều phiền phức. Sắc Giới Thiên còn có thân thể, nên họ vẫn phải có nhà cửa để cư trụ. Vô Sắc Giới Thiên thân thể đều chẳng có, cũng chẳng cần đến nhà cửa, họ chẳng cần! Vô Sắc Giới, nếu nói thông tục, sẽ là “linh giới”, tức là nơi ở của linh hồn. Họ chẳng có bất cứ hiện tượng vật chất nào. Nói cách khác, nó chỉ có hiện tượng tinh thần, chẳng có hiện tượng vật chất. Vật chất bị biến hoại, tinh thần vĩnh viễn chẳng thay đổi. Họ vẫn có nỗi khổ gì? Họ cũng có thọ mạng, thọ mạng chính là công phu Thiền Định của họ. Cảnh giới cao nhất là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên (Naivasamjñānāsamjñāyatana). Vô Sắc Giới có bốn tầng, tầng cao nhất là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, công phu Thiền Định của họ là tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp chính là tinh hệ, tức thái dương hệ của chúng ta, trải qua một lần thành - trụ - hoại - không. Nói cách khác, sau khi thái dương hệ này hư hoại, sẽ dần dần trở lại như cũ, lại có thành - trụ - hoại - không. Tám vạn lần [thành - trụ - hoại - không như thế], quý vị nói xem thọ mạng ấy dài cỡ nào! Nhưng vẫn có một ngày, cho đến lúc ấy, họ mất công phu Thiền Định, do mất đi nên sanh phiền não. Vì sao? Họ vốn nghĩ chính mình đã thành Phật, tưởng chính mình là vĩnh hằng bất sanh, bất diệt. Bất sanh bất diệt là Đại Niết Bàn. Họ cho rằng chính mình đã chứng đắc Đại Niết Bàn, thật ra là hiểu lầm, chẳng thật sự chứng đắc. Công phu Thiền Định mất đi tức là thọ mạng của họ đã tới, khi ấy, họ rất phiền não: “Ta đã chứng đắc Đại Niết Bàn, vì sao còn có sanh tử?” Do vậy, bắt đầu hoài nghi và hủy báng giáo huấn của các bậc thánh hiền: “Các vị thánh hiền gạt ta, ta đã đạt đến cảnh giới này, cớ sao chẳng giống như họ đã nói?” Hễ hoài nghi, hủy báng như thế, tội ấy rất nặng. Kẻ ấy chẳng biết chính mình sai quấy, lại còn toan hủy báng thánh hiền. Người Hoa nói *“bà đắc cao, suất đắc trọng”* (trèo cao, ngã đau), từ chỗ cao tột đỉnh rơi xuống chỗ thấp nhất là địa ngục A Tỳ. Tội hủy báng thánh hiền phải đọa địa ngục A Tỳ. Nói cách khác, chư thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên khi đã hết tám vạn đại kiếp, chẳng có ai không đọa địa ngục.

Điều này khiến cho chúng ta suy sâu, nghĩ chín, chúng ta học đạo phải hiểu rõ, có nên phát tâm sanh vào thiên đạo hay không? Chớ nên! Sanh vào thiên đạo là chọn lựa sai lầm. Vì sao? Chẳng rốt ráo! Tuy phước báo của chư thiên to hơn chúng ta, thọ mạng dài hơn chúng ta, nhưng nếu chúng ta thấy con phù du trên mặt nước, từ lúc sanh ra cho đến khi nó chết đi chỉ có mấy giờ, loài người chúng ta thọ mấy chục năm, chư thiên nhìn chúng ta có khác gì chúng ta nhìn loài phù du hay không? Thọ mạng của chúng ngắn ngủi ngần ấy! Xác thực là như thế, đừng nói là Vô Sắc Giới Thiên, chúng ta nói tới Dục Giới Thiên thì đã khôn sánh rồi! Đao Lợi Thiên trong Dục Giới Thiên chẳng kể là cao, là tầng thứ hai. Một ngày trong Đao Lợi Thiên bằng một trăm năm trong nhân gian chúng ta. Nếu loài người chúng ta có thể sống một trăm tuổi thì chư thiên Đao Lợi sẽ thấy quý vị sáng sanh tối chết, chư thiên Đao Lợi thấy nhân gian [như vậy]. Một ngày trong Dạ Ma Thiên bằng hai trăm năm trong nhân gian. Đâu Suất Thiên, hiện thời Di Lặc Bồ Tát đang trụ nơi đó, một ngày của họ bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Nếu chúng ta dùng hai mươi bốn giờ để xem, chư thiên Đâu Suất thấy nhân gian chúng ta thọ một trăm tuổi bằng mấy giờ [của họ]? Sáu tiếng đồng hồ. Quý vị phải biết chân tướng sự thật này, chẳng có hứng thú sanh thiên, chẳng làm chuyện ấy! Có công đức sanh thiên và tu vi như thế, dùng những thứ ấy để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng có vấn đề gì, vì sao chẳng sanh về thế giới Cực Lạc? Đến thế giới Cực Lạc mới thật sự giải quyết vấn đề. Nơi ấy mới thật sự là vĩnh sanh (sống đời đời), vô lượng thọ! Thật đấy, vô lượng thọ chẳng giả, thật sự là vô lượng thọ. Trở về tự tánh, thật sự vĩnh viễn chẳng có sanh diệt.

Các lý luận và phương pháp giảng trong bộ kinh này đều nhằm hướng dẫn chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, chứng đắc Đại Bát Niết Bàn chân chánh, chẳng giống như chư thiên cõi trời Phi Tưởng tưởng lầm cảnh giới ấy (cảnh giới Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Định) là Niết Bàn, họ lầm rồi. Đã sai lại chẳng nhận lỗi, trách móc Phật, Bồ Tát, tội ấy nặng nề. Đã lầm mà thật sự nhận lỗi, vẫn chưa đến nỗi đọa địa ngục, nhưng chắc chắn là họ sẽ đọa xuống dưới, vì chẳng có tầng nào cao hơn nữa, họ đã hưởng hết phước, thời gian họ tu Định đã hết rồi. Công phu Thiền Định mất đi, chắc chắn bị đọa xuống, nhưng chẳng đến nỗi đọa địa ngục A Tỳ, thường là có thể đọa lạc trong nhân gian, từ từ tu lại! Từ chỗ này, chúng ta phải nghĩ: Đức khiêm hư của con người là trọng yếu. Biết lỗi phải sám hối, chớ nên chấp trước, điều này rất trọng yếu. Chư Phật, Bồ Tát là bậc tu hành chứng quả từng trải, các Ngài chẳng lừa gạt chúng ta. Chẳng có lý do gì để các Ngài gạt gẫm chúng ta! Vì sao? Chứng đắc cảnh giới ấy liền biết hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới và chính mình có quan hệ gì? Nhất thể. Lẽ nào tự mình gạt gẫm chính mình? Há có lẽ ấy? Nói đến nhất thể thì cũng là nói tới quan niệm luân lý được giảng trong Phật giáo. Luân lý là nói về quan hệ, thật sự nói đến mức viên mãn rốt ráo. Tổ tiên Trung Quốc nói đến luân lý thì chỉ nói đến con người, bảo: *“Hễ là người, đều phải yêu thương”*, trọn chẳng nói đến động vật. Do vậy, luân lý kiểu ấy tuy tốt đẹp, nhưng chưa viên mãn. Luân lý Phật pháp nói viên mãn, nói đến cuối cùng là dạy chúng ta: Hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới, kể cả núi, sông, đại địa, cây cối, hoa cỏ có cùng một Thể, một Pháp Thân với chính mình! Luân lý ấy đã được giảng tới mức cùng tột, giảng đến rốt ráo viên mãn, đạo đức được giảng đến mức rốt ráo viên mãn, nhân quả giảng đến mức rốt ráo viên mãn, nên mới biết Phật pháp thù thắng, biết Phật pháp vi diệu, hy hữu khó gặp! Vì vậy, *“Hành giả, thiên lưu chi nghĩa. Do nhất thiết chi thiên lưu vô thường, nhi sanh khổ não giả”* (Hành có nghĩa là đổi dời. Do hết thảy đổi dời, vô thường, nên sanh khổ não), đấy là sự khổ não của chư thiên trong Vô Sắc Giới Thiên. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

# Tập 110

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi chín, xem từ giữa dòng thứ hai từ dưới đếm lên:

*“Gia Tường Sớ vân: Tam hữu chi khổ (tức tam giới sanh tử), cố vân tam khổ. Chân Giải vị ‘Tường thích vi ổn’ (chỉ Gia Tường sư chi thích cánh vi ổn thỏa)”* (Gia Tường Sớ viết: “Do [dựa trên] các nỗi khổ trong Tam Hữu (tức tam giới sanh tử) mà nói là Tam Khổ”. Sách Chân Giải nhận định: “Tường thích vi ổn”, ý nói cách giải thích của ngài Gia Tường rất ổn thỏa), ổn trọng, thỏa đáng. Trước hết, chúng ta nói đến Tam Hữu. Đây là danh từ Phật học. Tam là tam giới, theo lời chú thích trong ngoặc đơn, chính là Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu, nên gọi là Tam Hữu. Hữu (有) là gì? Có nhân. Có nhân, đương nhiên có quả báo. Hữu ở đây là có nhân. Chúng ta có cái nhân Dục Giới, gặp duyên, hiện tượng Dục Giới bèn hiện tiền. Sắc Giới là phân biệt, Vô Sắc Giới là vọng tưởng, kinh Hoa Nghiêm nói là “chấp trước, phân biệt, vọng tưởng”. Đương nhiên [trong tam giới] ba thứ ấy đều có, chỉ là xét coi thành phần nào nhiều nhất [trong mỗi cõi]. Dục Giới chấp trước vô cùng nghiêm trọng, lại còn kèm thêm phân biệt và vọng tưởng, đó là cái nhân của Dục Giới. Sắc Giới chấp trước nhẹ nhàng, nhưng phân biệt khá nặng, đó là Sắc Giới. Tuy nói khá nặng, vẫn nhẹ hơn Dục Giới rất nhiều, rốt cuộc người ta ở trong mười tám tầng trời của Sắc Giới. Vô Sắc Giới hoàn toàn là mê hoặc, tức là vọng tưởng, nên họ chưa thể giác ngộ, chưa thể vượt thoát tam giới. Tam giới là lục đạo, vượt thoát tam giới cũng là vượt thoát lục đạo luân hồi. Nói theo Phật pháp, chúng là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Ba thứ phiền não ấy đều trọn đủ nên Tam Hữu đều khổ, quả báo ở trong tam đồ lục đạo, rất khó vượt thoát. Có thể nói là chẳng gặp Phật pháp thì về căn bản là chẳng thể nào vượt thoát. Trong các tôn giáo có giáo dục rất tốt, quá nửa là dạy quý vị đoạn ác tu thiện. Thật sự có thể đoạn ác tu thiện thì trong lục đạo chỉ có thể giữ sao cho chẳng đọa trong tam ác đạo, luân chuyển trong hai đường trời - người, trạng huống ấy vẫn tốt hơn trong tam ác đạo rất nhiều, bởi đó là phước báo nhân thiên. Phước nhất định phải do chính mình tu. Một đoạn kinh văn dài trong phần trước nhằm dạy chúng ta tu phước. Tu phước còn phải có trí huệ, có trí huệ thì quý vị mới nhận biết phước điền thật sự. Nếu quý vị chẳng nhận biết phước điền thật sự, ngỡ giả là thật, không chỉ chẳng gieo phước, mà còn gây tạo tội nghiệp, lầm mất rồi! Vì vậy, trí huệ rất trọng yếu. Kinh Đại Thừa còn gọi ba thứ phiền não ấy là Kiến Tư Thập Sử, toàn là nói đến chấp trước, là một vấn đề nghiêm trọng trong lục đạo. Kiến (見) là năm loại sai lầm to lớn trong cách nhìn, Tư (思) là tham, sân, si, mạn, nghi, năm thứ ấy là tư tưởng sai lầm, tạo thành nghiệp nhân sanh tử trong tam giới, đó là các nỗi khổ trong Tam Hữu. Đối với cách giải thích này của ngài Gia Tường, pháp sư Đạo Ẩn của Nhật Bản cũng khẳng định cách giải thích ấy rất hay.

Chúng ta xem phần kế tiếp: *“Cái trừ Tam Hữu sanh tử chi khổ, cánh hợp Tịnh Tông chi chỉ”* (Bởi lẽ, trừ bỏ nỗi khổ sanh tử trong Tam Hữu càng hợp với tông chỉ của Tịnh Tông), [nói về] tông chỉ tu học của Tịnh Độ Tông chúng ta. *“Chân Giải thích kinh văn viết: Như Lai đại y vương, năng tri kỳ bệnh, ứng bệnh dữ dược, trị Tam Hữu chi khổ. Bệnh hữu chúng đa, pháp dược diệc đa, cố vân chư pháp dược”* (Sách Chân Giải giải thích kinh văn như sau: “Như Lai đại y vương biết các bệnh, ứng theo căn bệnh mà cho thuốc để trị nỗi khổ trong Tam Hữu. Do có nhiều loại bệnh, nên pháp dược cũng nhiều. Vì thế, nói là chư pháp dược”), đây là một đoạn giải thích trong sách Chân Giải. Như Lai là nói hết thảy chư Phật đều gọi là Như Lai. Sánh ví chúng sanh trong lục đạo và trong mười pháp giới giống như các bệnh nhân. Trong bốn thánh pháp giới, bệnh nhẹ hơn một chút, chúng sanh trong lục đạo bị bệnh rất nghiêm trọng, vô cùng nghiêm trọng. Những vị ấy biết hết thảy chúng sanh mắc bệnh gì, chư Phật Như Lai biết, vì sao các Ngài biết? Các Ngài đã kiến tánh, mấu chốt của căn bệnh ở chỗ nào, không gì chẳng biết. Chỉ cần kiến tánh thì không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Quý vị biết cái gốc bệnh của họ ở chỗ nào, bèn ứng theo chứng bệnh mà cho thuốc. Uống thuốc vào, hết bệnh, thật sự chữa lành bệnh. Vì thế, [nói là] *“ứng bệnh dữ dược”*. Toàn là tỷ dụ chúng sanh lắm nỗi mê hoặc, lắm tập khí phiền não, nên tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Những gì quý vị đã tạo nhất định phải thọ báo, chẳng phải là “tạo rồi bèn hết chuyện!” Đức Phật dạy chúng ta tu pháp môn sám hối, tội từ tâm khởi thì vẫn phải dùng tâm để sám. Sám trừ nghiệp chướng, tội bèn tiêu. Tội đã tiêu, có phải là nghiệp chướng chẳng còn nữa hay không? Không luôn luôn là như thế! Vì sao? Trong tâm chúng ta đã chẳng còn nghiệp chướng, nhưng ta tổn thương, làm hại các chúng sanh, họ còn có nghiệp chướng hay không? Nếu họ vẫn còn có nghiệp chướng, sẽ ghi hận, oán cừu chẳng báo chẳng được! Ta tuy thành Phật, thành Bồ Tát, vẫn là đối tượng báo cừu của họ.

Phật, Bồ Tát có phải chịu quả báo hay không? Phải! Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện, chúng ta phải hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này; nhưng các Ngài thọ báo chẳng giống như chúng ta thọ báo, chúng ta thọ báo là oán hận, chẳng biết trong quá khứ đã tổn thương, làm hại người ấy, quên sạch chuyện quá khứ! Đời này, người ấy đến hại ta, ta không phục, ta vẫn muốn báo thù. Đó là gì? Oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, chẳng kết thúc, đôi bên đều đau khổ, phàm phu làm như vậy. Bồ Tát đã giác ngộ, Ngài thọ báo liền biết vì sao ta gặp phải những chướng nạn ấy. Ngài hiểu, do hiểu nên trong tâm chẳng oán hận, trong lòng vui vẻ, hoan hỷ tiếp nhận, thanh toán xong rồi, kết thúc rồi, chẳng còn oán hận nữa, chẳng còn báo đền nữa, thật sự giải quyết vấn đề. Chúng ta hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này, quý vị nhất định phải giác ngộ, chớ nên tổn thương, làm hại một chúng sanh nào. Muỗi đến chích ta, có nên giết nó hay không? Chớ nên! Quý vị phải hiểu: Nó chích quý vị một phát, cũng chẳng qua là nó muốn ăn uống, tìm được quý vị, tức là quý vị và nó hữu duyên. Bồ Tát từ bi cúng dường nó, để cho nó ăn no rồi nó sẽ bỏ đi. Phàm phu ngu si chẳng biết, thấy muỗi liền đập bốp một cái, chết tươi, đánh chết tức là nợ nó một mạng! Nay ta giết nó, đời sau, khi ta phải biến thành muỗi, nó biến thành người, nó cũng giết chết ta; lục đạo chúng sanh đều làm chuyện hồ đồ này.

Do vậy, Phật, Bồ Tát khác hẳn, Phật, Bồ Tát có thể thỏa mãn dục vọng của hết thảy chúng sanh, quyết định sẽ không thương tổn, làm hại họ. Những loài tiểu động vật có biết hay không? Biết! Từ từ cảm hóa, giác ngộ chúng. Vì sao? Tự tánh của chúng nó và tự tánh của chúng ta là một, một Thể mà! Chúng nó mê nặng hơn ta, ta mê nhẹ hơn chúng một chút. Do chẳng gặp gỡ Phật pháp, chẳng thể giảng rõ ràng đạo lý này cho quý vị, quý vị không hiểu rõ chân tướng, chắc chắn làm chuyện sái quấy. Há có kẻ nào bị oan uổng mà chẳng có mảy may oán hận gì? Chỉ có người hiểu rõ, chỉ có người thật sự giác ngộ liền biết quyết định đừng sát sanh, quyết định chẳng trộm cắp. Chẳng trộm cắp là không cho bèn chẳng lấy. Vật có chủ, chủ nhân chẳng chấp nhận, chớ nên dời động nó, hễ dời động đều thuộc về cái tâm trộm cắp. Tuy ta chẳng có hành vi trộm cắp, nhưng ý niệm bất hảo, chủ nhân bày ra như thế, cớ gì ta phải dời động nó? Không tà dâm: Điều này thuộc về tham, sân, si. Tham, sân, si là tác nhân độc hại gây bệnh nghiêm trọng. Chúng ta bên trong có tham, sân, si, nên mới bị lây nhiễm bệnh ôn dịch bên ngoài. Bên trong, tham, sân, si đã đoạn, dẫu bên ngoài có ôn dịch, chẳng thể cảm nhiễm, y học hiện thời gọi điều này là “khả năng miễn dịch”. Khả năng miễn dịch là gì? Buông tham, sân, si xuống, khả năng miễn dịch bèn viên mãn, bệnh truyền nhiễm gì quý vị cũng chẳng nhiễm phải. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta *“siêng tu Giới, Định, Huệ, diệt mất tham, sân, si”* là có đạo lý to lớn trong ấy!

Đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, tai biến rất nhiều, chúng ta có thể nương theo giáo huấn của Phật, giáo huấn của Bồ Tát, giáo huấn của thánh nhân, đơn giản, ngắn gọn, chẳng phiền phức tí nào. Đó là gì? Trí huệ của Phật, Bồ Tát, trí huệ chân thật đơn giản, dễ hiểu. Vâng giữ hiếu, đễ, trung, tín, buông tham, sân, si, mạn xuống, bất luận tai chướng như thế nào quý vị đều sẽ bình an vượt qua. Chớ nên hoài nghi những chuyện này, nếu hoài nghi sẽ chẳng có hiệu quả. Thật đấy! Vì sao người khác hữu hiệu, mà ta vô hiệu? Do ta có nghi hoặc nên chẳng linh, mất hiệu lực rồi. Quyết định chẳng nghi hoặc, chắc chắn Phật, Bồ Tát, các vị thánh hiền nhân là những bậc từng trải, công phu tu hành của người ta đã đạt đến tột bậc, chúng ta há nên chẳng tin? Tin tưởng, nghe lời, y giáo phụng hành, quyết định đạt được lợi ích, sẽ trị liệu nỗi khổ Tam Hữu cho chúng ta. Chứng bệnh rất ư là nhiều, bệnh có tám vạn bốn ngàn thứ, [tức là] tám vạn bốn ngàn phiền não, nên đức Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn giống như thuốc, bệnh (khuyết điểm, phiền não) của chúng sanh giống như những thứ bệnh khổ. Pháp môn của đức Phật là thuốc, nên nói là *“chư pháp dược”.* *“Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ”* (dùng các pháp dược, cứu chữa tam khổ), lìa khổ được vui, Bồ Tát giúp quý vị viên mãn.

Kế tiếp là *“thăng Quán Đảnh giai”* (lên địa vị Quán Đảnh), mấy câu kinh văn kể từ câu này trở đi [nói về] sự thọ ký thành Phật. Quý vị đang ở trên đường tu hành, chư Phật hộ niệm quý vị, câu này là thọ ký. *“Kiến Đường dịch”* (thấy trong bản Đường dịch), câu này trích từ kinh Đại Bảo Tích. Trong kinh văn của hội Vô Lượng Thọ [trong kinh Đại Bảo Tích] có câu này (tức câu *“thăng Quán Đảnh giai”*). *“Giai giả, vị dã. Quán Đảnh giả, Ấn Độ cổ đại quốc vương tức vị thời, thủ tứ hải thủy, quán ư vương đảnh”* (“Giai” (階) là địa vị. “Quán Đảnh”: Quốc vương Ấn Độ vào thời cổ, khi lên ngôi, dùng nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu nhà vua). Đây là nói về ý nghĩa biểu thị pháp trên mặt hình thức. Thái Tử đăng cơ tiếp nhận ngôi vị quốc vương, bèn cử hành nghi thức này, tức là nghi thức Quán Đảnh. Dùng nước bốn biển: Chúng ta biết Ấn Độ là một bán đảo, ba mặt là đại dương, lấy nước ấy rưới lên đỉnh đầu quốc vương. *“Mật Giáo đồng chi”* (Mật Giáo cũng giống như vậy), Mật Tông trong Phật giáo có lễ Quán Đảnh, *“hữu Quán Đảnh pháp”* (có pháp Quán Đảnh). Tiếp đó là giải thích về Quán Đảnh, Quán Đảnh gồm hai loại, *“Quán Đảnh hữu đa chủng, giản ngôn chi, tắc vi nhị chủng”* (Quán Đảnh có nhiều loại, nhưng nói đơn giản thì có hai loại), nói đơn giản thì nó gồm hai loại lớn. Loại thứ nhất là *“Kết Duyên Quán Đảnh”*, loại này rất phổ biến. Chúng ta gặp một vị Thượng Sư, Thượng Sư làm lễ Quán Đảnh cho chúng ta để kết duyên, chẳng thật, loại này gọi là *“Kết Duyên Quán Đảnh”.* *“Hành nhân khất pháp, vị kết Phật duyên, dẫn nhập Quán Đảnh đàn, thọ dĩ Bổn Tôn chi ấn dữ chân ngôn. Thử hậu, hành nhân tức khả y giáo tùy phận tu tập, thị vi kết duyên Quán Đảnh”* (Hành nhân xin thọ pháp, nhằm kết duyên với Phật, [Thượng Sư] bèn dẫn [hành nhân] vào đàn Quán Đảnh, trao truyền ấn khế và chân ngôn của Bổn Tôn [[19]](#footnote-20)[3]. Từ đấy trở đi, hành nhân có thể vâng theo lời dạy, tùy sức tu tập, đó là Kết Duyên Quán Đảnh). Trong Mật Tông Trung Quốc, nếu quy y Thượng Sư, sau khi hành lễ quy y, Thượng Sư quán đảnh cho quý vị. Đại khái là đối với một chén nước dâng cúng trước Phật, dùng đầu ngón tay thấm chút nước rảy lên đỉnh đầu, nghi thức là như vậy. Trọng yếu nhất là Thượng Sư truyền cho quý vị một bài chú ngữ, bảo quý vị hãy thường niệm. Thông thường chú ngữ là Lục Tự Đại Minh Chú, tức *“Án, ma-ni bát-mê hồng”* (Aum, mani padme hum), thường truyền bài chú này. Lúc tôi vừa mới học Phật, quy y Chương Gia đại sư, Ngài cũng cử hành nghi thức này cho tôi. Chúng tôi quy y đông lắm, dường như tới hơn ba mươi người; nhưng Ngài sử dụng nghi thức Quán Đảnh chẳng trực tiếp rảy lên thân từng người, mà dùng tay thấm nước, búng lên không trung, nước rơi xuống trúng đỉnh đầu từng người chúng tôi. Truyền dạy Lục Tự Chân Ngôn, tức Lục Tự Đại Minh Chú, dạy chúng tôi hãy thường niệm câu chú ngữ ấy, giống như Tịnh Độ Tông chúng ta niệm A Di Đà Phật.

Chúng tôi tuổi trẻ, đúng là sơ học cũng chẳng hiểu chuyện, nhưng thầy rất từ bi, chẳng trách móc chúng tôi. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia, tôi thưa: “Án, ma-ni bát-mê hồng nghĩa là gì?” Thông thường, trong Mật Tông chẳng giải thích [chú ngữ], chỉ dạy quý vị niệm, tôi cứ nhất định hỏi rõ ý nghĩa. Thầy dạy: Chữ Án (Aum) trong câu chú là nói tới thân thể. Ma-ni là hoa sen, trong kinh giáo chúng ta thường thấy dùng chữ Ma-ni, Ma-ni là danh xưng của hoa sen trong tiếng Phạn. Bát-mê là bảo trì (gìn giữ), Hồng là ý, tức tâm ý. Theo cách hành văn của họ, sẽ là “thân, hoa sen, bảo trì”, tôi liền hiểu rõ. Người Hoa sẽ nói như thế nào? Khẳng định là giữ gìn thân tâm giống như hoa sen. Hoa sen mọc lên từ bùn lầy nhưng chẳng nhuốm bẩn. Câu chú có ý nghĩa dạy chúng ta phải giữ gìn thân tâm trong sạch giống như hoa sen. Tôi nghe xong, ý nghĩa ấy hay quá, giống như cách ngôn, thời thời khắc khắc nhắc nhở thân tâm của chính mình phải thanh tịnh, mang ý nghĩa này. Vì thế, thầy giảng rõ cho chúng tôi, khiến cho chúng tôi hiểu ý nghĩa, điều này rất quan trọng. Vì sao? Mật Tông nhấn mạnh “miệng niệm chú, tâm quán tưởng, tay kết ấn”, gọi là *“tam mật tương ứng”*, thân - khẩu - ý. Do quý vị chẳng biết ý nghĩa này, quý vị quán tưởng bằng cách nào? Quý vị chẳng có cách nào quán tưởng. Vì vậy, tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, Ngài chẳng truyền dạy Mật Pháp cho tôi. Ngài bảo: “Mật pháp nhất định phải có cơ sở Hiển Giáo cao cấp. Nếu chẳng có cơ sở Hiển Giáo cao cấp, sẽ chẳng thể học Mật”. Vì thế, tôi theo Ngài ba năm, toàn bộ là nhằm đặt vững cơ sở nơi Hiển Giáo. Chúng tôi liễu giải: Trong Phật pháp, Mật thuộc loại Phật pháp cao cấp thật sự. Quý vị chẳng có nền tảng cơ sở, chắc chắn sẽ chẳng hành được! Nhất định phải rèn luyện thân tâm sao cho chẳng nhiễm mảy trần đối với cảnh giới bên ngoài thì mới có tư cách học Mật, chẳng dễ dàng! Hiện thời, chúng ta thấy học Mật quá nửa toàn là Kết Duyên Quán Đảnh, tức là [người nhận Quán Đảnh] có tu hay không, thầy chẳng chịu trách nhiệm, đó là chuyện của bản thân quý vị! Vì thế, sau khi được nhận nghi thức Quán Đảnh, quá nửa người thọ đều chẳng y giáo phụng hành, nghĩa là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất, chẳng thật sự đạt được hiệu quả.

Loại thứ hai, *“Thọ Chức Quán Đảnh, ư như pháp tích hạnh chi sĩ”* (Thọ Chức Quán Đảnh là đối với bậc đúng pháp tu hành, tích tập), Tích (積) là tích lũy, Hành (行) là tu hành, thật sự tu hành, tu hành có thành tựu, *“truyền thọ bí pháp, nhi tác quán đảnh. Đắc quán đảnh dĩ, kham thọ sư vị, ư Mật pháp trung tác A Xà Lê, thị vi Thọ Chức (hoặc Truyền Giáo) Quán Đảnh”* (do truyền trao pháp bí mật mà làm Quán Đảnh. Đã được Quán Đảnh bèn có thể ở vào địa vị thầy dạy, làm bậc A Xà Lê trong Mật pháp. Đó là Quán Đảnh truyền chức (hoặc truyền giáo)). Loại Quán Đảnh này giống như nghi thức trong điển lễ trao bằng tốt nghiệp. Quý vị học hành trong trường, đã học xong các lớp, sẽ đạt được học vị. Thí dụ như học vị Tiến Sĩ, hiệu trưởng trao bằng học vị Tiến Sĩ cho quý vị; điển lễ ấy được gọi là *“Thọ Chức Quán Đảnh”*. Phép Quán Đảnh này là thật, chẳng giả, khẳng định quý vị tu học thành tựu, do truyền trao Mật pháp mà cử hành nghi thức này, cũng như báo cho đại chúng biết quý vị có thể làm A Xà Lê. A Xà Lê (Ācārya) là thầy, trong trường học gọi là Giáo Thọ (giáo sư) [[20]](#footnote-21)[4]. Quý vị có tư cách đảm nhiệm vai trò giáo sư, có năng lực dạy bảo học trò; điều ấy gọi là *“Thọ Chức Quán Đảnh”*, tức là quý vị đạt được học vị. Nếu chẳng đạt được học vị ấy, quý vị chẳng có tư cách làm giáo sư. Vì vậy, những vị A Xà Lê truyền pháp trong Mật Tông đều phải trải qua Thọ Chức Quán Đảnh thì mới được khẳng định.

Hiện tại, trong thời đại này, bậc cao tăng đại đức đều chẳng còn. Có thể nói là hiện nay là thời đại cả thế giới hỗn loạn nhất từ trước tới nay. Chúng ta sanh nhằm đời loạn, trong đời loạn, lắm kẻ tạo ra nỗi oan nghiệt, ít người hành thiện. Chư Phật, Bồ Tát có trụ thế hay không? Nói theo lý, chúng sanh càng khổ, Bồ Tát càng phải đến. Bồ Tát trụ thế nhằm cứu độ chúng sanh khổ nạn. Nói chung, các Ngài chẳng thể thấy chết mà không cứu, nhất định phải đến. Tuy các Ngài có đến, nhưng chúng ta đều chẳng nhận biết, các Ngài chẳng dùng thân phận Phật để đến, cũng chẳng dùng thân phận Bồ Tát để đến, thậm chí cũng chẳng dùng thân phận A Xà Lê để đến, mà thị hiện giống hệt như kẻ bình phàm chúng ta, nên quý vị cũng chẳng nhìn ra. Vì sao? Thật sự thị hiện làm Phật, Bồ Tát, A Xà Lê, quý vị chẳng tin tưởng. Thị hiện làm nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp trong dân gian; quý vị chú tâm quan sát sự biểu hiện của các Ngài, [sẽ thấy] tâm tưởng, ngôn luận, hành vi của các vị ấy chắc chắn chẳng phải là tạo ác. Chú tâm quan sát, sẽ thấy các Ngài xa lìa Thập Ác, biểu hiện của các Ngài chắc chắn tương ứng với Tánh Đức, tương ứng với Thập Thiện. Người Hoa nói là tương ứng với luân lý, đạo đức thì chúng ta gọi người ấy là “hảo nhân”. Trong thời đại này còn có hảo nhân, rất nhiều hảo nhân là do Phật, Bồ Tát ứng hóa, là bậc đại thánh đại hiền tái lai, đến hòa quang đồng trần với chúng sanh. Các Ngài ở chỗ nào, chỗ ấy tai nạn khá nhẹ, thời gian xảy ra tai nạn khá ngắn, đại chúng chúng ta được hưởng lây, chuyện là như thế đó. Phật, Bồ Tát chẳng cần quý vị cung kính các Ngài, cũng chẳng cần quý vị tán thán các Ngài, điều gì các Ngài cũng không cần, sống cuộc đời rất bình phàm, quý vị không có cách nào cảm nhận. Nếu chẳng có các vị ấy, tai nạn trong thế giới này sẽ khôn xiết kể! Các Ngài làm cho tai nạn nhẹ bớt, chậm lại, chẳng phải là làm chuyện gì khác.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: *“Thượng thị thô phân. Nhược tường luận chi, tắc tại thượng thuật nhị giả chi gian, thượng hữu thường hành chi tứ chủng Quán Đảnh”* (Trên đây là phân chia thô thiển. Nếu luận định cặn kẽ, thì trong hai loại vừa nêu trên đây, còn có bốn loại Quán Đảnh thường được cử hành). Đây là kiến thức thông thường được nói kèm thêm, có bốn loại Quán Đảnh. Loại thứ nhất là *“Bình Quán, đắc tu tập sanh khởi thứ đệ chi tự tại”* (Bình Quán, được phép tự tại tu tập sanh khởi theo thứ tự). Hình thức này là [lễ Quán Đảnh sử dụng] tịnh thủy bình, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát một tay (tay trái) cầm tịnh bình, tay phải cầm cành dương; dùng tịnh bình để quán đảnh [[21]](#footnote-22)[5]. Thông thường đều có thứ tự tu tập sanh khởi, [nghĩa là] người học, tức là người tu hành, thuật ngữ *“hành nhân”* trong Phật pháp nghĩa là “người tu hành”, [tu tập] có giai đoạn. Như kinh Hoa Nghiêm nói Thập Trụ, đạt đến địa vị cao nhất là địa vị thứ mười có danh xưng là Quán Đảnh Trụ, sẽ cử hành nghi lễ này. Khi từ địa vị Thập Tín đạt đến địa vị Quán Đảnh, tiến lên cao hơn là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đạt đến địa vị cao nhất trong mỗi tầng cấp. Đó là “tu tập sanh khởi theo thứ tự”. Giống như chúng ta học hành trong nhà trường, tốt nghiệp Tiểu Học, tốt nghiệp Trung Học. Tốt nghiệp Đại Học bèn có học vị. Tốt nghiệp Tiểu Học và Trung Học đều chẳng có học vị. Đấy là Bình Quán.

Loại thứ hai, *“Mật Quán, đắc tu khí mạch, minh điểm chi tự tại”* (Mật Quán, được tự tại tu luyện khí mạch, minh điểm [[22]](#footnote-23)[6]). Công phu sâu hơn loại trước. Đây là dùng mật chú, mật chú có rất nhiều tánh chất, trọn chẳng tương đồng. Có các thứ mật chú giúp quý vị đoạn phiền não, có những mật chú giúp quý vị giải trừ bệnh tật, khôi phục sức khỏe nơi thân thể. Ở trong núi thẳm, hay trên cao nguyên, nhất định phải tu những pháp môn ấy. Vì sao? Sống tại các nơi ấy, việc chữa trị hết sức bất tiện, phải dùng năng lượng của chính mình để giúp cho thân tâm của chính mình khỏe mạnh. Các mật chú ấy dùng một loại âm thanh khiến cho các huyệt đạo trong thân thể chúng ta thông suốt, không bị trở ngại. Bệnh là gì? Do khí huyết không thông nên sanh bệnh. Tại Trung Quốc, quá nửa là dùng phương pháp xoa bóp, khiến cho nó được lưu thông, hoặc dùng phương pháp châm cứu, chỗ nào bị bế tắc, trở ngại, bèn đả thông chỗ đó, bệnh tật sẽ lành, đạo lý là như vậy đó. Phương pháp cao minh nhất là không cần dùng đến châm cứu hay xoa bóp, mà dùng âm thanh. Chỗ nào sanh bệnh, bèn dùng chú ngữ ấy, chúng ta gọi nó là “chú ngữ”, trên thực tế là âm thanh. Âm thanh ấy phát ra, chấn động chỗ bị ứ tắc, do bị chấn động, nó được khai thông, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, trong Đại Tạng Kinh, dùng mật chú để chữa bệnh có rất nhiều chú ngữ, nhưng hiện thời chúng ta niệm các chú ngữ ấy có thể chữa bệnh hay không? Chẳng thể! Do nguyên nhân gì? Chúng ta niệm âm thanh không chuẩn. Âm thanh ấy phải rất chuẩn xác, âm thanh lại còn phải dài, ngắn, mạnh, yếu nhằm chấn động một bộ vị tại một nơi nào đó. Rất hợp lý, chẳng phải là vô lý, đáng tiếc là đã thất truyền, hiện thời chẳng có mấy người biết! Theo những ghi chép trong lịch sử Trung Quốc, vào thời nhà Đường, các chú ngữ chữa bệnh được nói trong kinh điển đều hết sức hữu hiệu. Vì thuở ấy, người xuất gia lẫn tại gia học tập đều rất đúng chân truyền, nên ứng dụng hết sức thuận tiện. Nó có thể khiến cho năng lượng của chính mình tập trung, chẳng tản mát; do vậy, thân thể khỏe mạnh, sống lâu, có thể chống lại phong hàn bên ngoài. Mùa Đông mặc quần áo rất mỏng mà chẳng lạnh; mùa Hè mặc quần áo rất dầy, nhưng chẳng nóng. Người ấy có khả năng như thế. Học loại này cũng phải có công phu kha khá.

Loại thứ ba, *“Huệ Quán, đắc cụ Bồ Đề tâm quyết chi tu trì tự tại”* (Huệ Quán: Đạt được bí quyết tự tại tu trì Bồ Đề tâm). Đây là Trí Huệ Quán Đảnh, cũng là Thượng Sư gia trì học trò. Các vị tổ sư đại đức Thiền Tông Trung Quốc đã sử dụng phương pháp này để giúp học trò đại triệt đại ngộ, trong Mật Tông gọi phương pháp này là Huệ Quán. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Khi nào vị ấy thấy đứa học trò này hiện thời công phu đạt tới mức, đã chín muồi, nhưng còn kém sút đôi chút. Chúng ta thường nghe nói *“bổng hát”* (棒喝: đánh bằng gậy, quát tháo) trong Thiền Đường, đó là một thứ phương thức [tiếp dẫn]. Khi người ấy sắp khai ngộ, nhưng vẫn chưa khai ngộ, còn kém một chút, vị thầy cao minh bèn giáng cho một gậy, hoặc hét một tiếng, khiến người ấy cả kinh, tỉnh ngộ, giải quyết vấn đề, chẳng cần đến ngôn thuyết, khiến cho người ấy hoát nhiên đại ngộ. Những trường hợp giống như vậy được ghi chép rất nhiều trong các bộ ngữ lục của Tông Môn, có trường hợp là đại ngộ, có trường hợp là đại triệt đại ngộ.

Loại thứ tư là *“Đại Thủ Ấn Quán, đắc tu Đại Thủ Ấn đạo chi tự tại. Mật Giáo trọng truyền thừa, vị kinh Quán Đảnh, bất đắc thiện tự tu tập, kinh quỹ diệc bất đắc thiện duyệt”* (Đại Thủ Ấn Quán: Được tự tại tu tập theo đường lối Đại Thủ Ấn [[23]](#footnote-24)[7]. Mật Giáo coi trọng sự truyền thừa. Người chưa được Quán Đảnh, chẳng được tự tiện tu tập, mà cũng chẳng được tự tiện xem đọc các kinh điển, nghi quỹ). Những điều này [là quy định] trong Mật Tông, nên nó được gọi là Mật. Mật ở đây chẳng phải là thần bí, chẳng phải là bí mật, mà là thâm mật (sâu kín), có đạo lý rất sâu. Nhất định phải có thầy truyền thừa, dẫu quý vị có các kinh điển ấy cũng chẳng thể học tập. Quý vị cũng chẳng thể học thành, ắt phải có người chỉ điểm. Chẳng giống như Hiển Giáo, Hiển Giáo có thể *“vô sư tự thông”* (không có thầy mà tự thông hiểu), chứ Mật Giáo thì không được! Mật Giáo nhất định phải có Thượng Sư. Hơn nữa, tu học chưa thành tựu, chẳng thể rời khỏi Thượng Sư. Rời khỏi Thượng Sư sẽ không thể thành tựu, hết sức coi trọng sư thừa. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, lão nhân gia bèn viên tịch; bởi vậy, tôi được đặt vững cơ sở Phật pháp trong ba năm ấy, hết sức khó có! Nếu chẳng có ba năm cơ sở ấy, tôi theo thầy Lý học Giáo mười năm vẫn học chẳng thể thành công! Do ba năm cơ sở ấy, nên học Giáo ở chỗ thầy Lý mười năm mới có căn cơ vững vàng, mới có một chút thành tựu như vậy, rất khó có! Lại nghĩ đến đâu để tìm được một bậc thầy giống như vậy nữa? Tìm chẳng được! Tìm không được thì làm như thế nào? Tôi thường khuyến khích các đồng học, hãy làm tư thục đệ tử của cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát, hãy học theo Mạnh Tử, học theo Ngẫu Ích đại sư thì trong một đời này, chúng ta vẫn còn có thể hy vọng. Chớ nên không đặt vững cơ sở đức hạnh. Chẳng có đức hạnh sẽ không thể có học vấn, chắc chắn là như vậy!

Nói cách khác, làm người chưa xong thì làm sao quý vị có thể làm Phật, làm Bồ Tát cho được? Há lẽ nào có chuyện như thế được? Nếu muốn học thánh, học hiền, học Phật, học Bồ Tát, phải làm người tốt đẹp trước đã. Giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt, tôi thường nói là “bốn thứ tốt”. “Tốt” có tiêu chuẩn, nhất định phải ghi nhớ tiêu chuẩn, rất đơn giản, chẳng phiền phức: Đệ Tử Quy là tiêu chuẩn của Nho gia, Cảm Ứng Thiên là tiêu chuẩn của Đạo gia, Thập Thiện Nghiệp là tiêu chuẩn của Phật gia, ba thứ ấy chẳng thể không học! Chẳng có ba thứ ấy, niệm Phật vãng sanh đều chẳng đáng tin cậy, chẳng nắm chắc. Có cơ sở ấy, học cơ sở ấy đến nơi đến chốn, thực hiện một trăm phần trăm, người ta hỏi quý vị niệm Phật vãng sanh có nắm chắc hay không? Quý vị thật sự nắm chắc! Đúng như kinh điển vừa mở ra bèn là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, quý vị sẽ có phần. Thật sự thực hiện, quý vị sẽ pháp hỷ sung mãn, thật sự là như Khổng Tử đã nói: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”* (học rồi tu tập, cũng chẳng vui sao), thật sự đạt được pháp hỷ, thật sự hưởng vui sướng, quý vị làm được! Quý vị làm không được bèn có phiền não, ưu lự, đau khổ; hễ quý vị làm được bèn chẳng có [những thứ ấy]. Do người bình phàm học Phật, học Đạo, học Nho đều coi thường, bỏ sót các căn cội ấy, [viện cớ] hình như chưa nghe nói người xưa đã học những thứ ấy. Thật ra, chúng ta đã hiểu lầm mất rồi. Người Trung Quốc trong thế kỷ trước, đã học từ ngay khi mẹ mang thai, lẽ nào chẳng học? Khi họ học, quý vị chẳng thấy. Giáo dục ba căn cội được giảng dạy vào lúc nào? Do mẹ dạy. Từ lúc sanh ra cho đến ba tuổi, trong một ngàn ngày ấy là vun quén căn bản giáo dục. Cổ ngạn ngữ Trung Quốc có câu: *“Tam tuế khán bát thập”.* Hiện thời, chẳng nghe ai nhắc đến câu này, chứ lúc chúng tôi còn bé thường nghe nói. [Câu ấy] nói rõ căn cội được vun trồng trong một ngàn ngày của ba năm ấy, đến lúc tám mươi tuổi vẫn chẳng biến đổi. Căn cội ấy vun bồi rất sâu, căn cội ấy được vun bồi rất kiên cố. Vì thế, người ấy nếu gặp duyên, hễ học Nho bèn thành thánh nhân, hoặc hiền nhân. Học Đạo bèn thành thần tiên. Học Phật sẽ thành Phật, hay thành Bồ Tát, thật đấy, chẳng giả đâu!

Hiện tại thì sao? Hiện tại, trong thế kỷ này rất bất hạnh, thế kỷ này là đời loạn. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, sang năm là đúng một trăm năm, suốt một thế kỷ xã hội động loạn là do mọi người coi thường, bỏ sót căn cội này chẳng vun bồi. Nửa thế kỷ gần đây, nói trên danh nghĩa là tiến bộ, chúng ta đi theo đường hướng công nghiệp hóa, công nghiệp hóa là như thế nào? Cạnh tranh. Chồng cạnh tranh trong xã hội, tận hết sức bươn chải vẫn chưa đủ sức, vợ bèn tiếp sức. Hai vợ chồng đều đi làm, con thơ sanh ra chẳng ai chăm sóc, cha mẹ chẳng dạy dỗ. Trong nhà bèn thuê người làm, để người làm dạy dỗ con thơ. Con của quý vị biến thành người làm, chẳng phải là như vậy ư? Quý vị đã làm hư thế hệ kế tục. Người làm dạy như thế nào? Người làm cho trẻ xem TV, trẻ nhỏ bèn ngoan ngoãn, chẳng làm ồn nữa. Do vậy, hiện thời ai dạy dỗ trẻ nhỏ? TV dạy chúng, học Tiểu Học bèn được Internet dạy dỗ. Quý vị hãy nghĩ xem, TV và Internet dạy chúng nó những gì? Dạy chúng nó bạo lực và tình dục, dạy chúng nó giết, trộm, dâm, dối, hủy hoại toàn bộ. Quả báo là gì? Quả báo là xã hội hiện thời động loạn, tai nạn trên địa cầu chẳng phải là không có nguyên nhân. Quả báo hiện tiền, chẳng biết do đâu mà có, vì sao trong quá khứ mấy ngàn năm qua chẳng có những tai nạn như vậy, vì sao hiện tại có lắm tai nạn như thế? Mọi việc ắt có nhân quả, hãy tìm nhân từ nơi quả, từ cái nhân sẽ thấy được quả báo, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo. Tổ tiên thật sự thương yêu con cháu đời sau, ân đức ấy chẳng có cách nào báo đáp.

Khoa học hiện thời chê tổ tiên ngu độn hơn chúng ta, nay chúng ta ra khỏi cửa bèn ngồi xe hơi, ngồi máy bay, tổ tiên cưỡi ngựa hoặc đi bộ, thua xa chúng ta. [Do vậy], xem thường tổ tiên, đó là gì? Là đại bất hiếu! Thời cổ, đại bất hiếu là quả báo gì? Trời tru đất diệt. Quý vị thấy tai nạn hiện thời có phải là trời tru, đất diệt hay không, bất hiếu mà! Bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, tai nạn bèn xảy đến. Các đế vương Trung Quốc từ xưa tới nay đề xướng gì? Họ đề xướng hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy. Mỗi hoàng đế đều mong mỏi sau khi chết, thụy hiệu [[24]](#footnote-25)[8] có chữ Hiếu, họ thông hiểu. Trong xã hội hiện thời, chúng ta chẳng cần đến hiếu kính, tức là quan điểm về giá trị trong xã hội bị đảo ngược, nên nẩy sanh biến hóa một trăm tám mươi độ! Trong quá khứ, quan điểm giá trị là “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ”; hiện thời chẳng còn nữa, trào lưu hiện thời là “bất hiếu, bất kính, bất nhân, bất nghĩa”, người sống trong thế gian rất đáng thương. Chúng ta rất may mắn gặp gỡ giáo dục của thánh hiền, gặp gỡ Phật pháp. Hãy suy nghĩ, nếu chúng ta chẳng được gặp Phật pháp, sẽ sống cuộc đời này như thế nào? Rất khổ sở. Tuy nói là làm người, nhưng chúng ta nghĩ xem, có khác gì ngạ quỷ và địa ngục?

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, đoạn này vẫn tiếp tục cho chúng ta biết đôi chút kiến thức về Quán Đảnh. Vì nội dung kinh Vô Lượng Thọ vô cùng phong phú, có Hiển Giáo, có Mật Giáo, có Tông Môn, có Giáo Hạ. Kinh văn tuy không dài, nhưng hết thảy các giáo nghĩa do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm đều hiện diện viên mãn trong bộ kinh này. Câu kế tiếp là: *“Hựu Quán Đảnh phục hữu Sơ Vị dữ Hậu Vị chi biệt. Sơ Vị giả, như Đại Nhật Kinh Sớ thập ngũ viết: (Hạ văn lược hữu san tiết), thí như thế gian Sát-lợi chi chủng, dục thiệu tự kỳ vị, linh vương chủng bất đoạn cố. Vị kỳ đích tử, nhi tác Quán Đảnh. Thủ tứ đại hải thủy, dĩ tứ bảo bình thịnh chi. Thủy linh lưu chú Thái Tử chi đảnh. Quán thử thủy đã, đại thanh tam xướng”* (Lại nữa, Quán Đảnh có Sơ Vị và Hậu Vị khác nhau. Sơ Vị là như Đại Nhật Kinh Sớ quyển thứ mười lăm chép: (Đoạn văn dưới đây đã được trích lược) “Ví như dòng Sát Đế Lợi (Ksatriya) trong thế gian, do muốn cho ngôi vua được tiếp nối khiến cho dòng vua chẳng bị gián đoạn, bèn làm lễ Quán Đảnh cho đích tử. Lấy nước từ bốn biển cả, dùng bốn cái bình báu để đựng, rưới nước ấy lên đỉnh đầu Thái Tử, lớn tiếng xướng ba lượt”). Kế đó, là lời nhà vua nói: *“Nhữ đẳng đương tri, Thái Tử dĩ thọ vị cánh, tự kim dĩ hậu, sở hữu giáo sắc giai đương phụng hành”* (các ngươi nên biết, Thái Tử đã tiếp nhận chức vị, từ nay trở đi, tất cả mệnh lệnh của Thái Tử đều phải phụng hành). Đó là tại Ấn Độ vào thời cổ, khi Thái Tử tiếp nhận vương vị, trong phần trước đã nói qua, đến chỗ này, bèn trình bày tỉ mỉ. [Quán Đảnh theo lối] Bình Quán, sau khi Quán Đảnh, mấy câu này là truyền lệnh của Thái Tử. *“Nhữ đẳng đương tri”* (các ngươi nên biết): Nhân dân cả nước phải biết, Thái Tử đã tiếp nhận ngôi vị, từ nay trở đi, tất cả các mệnh lệnh của ông ta ai nấy đều phải phụng hành.

Trong Phật pháp, dùng chuyện này làm tỷ dụ: *“Kim Như Lai pháp Vương, diệc phục như thị, vị linh Phật chủng bất đoạn cố, dĩ cam lộ pháp thủy nhi quán Phật tử chi đảnh. Tùng thử dĩ hậu, nhất thiết thánh chúng hàm sở kính ngưỡng, diệc tri thử nhân tất cánh bất thoái ư Vô Thượng Bồ Đề, định thiệu Như Lai Pháp Vương chi vị. Dĩ thượng tựu hành nhân Sơ Vị nhi thích”* (Nay đấng Như Lai Pháp Vương cũng giống như thế, vì muốn cho dòng dõi Phật chẳng đoạn, nên dùng nước cam lộ rưới lên đỉnh đầu Phật tử. Từ nay trở đi, hết thảy thánh chúng đều cùng kính ngưỡng, và cũng biết người ấy rốt ráo chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, chắc chắn nối ngôi vị Như Lai Pháp Vương. Trên đây là lời giải thích về Sơ Vị [Quán Đảnh] của hành nhân). Đây là Thọ Ký Quán Đảnh, người ấy đã thành Phật hay chưa? Chưa thành Phật, nhưng ta biết người ấy tu hành thật sự chẳng thoái chuyển, tương lai nhất định thành Phật. Đó là đức Phật thọ ký cho người học, nên gọi là Sơ Vị. Đức Phật quán đảnh có cần dùng đến nước hay không? Vẫn dùng, nhằm biểu trưng pháp, quý vị phải biết điều đó. Phật pháp trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức, nhưng cần phải có hình thức ấy để biểu diễn cho đại chúng xem, hy vọng đại chúng nhìn vào hình thức ấy, chớ quên ý nghĩa thật sự của việc Quán Đảnh. Quán (灌) nghĩa là gì? Nghĩa là truyền trao. Thầy giảng đạo lý tu hành cho quý vị nghe, quý vị đã hiểu rõ, giác ngộ, đó là Quán Đảnh, quán nhập! Giảng cho quý vị nghe, nhưng quý vị nghe chẳng hiểu rõ, nghe chẳng thông suốt, tức là tuy quán nhưng chẳng lọt vào [tâm của hành nhân] được. Chuyện là như vậy đó. Quý vị thật sự nghe hiểu, sau khi nghe hiểu, y giáo phụng hành, đạt được lợi ích; cho nên là Sơ Quán. Do điều này, chúng ta phải hiểu: Hình thức chẳng trọng yếu, có hình thức hay không đều chẳng sao! Chúng ta cầu Phật quán đảnh cho chúng ta, có cầu được hay không? Có thể! Có quán nhập hay chăng? Tùy thuộc cá nhân! Cách cầu như thế nào? Quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt, tức là được mười phương Như Lai quán đảnh cho quý vị một lần. Quý vị niệm một lần, thật sự thấu hiểu, thật sự minh bạch, y giáo phụng hành, tức là đã quán nhập. Mỗi ngày niệm hai lần là được quán đảnh hai lần, mỗi ngày niệm mười lần là được quán đảnh mười lần. Đó là Chân Quán Đảnh, chẳng giả. Tuy chẳng có hình thức, nhưng thật sự được truyền thụ. Mười phương ba đời hết thảy Như Lai đều y theo phương pháp trong bộ kinh này để tu hành chứng quả, và cũng nương theo phương pháp ấy để giáo hóa hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh thành tựu giống như Phật. Đó gọi là Đại Quán Đảnh, Chân Quán Đảnh, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Từ đầu đến cuối bộ sách này, từng câu từng chữ đều đáng gọi là *“cam lộ pháp thủy”*, hãy thật sự y giáo phụng hành. Quý vị thấy từ nay trở đi, *“nhất thiết thánh chúng hàm sở kính ngưỡng, diệc tri thử nhân tất cánh bất thoái ư Vô Thượng Bồ Đề”* (hết thảy thánh chúng đều cùng kính ngưỡng, cũng biết người ấy rốt ráo chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề), tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định chứng đắc *“Như Lai Pháp Vương chi vị”* (địa vị Pháp Vương của Như Lai), khẳng định! Đó là ý nghĩa Quán Đảnh trong Phật pháp, dùng chuyện này để biểu thị pháp.

*“Chí ư Hậu Vị”* (còn đối với Hậu Vị), *“Hậu Vị”* là Quán Đảnh sau khi thành Phật. *“Tắc như Bí Tạng Ký viết: Bồ Tát Sơ Địa nãi chí Đẳng Giác, cứu cánh thiên Phật quả thời”* (thì như sách Bí Tạng Ký [[25]](#footnote-26)[9] giảng: “Bồ Tát từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, khi rốt ráo đạt đến Phật quả”), *“thiên”* (遷) ở đây là chứng đắc, chứng đắc Phật quả, chứng đắc địa vị Diệu Giác, *“chư Phật dĩ Đại Bi thủy quán đảnh”* (chư Phật dùng nước Đại Bi rưới đảnh), đây là hết thảy chư Phật bằng gia trì bằng ý niệm, nên gọi là *“Quán Đảnh”.* Đối với bất cứ một ai, đó là lúc nào? Lúc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, mười phương chư Phật gia trì người ấy. Chúng ta là hạng phàm phu tầm thường chẳng thấy, nhưng chính người ấy biết, chư Phật Như Lai biết, Pháp Thân đại sĩ biết. Không chỉ biết mà còn đều thấy, tin tức ấy lập tức truyền khắp pháp giới, lẽ nào chẳng biết! Chỉ có lục đạo phàm phu, ngoại phàm trong mười pháp giới mê hoặc, điên đảo, những kẻ ấy không biết. Mấy câu kết thúc rất hay, nhằm nêu ra cho chúng ta biết ý nghĩa chân thật của Quán Đảnh: *“Hựu Bí Tạng Ký Sao thất”* (lại nữa, Bí Tạng Sao Ký, quyển bảy), trong quyển thứ bảy có một đoạn như thế này, *“Quán giả”*, Quán là gì? *“Đại bi hộ niệm nghĩa”* (nghĩa là đại bi hộ niệm), đó là Quán. Đảnh là gì? *“Đảnh giả, Phật quả tối đảnh nghĩa”* (Đảnh: Phật quả là tột đỉnh). Trong Phật pháp, chỗ vô thượng tối cao, tuyệt đỉnh trong Phật pháp thì gọi là Đảnh.

Thời đại Tùy - Đường là thời đại hoàng kim trong Phật giáo Trung Quốc, tại lãnh thổ Trung Quốc, mười đại tông phái đều được thành lập trong thời đại ấy. Tiểu Thừa có hai tông là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Đại Thừa có tám tông, trong tám tông ấy có Thiền Tông và Mật Tông, Thiền Tông xưng là Tông Môn, bảy tông phái Đại Thừa còn lại đều gọi là Giáo Hạ, nên gọi là Tông Môn - Giáo Hạ. Vào thời cổ, tại Trung Quốc, Phật giáo được gọi là Tông Giáo, chẳng liên quan gì đến “tôn giáo” nói trong hiện thời. Thời cổ, hễ nói đến Tông Giáo tức là nói đến Tông Môn và Giáo Hạ trong Phật môn, mang ý nghĩa ấy. Chữ Tông chuyên gọi Thiền Tông, chữ Giáo chính là bảy tông phái khác biệt đều gọi là Giáo. Vì sao xưng hô như vậy? Thiền Tông dùng phương pháp giáo học đặc thù, chẳng có văn tự, chẳng phải nương vào kinh điển để giáo học. Những người [là đối tượng của cách giáo học như vậy] được gọi là “thần đồng”. Bậc thượng thượng căn chẳng cần đến văn tự, họ đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Sau khi đã kiến tánh mới học kinh điển, chưa kiến tánh chẳng học kinh điển. Sau khi đã kiến tánh, học kinh điển nhanh chóng, như Long Thọ Bồ Tát, đối với hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài cần bao nhiêu thời gian để học trọn hết? Học xong toàn bộ trong ba tháng, ba tháng đã tốt nghiệp. Học như thế nào? Mỗi bộ kinh đọc đôi ba câu đã hiểu rõ, chẳng cần đọc kinh ấy nữa, nên học nhanh lắm! Ba tháng là chín mươi ngày, chúng ta có lý do để tin tưởng. Đối với Long Thọ Bồ Tát, chúng ta chưa thấy [kinh sách ghi chép cụ thể để chứng thực điều ấy], nhưng đối với Lục Tổ Huệ Năng đại sư thì chúng ta thấy được. Trong Đàn Kinh đã ghi chép một trường hợp vô cùng hay. Thiền sư Pháp Đạt cũng là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, cả đời là một bộ kinh Pháp Hoa, đại khái đã niệm mười năm, [vì Sư tự cho biết đã] niệm hơn ba ngàn lần. Kinh Pháp Hoa rất dài, đại khái mỗi ngày chỉ có thể niệm một lần, bảy quyển kinh văn dài, niệm ba ngàn lần. Tới bái kiến Lục Tổ đại sư, gặp mặt, cúi đầu lễ, nhưng đầu chẳng sát đất, đảnh lễ ba lạy, đầu chẳng sát đất. Đứng lên, Lục Tổ hỏi Sư: “Vừa rồi ông lễ bái, đầu chẳng chạm đất, ông có gì đáng để kiêu ngạo đó chăng?” Đó là ngạo mạn, [tuy đảnh lễ nhưng] đầu chẳng sát đất. Sư rất thành thật, [thưa] “tôi đã niệm ba ngàn biến kinh Pháp Hoa”, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Lục Tổ hỏi Sư: “Kinh Pháp Hoa giảng gì vậy?” Sư chẳng đáp được, niệm rất thuộc, có thể đọc thuộc lòng. Sư thưa hỏi Lục Tổ, Lục Tổ bảo: “Ta chưa nghe kinh ấy”. Lục Tổ không biết chữ: “Ông hãy niệm cho ta nghe”. Kinh Pháp Hoa hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, Lục Tổ bảo: “Được rồi, phần sau chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu rõ toàn bộ rồi”. Quý vị thấy hai mươi tám phẩm kinh, [mới nghe] hai phẩm Ngài đã hiểu toàn bộ, phần sau không cần [nghe nữa]. Trong ba tháng, Long Thọ Bồ Tát hiểu rõ toàn bộ Đại Tạng Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng! Do vậy, Tông Môn lợi hại, sau khi khai ngộ, đối với Phật pháp, một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Thật ra, sáu trăm quyển Đại Bát Nhã được Thích Ca Mâu Ni Phật giảng trong hai mươi hai năm, kinh Kim Cang là một phần trong ấy. Ngũ Tổ chỉ giảng đại ý kinh Kim Cang cho Lục Tổ, mà cũng chẳng cần đến kinh bổn, vào canh ba nửa đêm, chúng tôi ước đoán chẳng giảng lâu hơn hai giờ. Ngài giảng đến câu: *“Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*, Lục Tổ hoát nhiên đại ngộ, chẳng cần giảng nữa. Những điều khác hoàn toàn chẳng giảng, đã thông hiểu toàn bộ rồi. Ngũ Tổ truyền y bát cho Sư, thọ ký cho Sư: *“Ông giống như A Xà Lê, ông là Tổ Sư đời thứ sáu của Tông Môn”.*

Do cách giáo học đặc thù của Thiền Tông, chẳng phải là bậc thiên tài sẽ chẳng thể học, quý vị học gì cũng chẳng được. Không giống như Giáo Hạ, Giáo Hạ là một trường học thông thường, trong bảy tông phái còn lại, Thiên Thai là Pháp Hoa Tông, Hiền Thủ là Hoa Nghiêm Tông, trừ những tông chúng ta quen thuộc ấy ra, còn có Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, Luật Tông, Mật Tông (Mật Tông cũng thuộc về Giáo Hạ), và Tịnh Độ Tông. Những tông phái ấy đều dựa theo kinh điển. Giống như dạy học trong nhà trường, từ cạn đến sâu, học từ từ, có Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, nâng cao từng bước một. Chẳng giống như Thiền Tông, Thiền Tông là “một bước lên trời”, hễ khai ngộ tất cả đều hiểu rõ. Tông Môn và Giáo Hạ là hai loại phương thức giáo học khác nhau. Giáo Hạ là cách giáo học thông thường, có thứ lớp. Tông Môn chẳng có thứ lớp, nên rất khó thành tựu. Lục Tổ Huệ Năng đại sư tại Trung Quốc truyền pháp có thể nói là không tiền khoáng hậu, sau Ngài chẳng có ai được như vậy nữa. Trong đời Ngài, dưới sự điều giáo (uốn nắn, giáo hóa) của Ngài, có bốn mươi ba người đại triệt đại ngộ. Trong quá khứ, Tông Môn chẳng có nhiều người [đại triệt đại ngộ] như thế! Một thầy truyền được một hai học trò, làm sao có thể truyền tới bốn mươi ba người? Các vị tổ sư Thiền Tông sau đó truyền tối đa cũng không quá ba, bốn người. Truyền được một người là nhiều nhất, [những vị thiền sư] chẳng có truyền nhân càng nhiều, suốt đời tìm chẳng ra người để truyền pháp!

Tông Môn và Mật Tông đều phải có người truyền, nhất định phải có thầy chân truyền để truyền trao, chẳng có thầy đều chẳng thể thành tựu! Không giống như Giáo Hạ, Giáo Hạ chẳng có thầy, y theo kinh điển vẫn có thể thành tựu, từ từ đạt được. Đặc biệt là Tịnh Độ Tông trong Giáo Hạ, trong kinh Đại Tập đức Phật đã thọ ký cho mọi người chúng ta, lão nhân gia nói rất hay: *“Chánh Pháp thời kỳ, giới luật thành tựu”*, [nghĩa là] kể từ sau khi đức Phật diệt độ, suốt một ngàn năm là thời kỳ Chánh Pháp, thật sự có thể trì giới bèn đắc Định, có thể chứng quả A La Hán. Thành tựu trong nhà Phật là có thể ngay trong đời này vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán, được coi như thành tựu. Chưa thể vượt thoát lục đạo, vẫn luân hồi trong lục đạo, tức là chẳng có thành tựu. Phước báo nhân thiên chẳng thể coi là thành tựu, trong Giáo Hạ nhất định phải hiểu điều này. *“Tượng Pháp thời kỳ”*, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đó là một ngàn năm thứ hai, *“Thiền Định thành tựu”*, nên phong khí Thiền triển khai rộng khắp tại Trung Quốc, pháp vận của Thiền là một ngàn năm. Hiện thời chẳng còn nữa, nay là thời kỳ Mạt Pháp, đại khái là hiện thời học Thiền đắc Định đều chẳng thấy. Thời kỳ Mạt Pháp, đức Phật dạy *“Tịnh Độ thành tựu”.* Mạt Pháp là một vạn năm, hiện thời đã qua một ngàn năm. Từ xưa đến nay, theo sự ghi chép của các bậc cao tăng đại đức Trung Quốc, chúng ta có thể thấy điều này từ các kinh điển bằng tiếng Hán, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh vào năm hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, tức năm Giáp Dần. Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi Cọp, năm Dần là năm Cọp, Giáp Dần mà! Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt vào năm năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tám mươi tuổi. Người Trung Quốc tính tuổi theo lối hư tuế (tuổi ta), còn người ngoại quốc tính theo tuổi thật nên là bảy mươi chín tuổi. Nếu dựa theo cách tính toán này cho đến hiện thời, tức là từ năm Châu Mục Vương năm mươi ba cho tới hiện thời sẽ là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Đến nay, Mạt Pháp đã trải hơn một ngàn năm, tức là một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, sang năm là một ngàn lẻ ba mươi tám năm. Nhằm thời Mạt Pháp thì *“Mạt Pháp thời kỳ, Tịnh Độ thành tựu”*, Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký chuyện này. Chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, nhất tâm nhất ý tu pháp môn Tịnh Độ, nghe theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài dạy chúng ta hãy tu Tịnh Độ trong thời kỳ này.

Trong các kinh luận Tịnh Độ, bộ kinh này là kinh điển trọng yếu nhất, là đại kinh căn bản của Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ thích hợp thời đại này. Trong Tịnh Độ, vào lúc kết thúc một ngàn năm thứ nhất của thời Mạt Pháp, lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thế gian, vì chúng ta hội tập một bản kinh viên mãn như vậy, khẳng định kinh bổn này còn được lưu truyền chín ngàn năm nữa. Do vậy, tại ngoại quốc, rất nhiều người nói đến tận thế, nhưng Phật pháp chẳng như vậy! Phật pháp hãy còn chín ngàn năm về sau nữa, lẽ đâu có tận thế? Pháp vận chín ngàn năm, trong quá khứ, Chương Gia đại sư bảo tôi, [pháp vận] có hưng, có suy, hễ có hưng, có suy, sẽ chưa phải là diệt pháp, chư Phật, Bồ Tát sẽ chiếu cố. Chúng ta hiện thời đang [ở vào thời kỳ Phật pháp] suy vi, suy đến tột cùng chính là thời đại này. [Phật pháp] có thể hưng khởi hay không? Có thể! Chúng ta lưu ý, có những người trẻ tuổi, thanh thiếu niên thật sự có thiện căn, tôi nghĩ trong số ấy có những vị tái lai, nếu phát hiện những người ấy, chúng ta hãy toàn tâm toàn lực giúp họ, đời này qua đời khác sẽ dần dần hưng vượng lên.

Đây là nói theo nhà Phật, tổ sư đại đức dạy chúng ta ý nghĩa của Quán Đảnh, ý nghĩa thật sự của sự Quán Đảnh được trình bày bằng mấy câu này. *“Đại bi hộ niệm”* là ý nghĩa của chữ Quán, chân quán, Đại Bi hộ niệm! Phật quả tột đỉnh, kinh Vô Lượng Thọ là Phật quả tột đỉnh. Quý vị thấy trong quá khứ, các vị đại đức thời Tùy - Đường cũng nhằm lúc tâm huyết sôi trào, mọi người ngồi lại đàm luận: “Thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, bộ kinh nào là đệ nhất, trọng yếu nhất?” Gần như mọi người đều công nhận kinh Hoa Nghiêm là bậc nhất. Vì thế, tôn xưng kinh Hoa Nghiêm là “căn bản pháp luân”. Thuở trước, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, đã nhắc tới kinh Hoa Nghiêm, bảo kinh Hoa Nghiêm là khái luận triết học trong kinh Phật. Theo cách nhìn ấy của cụ, khái luận triết học trong kinh Phật thì cũng là chí cao vô thượng. Cụ đặc biệt giới thiệu với tôi, trong kinh ấy có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh xác, tức là phương pháp tinh mật và xác thực, phía sau lại còn kèm theo biểu diễn. Cụ nói các sách triết học trên toàn thế giới chẳng có sách nào có thể sánh bằng kinh Hoa Nghiêm. Quả thật, kinh Hoa Nghiêm quá hay, cuối kinh là năm mươi ba lần tham học nhằm biểu diễn cho chúng ta thấy. Cuối kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy kinh viên mãn như thế nào? Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, Hoa Nghiêm đạt đến rốt ráo viên mãn. Chư vị phải biết: Nay chúng ta đang đọc phẩm này là phẩm thuộc Tự Phần, *“Đức Tuân Phổ Hiền”*. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới gì? Thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng phải là thế giới Hoa Nghiêm hay sao? Vì thế, nói Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy kết về đâu? Quy vào Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Thọ là đệ nhất trong đệ nhất, điều này đã được các vị tổ sư đại đức công nhận từ xưa. Ngàn kinh vạn luận chỗ nào cũng chỉ quy, Thích Ca Mâu Ni Phật luôn dẫn dắt chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, nhất định sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề trong hội A Di Đà Phật. Do vậy, đối với Quán Đảnh, kinh Vô Lượng Thọ mới thật sự là *“đảnh pháp”* (pháp cao tột đỉnh), cao hơn kinh Hoa Nghiêm, chúng ta phải biết điều này. Vì thế, gọi là Đảnh. Bởi lẽ đó, đọc bộ kinh này từ đầu [đến đuôi] một lượt tức là được mười phương hết thảy Như Lai quán đảnh một lần, thật đấy, chẳng giả. Có thể y giáo phụng hành, lẽ nào chẳng được lợi ích!

*“Chư Phật hộ niệm, linh chí Phật đảnh trụ, giai danh Quán Đảnh dã. Kim kinh vân ‘thăng Quán Đảnh giai’, đối dự hội đại sĩ nhi ngôn, nãi chỉ Hậu Vị”* (chư Phật hộ niệm khiến cho đạt đến trụ nơi Phật đảnh, đều gọi là Quán Đảnh. Nay kinh này nói “đạt lên địa vị Quán Đảnh”, đối với các vị đại sĩ tham dự pháp hội mà nói thì họ là Hậu Vị [Quán Đảnh]). Sơ Vị đối với Hậu Vị là nâng lên từng bậc, nâng lên tới địa vị Diệu Giác. Chư Phật hộ niệm giúp cho chúng ta thành Phật, đạt đến Phật đảnh trụ, đó là ý nghĩa “Quán Đảnh”. *“Nhược chỉ giáo đạo chúng sanh, tắc thọ quán giả thị Sơ Vị”* (nếu nói về phía chúng sanh được chỉ dạy thì người thọ Quán Đảnh thuộc Sơ Vị). Nay chúng ta tiếp nhận Phật pháp, tiếp nhận kinh Vô Lượng Thọ, thật sự y giáo tu học, thì là Sơ Vị Quán Đảnh. Quý vị đến thế giới Cực Lạc, tương lai thành Phật, đó là Hậu Vị Quán Đảnh. Ở đây là Sơ Vị. Đoạn này nhằm giải thích ý nghĩa của sự Quán Đảnh.

Đoạn kế tiếp là thọ ký, *“thọ Bồ Đề ký”*, câu kinh văn này cũng trích từ bản Đường dịch*. “Thọ giả, phó dữ chi nghĩa (cấp nhĩ). Ký giả, ký thức chi nghĩa, diệc tức huyền ký chi ký”* (Thọ (授) có nghĩa là trao cho (cho quý vị). Ký (記) nghĩa là ghi nhớ, mà cũng là chữ Ký trong huyền ký), giống như nay chúng ta nói là “tiên đoán”, dự báo trước, chứ hiện thời quý vị vẫn chưa đạt được. *“Phật đối phát đại tâm chi chúng sanh, thọ dữ đương lai tất định tác Phật chi ký, xưng vi Thọ Ký”* (Đức Phật đối với những chúng sanh phát đại tâm, dự đoán người ấy trong tương lai nhất định làm Phật, thì gọi là Thọ Ký). Trước hết, chúng ta phải hiểu [từ ngữ] *“phát đại tâm chúng sanh”*, *“đại tâm”* là đại Bồ Đề tâm, phát tâm làm Phật, ta trong một đời này muốn thành Phật, đối với những người như vậy đức Phật mới thọ ký. Làm Phật bằng cách nào? Niệm Phật bèn thành Phật. Nói cách khác, thật sự phát tâm tu pháp môn Tịnh Độ, đều là chúng sanh phát đại tâm, vì sao? Tịnh Độ là đại pháp, chẳng phải là tiểu pháp. Tịnh Độ là đại thành tựu, chẳng phải là tiểu thành tựu. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là chứng A La Hán, chẳng phải là chứng quả vị Bồ Tát, đến thế giới Cực Lạc là thành Phật, quý vị và Thích Ca, A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật có địa vị giống nhau. Do vậy, thật sự phát tâm niệm Phật chẳng tuyệt diệu ư? Người bình phàm chẳng biết, lục đạo chúng sanh cũng không biết. Không chỉ lục đạo chẳng biết, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới cũng đều không biết. Mười pháp giới vẫn là phàm phu chưa kiến tánh y như cũ, Phật trong mười pháp giới chưa phải là chân Phật. Vì thế, Thiên Thai đại sư gọi những vị Phật ấy là Tương Tự Tức Phật, chưa phải là Chân Phật. Minh tâm kiến tánh mới là chân Phật, vị ấy sử dụng chân tâm. Vì lẽ đó, pháp môn này không gì cao hơn, không gì bằng, khôn sánh; chúng ta đã gặp gỡ mà trọn chẳng biết trân quý, chẳng biết giá trị. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp môn này, ngay cả Hoa Nghiêm vẫn chẳng sánh bằng. Nếu Hoa Nghiêm thật sự hay hơn, cần gì cuối kinh phải có mười nguyện Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc? Chẳng cần thiết! Cuối cùng [kinh Hoa Nghiêm] vẫn phải dùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, quý vị nghĩ xem có ý vị gì!

Bản thân tôi biết mình căn tánh chẳng thông lợi, nghiệp chướng rất nặng. Thuở ban đầu học Phật, suốt mười mấy năm chẳng hiểu Tịnh Độ. Thầy khuyên tôi học Tịnh Độ, thầy Lý đã khuyên mười mấy lần, tôi vẫn chẳng động tâm. Thậm chí thầy còn phải thốt ra những lời mà người bình phàm rất khó nói. Thầy bảo tôi: *“Anh cứ tu Tịnh Tông thử coi! Anh thấy bao nhiêu vị đại sư, đại đức từ xưa đều học pháp này. Vạn nhất là bị lừa thì cả đống người bị lừa như vậy, chúng ta bị gạt lần này cũng chẳng sao!”* Dùng những lời như thế bảo ban, khuyên nhủ tôi, tôi vẫn chẳng tiếp nhận, tôi cười cười, chẳng dám phản bác thầy, nhưng tôi vẫn học Giáo. Khi đó, tôi học Giáo là học Hoa Nghiêm. Tin tưởng [Tịnh Độ] như thế nào? Cũng là có một ngày đột nhiên cảm nhận, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, đó là hai vị đại Bồ Tát được tôn kính nhất trong tâm mục của người học Hoa Nghiêm, tôi nghĩ hai Ngài do học pháp môn gì mà thành tựu? Còn có Thiện Tài đồng tử là môn sinh đắc ý, là đệ tử nhập môn của Văn Thù Bồ Tát, chắc chắn Thiện Tài tu cùng một pháp môn với ngài Văn Thù. Lúc đó, tôi đã giảng kinh Hoa Nghiêm được một nửa, phần sau chưa giảng đến, lật phần sau ra coi, coi đến quyển thứ ba mươi chín trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, [nhận thấy] Văn Thù Bồ Tát phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Trong phần trước, chúng ta đã niệm hai bài văn phát nguyện của các Ngài. Tôi cảm thấy rởn da gà, chuyện này là như thế nào? Sau đấy, đọc kỹ lưỡng năm mươi ba lần tham học mới thấu hiểu. Vị thiện tri thức thứ nhất trong năm mươi ba lần tham học là tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Thiện Tài đồng tử tham phỏng vị thiện tri thức ấy tức là gì? Tương trưng *“tiên nhập vi chủ”*! Lại nhìn vào vị thiện tri thức cuối cùng, mười đại nguyên vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Chúng tôi khẳng định, Thiện Tài đồng tử từ đầu tới cuối niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do như vậy, tôi mới tin tưởng Tịnh Độ, mới thật sự không dám khi dễ kinh luận Tịnh Độ. Tôi trở về Tịnh Độ chẳng dễ dàng, nhưng đã quay về bèn thật sự quay đầu, chẳng giả, tôi đã hiểu rõ ràng. Sau khi đã hiểu rõ, tôi mới tin tưởng, mới tiếp nhận. Chưa hiểu rõ ràng, minh bạch, thầy khuyên cách nào, quý vị thấy tôi đều chẳng động tâm.

Vì vậy, những ai đã dẫn tôi vào Tịnh Độ? Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Lúc ấy, tôi ưa thích giảng những kinh điển ấy, giảng đại ý kinh Pháp Hoa, tôi nhớ hình như lúc ấy giảng đại ý kinh Pháp Hoa sáu mươi giờ. Đúng là chẳng dễ dàng, nhận biết rõ ràng, hiểu minh bạch thì mới là “được Phật thọ ký”. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, khăng khăng một mực tu học pháp môn này, hiện tiền được Phật thọ ký. Khi nào đức Phật sẽ thọ ký cho quý vị? Quý vị đọc đến đoạn kinh văn này, ở đây là thọ ký Bồ Đề. *“Thăng Quán Đảnh giai, thọ Bồ Đề ký”* (lên địa vị Quán Đảnh, thọ ký Bồ Đề), chính là thọ ký cho quý vị. [Nói cách khác], hai câu kinh văn này là đức Phật thọ ký cho quý vị. Chúng ta phải thẳng thừng đảm nhận, chớ nên khách sáo. Nếu nghĩ “đấy là Phật thọ ký cho Bồ Tát, ta chẳng có phần” thì lỡ làng rồi! Quý vị phải cùng với các vị Bồ Tát tiếp nhận lời thọ ký của đức Phật, đó là chánh xác. Do vậy, quý vị thấy đó, mỗi ngày quý vị đọc kinh này là mỗi ngày khai ngộ, mỗi ngày được Phật quán đảnh, mỗi ngày được Phật thọ ký, khẳng định quý vị phiền não ngày càng nhẹ, chắc chắn trí huệ ngày càng tăng trưởng.

*“Kinh trung”*, câu kinh ấy, *“thọ Bồ Đề ký, biểu dự hội đại sĩ quân mông thọ ký”* (“thọ Bồ Đề ký” biểu thị các đại sĩ tham dự pháp hội đều được thọ ký), chúng ta cũng thuộc trong số đó, chẳng lọt ra ngoài. Quý vị chẳng chân tâm tu pháp môn này sẽ chẳng có phần, chẳng thuộc vào đó. Ta chân tâm tu pháp môn này, buông các pháp môn khác xuống, toàn tâm toàn ý chuyên tu pháp môn Niệm Phật, một phương hướng, một mục tiêu, một phương hướng là Tây Phương Tịnh Độ, một mục tiêu là thân cận A Di Đà Phật. Hãy nhớ *“hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, ý niệm có năng lượng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta chỉ có một ý niệm này, thân cận A Di Đà Phật, chỉ có một ý niệm ấy, vĩnh viễn theo gót A Di Đà Phật, học tập A Di Đà Phật, đó là đúng. *“Định đương tác Phật”* (nhất định sẽ làm Phật), vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ai không thành Phật. Tuy thành Phật có sớm hay trễ khác nhau, nhưng có thể nói: Đều là thành Phật rất nhanh chóng! Quý vị thấy người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là địa vị thấp nhất, đạt đến “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” chỉ cần mười hai kiếp. Thoạt nhìn, chúng ta thấy mười hai kiếp rất dài, nhưng trong thế giới Cực Lạc [thời gian ấy] rất ngắn, do thọ mạng là vô lượng thọ nên mười hai kiếp còn chưa bằng mười hai ngày! Trong các thế giới phương khác, chẳng tìm được điều này! Trong các thế giới phương khác, quý vị phải đoạn phiền não, quý vị nghĩ xem phiền não rất khó đoạn. Đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới chứng A La Hán, thành Phật càng xa xôi. Càng tiến lên cao, phiền não càng khó đoạn. Do vậy, trong các thế giới phương khác, [chẳng hạn như trong] thế giới Sa Bà của chúng ta, thành Phật phải mất vô lượng kiếp. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chậm nhất là mười hai kiếp, nhanh nhất thì sao? Nhanh nhất là tới đó bèn thành! Chúng ta chưa thể đạt được nhanh nhất, nhưng cũng chẳng đến nỗi chậm nhất. Thông thường trong thế giới Cực Lạc, để thành Phật, ước chừng ba, bốn, năm kiếp là đã thành tựu, thật sự hy hữu, khó gặp. *“Phục chỉ thị chư đại sĩ quảng vị chúng sanh thọ ký tác Phật”* (lại còn có nghĩa là các vị đại sĩ ấy đã thọ ký cho rộng khắp các chúng sanh đều thành Phật), câu này đã bao gồm toàn bộ chúng ta trong đó. Các vị đại sĩ ấy là các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà cũng là các vị Bồ Tát trong mười phương các cõi Phật, chẳng có vị nào không giảng bộ kinh này, chẳng có vị nào không truyền pháp môn này, đều là khuyên trọn khắp hết thảy chúng sanh hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những vị ấy đã thọ ký hết thảy chúng sanh làm Phật, thật vậy, chẳng giả. Chúng ta đã gặp gỡ, phải cảm ân, phải thật sự tu tập. Pháp môn này và kinh điển này đã ban cho chúng ta hy vọng vô cùng, chúng ta phải nhận biết, phải nắm vững cơ duyên này, quyết định thành tựu trong một đời này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 55 hết**

1. [1] Dép cỏ (thảo hài) là một loại sandal bện bằng cỏ, lác, rơm v.v..., thường dùng nhất là cỏ tranh, hoặc rạ, có nhiều hình thức, thông thường là bện thành hình giống như sandal có quai chéo, có khi bện thành hình một chiếc giầy có thể xỏ chân vào. Loại thảo hài này cũng được các dân tộc chung quanh bắt chước sử dụng như loại waraji của Nhật thường bện bằng rạ, hoặc thân cây bắp. Người Đại Hàn dùng cỏ bện thành giầy, lót thêm vải và giấy cứng làm đế để có thể sử dụng lâu hơn. [↑](#footnote-ref-2)
2. [2] Hành lang Hà Tây (Hà Tây tẩu lang: 河西走廊) còn gọi là Cam Túc Tẩu Lang, kể từ rặng Ô Tiêu ở phía Đông cho đến ải Ngọc Môn ở phía Tây, nằm giữa Nam Sơn (gồm các rặng Kỳ Liên Sơn, Altyn-Tagh) và Bắc Sơn (Mã Tông Sơn, Hợp Lê Sơn và Long Thủ Sơn). Đây là một vùng bình địa dài và hẹp, trông giống như một hành lang nên được gọi là *“hành lang”.* Lại do vùng này nằm ở phía Tây Hoàng Hà nên gọi là Hà Tây Tẩu Lang. Khu vực này bao gồm khu vực Lan Châu của tỉnh Cam Túc, tức là bao gồm bốn quận Vũ Oai (tức Lương Châu thời cổ), Trường Dịch (thời cổ là Cam Châu), Tửu Tuyền (Túc Châu) và Đôn Hoàng (Sa Châu), kể cả Tây An (kinh đô Trường An thời cổ). Do vùng này thuộc lãnh thổ nước Tần thời Chiến Quốc, nên khi các lãnh chúa chiếm giữ vùng này xưng đế, đều lấy quốc hiệu là Tần. [↑](#footnote-ref-3)
3. [1] Cố đô Lạc Dương nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam. Do nằm ở phía Bắc sông Lạc Thủy (Lạc Hà) nên gọi là Lạc Dương (theo cách gọi của người Hoa thời cổ, phía Bắc sông nước gọi là Dương, phía Nam gọi là Âm). Thành phố này còn các tên cổ là Lạc Ấp, Kinh Lạc, Lạc Thành, Đông Đô, Thần Đô, Thành Châu. Theo truyền thuyết, Lạc Dương đã có từ thời nhà Hạ. [↑](#footnote-ref-4)
4. [2] Chùa Bạch Mã hiện thời vẫn còn, nằm cách thành cổ Lạc Dương mười hai cây số, phía Bắc dựa vào núi Mang Sơn, nhìn ra dòng Lạc Hà. Chùa được kiến tạo vào năm Vĩnh Bình 11 (68) đời Hán Minh Đế. Theo Hậu Hán Thư, vua kiến tạo ngôi chùa này theo kiểu Thiên Trúc để hai vị pháp sư trụ tích và dịch kinh. Do thoạt đầu, hai vị ở tạm tại Hồng Lô Tự (cơ quan lo việc nghi lễ trong triều đình), nên khi chùa được xây xong, dùng ngay chữ Tự để gọi tên chùa. [↑](#footnote-ref-5)
5. [3] Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Thiên Thai Tứ Giáo Nghi, còn gọi là Đế Quán Lục, do pháp sư Đế Quán xứ Cao Ly biên soạn. Do nhận lời thỉnh của Ngô Việt Vương, ngài Đế Quán xin theo học Giáo Quán với ngài Nghĩa Tịch ở Loa Khê. Mười năm sau Sư viên tịch, đồng môn tìm thấy trong tráp của Ngài bản sách này. Nội dung sách rất rộng, giảng về giáo nghĩa đại cương của tông Thiên Thai, yếu lược phép quán tâm, Pháp Hoa ngũ vị, kèm thêm một số giáo nghĩa của tông Hoa Nghiêm. [↑](#footnote-ref-6)
6. [4] Phổ Diệu Kinh (Lalitavistara), còn có tên khác Phương Đẳng Bổn Khởi Kinh, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Vĩnh Gia thứ hai (308) đời Tây Tấn, gồm tám quyển, chủ yếu giảng về lịch sử giáng sanh và chuyển pháp luân của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. [↑](#footnote-ref-7)
7. [1] Đây là nói tổng quát, vì nhà Châu đặt ra năm tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Tùy theo mỗi tước mà quy định lãnh thổ rộng bao nhiêu, được dùng bao nhiêu cỗ xe v.v... Chẳng hạn vua nước Ngô (đất phong của Thái Bá và Trọng Ung) chỉ là tước Bá, nước Sái (phong cho Thúc Độ, em trai thứ năm của Châu Vũ Vương) tước Hầu, nước Ung (phong cho người con thứ mười ba của Châu Văn Vương, không rõ họ) với tước Tử, nước Tống (phong cho Vi Tử Khải, hậu duệ nhà Thương) tước Công... [↑](#footnote-ref-8)
8. [2] Câu truyện này xuất phát từ bộ Liệt Nữ Truyện, với nhan đề Mẫu Nghi Trâu Mạnh Kha Truyện (truyện về người mẹ gương mẫu của Mạnh Kha ở đất Trâu). Theo đó, lần đầu tiên, nhà Mạnh Tử ở gần nghĩa địa. Mạnh Tử chơi quanh quẩn trong nghĩa địa, đắp mộ giả, bày trò cúng tế, khóc lóc. Bà mẹ thấy vậy bèn dọn nhà đến phố thị. Con lại bắt chước lái buôn giả buôn bán, nói thách, bà mẹ lại dọn nhà đến gần trường học, con bèn chăm chỉ học hành. Có thuyết khác nói lần thứ hai dọn nhà đến gần người mổ lợn, Mạnh Tử suốt ngày bắt chước làm bộ mổ lợn, chọc tiết. Sách Liệt Nữ Truyện tổng kết câu chuyện này bằng câu: *“Mạnh Kha chi mẫu, vị giáo kỳ tử, tam thiên kỳ cư, tốt sử Mạnh Kha thành đại nho chi danh”* (Mẹ ông Mạnh Kha, vì dạy con, ba lượt thay đổi chỗ ở, rốt cuộc khiến cho Mạnh Kha trở thành bậc đại nho danh tiếng). Tuy ghi nói là ba lượt dọn nhà, thật ra, chỉ dọn nhà hai lần. [↑](#footnote-ref-9)
9. [3] Đây là một thành ngữ bao hàm ý nghĩa tùy thuận trong mọi hoàn cảnh, không mong cầu quá phận. Thành ngữ này vốn phát xuất từ một câu nói của Lưu Hiến Đình trong bộ Quảng Dương Tạp Ký: *“Tùy thuận nhi an, tư chân ổn hỹ”* (Yên vui trong mọi hoàn cảnh sẽ thật sự ổn thỏa). [↑](#footnote-ref-10)
10. [4] Chữ Phệ Đà ở đây đúng ra nên nói là Phệ Đàn Đa (Vedānta), tức là một trường phái triết học Ấn Độ dựa trên tư tưởng kinh Vedas. Tuy cũng thuộc về Bà La Môn giáo, nhưng họ không quan tâm tới nghi lễ, cúng bái như các tu sĩ Bà La Môn thông thường, mà chỉ quan tâm nghiên cứu đến triết học. Chữ Vedanta được coi như kết hợp giữa Veda và Anta, và được dịch là “kiến thức tối hậu, kiến thức tối cao”. Trường phái này tập trung nghiên cứu Áo Nghĩa Thư (Upanishad), tức phần triết lý thâm mật nhất trong Tứ Phệ Đà. Về sau, ngoài Tứ Phệ Đà và Áo Nghĩa Thư, cuốn Chí Tôn Ca (Bhagavad Gita) cũng là một thánh điển trọng yếu phải nghiên cứu trong phái Vedanta. [↑](#footnote-ref-11)
11. [5] Thông linh là khả năng có thể giao tiếp với linh giới, vong linh, quỷ thần. [↑](#footnote-ref-12)
12. [1] *“Thiên viên”* (天園: vườn trời) là chữ người Hoa dùng để dịch khái niệm Thiên Đường trong đạo Hồi. Đạo Hồi gọi chốn thiên đường là Jannah, nghĩa gốc của chữ này là “vườn”. Kinh Koran mô tả thiên đường đạo Hồi như một khu vườn lớn, sang trọng, đẹp đẽ, châu ngọc tràn ngập, với những thung lũng rợp bóng, những con suối thơm mùi long não, gừng, quế, sông sữa, sông mật, sông rượu, trái cây ngon ngọt, đủ vị, ngựa và lạc đà trắng muốt tung tăng khắp nơi. Ngôi vườn ấy có tám cổng chính, chia thành nhiều tầng. Tầng cao nhất gọi là Firdaws dành riêng cho đấng tiên tri (Mahomed) và các thánh tử đạo của Hồi giáo. [↑](#footnote-ref-13)
13. [2] Bộ luận này có tên gọi đầy đủ là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận (Abhidharma Mahāvibhāsa Śāstra), thường gọi là Đại Tỳ Bà Sa Luận, chính là sách chú giải bộ Phát Trí Luận (Jnanaprasthana Śāstra). Tỳ Bà Sa Luận được coi là luận điển tối cao của Nhất Thiết Hữu Bộ. Theo truyền thống, bộ luận này được coi là công trình của năm trăm vị A La Hán kết tập khoảng sáu trăm năm sau khi đức Phật diệt độ, nhưng người có công biên tập, hệ thống là ngài Ca Chiên Diên Phất (Katyāyāniputra). Hiện thời, có hai bản dịch bộ luận này, một là do ngài Huyền Trang dịch gồm hai trăm quyển và một dịch bản cổ hơn do hai vị Phù Đà Bạt Ma (Buddhavarman) và Đạo Thái dịch vào Bắc Lương. [↑](#footnote-ref-14)
14. [3] Trong Hình Học, điểm (point) được coi là một khái niệm cơ bản để xây dựng các khái niệm khác, nó thường được coi là có mọi chiều kích thước đều bằng zero. Đường (line) được định nghĩa là tập hợp nhiều điểm. [↑](#footnote-ref-15)
15. [1] Đoan Ngọ còn gọi là Đoan Dương Tiết, Ngọ Nhật Tiết, Ngũ Nguyệt Tiết, Ngải Tiết, Đoan Ngũ, Trùng Ngọ, Trùng Ngũ, Ngọ Nhật, Hạ Tiết, Bồ Tiết, nhằm ngày mồng Năm tháng Năm Âm Lịch. Đây vốn là ngày trừ khử ôn dịch lúc trời chuyển từ tiết Xuân sang tiết Hè. Về sau, do Khuất Nguyên tự trầm tại sông Mịch La nhằm ngày này, nên Đoan Ngọ được coi là dịp kỷ niệm Khuất Nguyên. Riêng đối với vùng Giang Chiết, đây là dịp tế thần sông vì họ tự nhận là hậu duệ của rồng. Tập tục làm bánh tro, gạo nếp được trộn với lá xương bồ, tỏi, hoa long thuyền để cúng và ném xuống sông với mục đích trừ tà, trừ chướng, cầu phước rất thịnh hành tại Hoa Nam. [↑](#footnote-ref-16)
16. [2] Đàn Cầm, gọi đầy đủ là Dao Cầm (瑶琴), còn gọi là Cổ Cầm, Ngọc Cầm, Huy Cầm, Thất Huyền Cầm, thường được xưng tụng là Thánh Nhân Chi Khí (nhạc khí của bậc thánh nhân), là một thứ nhạc khí rất cổ, được xếp vào loại Ty (dây tơ) trong Bát Âm của cổ nhạc. Theo truyền thuyết, đàn này do vua Phục Hy hoặc vua Thần Nông chế ra. Thân đàn làm bằng gỗ ngô đồng, dài ba thước sáu thốn năm phân (ước chừng từ 1m2 đến 1m3), rộng sáu thốn (ước chừng 20cm), dày hai thốn (6 cm). Thân đàn có hai chỗ eo vào, thoạt đầu chỉ có năm dây, về sau tăng lên bảy dây. Tiếng dao cầm được ca tụng là ưu nhã, thanh thoát, có tác dụng dưỡng thần dưỡng tánh nên hầu như giới Nho sĩ đều thích học gảy dao cầm và soạn nhiều cầm khúc. Chính Khổng Tử cũng gảy đàn cầm và có ít nhất ba nhạc khúc được coi là do chính Khổng Tử soạn. [↑](#footnote-ref-17)
17. [1] Cụ Triệu Phác Sơ quê ở huyện Thái Hồ, tỉnh An Huy, Hòa Thượng Tịnh Không quê ở huyện Lô Giang, tỉnh An Huy. [↑](#footnote-ref-18)
18. [2] Kevin Michael Rudd (sinh năm 1957) là thủ tướng thứ 26 của Úc từ năm 2007 đến năm 2010, thuộc đảng Lao Động. Ông chủ trương điện toán hóa ngành giáo dục Úc, tức là mỗi học sinh từ cấp hai trở lên phải có một máy computer trên bàn học trong trường, đồng thời nới rộng chính sách di dân, tăng thuế, cũng như nhiều chính sách quan trọng khác. Người Hoa đã đọc tên ông ta theo kiểu họ trước tên sau nên trong cộng đồng Hoa Kiều tại Úc, ông ta thường được gọi là Lục Khắc Văn (Rudd Kevin). [↑](#footnote-ref-19)
19. [3] Bổn Tôn (Istha-devatā) là thuật ngữ trong Mật Giáo, tức là vị chủ pháp của một đàn tràng Mạn Đà La. Bổn Tôn có thể là Phật, Bồ Tát hoặc Minh Vương, là đối tượng chánh yếu để quán tưởng, hành trì của một mật pháp nào đó. Chẳng hạn, hành nhân tu chú Đại Bi thì Bổn Tôn là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm. Bổn Tôn của chú Lục Tự Đại Minh là Tứ Tý Quán Âm (Quán Âm bốn tay). Trong các phép tu của Mật Tông, thông thường khi tụng niệm chú, hành giả phải quán tưởng chủng tự (Bija, seed syllable) rành rẽ từng nét, từ chủng tự ấy lưu xuất Bổn Tôn đúng theo mô tả trong nghi quỹ mà hành nhân đang tu tập. Mật Tông Tây Tạng lại quan niệm có Nội Tam Bảo và Ngoại Tam Bảo. Ngoại Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, Nội Tam Bảo là Guru (thượng sư), Bổn Tôn và Hộ pháp (Dharmapala) – Không Hành Nữ (Dakini). [↑](#footnote-ref-20)
20. [4] Giáo Thọ là cách người Hoa dịch chữ Professor hiện thời. [↑](#footnote-ref-21)
21. [5] Đây là nói theo nghi thức Đông Mật (Đường Mật), chứ Mật Tông Tây Tạng sẽ dùng một loại bình riêng, thường gọi là Bhumpa, thường làm bằng bạc hoặc đồng, có cẩn đá quý, chạm khắc các phù hiệu cát tường, hoặc mật chú, trên miệng bình có vành loe ra để lạt-ma cầm khi quán đảnh. Bhumpa có thể có vòi hay không. Thay vì cành dương, thường dùng một túm lông công gắn trên một cái cán gỗ, cắm vào bình Bhumpa. Khi quán đảnh sẽ dùng cán lông công ấy rưới nước lên đầu hành nhân (theo truyền thuyết Ấn Độ, loài công có thể ăn chất độc mà không sao, chúng có thể biến chất độc thành những màu sắc rực rỡ trên đuôi, nên lông công mang ý nghĩa tịnh hóa). Đôi khi các lạt-ma còn rót nước ra cho hành nhân uống và bôi lên đầu. [↑](#footnote-ref-22)
22. [6] Minh điểm (Bindu) hoặc thường được biết dưới danh từ Tây Tạng là Thigle. Theo lý thuyết Mật Tông, Minh Điểm là tinh hoa của sanh mạng lực. Minh Điểm cùng với Khí (rLung) tạo thành cái thân vi tế. Mật Tông Tây Tạng cho rằng trong thân thể con người tồn tại hai Minh Điểm, một có màu hồng, thừa hưởng từ mẹ, và Minh Điểm màu trắng do thừa hưởng từ tinh khí của cha. Phái Shakta trong Yoga Ấn Độ đi xa hơn, quan niệm trong cơ thể con người, năng lượng tỏa ra từ Minh Điểm được tụ hội thành những nút chủ chốt gọi là Chakra (thuật ngữ Tây Tạng là Khorlo, thường được dịch là Khí Luân, Luân Tử, Mạch Luân, Khí Quải, hay Xa Luân. Từ ngữ này thường được các sách Yoga của Việt Nam gọi chệch thành Luân Xa). Trong cơ thể con người có bảy Khí Luân như vậy. Chất dịch do Minh Điểm tiết ra sẽ được các Khí Luân ngăn chặn hay thúc đẩy luân lưu khắp cơ thể. Đường luân lưu này được gọi là Khí Mạch. Như vậy, Mật Quán là cách Quán Đảnh, dạy cho hành nhân biết cách thở hít, quán tưởng để đả thông các Khí Luân và các khí mạch, cũng như điều chỉnh năng lượng hòng đạt được một mức độ cao hơn trong Thiền Định. [↑](#footnote-ref-23)
23. [7] Đại Thủ Ấn (Mahāmudrā), còn gọi là Đại Viên Mãn. Theo dòng Gelugpa, pháp tu này do ngài Kim Cang Trì (Vajradhara) truyền cho đại sư Tông Khách Ba (Tsong Khapa, sáng tổ Hoàng Giáo Tây Tạng), nhưng tông phái Kargyupa quan niệm phép tu này do chính Phổ Hiền Pháp Thân Phật truyền cho ngài Tilopa, Tilopa truyền cho Naropa, Naropa truyền cho Milarepa và biến thành một phép tu chủ yếu trong tông Kargyupa. Phép tu Đại Thủ Ấn bắt đầu bằng tu Chỉ, chuyển biến mọi kinh nghiệm cảm nhận thành sự ngộ nhập tánh Không. Thông thường, họ quan niệm Đại Thủ Ấn gồm ba khía cạnh Kiến, Tu và Hành. Kiến là trực nhận thể tánh của tâm là sự thống nhất giữa tánh Không và tịnh quang, mỗi hiện tượng đều mang dấu ấn đặc biệt này. Tu là các phép tu để thể hiện sự trực nhập ấy, bao gồm các phép quán tưởng, tụng niệm thần chú, trì giới để tịnh hóa thân tâm. Hành là ứng dụng sau khi đã có kinh nghiệm trực tiếp về Đại Thủ Ấn. [↑](#footnote-ref-24)
24. [8] Thụy hiệu (諡號) là tên đặt cho đế vương, đại thần, hậu phi sau khi đã chết nhằm ca ngợi phẩm đức tu dưỡng của người ấy khi còn sống, hoặc phê phán. Tục lệ này đã có từ đời Châu, tương truyền, người đặt ra thụy hiệu chính là Châu Công. Tục lệ này bị phế trừ vào đời Tần Thủy Hoàng vì ông ta quan niệm: *“Con phê phán cha, bầy tôi phê phán vua là đại nghịch bất đạo”.* Tập tục này lại được tái lập dưới đời Hán. Riêng đối với đế vương, khi cúng giỗ chỉ tuyên đọc thụy hiệu trong văn khấn cúng cơm chứ không đọc tên húy. Đối với vua, thoạt đầu thụy hiệu chỉ có một chữ, tối đa là ba chữ, chia thành ba loại nhỏ:

    - Thượng Thụy nhằm ca ngợi đức hạnh của nhà vua như Văn, Khang, Bình, Mục, Tương v.v... (chẳng hạn sử chép Châu Mục Vương thì Châu Mục Vương là thụy hiệu của nhà vua, khi vua còn sống chỉ dùng niên hiệu).

    - Trung Thụy dành cho những vị được coi là minh quân, nhưng vẫn còn có một hai những hành vi không đúng lắm. Chẳng hạn như các chữ Mẫn (biết lo lắng cho đất nước), Hoàn (nhân từ, nhưng hơi hẹp hòi), Kính v.v...

    - Hạ Thụy mang tính chất phê phán như Lệ (tàn bạo, thiếu người thân cận, thích tàn sát), U (tối tăm), Linh (loạn lạc, chẳng yên), Dượng (ham chuộng những thứ lễ tiết xa xỉ), Ai (đức chẳng đầy đủ, gặp gỡ tai nạn quá nhiều, chết sớm)...

    Từ thời Đường trở đi, thụy hiệu bắt đầu dài ra, nhưng đến đời Minh, thụy hiệu của vua gồm mười bảy chữ hoặc hai mươi mốt chữ, nhà Thanh quy định là hai mươi mốt chữ hoặc hai mươi ba chữ. Chẳng hạn vua Khang Hy có miếu hiệu là Thanh Thế Tổ, thụy hiệu là Thể Thiên Long Vận Định Thống Kiến Cực Anh Duệ Khâm Văn Hiển Vũ Đại Đức Hoằng Công Chí Nhân Thuần Hiếu Chương Hoàng Đế. Nhà Minh cũng quy định thân vương thụy hiệu chỉ có một chữ, quận vương hai chữ, đại thần hai chữ. Khi nói đến các vị danh thần tận trung, thường không gọi thẳng tên mà gọi bằng thụy hiệu như Tăng Văn Chánh (Tăng Quốc Phiên), Lý Văn Trung (Lý Hồng Chương). Ngay cả trong Phật giáo, khi một vị cao tăng đã mất, các vua cũng có thói quen sắc phong thụy hiệu. Chẳng hạn tổ Bách Trượng Hoài Hải khi tịch được vua ban thụy hiệu là Đại Trí Thiền Sư, tháp hiệu là Đại Bảo Thắng Luân. [↑](#footnote-ref-25)
25. [9] Bí Tạng Ký là tác phẩm do ngài Không Hải (sáng tổ Chân Ngôn Tông Nhật Bản) viết, ghi lại những điều được khẩu truyền về Mật Pháp từ thầy của ngài là hòa thượng Huệ Quả trong thời gian cầu pháp tại Trung Hoa. [↑](#footnote-ref-26)